

**PHỤ LỤC I.1**  
**Danh sách số lượng người người làm việc chuyển công tác về Trung tâm Y tế thành phố Sơn La trực thuộc UBND Thành phố**  
*(Kèm theo Đề án kèm theo Quyết định số            /QĐ-UBND ngày            /            /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)*

| Stt |     | Họ và tên                              | Ngày, tháng, năm sinh |            | Dân tộc | Chức vụ hoặc chức danh | Trình độ đào tạo và CDNN    |                             |                |                          |                                      | Trình độ LLCT và Tin học, ngoại ngữ |                         |                                           | các chứng chỉ/ chứng nhận bồi dưỡng |                   |                   | Ghi chú |
|-----|-----|----------------------------------------|-----------------------|------------|---------|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|----------------|--------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------|-------------------|---------|
|     |     |                                        | Nam                   | Nữ         |         |                        | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ đào tạo            |                | Mã chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp viên chức | Trình độ lý luận chính trị          | Trình độ Tin học        | Trình độ ngoại ngữ/tiếng dân tộc thiểu số | Chứng chỉ Hành nghề                 | Chứng chỉ Quản lý | Bồi dưỡng QLNN    |         |
|     |     |                                        |                       |            |         |                        |                             | Trình độ đào tạo (cao nhất) | Chuyên ngành   |                          |                                      |                                     |                         |                                           |                                     |                   |                   |         |
|     | 1   | 2                                      |                       | 4          | 5       | 6                      | 7                           | 8                           | 9              | 10                       | 11                                   | 12                                  | 13                      | 14                                        | 15                                  | 16                | 17                | 18      |
|     | A   | TRUNG TÂM Y TẾ THÀNH PHỐ: 33 viên chức |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                      |                                     |                         |                                           |                                     |                   |                   |         |
|     | I   | Lãnh đạo Trung tâm (GD, PGD)           |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                      |                                     |                         |                                           |                                     |                   |                   |         |
| 1   | 1   | Nguyễn Mạnh Hà                         | 08/07/1972            |            | Kinh    | Giám đốc               | 12/12                       | Bác sĩ CKII                 | Quản lý y tế   | V.08.01.03               | Hạng III                             | Cao cấp                             | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái<br>Tiếng Anh C         | Bác sỹ chuyên khoa đa liễu          | Quản lý cấp phòng | Chuyên viên chính |         |
| 2   | 2   | Lù Thị Hoa                             |                       | 20/07/1973 | Thái    | Phó Giám đốc           | 12/12                       | Cử nhân CKI                 | Y tế công cộng | V.08.04.10               | Hạng III                             | Trung cấp                           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái<br>Tiếng Anh A2        |                                     | Quản lý cấp phòng | Chuyên viên       |         |
| 3   | 3   | Nguyễn Xuân Hường                      | 10/04/1978            |            | Kinh    | Phó Giám đốc           | 12/12                       | Bác sĩ CKI                  | Tai mũi họng   | V.08.01.03               | Hạng III                             | Trung cấp                           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái<br>Tiếng Anh B         | Bác sỹ đa khoa                      |                   | Chuyên viên       |         |
|     | II  | Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ        |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                      |                                     |                         |                                           |                                     |                   |                   |         |
|     | 1   | Phòng Hành chính - Tổng hợp            |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                      |                                     |                         |                                           |                                     |                   |                   |         |
| 4   | 1.1 | Nguyễn Ngọc Ánh                        |                       | 12/06/1976 | Kinh    | Trưởng phòng           | 12/12                       | Cử nhân CKI                 | Y tế công cộng | V.08.04.10               | Hạng III                             | Trung cấp                           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái<br>Tiếng Anh A2        |                                     | Quản lý cấp phòng | Chuyên viên       |         |
| 5   | 1.2 | Lê Phương Thúy                         |                       | 18/06/1983 | Kinh    | Phó trưởng phòng       | 12/12                       | Cử nhân                     | Y tế công cộng | V.08.04.10               | Hạng III                             | Trung cấp                           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái                        |                                     |                   |                   |         |
| 6   | 1.3 | Nguyễn Thị Bích Liên                   |                       | 08/08/1982 | Kinh    | Kế toán                | 12/12                       | Cử nhân                     | Kế toán        | 06.031                   | Hạng III                             |                                     | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái                        |                                     |                   | Chuyên viên       |         |
| 7   | 1.4 | Nguyễn Thị Khánh                       |                       | 04/11/1974 | Kinh    | Kế toán                | 12/12                       | Cử nhân                     | Kế toán        | 06.032                   | Hạng III                             | Trung cấp                           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái<br>Tiếng Anh           |                                     |                   |                   |         |
| 8   | 1.5 | Trịnh Thu Phương                       |                       | 12/09/1990 | Kinh    | Kế toán                | 12/12                       | Cử nhân                     | Kế toán        | 06.031                   | Hạng III                             |                                     | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh A2                              |                                     |                   |                   |         |

|    |     |                                                              |            |            |       |                 |       |                     |                      |            |          |           |                         |                                 |                                         |  |             |  |
|----|-----|--------------------------------------------------------------|------------|------------|-------|-----------------|-------|---------------------|----------------------|------------|----------|-----------|-------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------|--|-------------|--|
| 9  | 1.6 | Nguyễn Đình Quý                                              | 01/05/1973 |            | Kinh  | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân             | Kế toán              | V.08.10.28 | Hạng III | Trung cấp | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái              |                                         |  | Chuyên viên |  |
|    | 2   | <b>Khoa Khám bệnh - Xét nghiệm - Dược</b>                    |            |            |       |                 |       |                     |                      |            |          |           |                         |                                 |                                         |  |             |  |
| 10 | 2.1 | Lê Thị Phúc Hiền                                             |            | 17/08/1976 | Kinh  | Trưởng khoa     | 12/12 | Bác sỹ CKI          | Y học dự phòng       | V.08.02.06 | Hạng III | Trung cấp | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái              | Bác sỹ đa khoa                          |  | Chuyên viên |  |
| 11 | 2.2 | Nguyễn Thanh Tùng                                            | 07/10/1986 |            | Kinh  | Phó trưởng khoa | 12/12 | Bác sỹ              | Đa khoa              | V.08.02.06 | Hạng III | Trung cấp | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B                     | Bác sỹ định hướng R-H-M, Bác sỹ đa khoa |  |             |  |
| 12 | 2.3 | Cà Văn Anh                                                   | 01/09/1990 |            | Thái  | Viên chức       | 12/12 | Cao đẳng            | Dược                 | V.08.08.23 | Hạng IV  | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh A2                    | Cao đẳng Dược                           |  |             |  |
| 13 | 2.4 | Hà Thị Giáng Hương                                           |            | 25/11/1995 | Thái  | Viên chức       | 12/12 | Cao đẳng            | Xét nghiệm           | V.08.07.19 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B1                    | Xét nghiệm                              |  |             |  |
| 14 | 2.5 | Đặng Thị Thu Huyền                                           |            | 26/11/1993 | Kinh  | Viên chức       | 12/12 | Y sỹ                |                      | V.08.03.07 | Hạng IV  | Trung cấp | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái              |                                         |  |             |  |
| 15 | 2.6 | Đoàn Thị Hoàng Yến                                           |            | 28/10/1994 | Kinh  | Viên chức       | 12/12 | Cao đẳng            | Dược                 | V.08.08.23 | Hạng IV  | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái              | Cao đẳng Dược                           |  |             |  |
| 16 | 2.7 | Đinh Mạnh Hiếu                                               | 10/10/2000 |            | Kinh  | Viên chức       | 12/12 | Cao đẳng xét nghiệm |                      | V.08.07.19 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh A2                    | Xét nghiệm                              |  |             |  |
|    | 3   | <b>Khoa Truyền nhiễm - Kiểm soát bệnh tật &amp; HIV/AIDS</b> |            |            |       |                 |       |                     |                      |            |          |           |                         |                                 |                                         |  |             |  |
| 17 | 3.1 | Nguyễn Thị Tổ Nga                                            |            | 24/10/1973 | Kinh  | Trưởng khoa     | 12/12 | Bác sỹ CKI          | Y tế công cộng       | V.08.02.06 | Hạng III | Trung cấp | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B                     | Bác sỹ Nội khoa                         |  | Chuyên viên |  |
| 18 | 3.2 | Bùi Cao Giang                                                | 09/05/1977 |            | Kinh  | Phó trưởng khoa | 12/12 | Bác sỹ              | Đa khoa              | V.08.02.06 | Hạng III | Trung cấp | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B                     | Bác sỹ định hướng Tai Mũi Họng          |  |             |  |
| 19 | 3.3 | Hà Thị Sơn                                                   |            | 02/12/1970 | Thái  | Viên chức       | 12/12 | Trung cấp           | Điều dưỡng           | V.08.05.13 | Hạng IV  | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái              |                                         |  |             |  |
| 20 | 3.4 | Chiêu Bảo Hoàng                                              | 16/02/1996 |            | Thái  | Viên chức       | 12/12 | Y sỹ                | Đa khoa              | V.08.03.07 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B; Tiếng dân tộc Thái | Y sỹ đa khoa                            |  |             |  |
| 21 | 3.5 | Nguyễn Lâm Tùng                                              | 01/07/1986 |            | Kinh  | Viên chức       | 12/12 | Đại học             | Dược                 | V.08.08.22 | Hạng III | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh C                     |                                         |  |             |  |
| 22 | 3.6 | Tạ Thị Lan Anh                                               |            | 01/12/1983 | Kinh  | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân             | Hộ sinh              | V.08.06.15 | Hạng III | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh A2                    | Cử nhân Điều Dưỡng                      |  |             |  |
|    | 4   | <b>Khoa Y tế công cộng - Dinh dưỡng &amp; ATTP</b>           |            |            |       |                 |       |                     |                      |            |          |           |                         |                                 |                                         |  |             |  |
| 23 | 4.1 | Phan Thị Thủy                                                |            | 04/06/1969 | Kinh  | Trưởng khoa     | 12/12 | Bác sỹ CKI          | YHCT                 | V.08.02.06 | Hạng III | Trung cấp | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái              | Bác sỹ nội khoa                         |  |             |  |
| 24 | 4.2 | Nguyễn Thị Hạnh                                              |            | 11/08/1981 | Kinh  | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân             | Điều dưỡng           | V.08.05.12 | Hạng III | Trung cấp | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái              | Điều dưỡng trung cấp                    |  |             |  |
| 25 | 4.3 | Lèo Thị Huân                                                 |            | 19/07/1978 | Thái  | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân             | Điều dưỡng           | V.08.05.12 | Hạng III | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh A2                    |                                         |  |             |  |
| 26 | 4.4 | Lê Thị Bích Thảo                                             |            | 14/06/1987 | Kinh  | Viên chức       | 12/12 | Bác sỹ              | Đa khoa              | V.08.02.06 | Hạng III |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B                     |                                         |  |             |  |
| 27 | 4.5 | Lò Thị Huyền                                                 |            | 12/11/1981 | Mường | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân điều dưỡng  | Chuyên ngành phụ sản | V.08.06.15 | Hạng III | Trung cấp | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái              | Cử nhân điều dưỡng chuyên ngành phụ sản |  | Chuyên viên |  |

|    |     |                                                    |            |            |       |                 |       |             |            |            |          |           |                         |                    |                                 |                   |                               |
|----|-----|----------------------------------------------------|------------|------------|-------|-----------------|-------|-------------|------------|------------|----------|-----------|-------------------------|--------------------|---------------------------------|-------------------|-------------------------------|
|    | 5   | <b>Khoa Dân số - Truyền thông - Chăm sóc SKSS</b>  |            |            |       |                 |       |             |            |            |          |           |                         |                    |                                 |                   |                               |
| 28 | 5.1 | Lù Thị Thu                                         |            | 06/09/1971 | Thái  | Trưởng khoa     | 12/12 | Cử nhân     | Luật       | V.08.10.28 | Hạng III | Trung cấp | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái |                                 |                   | Chuyên viên                   |
| 29 | 5.2 | Nguyễn Thị Thanh Huyền                             |            | 15/01/1983 | Kinh  | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân     | Kế toán    | V.08.10.28 | Hạng III | Trung cấp | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái |                                 |                   | Chuyên viên                   |
| 30 | 5.3 | Nguyễn Quang Hiếu                                  | 27/10/1991 |            | Mường | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân     | Kế toán    | V.08.10.28 | Hạng III |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh          |                                 |                   |                               |
| 31 | 5.4 | Trần Thị Lan                                       |            | 14/3/1969  | Kinh  | Viên chức       | 12/12 | Trung cấp   | Hộ sinh    | V.08.06.16 | Hạng IV  | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái |                                 |                   |                               |
| 32 | 5.5 | Vũ Thị Minh Huệ                                    |            | 09/3/1977  | Kinh  | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân     | Hộ sinh    | V.08.06.15 | Hạng III | Trung cấp | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái | Hộ sinh                         |                   |                               |
| 33 | 5.6 | Vì Thị Tuyên                                       |            | 15/5/1971  | Thái  | Viên chức       | 12/12 | Bác sỹ CK I | Sân khoa   | V.08.01.02 | Hạng II  | Cao cấp   | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái | Bác sỹ CKI chuyên ngành phụ sản |                   |                               |
|    |     | <b>TRẠM Y TẾ XÃ, PHƯỜNG: 97 viên chức</b>          |            |            |       |                 |       |             |            |            |          |           |                         |                    |                                 |                   |                               |
|    | I   | <b>Trạm Y tế phường Chiềng Sinh: 10</b>            |            |            |       |                 |       |             |            |            |          |           |                         |                    |                                 |                   |                               |
|    | 1   | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |            |       |                 |       |             |            |            |          |           |                         |                    |                                 |                   |                               |
| 34 | 1.1 | Trần Thị Minh Nguyệt                               |            | 07/06/1975 | Kinh  | Trưởng trạm     | 12/12 | Bác sỹ      | Đa khoa    | V.08.01.03 | Hạng III | Trung cấp | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái | Bác sỹ đa khoa                  | Quản lý trạm Y tế |                               |
| 35 | 1.2 | Phạm Thị Hồng Duyên                                |            | 01/10/1978 | Kinh  | Phó Trưởng trạm | 12/12 | Cao đẳng    | Điều dưỡng | V.08.05.13 | Hạng IV  | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái | Điều dưỡng TC                   | Quản lý Trạm y tế |                               |
|    | 2   | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |            |       |                 |       |             |            |            |          |           |                         |                    |                                 |                   |                               |
| 36 | 2.1 | Trần Thu Huyền                                     |            | 21/12/1985 | Kinh  | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân     | Hộ sinh    | V.08.06.15 | Hạng III | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B        | Hộ sinh TC                      |                   |                               |
| 37 | 2.2 | Tông Thị Hoa                                       |            | 24/12/1985 | Thái  | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân     | Điều dưỡng | V.08.05.12 | Hạng III |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh A2       | Điều dưỡng TC                   |                   |                               |
| 38 | 2.3 | Đặng Hà An                                         |            | 25/6/1998  | Kinh  | Viên chức       | 12/12 | Y sỹ        | Đa khoa    | V.08.03.07 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B        |                                 |                   | Đi học Bác sỹ                 |
| 39 | 2.4 | Lò Thị Thuý                                        |            | 13/1/1984  | Thái  | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân     | YTCC       | V.08.10.28 | Hạng III | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái |                                 |                   |                               |
| 40 | 2.5 | Nguyễn Thị Mây                                     |            | 15/6/1990  | Kinh  | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân     | Điều dưỡng | V.08.05.12 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh A2       | Điều dưỡng TC                   |                   |                               |
| 41 | 2.6 | Lương Thị Huyền                                    |            | 26/11/1991 | Thái  | Viên chức       | 12/12 | Y sỹ        | Đa khoa    | V.08.03.07 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh A2       | Y sỹ đa khoa                    |                   |                               |
| 42 | 2.7 | Hoàng Thị Hồng                                     |            | 06/02/1990 | Thái  | Viên chức       | 12/12 | Y sỹ        | Đa khoa    | V.08.03.07 | Hạng IV  | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản |                    | Y sỹ đa khoa                    |                   | Đang biệt phái đi Quyết Thắng |
| 43 | 2.8 | Trần Thị Thu Hương                                 |            | 11/12/1994 | Kinh  | Viên chức       | 12/12 | Y sỹ        | Đa khoa    | V.08.03.07 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B        | Y sỹ đa khoa                    |                   |                               |
|    | II  | <b>Trạm Y tế phường Chiềng Lè: 11</b>              |            |            |       |                 |       |             |            |            |          |           |                         |                    |                                 |                   |                               |

|    |            |                                                    |            |            |      |                 |       |           |                 |            |          |           |                         |                                     |                      |                   |                                     |
|----|------------|----------------------------------------------------|------------|------------|------|-----------------|-------|-----------|-----------------|------------|----------|-----------|-------------------------|-------------------------------------|----------------------|-------------------|-------------------------------------|
|    | <b>1</b>   | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |            |      |                 |       |           |                 |            |          |           |                         |                                     |                      |                   |                                     |
| 44 | 1.1        | Lò Thị Thom                                        |            | 03/6/1979  | Thái | Trưởng trạm     | 12/12 | Bác sỹ    | Đa khoa         | V.08.01.03 | Hạng III | Trung cấp | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B                         | Bác sỹ đa khoa       |                   |                                     |
| 45 | 1.2        | Cầm Thị Huyền                                      |            | 10/5/1970  | Thái | Phó Trưởng trạm | 12/12 | Y sỹ      | Sân nhi         | V.08.03.07 | Hạng IV  | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái                  | Y sỹ đa khoa         |                   |                                     |
|    | <b>2</b>   | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |            |      |                 |       |           |                 |            |          |           |                         |                                     |                      |                   |                                     |
| 46 | 2.1        | Trần Thị Lý                                        |            | 16/9/1973  | Kinh | Viên chức       | 12/12 | Y sỹ      | Sân nhi         | V.08.03.07 | Hạng IV  | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái                  | Y sỹ đa khoa         |                   |                                     |
| 47 | 2.2        | Lò Thị Kim                                         |            | 20/2/1985  | Thái | Viên chức       | 12/12 | Cao đẳng  | Điều dưỡng      | V.08.05.13 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái                  | Điều dưỡng trung cấp |                   |                                     |
| 48 | 2.3        | Trần Thị Đoan                                      |            | 15/4/1969  | Kinh | Viên chức       | 12/12 | Trung cấp | Điều dưỡng      | V.08.05.13 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B                         | Điều dưỡng trung cấp |                   |                                     |
| 49 | 2.4        | Nguyễn T. Ngọc Ánh                                 |            | 13/9/1982  | Kinh | Viên chức       | 12/12 | Đại học   | Dược            | V.08.08.22 | Hạng III |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh A2                        | Đại học Dược         |                   |                                     |
| 50 | 2.5        | Lã Thị Thanh Huyền                                 |            | 21/2/1975  | Kinh | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân   | YTCC<br>hộ sinh | V.08.10.28 | Hạng III |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái                  |                      |                   |                                     |
| 51 | 2.6        | Lù Thị Duyên                                       |            | 02/02/1984 | Thái | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân   |                 | V.08.06.15 | Hạng III |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh A2                        | Hộ sinh trung cấp    |                   |                                     |
| 52 | 2.7        | Quảng Văn Việt                                     | 26/8/1990  |            | Thái | Viên chức       | 12/12 | Bác sỹ    | Đa khoa         | V.08.01.03 | Hạng III |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B                         |                      |                   |                                     |
| 53 | 2.8        | Trương T Thanh Tâm                                 |            | 03/06/1982 | Kinh | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân   | Điều dưỡng      | V.08.05.12 | Hạng III |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B                         | Điều dưỡng trung cấp |                   |                                     |
| 54 | 2.9        | Nguyễn Ngọc Qui                                    | 15/11/1990 |            | Kinh | Viên chức       | 12/12 | Y sỹ      | Đa khoa         | V.08.03.07 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh A3                        | Y sỹ đa khoa         |                   | Hiện đang biệt phái TYT Chiềng Sinh |
|    | <b>III</b> | <b><i>Trạm Y tế phường Chiềng Cơi: 7</i></b>       |            |            |      |                 |       |           |                 |            |          |           |                         |                                     |                      |                   |                                     |
|    | <b>1</b>   | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |            |      |                 |       |           |                 |            |          |           |                         |                                     |                      |                   |                                     |
| 55 | 1.1        | Đoàn Thị Trâm                                      |            | 21/7/1981  | Kinh | Trưởng trạm     | 12/12 | Cử nhân   | Điều dưỡng      | V.08.05.12 | Hạng III | Trung cấp | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B1;<br>Tiếng dân tộc Thái | Cử nhân điều dưỡng   | Quản lý Trạm y tế |                                     |
| 56 | 1.2        | Lò Văn Tường                                       | 25/2/1989  |            | Thái | Phó trưởng trạm | 12/12 | Y sỹ      | Đa khoa         | V.08.03.07 | Hạng IV  | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B                         | Y sỹ đa khoa         | Quản lý trạm Y tế |                                     |
|    | <b>2</b>   | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |            |      |                 |       |           |                 |            |          |           |                         |                                     |                      |                   |                                     |
| 57 | 2.1        | Lò Thị Thìn                                        |            | 22/4/1978  | Thái | Viên chức       | 12/12 | Y sỹ      | Đa khoa         | V.08.03.07 | Hạng IV  | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái                  | Y sỹ đa khoa         |                   |                                     |
| 58 | 2.2        | Quảng Thị Oanh                                     |            | 24/01/1984 | Thái | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân   | Điều dưỡng      | V.08.05.12 | Hạng III | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B;<br>Tiếng dân tộc Thái  | Điều dưỡng TC        |                   |                                     |
| 59 | 2.3        | Lò Thị Vân                                         |            | 09/10/1981 | Thái | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân   | YTCC            | V.08.10.28 | Hạng III | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái                  | Hộ sinh TC           |                   |                                     |

|    |           |                                                    |            |            |      |                 |       |           |            |            |          |           |                         |                    |                   |                   |  |  |
|----|-----------|----------------------------------------------------|------------|------------|------|-----------------|-------|-----------|------------|------------|----------|-----------|-------------------------|--------------------|-------------------|-------------------|--|--|
| 60 | 2.4       | Hà Thị Vi                                          |            | 22/3/1980  | Thái | Viên chức       | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh    | V08.06.16  | Hạng IV  | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái | Hộ sinh TC        |                   |  |  |
| 61 | 2.5       | Đèo Văn Xôm                                        | 04/12/1972 |            | Thái | Viên chức       | 12/12 | Bác sỹ    | Đa khoa    | V08.01.03  | Hạng III | Trung cấp | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B        | Bác sỹ nội khoa   |                   |  |  |
|    | <b>IV</b> | <b>Trạm Y tế phường Chiềng An: 9</b>               |            |            |      |                 |       |           |            |            |          |           |                         |                    |                   |                   |  |  |
|    | <b>1</b>  | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |            |      |                 |       |           |            |            |          |           |                         |                    |                   |                   |  |  |
| 62 | 1.1       | Lò Thị Út Long                                     |            | 18/02/1981 | Thái | Phó Trưởng trạm | 12/12 | Cử nhân   | Điều dưỡng | V.08.05.12 | Hạng III | Trung cấp | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái | Điều dưỡng TC     | Quản lý trạm Y tế |  |  |
|    | <b>2</b>  | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |            |      |                 |       |           |            |            |          |           |                         |                    |                   |                   |  |  |
| 63 | 2.1       | Nguyễn T. Thu Trang                                |            | 15/3/1986  | Kinh | Viên chức       | 12/12 | Đại học   | Dược       | V.08.08.22 | Hạng III | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B        | Dược sỹ đại học   |                   |  |  |
| 64 | 2.2       | Lèo Kiều Oanh                                      |            | 26/10/1993 | Thái | Viên chức       | 12/12 | Y sỹ      | Đa khoa    | V.08.03.07 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái | Y sỹ đa khoa      |                   |  |  |
| 65 | 2.3       | Lò Thị Doãn                                        |            | 23/3/1972  | Thái | Viên chức       | 12/12 | Trung cấp | Điều dưỡng | V.08.05.13 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái | Điều dưỡng TC     |                   |  |  |
| 66 | 2.4       | Hoàng Thị Hà                                       |            | 15/8/1987  | Thái | Viên chức       | 12/12 | Y sỹ      | Y Sỹ       | V.08.03.07 | Hạng IV  | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái | Y sỹ đa khoa      |                   |  |  |
| 67 | 2.5       | Lò Thị Nga                                         |            | 19/7/1986  | Thái | Viên chức       | 12/12 | Cao đẳng  | Điều dưỡng | V.08.03.07 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái |                   |                   |  |  |
| 68 | 2.6       | Vũ Thị Hải                                         |            | 22/7/1993  | Kinh | Viên chức       | 12/12 | Cao đẳng  | Điều dưỡng | V.08.03.07 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh A2       |                   |                   |  |  |
| 69 | 2.7       | Lù Thị Hằng                                        |            | 01/10/1979 | Thái | Viên chức       | 12/12 | Đại học   | YTCC       | V.08.10.28 | Hạng III | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái |                   |                   |  |  |
| 70 | 2.8       | Hoàng Thúy Giang                                   |            | 01/08/1988 | Kinh | Viên chức       | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh    | V08.06.16  | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái | Hộ sinh trung cấp |                   |  |  |
|    | <b>V</b>  | <b>Trạm Y tế phường Quyết Tâm: 9</b>               |            |            |      |                 |       |           |            |            |          |           |                         |                    |                   |                   |  |  |
|    | <b>1</b>  | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |            |      |                 |       |           |            |            |          |           |                         |                    |                   |                   |  |  |
| 71 | 1.1       | Tòng Thị Thông                                     |            | 19/12/1977 | Thái | Trưởng trạm     | 12/12 | Bác sỹ    | Đa khoa    | V.08.01.03 | Hạng III |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái | Bác sĩ đa khoa    | Quản lý trạm Y tế |  |  |
| 72 | 1.2       | Nguyễn T Ngọc Thanh                                |            | 06/08/1990 | Kinh | Phó Trưởng trạm | 12/12 | Cao đẳng  | Điều dưỡng | V.08.03.07 | Hạng IV  | Trung cấp | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái | Y sỹ đa khoa      | Quản lý trạm Y tế |  |  |
|    | <b>2</b>  | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |            |      |                 |       |           |            |            |          |           |                         |                    |                   |                   |  |  |
| 73 | 2.1       | Nguyễn Thị Lan Chi                                 |            | 05/3/1988  | Kinh | Viên chức       | 12/12 | Trung cấp | Hộ sinh    | V.08.06.16 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái |                   |                   |  |  |
| 74 | 2.2       | Bùi Thị Thúy Hằng                                  |            | 28/9/1980  | Kinh | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân   | Điều dưỡng | V.08.03.07 | Hạng IV  | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh A2       | Y sỹ đa khoa      |                   |  |  |
| 75 | 2.3       | Lù Thị Dung                                        |            | 08/10/1983 | Thái | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân   | Điều dưỡng | V.08.05.12 | Hạng III | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái | Điều dưỡng TC     |                   |  |  |

|    |            |                                             |            |            |       |                 |       |                    |            |            |          |           |                         |                    |                      |                   |  |                        |
|----|------------|---------------------------------------------|------------|------------|-------|-----------------|-------|--------------------|------------|------------|----------|-----------|-------------------------|--------------------|----------------------|-------------------|--|------------------------|
| 76 | 2.4        | Đoàn Khánh Vân                              |            | 24/5/1985  | Kinh  | Viên chức       | 12/12 | Đại học            | Dược       | V.08.08.22 | Hạng III | Trung cấp | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái | Dược sỹ ĐH           |                   |  | Đang biệt phái Tô Hiệu |
| 77 | 2.5        | Kiều Thị Chuyên                             |            | 01/01/1985 | Kinh  | Viên chức       | 12/12 | Y sỹ               | Đa khoa    | V.08.03.07 | Hạng IV  | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái | Y sỹ đa khoa         |                   |  |                        |
| 78 | 2.6        | Quảng Thị Nảy                               |            | 24/6/1982  | Thái  | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân            | Điều dưỡng | V.08.03.07 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B        | Y sỹ đa khoa         |                   |  |                        |
| 79 | 2.7        | Lù Thị Viên                                 |            | 02/9/1971  | Thái  | Viên chức       | 12/12 | Trung cấp          | Điều dưỡng | V.08.05.13 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái | Điều dưỡng TC        |                   |  |                        |
|    | <b>VI</b>  | <b>Trạm Y tế phường Quyết Thắng: 9</b>      |            |            |       |                 |       |                    |            |            |          |           |                         |                    |                      |                   |  |                        |
|    | <b>1</b>   | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |       |                 |       |                    |            |            |          |           |                         |                    |                      |                   |  |                        |
| 80 | 1.1        | Lê Thị Hạnh                                 |            | 10/7/1974  | Kinh  | Phó Trưởng trạm | 12/12 | Cử nhân điều dưỡng | Điều dưỡng | V08.05.13  | Hạng IV  | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh A2       | Điều dưỡng trung học | Quản lý trạm Y tế |  |                        |
|    | <b>2</b>   | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |       |                 |       |                    |            |            |          |           |                         |                    |                      |                   |  |                        |
| 81 | 2.1        | Điều Chính Mai                              | 28/01/1972 |            | Thái  | Viên chức       | 12/12 | Bác sỹ             | Đa khoa    | V.08.01.03 | Hạng III | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái | Bác sỹ đa khoa       |                   |  |                        |
| 82 | 2.2        | Tòng Thị Nguyệt                             |            | 11/3/1986  | Thái  | Viên chức       | 12/12 | Y sỹ               | Đa khoa    | V.08.03.07 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái | Y sỹ đa khoa         |                   |  |                        |
| 83 | 2.3        | Phan Thị Hà An                              |            | 12/10/1991 | Kinh  | Viên chức       | 12/12 | Y sỹ               | Đa khoa    | V.08.03.07 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh C        | Y sỹ đa khoa         |                   |  |                        |
| 84 | 2.4        | Hà Thị Lơ                                   |            | 09/8/1971  | Kinh  | Viên chức       | 12/12 | Trung cấp          | Điều dưỡng | V.08.05.13 | Hạng IV  | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái | Điều dưỡng           |                   |  |                        |
| 85 | 2.5        | Phan Thị Thu Hương                          |            | 18/08/1990 | Kinh  | Viên chức       | 12/12 | Cao đẳng           | Dược       | V.08.08.23 | Hạng IV  | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B        | Dược                 |                   |  |                        |
| 86 | 2.6        | Phạm Thị Thúy                               |            | 21/7/1985  | Mường | Viên chức       | 12/12 | Cao đẳng           | Điều dưỡng | V.08.03.07 | Hạng IV  | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh A2       | Điều dưỡng đa khoa   |                   |  |                        |
| 87 | 2.7        | Tòng Thị Nhung                              |            | 15/12/1982 | Thái  | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân            | Điều dưỡng | V.08.05.13 | Hạng IV  | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh A2       | Điều dưỡng đa khoa   |                   |  |                        |
| 88 | 2.8        | Chu Thị Xuân                                |            | 16/12/1970 | Kinh  | Viên chức       | 12/12 | Trung cấp          | Hộ sinh    | V.08.06.16 | Hạng IV  | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh A2       | Hộ sinh              |                   |  |                        |
|    | <b>VII</b> | <b>Trạm Y tế phường Tô Hiệu: 10</b>         |            |            |       |                 |       |                    |            |            |          |           |                         |                    |                      |                   |  |                        |
|    | <b>1</b>   | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |       |                 |       |                    |            |            |          |           |                         |                    |                      |                   |  |                        |
| 89 | 1.1        | Lộc Thị Thu                                 |            | 22/9/1982  | Tây   | Trưởng trạm     | 12/12 | Bác sỹ             | Đa khoa    | V.08.01.03 | Hạng III | Trung cấp | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái | Bác sỹ đa khoa       | Quản lý trạm Y tế |  |                        |
| 90 | 1.2        | Lù Thị Hà                                   |            | 01/06/1974 | Thái  | Phó Trưởng trạm | 12/12 | Cử nhân            | Điều dưỡng | V.08.03.07 | Hạng IV  | Trung cấp | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh A2       | Y sỹ đa khoa         | Quản lý trạm Y tế |  |                        |
|    | <b>2</b>   | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |       |                 |       |                    |            |            |          |           |                         |                    |                      |                   |  |                        |
| 91 | 2.1        | Nguyễn Thị Hường                            |            | 15/3/1975  | Kinh  | Viên chức       | 12/12 | Cao đẳng           | Hộ Sinh    | V.08.06.16 | Hạng IV  | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái | Hộ sinh trung học    |                   |  |                        |

|     |             |                                             |            |            |      |                 |       |          |            |            |          |           |                         |                                   |                      |                   |  |                           |
|-----|-------------|---------------------------------------------|------------|------------|------|-----------------|-------|----------|------------|------------|----------|-----------|-------------------------|-----------------------------------|----------------------|-------------------|--|---------------------------|
| 92  | 2.2         | Nguyễn Thị Cẩm Tú                           |            | 14/12/1997 | Kinh | Viên chức       | 12/12 | Y sỹ     | Y sỹ       | V.08.03.07 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái                | Y sỹ đa khoa         |                   |  | Đi học bác sỹ             |
| 93  | 2.3         | Hoàng Thị Hà                                |            | 17/10/1981 | Tày  | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân  | Điều dưỡng | V.08.05.12 | Hạng III |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh A2                      | Điều dưỡng Trung cấp |                   |  |                           |
| 94  | 2.4         | Nguyễn Thị Hằng                             |            | 18/7/1991  | Kinh | Viên chức       | 12/12 | Y sỹ     | Đa khoa    | V.08.03.07 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh A2                      |                      |                   |  | Biệt phái TYT Chiềng Sinh |
| 95  | 2.5         | Lã Thị Hà Thương                            |            | 27/11/1993 | Kinh | Viên chức       | 12/12 | Y Sỹ     | Đa khoa    | V.08.03.07 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B; Tiếng dân tộc Thái   | Y sỹ đa khoa         |                   |  |                           |
| 96  | 2.6         | Nguyễn Thị Thoa                             |            | 06/12/1972 | Kinh | Viên chức       | 12/12 | Y Sỹ     | Đa khoa    | V.08.10.29 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái                | Y sỹ đa khoa         |                   |  |                           |
| 97  | 2.7         | Lường Bình Minh                             |            | 25/4/1991  | Thái | Viên chức       | 12/12 | Cao đẳng | Điều dưỡng | V.08.03.07 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản |                                   |                      |                   |  |                           |
| 98  | 2.8         | Lò Thị Xoan                                 |            | 28/12/1983 | Thái | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân  | Điều dưỡng | V.08.05.13 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái                | Điều dưỡng           |                   |  |                           |
|     | <b>VIII</b> | <b>Trạm Y tế phường Chiềng Xôm: 5</b>       |            |            |      |                 |       |          |            |            |          |           |                         |                                   |                      |                   |  |                           |
|     | <b>1</b>    | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |      |                 |       |          |            |            |          |           |                         |                                   |                      |                   |  |                           |
| 99  | 1.1         | Nguyễn Thị Luyện                            |            | 03/10/1970 | Kinh | Viên chức       | 12/12 | Y sỹ     | Đa khoa    | V.08.03.07 | Hạng IV  | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái                | Y sỹ đa khoa         | Quản lý trạm Y tế |  |                           |
|     | <b>2</b>    | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |      |                 |       |          |            |            |          |           |                         |                                   |                      |                   |  |                           |
| 100 | 2.1         | Cầm Thị Thiên                               |            | 18/8/1978  | Thái | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân  | Điều dưỡng | V.08.03.07 | Hạng IV  | Trung cấp | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B<br>Tiếng dân tộc thái | Y sỹ đa khoa         | Quản lý trạm Y tế |  |                           |
| 101 | 2.2         | Trần Thị Hiền                               |            | 14/10/1968 | Kinh | Viên chức       | 12/12 | Bác sỹ   | Đa khoa    | V.08.01.03 | Hạng III |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B                       | Bác sỹ đa khoa       |                   |  |                           |
| 102 | 2.3         | Cầm Thị Thom                                |            | 19/04/1982 | Thái | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân  | YTCC       | V.08.10.28 | Hạng III |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái                |                      |                   |  |                           |
| 103 | 2.4         | Tòng Thị Hạnh                               |            | 01/08/1976 | Thái | Viên chức       | 12/12 | Cao đẳng | Hộ sinh    | V08.06.16  | Hạng IV  | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái                | Hộ sinh              |                   |  |                           |
|     | <b>IX</b>   | <b>Trạm Y tế phường Hua La: 7</b>           |            |            |      |                 |       |          |            |            |          |           |                         |                                   |                      |                   |  |                           |
|     | <b>1</b>    | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |      |                 |       |          |            |            |          |           |                         |                                   |                      |                   |  |                           |
| 104 | 1.1         | Quảng Văn Ân                                | 23/11/1963 |            | Thái | Trưởng trạm     | 12/12 | Bác sỹ   | Đa khoa    | V.08.01.03 | Hạng III | Trung cấp | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B                       | BS Đa khoa           | Quản lý trạm y tế |  |                           |
| 105 | 1.2         | Trịnh Thị Oanh                              |            | 2/5/1985   | Kinh | Phó Trưởng trạm | 12/12 | Y sỹ     | Đa khoa    | V.08.03.07 | Hạng IV  | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái                | Y sỹ Đa khoa         | Quản lý trạm y tế |  |                           |
|     | <b>2</b>    | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |      |                 |       |          |            |            |          |           |                         |                                   |                      |                   |  |                           |
| 106 | 2.1         | Vũ Thùy Linh                                |            | 21/06/1994 | Kinh | Viên chức       | 12/12 | Y sỹ     | Đa khoa    | V.08.03.07 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản |                                   | Y sỹ Đa khoa         |                   |  |                           |
| 107 | 2.2         | Mùi Thị Na                                  |            | 01/10/1988 | Thái | Viên chức       | 12/12 | Y sỹ     | Đa khoa    | V.08.03.07 | Hạng IV  | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái                | Y sỹ Đa khoa         |                   |  |                           |

|     |           |                                             |            |            |        |                 |       |          |                 |            |          |           |                         |                                                           |                |                   |  |                          |
|-----|-----------|---------------------------------------------|------------|------------|--------|-----------------|-------|----------|-----------------|------------|----------|-----------|-------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------|-------------------|--|--------------------------|
| 108 | 2.3       | Cầm Thanh Huyền                             |            | 09/08/1996 | Thái   | Viên chức       | 12/12 | Cao đẳng | Điều dưỡng      | V.08.05.13 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh A2                                              | Điều dưỡng     |                   |  |                          |
| 109 | 2.4       | Quảng Thị Hoan                              |            | 19/03/1979 | Thái   | Viên chức       | 12/12 | Cao đẳng | Nữ hộ sinh      | V08.06.16  | Hạng IV  | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái                                        | Hộ sinh        |                   |  |                          |
| 110 | 2.5       | Tòng Thị Xuân                               |            | 10/02/1976 | Thái   | Viên chức       | 12/12 | Y sỹ     | Y học cổ truyền | V.08.10.29 | Hạng IV  | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái                                        |                |                   |  |                          |
|     | <b>X</b>  | <b>Trạm Y tế phường Chiềng Ngần: 7</b>      |            |            |        |                 |       |          |                 |            |          |           |                         |                                                           |                |                   |  |                          |
|     | <b>1</b>  | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |        |                 |       |          |                 |            |          |           |                         |                                                           |                |                   |  |                          |
| 111 | 1.1       | Tòng Văn Hiến                               | 13/03/1971 |            | Thái   | Trưởng trạm     | 12/12 | Bác sỹ   | Đa khoa         | V.08.01.03 | Hạng III | Trung cấp | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B                                               | Bác sỹ đa khoa | Quản lý trạm Y tế |  |                          |
| 112 | 1.2       | Lường Thanh Hồng                            |            | 01/07/1980 | Thái   | Phó Trưởng trạm | 12/12 | Cử nhân  | Hộ sinh         | V.08.06.15 | Hạng III | Trung cấp | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B, Tiếng dân tộc Thái                           | Hộ sinh        | Quản lý trạm Y tế |  |                          |
|     | <b>2</b>  | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |        |                 |       |          |                 |            |          |           |                         |                                                           |                |                   |  |                          |
| 113 | 2.1       | Lầu A Và                                    | 08/10/1983 |            | H'Mông | Viên chức       | 12/12 | Y sỹ     | Đa khoa         | V.08.03.07 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B                                               | Y sỹ đa khoa   |                   |  |                          |
| 114 | 2.2       | Cà Thị Tỷ                                   |            | 02/06/1986 | Thái   | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân  | Điều dưỡng      | V.08.05.12 | Hạng III | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh A2; Tiếng dân tộc Thái                          | Điều dưỡng     |                   |  |                          |
| 115 | 2.3       | Quảng Thị Thanh                             |            | 06/12/1983 | Thái   | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân  | Điều dưỡng      | V.08.05.12 | Hạng III |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái                                        | Điều dưỡng     |                   |  |                          |
| 116 | 2.4       | Vũ Ngọc Hà                                  |            | 22/12/1989 | Kinh   | Viên chức       | 12/12 | Cao đẳng | Điều dưỡng      | V.08.03.07 | Hạng IV  | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B                                               |                |                   |  | Biệt phái TTYT           |
| 117 | 2.5       | Cà Văn Quý                                  | 15/05/1986 |            | Thái   | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân  | YTCC            | V.08.10.28 | Hạng III | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái                                        |                |                   |  |                          |
|     | <b>XI</b> | <b>Trạm Y tế phường Chiềng Cọ: 8</b>        |            |            |        |                 |       |          |                 |            |          |           |                         |                                                           |                |                   |  |                          |
|     | <b>1</b>  | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |        |                 |       |          |                 |            |          |           |                         |                                                           |                |                   |  |                          |
| 118 | 1.1       | Hoàng Ngọc Tuyền                            | 05/10/1983 |            | Thái   | Trưởng trạm     | 12/12 | Bác sỹ   | Đa khoa         | V.08.01.03 | Hạng III | Trung cấp | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái                                        | Bác sỹ đa khoa | Quản lý trạm y tế |  |                          |
|     | <b>2</b>  | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |        |                 |       |          |                 |            |          |           |                         |                                                           |                |                   |  |                          |
| 119 | 2.1       | Cà Thị Thanh                                |            | 14/9/1990  | Thái   | Viên chức       | 12/12 | Thạc sĩ  | YTCC            | V.08.04.10 | Hạng III | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc thái, Tiếng Anh B, Anh văn cấp độ 3/6 (B1). | Y sỹ đa khoa   |                   |  |                          |
| 120 | 2.2       | Hà Thị Tình                                 |            | 17/1/1989  | Thái   | Viên chức       | 12/12 | Y sỹ     | Đa khoa         | V.08.03.07 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái                                        | Y sỹ đa khoa   |                   |  |                          |
| 121 | 2.3       | Quảng Thị Loan                              |            | 28/5/1984  | Thái   | Viên chức       | 12/12 | Y sỹ     | Đa khoa         | V.08.03.07 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái                                        | Y sỹ đa khoa   |                   |  |                          |
| 122 | 2.4       | Lò Thị Tân                                  |            | 02/5/1990  | Thái   | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân  | Điều dưỡng      | V08.05.13  | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B                                               |                |                   |  | Biệt phái TYT Chiềng Xôm |



|     |            |                                             |           |            |      |                 |       |           |            |            |          |           |                         |                                   |                |                   |             |                          |
|-----|------------|---------------------------------------------|-----------|------------|------|-----------------|-------|-----------|------------|------------|----------|-----------|-------------------------|-----------------------------------|----------------|-------------------|-------------|--------------------------|
| 123 | 2.5        | Lò Thị Phương Thảo                          |           | 16/10/1993 | Thái | Viên chức       | 12/12 | Y sỹ      | Đa khoa    | V.08.03.07 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái                | Y sỹ đa khoa   |                   |             | Biệt phái TYT Chiềng Đen |
| 124 | 2.6        | Ngô Tiến Thư                                |           | 05/4/1985  | Kinh | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân   | Luật       | V.08.10.28 | Hạng III | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái                |                |                   | Chuyên viên |                          |
| 125 | 2.7        | Lê Thị Huyền                                |           | 12/09/1990 | Kinh | Viên chức       | 12/12 | Cao đẳng  | Dược       | V.08.08.23 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B                       |                |                   |             |                          |
|     | <b>XII</b> | <b>Trạm Y tế phường Chiềng Đen: 5</b>       |           |            |      |                 |       |           |            |            |          |           |                         |                                   |                |                   |             |                          |
|     | <b>1</b>   | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |           |            |      |                 |       |           |            |            |          |           |                         |                                   |                |                   |             |                          |
| 126 | 1.1        | Lò Thị Diễm                                 |           | 15/3/1987  | Thái | Trưởng trạm     | 12/12 | Bác sỹ    | Đa khoa    | V.08.01.03 | Hạng III | Trung cấp | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng dân tộc Thái; Tiếng Anh B   | Bác sỹ đa khoa | Quản lý trạm y tế |             |                          |
| 127 | 1.2        | Lò Thị Hao                                  |           | 04/8/1991  | Thái | Phó Trưởng trạm | 12/12 | Y sỹ      | Đa khoa    | V.08.03.07 | Hạng IV  | Sơ cấp    | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B<br>Tiếng dân tộc Thái | Y sỹ đa khoa   |                   |             |                          |
|     |            | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |           |            |      |                 |       |           |            |            |          |           |                         |                                   |                |                   |             |                          |
| 128 | 2.1        | Lò Văn Ánh                                  | 17/9/1995 |            | Thái | Viên chức       | 12/12 | Y sỹ      | Đa khoa    | V.08.03.07 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh A2                      |                |                   |             |                          |
| 129 | 2.2        | Lò Thị Xuân                                 |           | 10/12/1970 | Thái | Viên chức       | 12/12 | Trung cấp | Hộ sinh    | V.08.06.16 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh B<br>Tiếng dân tộc Thái | Hộ sinh TC     |                   |             |                          |
| 130 | 2.3        | Lò Thị Kiên                                 |           | 24/08/1994 | Thái | Viên chức       | 12/12 | Cử nhân   | Điều dưỡng | V.08.03.07 | Hạng IV  |           | Tin học ứng dụng cơ bản | Tiếng Anh A2                      |                |                   |             |                          |

PHỤ LỤC I.2

Biểu thống kê hiện trạng nhân lực tại các Trung tâm y tế huyện và các Trạm y tế xã thuộc Trung tâm y tế huyện Thuận Châu

(Kèm theo Đề án kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

| TT |     | Họ và tên                                     | Ngày, tháng, năm sinh |            | Dân tộc | Chức vụ hoặc chức danh | Trình độ đào tạo và CDNN    |                             |              |                          |                                      | Trình độ LLCT và Tin học, ngoại ngữ |                  |                                           | Các chứng chỉ/chứng nhận bồi dưỡng |            |                | Ghi chú |
|----|-----|-----------------------------------------------|-----------------------|------------|---------|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------|--------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|------------------|-------------------------------------------|------------------------------------|------------|----------------|---------|
|    |     |                                               | Nam                   | Nữ         |         |                        | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ đào tạo            |              | Mã chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp viên chức | Trình độ lý luận chính trị          | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ/tiếng dân tộc thiểu số | CC Hành nghề                       | CC Quản lý | Bồi dưỡng QLNN |         |
|    |     |                                               |                       |            |         |                        |                             | Trình độ đào tạo (cao nhất) | Chuyên ngành |                          |                                      |                                     |                  |                                           |                                    |            |                |         |
|    | 1   | 2                                             | 3                     | 4          | 5       | 6                      | 7                           | 8                           | 9            | 10                       | 11                                   | 12                                  | 13               | 14                                        | 15                                 | 16         | 17             | 18      |
| A  |     | TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN THUẬN CHÂU: 41 viên chức |                       |            |         |                        |                             |                             |              |                          |                                      |                                     |                  |                                           |                                    |            |                |         |
|    | I   | Lãnh đạo Trung tâm (GD, PGD)                  |                       |            |         |                        |                             |                             |              |                          |                                      |                                     |                  |                                           |                                    |            |                |         |
| 1  | 1   | Quảng Văn Châu                                | 08/01/1977            |            | Thái    | Giám đốc               | 12/12                       | CKI Lao                     | Bác sĩ       | V.08.01.03               | Hạng III                             | CC                                  | CB               | B2                                        | Bác sỹ                             | Cấp phòng  | CV             |         |
| 2  | 2   | Lò Văn Chính                                  | 25/08/1971            |            | Thái    | Phó giám đốc           | 12/12                       | CKI YTCC                    | Bác sĩ       | V.08.02.06               | Hạng III                             | TC                                  | B                | B                                         | Bác sỹ                             | Cấp phòng  | CV             |         |
| 3  | 3   | Lương Hùng Cường                              | 09/07/1977            |            | Thái    | Phó giám đốc           | 12/12                       | Ths YHDP                    | Bác sĩ       | V.08.02.06               | Hạng III                             | TC                                  | B                | B1                                        | Bác sỹ                             | Cấp phòng  | CV             |         |
|    | II  | Các phòng chuyên môn/các khoa                 |                       |            |         |                        |                             |                             |              |                          |                                      |                                     |                  |                                           |                                    |            |                |         |
|    | 1   | Phòng Hành chính - Tổng hợp                   |                       |            |         |                        |                             |                             |              |                          |                                      |                                     |                  |                                           |                                    |            |                |         |
| 4  | 1.1 | Quảng văn Doan                                | 26/09/1976            |            | Thái    | Trưởng phòng           | 12/12                       | ĐH đa khoa                  | Bác Sĩ       | V.08.02.06               | Hạng III                             | TC                                  | A                | B2                                        |                                    | Cấp phòng  | CV             |         |
| 5  | 1.2 | Lò Thị Mai Thanh                              |                       | 10/02/1985 | Thái    | Phó Phòng              | 12/12                       | Đại học                     | CNYTCC       | V.08.04.10               | Hạng III                             | TC                                  | B                | B                                         |                                    |            | CV             |         |
| 6  | 1.3 | Trần Diễm Hằng                                |                       | 19/6/1978  | Kinh    | Kế toán trưởng         | 12/12                       | Ths                         | QLKT         | 06.031                   | Hạng III                             | TC                                  | CB               | B1                                        |                                    |            | CV             |         |
| 7  | 1.4 | Lường Thị Hồng Hà                             |                       | 2/5/1987   | Thái    | Viên chức              | 12/12                       | CĐ                          | Dược sĩ      | V.08.08.23               | Hạng IV                              |                                     | CB               | B                                         | Dược sỹ                            |            | CV             |         |
| 8  | 1.5 | Lường văn Toàn                                | 18/3/1987             |            | Thái    | Viên chức              | 12/12                       | ĐH                          | Kế toán      | 06.031                   | Hạng III                             |                                     | CB               | B                                         |                                    |            | CV             |         |
| 9  | 1.6 | Lường Thị Thanh Hoa                           |                       | 16/09/1988 | Thái    | Viên chức              | 12/12                       | TH                          | Y sĩ         | V.08.03.07               | Hạng IV                              |                                     | CB               | B                                         | Y sỹ                               |            | CV             |         |
| 10 | 1.7 | Chu Hà Vi                                     |                       | 09/03/1995 | Kinh    | Viên chức              | 12/12                       | ĐH                          | Kế toán      | 06.031                   | Hạng III                             |                                     | CB               | B                                         |                                    |            | CV             |         |
| 11 | 1.8 | Đàm Thị Hải Yến                               |                       | 29/8/1990  | Kinh    | Viên chức              | 12/12                       | CĐ                          | Lưu trữ viên | 01.02.03                 | Hạng IV                              |                                     | CB               | B                                         |                                    |            |                |         |
|    | 2   | Khoa Khám bệnh - Xét nghiệm - Dược            |                       |            |         |                        |                             |                             |              |                          |                                      |                                     |                  |                                           |                                    |            |                |         |
| 12 | 2.1 | Lường Văn Chương                              | 15/11/1974            |            | Thái    | Trưởng khoa            | 12/12                       | ĐH                          | Bác sĩ       | V.08.03.06               | Hạng III                             | TC                                  | B                |                                           | Bác sỹ                             | Cấp phòng  | CV             |         |

|    |     |                                                   |            |            |         |                 |       |             |              |            |          |    |    |    |            |           |    |  |
|----|-----|---------------------------------------------------|------------|------------|---------|-----------------|-------|-------------|--------------|------------|----------|----|----|----|------------|-----------|----|--|
| 13 | 2.2 | Lò Văn Cường                                      | 20/01/1989 |            | Thái    | Viên chức       | 12/12 | ĐH          | Bác sĩ       | V.08.01.03 | Hạng III |    | CB |    | Bác sỹ     |           |    |  |
| 14 | 2.3 | Trần Thị Hường                                    |            | 3/1/1980   | Kinh    | Viên chức       | 12/12 | ĐH          | KTVY         | V.08.07.18 | Hạng III |    | B  | B  |            |           | CV |  |
| 15 | 2.4 | Trần Thị Ngọc                                     |            | 14/7/1980  | Tày     | Viên chức       | 12/12 | ĐH          | KTVY         | V.08.07.18 | Hạng III |    | CB | B  |            |           |    |  |
| 16 | 2.5 | Lò Thị Thiện                                      |            | 16/11/1981 | Thái    | Viên chức       | 12/12 | CĐ          | Dược sĩ      | V.08.08.23 | Hạng IV  | SC | CB | B  | Dược sỹ    |           | CV |  |
| 17 | 2.6 | Lò Văn Hòa                                        | 19/10/1987 |            | Thái    | Viên chức       | 12/12 | TH          | Y sĩ đa khoa | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B  | Y sỹ       |           | CV |  |
| 18 | 2.7 | Phạm Bích Dịu                                     |            | 29/05/1984 | Kinh    | Viên chức       | 12/12 | CĐ          | Dược sĩ      | V.08.08.23 | Hạng IV  |    | B  | B  |            |           |    |  |
| 19 | 2.8 | Lường Thị Dịp                                     |            | 18/07/1984 | Thái    | Viên chức       | 12/12 | ĐH          | Điều dưỡng   | V.08.05.12 | Hạng III |    | B  | B  | Điều dưỡng |           |    |  |
| 20 | 2.9 | Lường Văn Xuyên                                   | 02/12/1982 |            | Thái    | Viên chức       | 12/12 | ĐH          | Dược sĩ      | V.08.08.22 | Hạng III |    | CB | B  | Dược sỹ    |           | CV |  |
|    | 3   | Khoa Truyền nhiễm - Kiểm soát bệnh tật & HIV/AIDS |            |            |         |                 |       |             |              |            |          |    |    |    |            |           |    |  |
| 21 | 3.1 | Đỗ Như Dũng                                       | 12/09/1974 |            | Kinh    | Phó trưởng khoa | 12/12 | TH          | Y sĩ sản nhi | V.08.03.07 | Hạng IV  | TC | CB | B  | Y sỹ       | Cấp phòng | CV |  |
| 22 | 3.2 | Lã việt Trung                                     | 13/4/1983  |            | Kinh    | Viên chức       | 12/12 | TH          | Y sĩ         | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | B  | B  | Y sỹ       |           |    |  |
| 23 | 3.3 | Quảng Thị Diệu Hương                              |            | 22/10/1988 | Thái    | Viên chức       | 12/12 | TH          | Y sĩ         | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | B  | B  | Y sỹ       |           | CV |  |
| 24 | 3.4 | Lò Thị Thủy                                       |            | 11/11/1977 | Thái    | Viên chức       | 12/12 | TH          | Y sĩ sản nhi | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B  | Y sỹ       |           | CV |  |
| 25 | 3.5 | Phạm Thị Bích Lợi                                 |            | 17/10/1968 | Kinh    | Viên chức       | 12/12 | TH          | Điều dưỡng   | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | A  | B  | Điều dưỡng |           |    |  |
| 26 | 3.6 | Nguyễn Trường Minh                                |            | 26/3/1987  | Kinh    | Viên chức       | 12/12 | ĐH          | Điều dưỡng   | V.0805.12  | Hạng IV  |    | B  | A  | Điều dưỡng |           | CV |  |
| 27 | 3.7 | Phan Thị Thanh                                    |            | 13/1/1985  | Kinh    | Viên chức       | 12/12 | TH          | Y sĩ         | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | B  | B  | Y sỹ       |           | CV |  |
|    | 4   | Khoa Y tế công cộng - Dinh dưỡng & ATTP           |            |            |         |                 |       |             |              |            |          |    |    |    |            |           |    |  |
| 28 | 4.1 | Lò Toàn Quốc                                      | 19/03/1983 |            | Thái    | Phó trưởng khoa | 12/12 | ĐH          | CN. YTCC     | V.08.04.10 | Hạng III | TC | CB | B  | Điều dưỡng | Cấp phòng | CV |  |
| 29 | 4.2 | Nguyễn Văn Phúc                                   | 25/1/1968  |            | Kinh    | Viên chức       | 12/12 | TH          | Y sĩ         | V.08.03.07 | Hạng IV  | TC | A  | B  | Y sỹ       |           | CV |  |
| 30 | 4.3 | Lò Văn Yên                                        | 11/09/1986 |            | Thái    | Viên chức       | 12/12 | TH          | Y sĩ         | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB |    | Y sỹ       |           | CV |  |
| 31 | 4.4 | Cà văn Mạnh                                       | 10/08/1984 |            | Thái    | Viên chức       | 12/12 | TH          | Y sĩ         | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB |    | Y sỹ       |           | CV |  |
| 32 | 4.5 | Cà Thị Hoa                                        |            | 20/4/1988  | Thái    | Viên chức       | 12/12 | TH          | Y sĩ YHCT    | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | B  | B  | Y sỹ       |           | CV |  |
| 33 | 4.6 | Vũ Thị Thu Huyền                                  |            | 12/07/1987 | kinh    | Viên chức       | 12/12 | TH          | Y sĩ         | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | A2 | Y sỹ       |           |    |  |
|    | 5   | Khoa Dân số - Truyền thông - Chăm sóc SKSS        |            |            |         |                 |       |             |              |            |          |    |    |    |            |           |    |  |
| 34 | 5.1 | Thào A Dơ                                         | 14/11/1979 |            | H' mông | Trưởng khoa     | 12/12 | CKI phụ sản | Bác sĩ       | V.08.01.03 | Hạng III | TC | B  | B  | Bác sỹ     | Cấp phòng | CV |  |

|    |           |                                                      |            |            |        |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
|----|-----------|------------------------------------------------------|------------|------------|--------|-------------|-------|----|--------------------------------|------------|----------|----|----|----|------------|--|----|--|
| 35 | 5.2       | Nguyễn Thị Thủy                                      |            | 15/09/1989 | Kinh   | Viên chức   | 12/12 | ĐH | CNYTCC                         | V.08.10.28 | Hạng III | TC | B  | B  |            |  |    |  |
| 36 | 5.3       | Phùng Thị Mai Hương                                  |            | 09/10/1988 | Kinh   | Viên chức   | 12/12 | ĐH | CNYTCC                         | V.08.10.28 | Hạng III |    | B  | B  |            |  | CV |  |
| 37 | 5.4       | Bạc Cầm Hặc                                          | 09/02/1984 |            | Thái   | Viên chức   | 12/12 | ĐH | Sư Phạm                        | V.08.10.28 | Hạng III | TC | B  | B  |            |  | CV |  |
| 38 | 5.5       | Nguyễn Thị Vân                                       |            | 19/7/1980  | Kinh   | Viên chức   | 12/12 | ĐH | Hộ sinh                        | V.08.06.15 | Hạng III |    | B  | A2 |            |  | CV |  |
| 39 | 5.6       | Lò Minh Châu                                         |            | 28/10/1968 | Thái   | Viên chức   | 12/12 | TH | Hộ sinh                        | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | B  | B  | Hộ sinh    |  |    |  |
| 40 | 5.7       | Quảng Thị Loan                                       |            | 15/10/1985 | Thái   | Viên chức   | 12/12 | CĐ | Hộ sinh                        | V.08.10.29 | Hạng IV  |    | B  | B  |            |  |    |  |
| 41 | 5.8       | Quảng Thị Thu                                        |            | 13/9/1987  | Thái   | Viên chức   | 12/12 | CĐ | Hộ sinh                        | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | A  |    | Hộ sinh    |  |    |  |
|    |           | <b>TRẠM Y TẾ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN: 188 viên chức</b> |            |            |        |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
|    | <b>I</b>  | <b>Trạm Y tế xã Mường É</b>                          |            |            |        |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
|    | <b>1</b>  | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b>          |            |            |        |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
| 1  | 1.1       | Lường Văn Bắc                                        | 17/10/1969 |            | Thái   | Trưởng trạm | 12/12 | ĐH | Bác sĩ                         | V.08.01.03 | Hạng III |    | CB | B  | Bác sỹ     |  | CV |  |
| 2  | 1.2       | Quảng Văn Phụng                                      | 18/11/1963 |            | Thái   | Phó trạm    | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B  | Y sỹ       |  | CV |  |
|    | <b>2</b>  | <b>Viên chức chuyên môn</b>                          |            |            |        |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
| 3  | 2.1       | Lường Văn Thiết                                      | 06/02/1985 |            | Thái   | Viên chức   | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B  | Y sỹ       |  |    |  |
| 4  | 2.2       | Lò Thị Thiệm                                         |            | 22/09/1980 | Thái   | Viên chức   | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng                     | V.08.05.12 | Hạng III |    | CB | B  | Điều dưỡng |  |    |  |
| 5  | 2.3       | Lường Văn Thông                                      | 07/10/1982 |            | Thái   | Viên chức   | 12/12 | ĐH | YTCC, Dân số<br>viên trung cấp | V.08.10.28 | Hạng III |    | CB | B  |            |  |    |  |
| 6  | 2.4       | Quảng Thị Kiên                                       |            | 08/05/1998 | Thái   | Viên chức   | 12/12 | CĐ | Điều dưỡng                     | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | CB | B  |            |  |    |  |
| 7  | 2.5       | Lò Thu Phương                                        |            | 15/07/2000 | Thái   | Viên chức   | 12/12 | CĐ | Hộ sinh                        | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | CB | A2 | Hộ sinh    |  |    |  |
|    | <b>II</b> | <b>Trạm Y tế xã Phổng Lái</b>                        |            |            |        |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
|    | <b>1</b>  | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b>          |            |            |        |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
| 8  | 1.1       | Mùa Công Chứ                                         | 10/05/1968 |            | H'mông | Trưởng trạm | 12/12 | ĐH | Bác sĩ                         | V.08.01.03 | Hạng III | SC | CB | B  | Bác sỹ     |  |    |  |
| 9  | 1.2       | Khúc Trọng Thủy                                      | 28/08/1968 |            | kinh   | Phó trạm    | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B  | Y sỹ       |  |    |  |
|    | <b>2</b>  | <b>Viên chức chuyên môn</b>                          |            |            |        |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
| 10 | 2.1       | Lầu A Lữ                                             | 15/07/1969 |            | H'mông | Viên chức   | 9/12  | SH | Điều dưỡng                     | 16b122     | Hạng IV  |    | CB |    |            |  |    |  |
| 11 | 2.2       | Lò Thị Tiệp                                          |            | 06/05/1982 | Thái   | Viên chức   | 12/12 | ĐH | YTCC, Dân số<br>viên trung cấp | V.08.10.28 | Hạng III |    | CB | B  |            |  |    |  |

|    |     |                                      |            |            |        |             |       |    |                                |            |          |    |    |            |            |  |    |  |
|----|-----|--------------------------------------|------------|------------|--------|-------------|-------|----|--------------------------------|------------|----------|----|----|------------|------------|--|----|--|
| 12 | 2.3 | Lò Văn Đặc                           | 16/8/1986  |            | Thái   | Viên chức   | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | A2         | Y sỹ       |  |    |  |
| 13 | 2.4 | Lò Thị Phúc                          |            | 07/07/1972 | Thái   | Viên chức   | 12/12 | CD | Nữ hộ sinh                     | V.08.06.16 | Hạng IV  | SC | CB | B          | Hộ sinh    |  |    |  |
| 14 | 2.5 | Sùng A Dơ                            | 5/10/1985  |            | H'mông | Viên chức   | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB |            | Y sỹ       |  |    |  |
| 15 | 2.6 | Lầu Hồng Nhung                       |            | 15/5/1996  | H'mông | Viên chức   | 12/12 | CD | Điều dưỡng                     | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | CB | B          | Điều dưỡng |  |    |  |
|    | III | Trạm Y tế xã Phổng Lập               |            |            |        |             |       |    |                                |            |          |    |    |            |            |  |    |  |
|    | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |        |             |       |    |                                |            |          |    |    |            |            |  |    |  |
| 16 | 1.1 | Lường Minh Tâm                       | 17/03/1964 |            | Thái   | Phó trạm    | 12/12 | TH | Y sĩ sản nhi                   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B          | Y sỹ       |  | CV |  |
|    | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |            |        |             |       |    |                                |            |          |    |    |            |            |  |    |  |
| 17 | 2.1 | Lò Văn Cường                         | 15/7/1989  |            | Thái   | Viên chức   | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B          | Y sỹ       |  |    |  |
| 18 | 2.2 | Cà Văn Phe                           | 10/10/1966 |            | Thái   | Viên chức   | 12/12 | TH | ĐD, Dân số<br>viên trung cấp   | V.08.10.29 | Hạng IV  |    | CB | B          |            |  |    |  |
| 19 | 2.3 | Quảng Thị Dời                        |            | 16/12/1974 | Thái   | Viên chức   | 12/12 | TH | Nữ hộ sinh                     | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | CB | B          | Hộ sinh    |  |    |  |
| 20 | 2.4 | Cà Thị Trúng                         |            | 03/09/1983 | Thái   | Viên chức   | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B          | Y sỹ       |  | CV |  |
| 21 | 2.5 | Lê Thị Thắm                          |            | 23/12/1974 | kinh   | Viên chức   | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng                     | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | CB | Điều dưỡng |            |  |    |  |
|    | IV  | Trạm Y tế xã Nậm Lầu                 |            |            |        |             |       |    |                                |            |          |    |    |            |            |  |    |  |
|    | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |        |             |       |    |                                |            |          |    |    |            |            |  |    |  |
| 22 | 1.1 | Cà Văn Xiển                          | 18/10/1970 |            | Thái   | Trưởng trạm | 12/12 | ĐH | Bác sĩ                         | V.08.01.03 | Hạng III |    | CB | B          | Bác sỹ     |  |    |  |
| 23 | 1.2 | Lò Văn Nội                           | 23/02/1966 |            | Thái   | Phó trạm    | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B          | Y sỹ       |  | CV |  |
|    | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |            |        |             |       |    |                                |            |          |    |    |            |            |  |    |  |
| 24 | 2.1 | Quảng Thị Minh                       |            | 09/01/1983 | Thái   | Viên chức   | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng                     | V.08.05.12 | Hạng III |    | CB | B          | Điều dưỡng |  |    |  |
| 25 | 2.2 | Quảng Thị Biên                       |            | 12/02/1984 | Thái   | Viên chức   | 12/12 | ĐH | YTCC, Dân số<br>viên trung cấp | V.08.10.28 | Hạng III | TC | CB | B          |            |  | CV |  |
| 26 | 2.3 | Cà Văn Chung                         | 12/06/1992 |            | Thái   | Viên chức   | 12/12 | TH | Y sỹ                           | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | A2         | Y sỹ       |  |    |  |
|    | V   | Trạm Y tế xã Chiềng Pha              |            |            |        |             |       |    |                                |            |          |    |    |            |            |  |    |  |
|    | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |        |             |       |    |                                |            |          |    |    |            |            |  |    |  |
| 27 | 1.1 | Lường Văn Tiết                       | 12/06/1972 |            | Thái   | Trưởng trạm | 12/12 | ĐH | Bác sĩ                         | V.08.01.03 | Hạng III | TC | CB |            | Bác sỹ     |  | CV |  |
| 28 | 1.2 | Cà Văn Yên                           | 20/10/1968 |            | Thái   | Phó trạm    | 12/12 | TH | Y sĩ sản nhi                   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B          | Y sỹ       |  |    |  |

|    |     |                                      |            |            |      |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
|----|-----|--------------------------------------|------------|------------|------|-------------|-------|----|--------------------------------|------------|----------|----|----|----|------------|--|----|--|
|    | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |            |      |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
| 29 | 2.1 | Lò Văn Ngọc                          | 25/5/1992  |            | Thái | Viên chức   | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B  | Y sỹ       |  |    |  |
| 30 | 2.2 | Cà Văn La                            | 23/03/1977 |            | Thái | Viên chức   | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng                     | V.08.05.12 | Hạng III |    | CB | B  | Điều dưỡng |  |    |  |
| 31 | 2.3 | Lò Thị Nhung                         |            | 31/01/1993 | Thái | Viên chức   | 12/12 | ĐH | YTCC, Dân số<br>viên trung cấp | V.08.10.28 | Hạng III |    | CB |    |            |  |    |  |
| 32 | 2.4 | Lò Thị Thoa                          |            | 25/11/1993 | Thái | Viên chức   | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B  | Y sỹ       |  |    |  |
| 33 | 2.5 | Lường Thị Thanh                      |            | 24/12/1993 | Thái | Viên chức   | 12/12 | CĐ | Nữ hộ sinh                     | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | CB | B  | Hộ sinh    |  |    |  |
|    | VI  | Trạm Y tế xã Phổng Lãng              |            |            |      |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
|    | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |      |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
| 34 | 1.1 | Lò Văn Kiêm                          | 18/04/1975 |            | Thái | Trưởng trạm | 12/12 | ĐH | Bác sĩ                         | V.08.01.03 | Hạng III |    | CB | B  | Bác sỹ     |  | CV |  |
| 35 | 1.2 | Lò Văn Hùng                          | 01/04/1967 |            | Thái | Phó trạm    | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B  | Y sỹ       |  | CV |  |
|    | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |            |      |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
| 36 | 2.1 | Lò Thị Thiết                         |            | 20/01/1978 | Thái | Viên chức   | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng                     | V.08.05.12 | Hạng III |    | CB | B  | Điều dưỡng |  |    |  |
| 37 | 2.2 | Lường Văn Phương                     | 03/01/1971 |            | Thái | Viên chức   | 12/12 | TH | Y sĩ YHCT                      | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B  | Y sỹ       |  |    |  |
| 38 | 2.3 | Lường Thị Tươi                       |            | 14/05/1975 | Thái | Viên chức   | 12/12 | CĐ | Nữ hộ sinh                     | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | CB | B  | Hộ sinh    |  |    |  |
| 39 | 2.4 | Lò Thị Ngoai                         |            | 14/10/1992 | Thái | Viên chức   | 12/12 | TH | Y sỹ                           | V.08.10.29 | Hạng IV  |    | CB | A2 |            |  |    |  |
|    | VII | Trạm Y tế xã Chiềng Ly               |            |            |      |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
|    | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |      |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
| 40 | 1.1 | Lường Thị Lược                       |            | 19/12/1972 | Thái | Phó trạm    | 12/12 | TH | Nữ hộ sinh                     | V.08.06.16 | Hạng IV  | SC | CB | B  | Hộ sinh    |  | CV |  |
|    | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |            |      |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
| 41 | 2.1 | Lò Thị Xum                           |            | 26/07/1983 | Thái | Viên chức   | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng                     | V.08.05.12 | Hạng III | SC | CB | B  | Điều dưỡng |  |    |  |
| 42 | 2.2 | Bạc Thị Hoa                          |            | 17/09/1979 | Thái | Viên chức   | 12/12 | TH | Dân số viên<br>đại học         | V.08.10.28 | Hạng III | SC | CB | B  |            |  | CV |  |
| 43 | 2.3 | Lò Thị Thoa                          |            | 23/10/1991 | Thái | Viên chức   | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B  | Y sỹ       |  |    |  |
| 44 | 2.4 | Hoàng Kim Thoa                       |            | 27/3/1992  | Thái | Viên chức   | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB |    | Y sỹ       |  |    |  |
| 45 | 2.5 | Dương Thị Băng                       |            | 10/05/1987 | kinh | Viên chức   | 12/12 | ĐH | YTCC                           | V.08.04.10 | Hạng III |    | CB | A2 | Y sỹ       |  |    |  |
| 46 | 2.6 | Lò Văn Thiêm                         | 26/3/1993  |            | Thái | Viên chức   | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng                     | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | CB | B  | Điều dưỡng |  |    |  |

|    |      |                                      |            |            |         |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |    |    |
|----|------|--------------------------------------|------------|------------|---------|-------------|-------|----|--------------------------------|------------|----------|----|----|----|------------|----|----|
|    | VIII | Trạm Y tế Thị Trấn                   |            |            |         |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |    |    |
|    | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |         |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |    |    |
| 47 | 1.1  | Nguyễn Châu Phúc                     | 03/04/1964 |            | kinh    | Phó trạm    | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B  | Y sỹ       | CV |    |
|    | 2    | Viên chức chuyên môn                 |            |            |         |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |    |    |
| 48 | 2.1  | Trần Thị Thành                       |            | 28/08/1985 | kinh    | Viên chức   | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B  | Y sỹ       | CV |    |
| 49 | 2.2  | Lò Thị Phượng                        |            | 16/10/1990 | Thái    | Viên chức   | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng                     | V.08.05.12 | Hạng III |    | CB | B  | Điều dưỡng |    |    |
| 50 | 2.3  | Nguyễn Hữu Việt                      | 02/02/1988 |            | Kinh    | Viên chức   | 12/12 | CĐ | Dược, Dân số<br>viên trung cấp | V.08.10.29 | Hạng IV  |    | CB | B  |            | CV |    |
| 51 | 2.4  | Nguyễn Thị Hà                        |            | 06/07/1987 | kinh    | Viên chức   | 12/12 | ĐH | YTCC                           | V.08.04.10 | Hạng III |    | CB | B1 | Y sỹ       |    |    |
|    | IX   | Trạm Y tế xã Thôm Mòn                |            |            |         |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |    |    |
|    | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |         |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |    |    |
| 52 | 1.1  | Lò Văn Thông                         | 05/06/1967 |            | Thái    | Trưởng trạm | 12/12 | ĐH | Bác sĩ                         | V.08.01.03 | Hạng III |    | CB | B  | Bác sỹ     |    |    |
|    | 2    | Viên chức chuyên môn                 |            |            |         |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |    |    |
| 53 | 2.1  | Lò Thị Thanh                         |            | 25/07/1981 | Thái    | Viên chức   | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng                     | V.08.05.12 | Hạng III |    | CB | B  | Điều dưỡng |    |    |
| 54 | 2.2  | Lò Thị Ngọc                          |            | 30/01/1983 | Thái    | Viên chức   | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng                     | V.08.05.12 | Hạng III |    | CB | B  | Điều dưỡng |    |    |
| 55 | 2.3  | Cà Thị Hương                         |            | 11/05/1978 | Thái    | Viên chức   | 12/12 | TH | Dân số viên<br>đại học         | V.08.10.28 | Hạng III | TC | CB | B  |            |    | CV |
| 56 | 2.4  | Lò Thị Mai                           |            | 23/9/1995  | Thái    | Viên chức   | 12/12 | CĐ | Nữ Hộ sinh                     | V.08.06.16 | Hạng IV  | CS | CB | B  | Hộ sinh    |    |    |
| 57 | 2.5  | Nguyễn Thị Lan Anh                   |            | 14/2/1990  | Kinh    | Viên chức   | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                   | V.08.03.07 | Hạng IV  | SC | CB |    | Y sỹ       |    |    |
|    | X    | Trạm Y tế xã Tông Lạnh               |            |            |         |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |    |    |
|    | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |         |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |    |    |
| 58 | 1.1  | Bạc Thị Thuận                        |            | 14/12/1979 | Thái    | Trưởng trạm | 12/12 | ĐH | Bác sĩ YHCT                    | V.08.01.03 | Hạng III | TC | CB | B  | Bác sỹ     |    | CV |
| 59 | 1.2  | Lường Thị Ban                        |            | 13/11/1982 | Thái    | Phó trạm    | 12/12 | TH | Y sĩ sản nhi                   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB |    | Y sỹ       |    |    |
|    | 2    | Viên chức chuyên môn                 |            |            |         |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |    |    |
| 60 | 2.1  | Sùng A Súa                           | 07/09/1992 |            | H' mông | Viên chức   | 12/12 | ĐH | Y sĩ                           | V.08.03.07 | Hạng IV  | TC | CB | A1 | Y sỹ       |    |    |
| 61 | 2.2  | Trương Thị Lâm                       |            | 22/06/1980 | kinh    | Viên chức   | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng                     | V.08.05.12 | Hạng III |    | CB | B  | Điều dưỡng |    |    |
| 62 | 2.3  | Lò Văn Ýnh                           | 22/10/1971 |            | Thái    | Viên chức   | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng                     | V.08.05.12 | Hạng III |    | CB | B  | Điều dưỡng |    |    |

[illegible]



|    |     |                                      |            |            |      |             |       |    |                                         |            |          |    |    |            |            |           |    |  |
|----|-----|--------------------------------------|------------|------------|------|-------------|-------|----|-----------------------------------------|------------|----------|----|----|------------|------------|-----------|----|--|
|    | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |      |             |       |    |                                         |            |          |    |    |            |            |           |    |  |
| 80 | 1.1 | Lê Thanh Hùng                        | 04/05/1978 |            | Kinh | Trưởng trạm | 12/12 | ĐH | Bác sĩ                                  | V.08.01.03 | Hạng III |    | CB | B          | Bác sỹ     | Cấp phòng | CV |  |
| 81 | 1.2 | Đoàn Tuyết Nhung                     |            | 11/30/1976 | Kinh | Phó trạm    | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                            | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B          | Y sỹ       |           | CV |  |
|    | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |            |      |             |       |    |                                         |            |          |    |    |            |            |           |    |  |
| 82 | 2.1 | Phạm Văn Nam                         | 11/07/1977 |            | Kinh | Viên chức   | 9/12  | SH | Điều dưỡng                              | 16b122     | Hạng IV  |    | CB | B          |            |           |    |  |
| 83 | 2.2 | Đỗ Thị Huệ                           |            | 23/01/1976 | Kinh | Viên chức   | 12/12 | CĐ | Nữ hộ sinh                              | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | CB | B          | Hộ sinh    |           |    |  |
| 84 | 2.3 | Lê Thị Thảo                          |            | 14/2/1990  | Kinh | Viên chức   | 12/12 | ĐH | YTCC, Dân số<br>viên trung cấp          | V.08.10.28 | Hạng III |    | CB | B          |            |           |    |  |
|    | XIV | Trạm Y tế xã Chiềng Ngâm             |            |            |      |             |       |    |                                         |            |          |    |    |            |            |           |    |  |
|    | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |      |             |       |    |                                         |            |          |    |    |            |            |           |    |  |
| 85 | 1.1 | Lò Văn Hành                          | 01/10/1975 |            | Thái | Trưởng trạm | 12/12 | ĐH | Bác sĩ                                  | V.08.01.03 | Hạng III |    | CB | B          | Bác sỹ     |           | CV |  |
|    |     | Viên chức chuyên môn                 |            |            |      |             |       |    |                                         |            |          |    |    |            |            |           |    |  |
| 86 | 2.1 | Quảng Văn Chanh                      | 17/12/1977 |            | Thái | Viên chức   | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                            | V.08.03.07 | Hạng IV  |    |    |            | Y sỹ       |           |    |  |
| 87 | 2.2 | Lò Thị Xương                         |            | 07/29/1978 | Thái | Viên chức   | 12/12 | CĐ | Nữ hộ sinh                              | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | CB |            | Hộ sinh    |           |    |  |
| 88 | 2.3 | Lò Văn Cường                         | 06/06/1989 |            | Thái | Viên chức   | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng,<br>Dân số viên<br>trung cấp | V.08.10.28 | Hạng III |    | CB | A2         |            |           | CV |  |
| 89 | 2.4 | Lường Thị Vãn                        |            | 01/06/1992 | Thái | Viên chức   | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng                              | V.08.05.12 | Hạng III |    | CB | Điều dưỡng |            |           |    |  |
| 90 | 2.5 | Lương Thu Trang                      |            | 27/08/2001 | Thái | Viên chức   | 12/12 | CĐ | Điều dưỡng                              | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | CB | A2         |            |           |    |  |
|    | XV  | Trạm Y tế xã Chiềng La               |            |            |      |             |       |    |                                         |            |          |    |    |            |            |           |    |  |
|    | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |      |             |       |    |                                         |            |          |    |    |            |            |           |    |  |
| 91 | 1.1 | Lò Văn Tâm                           | 20/03/1975 |            | Thái | Trưởng trạm | 12/12 | ĐH | Bác sĩ                                  | V.08.01.03 | Hạng III | TC | CB |            | Bác sỹ     | Cấp phòng |    |  |
| 92 | 1.2 | Tòng Văn Mậu                         | 12/10/1989 |            | Thái | Phó trạm    | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                            | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B          | Y sỹ       |           | CV |  |
|    | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |            |      |             |       |    |                                         |            |          |    |    |            |            |           |    |  |
| 93 | 2.1 | Cà Văn Tường                         | 13/8/1981  |            | Thái | Viên chức   | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng                              | V.08.05.12 | Hạng III | SC | CB | A2         | Điều dưỡng |           |    |  |
| 94 | 2.2 | Lò Thị Diệu                          |            | 28/09/1969 | Thái | Viên chức   | 12/12 | TH | Nữ hộ sinh                              | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | CB | B          | Hộ sinh    |           |    |  |
| 95 | 2.3 | Tòng Thị Chương                      |            | 31/12/1981 | Thái | Viên chức   | 12/12 | ĐH | YTCC, Dân số<br>viên trung cấp          | V.08.10.28 | Hạng III |    | CB |            |            |           |    |  |

|     |       |                                      |            |            |      |             |       |    |                             |            |          |    |    |   |            |           |    |  |
|-----|-------|--------------------------------------|------------|------------|------|-------------|-------|----|-----------------------------|------------|----------|----|----|---|------------|-----------|----|--|
| 96  | 2.4   | Quảng Văn Thức                       | 28/01/1990 |            | Thái | Viên chức   | 12/12 | CĐ | Được sỹ                     | V.08.08.23 | Hạng IV  |    | CB | B | Được sỹ    |           |    |  |
|     | XVI   | Trạm Y tế xã Púng Tra                |            |            |      |             |       |    |                             |            |          |    |    |   |            |           |    |  |
|     | 1     | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |      |             |       |    |                             |            |          |    |    |   |            |           |    |  |
| 97  | 1.1   | Lò Văn Đồi                           | 18/04/1967 |            | Thái | Trưởng trạm | 12/12 | ĐH | Bác sỹ                      | V.08.01.03 | Hạng III |    | CB |   | Bác sỹ     |           | CV |  |
|     | 2     | Viên chức chuyên môn                 |            |            |      |             |       |    |                             |            |          |    |    |   |            |           |    |  |
| 98  | 2.1   | Lường Thị Biên                       |            | 25/11/1981 | Thái | Viên chức   | 12/12 | CĐ | Nữ hộ sinh                  | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | CB | B | Hộ sinh    |           |    |  |
| 99  | 2.2   | Lường Văn Nội                        | 10/10/1980 |            | Thái | Viên chức   | 12/12 | TH | Y sỹ YHCT                   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B | Y sỹ       |           |    |  |
| 100 | 2.3   | Lò Văn Tín                           | 25/06/1979 |            | Thái | Viên chức   | 12/12 | ĐH | CN Điều dưỡng               | V.08.05.12 | Hạng III |    | CB | B | Điều dưỡng |           | CV |  |
| 101 | 2.4   | Vũ Thị Như                           |            | 28/5/1993  | Kinh | Viên chức   | 12/12 | TH | Y sỹ đa khoa                | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B | Y sỹ       |           |    |  |
| 102 | 2.5   | Lò Văn Tươi                          | 15/01/1991 |            | Thái | Viên chức   | 12/12 | ĐH | YTCC, Dân số viên trung cấp | V.08.10.28 | Hạng III |    | CB |   |            |           |    |  |
|     | XVII  | Trạm Y tế xã Chiềng Bôm              |            |            |      |             |       |    |                             |            |          |    |    |   |            |           |    |  |
|     | 1     | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |      |             |       |    |                             |            |          |    |    |   |            |           |    |  |
| 103 | 1.1   | Cà Thị Hung                          |            | 26/03/1973 | Thái | Trưởng trạm | 12/12 | ĐH | Bác sỹ                      | V.08.01.03 | Hạng III |    | CB | B | Bác sỹ     |           | CV |  |
| 104 | 1.2   | Lò Văn Quy                           | 29/12/1976 |            | Thái | Phó trạm    | 12/12 | TH | Y sỹ sản nhi                | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B | Y sỹ       |           |    |  |
|     | 2     | Viên chức chuyên môn                 |            |            |      |             |       |    |                             |            |          |    |    |   |            |           |    |  |
| 105 | 2.1   | Lường Thị Quyết                      |            | 16/02/1973 | Thái | Viên chức   | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng                  | V.08.05.12 | Hạng III |    | CB | B | Điều dưỡng |           |    |  |
| 106 | 2.2   | Lường Thị Tâm                        |            | 20/08/1979 | Thái | Viên chức   | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng                  | V.08.05.12 | Hạng III |    | CB | B | Điều dưỡng |           |    |  |
| 107 | 2.3   | Lò Thị Loan                          |            | 11/05/1981 | Thái | Viên chức   | 12/12 | ĐH | YTCC, Dân số viên trung cấp | V.08.10.28 | Hạng III |    | CB | B |            |           |    |  |
| 108 | 2.4   | Lò Thị Pun                           |            | 16/08/1989 | Thái | Viên chức   | 12/12 | TH | Y sỹ YHCT                   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B | Y sỹ       |           |    |  |
| 109 | 2.5   | Lường Thị Sâm                        |            | 01/01/1974 | Thái | Viên chức   | 12/12 | CĐ | Nữ hộ sinh                  | V.08.06.16 | Hạng IV  | SC | CB | B | Hộ sinh    |           | CV |  |
|     | XVIII | Trạm Y tế xã Muối Nội                |            |            |      |             |       |    |                             |            |          |    |    |   |            |           |    |  |
|     | 1     | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |      |             |       |    |                             |            |          |    |    |   |            |           |    |  |
| 110 | 1.1   | Lò Văn Chính                         | 18/7/1977  |            | Thái | Trưởng trạm | 12/12 | ĐH | Bác sỹ                      | V.08.01.03 | Hạng III |    | CB | B | Bác sỹ     | Cấp phòng | CV |  |
| 111 | 1.2   | Trần Thị Xoan                        |            | 06/12/1976 | Kinh | Phó trạm    | 12/12 | CĐ | Nữ hộ sinh                  | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | CB | B | Hộ sinh    |           | CV |  |

[illegible]

|     |       |                                      |            |            |        |             |       |    |                                         |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
|-----|-------|--------------------------------------|------------|------------|--------|-------------|-------|----|-----------------------------------------|------------|----------|----|----|----|------------|--|----|--|
|     | 1     | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |        |             |       |    |                                         |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
| 129 | 1.1   | Vàng A Páo                           | 30/12/1978 |            | H'mông | Trưởng trạm | 12/12 | ĐH | Bác sĩ                                  | V.08.01.03 | Hạng III |    | CB | B  | Bác sỹ     |  | CV |  |
| 130 | 1.2   | Mùa A Óng                            | 03/01/1985 |            | H'mông | Phó trạm    | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                            | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB |    | Y sỹ       |  | CV |  |
|     | 2     | Viên chức chuyên môn                 |            |            |        |             |       |    |                                         |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
| 131 | 2.1   | Lường Thị Tâm                        |            | 08/03/1972 | Thái   | Viên chức   | 12/12 | TH | Nữ hộ sinh                              | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | CB | B  | Hộ sinh    |  |    |  |
| 132 | 2.2   | Vàng A Sênh                          | 15/03/1974 |            | H'mông | Viên chức   | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng,<br>Dân số viên<br>trung cấp | V.08.10.28 | Hạng III |    | CB | B  |            |  |    |  |
| 133 | 2.3   | Lò Văn Khoa                          | 07/5/1988  |            | Thái   | Viên chức   | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng                              | V.08.05.12 | Hạng III |    | CB | B  | Điều dưỡng |  |    |  |
| 134 | 2.4   | Lò Thị Phương                        |            | 11/03/1989 | La ha  | Viên chức   | 12/12 | CD | Dược sỹ                                 | V.08.08.23 | Hạng IV  |    | CB | B  | Dược sỹ    |  |    |  |
| 135 | 2.5   | Lường Văn Hoà                        | 20/8/1996  |            | Thái   | Viên chức   | 12/12 | TH | Y sỹ                                    | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | A2 |            |  |    |  |
|     | XXII  | Trạm Y tế xã Pá Lông                 |            |            |        |             |       |    |                                         |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
|     | 1     | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |        |             |       |    |                                         |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
| 136 | 1.1   | Vừ Giồng Mua                         | 19/12/1973 |            | H'mông | Phó trạm    | 9/12  | TH | Y sĩ đa khoa                            | V.08.03.07 | Hạng IV  | TC | CB | B  | Y sỹ       |  | CV |  |
|     | 2     | Viên chức chuyên môn                 |            |            |        |             |       |    |                                         |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
| 137 | 2.1   | Vừ Chữ Tủa                           | 09/12/1976 |            | H'mông | Viên chức   | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                            | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B  | Y sỹ       |  | CV |  |
| 138 | 2.2   | Và Nò Cống                           | 20/12/1973 |            | H'mông | Viên chức   | 9/12  | SH | Điều dưỡng                              | 16b122     | Hạng IV  |    | CB | B  |            |  |    |  |
| 139 | 2.3   | Và Thị Kía                           |            | 22/11/1981 | H'mông | Viên chức   | 9/12  | SH | Nữ hộ sinh                              | 16298      | Hạng IV  |    | CB | B  |            |  |    |  |
| 140 | 2.4   | Lý A Chữ                             | 17/12/1980 |            | H'mông | Viên chức   | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                            | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B  | Y sỹ       |  |    |  |
| 141 | 2.5   | Vừ A Đế                              | 13/07/1979 |            | H'mông | Viên chức   | 12/12 | ĐH | YTCC, Dân số<br>viên trung cấp          | V.08.10.28 | Hạng III |    | CB | B  |            |  |    |  |
|     | XXIII | Trạm Y tế xã Co Tòng                 |            |            |        |             |       |    |                                         |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
|     | 1     | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |        |             |       |    |                                         |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
| 142 | 1.1   | Vừ A Thảo                            | 08/02/1979 |            | H'mông | Phó trạm    | 12/12 | TH | Y sĩ sản nhi                            | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B  | Y sỹ       |  | CV |  |
|     | 2     | Viên chức chuyên môn                 |            |            |        |             |       |    |                                         |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
| 143 | 2.1   | Lò Văn Chuông                        | 24/4/1989  |            | Thái   | Viên chức   | 12/12 | ĐH | Bác sĩ YHCT                             | V.08.01.03 | Hạng III |    | CB | B  |            |  | CV |  |
| 144 | 2.2   | Lường Văn Toàn                       | 07/06/1980 |            | Thái   | Viên chức   | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng                              | V.08.05.12 | Hạng III |    | CB | A  | Điều dưỡng |  |    |  |
| 145 | 2.3   | Và A Và                              | 05/13/1988 |            | H'mông | Viên chức   | 12/12 | ĐH | YTCC, Dân số<br>viên trung cấp          | V.08.10.28 | Hạng IV  |    | CB |    |            |  |    |  |

|     |      |                                      |            |            |        |           |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
|-----|------|--------------------------------------|------------|------------|--------|-----------|-------|----|--------------------------------|------------|----------|----|----|----|------------|--|----|--|
| 146 | 2.4  | Phá A Nénh                           | 05/06/1984 |            | H'mông | Viên chức | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB |    | Y sỹ       |  |    |  |
| 147 | 2.5  | Quảng Thị Anh                        |            | 04/05/1996 | Thái   | Viên chức | 12/12 | CĐ | Hộ sinh                        | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | CB | A2 | Hộ sinh    |  |    |  |
|     | XXIV | Trạm Y tế xã É Tòng                  |            |            |        |           |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
|     | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |        |           |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
| 148 | 1.1  | Sa Thị Thìn                          |            | 25/02/1976 | Thái   | Phó trạm  | 12/12 | TH | Y sĩ sản nhi                   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B  | Y sỹ       |  | CV |  |
|     | 2    | Viên chức chuyên môn                 |            |            |        |           |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
| 149 | 2.1  | Lò Văn Thái                          | 07/03/1979 |            | Thái   | Viên chức | 12/12 | TH | Y sĩ YHCT                      | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B  | Y sỹ       |  | CV |  |
| 150 | 2.2  | Lò Văn Kiệm                          | 16/08/1963 |            | Thái   | Viên chức | 7/10  | SH | Điều dưỡng                     | 16b122     | Hạng IV  |    |    |    |            |  |    |  |
| 151 | 2.3  | Lò Văn Chiến                         | 11/04/1983 |            | Thái   | Viên chức | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng                     | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | CB | B  | Điều dưỡng |  |    |  |
| 152 | 2.4  | Lò Văn Thiết                         | 10/06/1989 |            | Thái   | Viên chức | 12/12 | TH | Y sĩ, Dân số<br>viên trung cấp | V.08.10.29 | Hạng IV  |    | CB | B  |            |  |    |  |
| 153 | 2.5  | Lường Thị Chiến                      |            | 12/10/1978 | Thái   | Viên chức | 12/12 | CĐ | Nữ hộ sinh                     | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | CB | B  | Hộ sinh    |  |    |  |
|     | XXV  | Trạm Y tế xã Long Hẹ                 |            |            |        |           |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
|     | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |        |           |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
| 154 |      | Thào Nhìa Tòng                       | 16/04/1971 |            | H'mông | P. trạm   | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | B  | A  | Y sỹ       |  |    |  |
|     | 2    | Viên chức chuyên môn                 |            |            |        |           |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
| 155 | 2.1  | Lầu A Ký                             | 10/6/1995  |            | H'mông | Viên chức | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    |    |    | Y sỹ       |  |    |  |
| 156 | 2.2  | Lường Văn Tinh                       | 26/07/1972 |            | Kháng  | Viên chức | 9/12  | TH | Điều dưỡng                     | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | CB | B  | Điều dưỡng |  |    |  |
| 157 | 2.3  | Thào Phòng Khứ                       | 12/12/1968 |            | H'mông | Viên chức | 9/12  | TH | Điều dưỡng                     | V.08.05.13 | Hạng IV  | SC | B  | B  | Điều dưỡng |  |    |  |
| 158 | 2.4  | Sộng Thị Sua                         |            | 15/2/1994  | H'mông | Viên chức | 12/12 | CĐ | Nữ hộ sinh                     | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | CB |    | Hộ sinh    |  |    |  |
| 159 | 2.5  | Lầu A Sênh                           | 11/07/1979 |            | H'mông | Viên chức | 12/12 | ĐH | YTCC, Dân số<br>viên trung cấp | V.08.10.29 | Hạng III |    | CB | B  |            |  |    |  |
| 160 | 2.6  | Lò Văn Định                          | 27/7/1979  |            | Thái   | Viên chức | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB |    | Y sỹ       |  |    |  |
|     | XXVI | Trạm Y tế xã Mường Bám               |            |            |        |           |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
|     | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |        |           |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |  |    |  |
| 161 | 1.1  | Lường Thị Xoa                        |            | 15/05/1979 | Thái   | Phó trạm  | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng                     | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | CB | B  | Điều dưỡng |  |    |  |

|     |        |                                      |            |            |       |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |           |    |  |
|-----|--------|--------------------------------------|------------|------------|-------|-------------|-------|----|--------------------------------|------------|----------|----|----|----|------------|-----------|----|--|
|     | 2      | Viên chức chuyên môn                 |            |            |       |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |           |    |  |
| 162 | 2.1    | Cà Văn Tiệp                          | 15/10/1971 |            | Thái  |             | 12/12 | ĐH | Bác sĩ                         | V.08.01.03 | Hạng III |    | CB | B  | Bác sỹ     |           | CV |  |
| 163 | 2.2    | Cà Văn Quỳnh                         | 05/05/1982 |            | Thái  | Viên chức   | 12/12 | SH | Điều dưỡng                     | 16b122     | Hạng IV  |    | CB | B  |            |           |    |  |
| 164 | 2.3    | Cà Văn Thường                        | 05/06/1994 |            | Thái  | Viên chức   | 12/12 | TH | Dược sỹ                        | V.08.08.23 | Hạng IV  |    | CB | B  | Dược sỹ    |           |    |  |
| 165 | 2.4    | Lò Văn Phòng                         | 20/01/1982 |            | Thái  | Viên chức   | 12/12 | ĐH | YTCC, Dân số<br>viên trung cấp | V.08.10.28 | Hạng III |    | CB | B  |            |           | CV |  |
| 166 | 2.5    | Lò Thị Duyên                         |            | 24/7/1992  | Thái  | Viên chức   | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B  | Y sỹ       |           |    |  |
| 167 | 2.6    | Lường Ngọc Hằng                      |            | 19/07/1998 | Thái  | Viên chức   | 12/12 | CĐ | Hộ sinh                        | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | CB | B  |            |           |    |  |
|     | XXVII  | Trạm Y tế xã Liệp Tề                 |            |            |       |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |           |    |  |
|     | 1      | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |       |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |           |    |  |
| 168 | 1.1    | Quảng Văn Tường                      | 12/05/1974 |            | La ha | Phó trạm    | 12/12 | TH | Y sĩ sản nhi                   | V.08.03.07 | Hạng IV  | SC | CB | A2 | Y sỹ       |           | CV |  |
|     | 2      | Viên chức chuyên môn                 |            |            |       |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |           |    |  |
| 169 | 2.1    | Lò Thị Vân                           |            | 24/06/1980 | La ha | Viên chức   | 12/12 | CĐ | Nữ hộ sinh                     | V.08.06.16 | Hạng IV  | SC | CB |    | Hộ sinh    |           | CV |  |
| 170 | 2.2    | Lò Thị Quyết                         |            | 12/10/1980 | Thái  | Viên chức   | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng                     | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | CB | B  | Điều dưỡng |           |    |  |
| 171 | 2.3    | Lò Văn Pâng                          | 31/7/1978  |            | Thái  | Viên chức   | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB |    | Y sỹ       |           |    |  |
| 172 | 2.4    | Lò Thị Cong                          |            | 05/08/1989 | Thái  | Viên chức   | 12/12 | ĐH | YTCC, Dân số<br>viên trung cấp | V.08.10.28 | Hạng III |    | CB | B  |            |           |    |  |
| 173 | 2.5    | Lò Thị Hoai                          |            | 05/05/1996 | Thái  | Viên chức   | 12/12 | CĐ | Điều dưỡng                     | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | CB | B  | Điều dưỡng |           |    |  |
|     | XXVIII | Trạm Y tế xã Mương Khiêng            |            |            |       |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |           |    |  |
|     | 1      | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |       |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |           |    |  |
| 174 | 1.1    | Bạc Cầm Ban                          | 16/10/1973 |            | Thái  | Trưởng trạm | 12/12 | ĐH | Bác sĩ                         | V.08.01.03 | Hạng III | TC | CB | B  | Bác sỹ     | Cấp phòng | CV |  |
|     | 2      | Viên chức chuyên môn                 |            |            |       |             |       |    |                                |            |          |    |    |    |            |           |    |  |
| 175 | 2.1    | Lò Thị Doan                          |            | 02/02/1978 | Thái  | Viên chức   | 12/12 | CĐ | Nữ hộ sinh                     | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | CB | A  | Hộ sinh    |           | CV |  |
| 176 | 2.2    | Lò Văn Tiên                          | 01/11/1994 |            | Thái  | Viên chức   | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB |    | Y sỹ       |           |    |  |
| 177 | 2.3    | Lê T Quỳnh Hương                     |            | 12/09/1977 | Kinh  | Viên chức   | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | A  | Y sỹ       |           |    |  |
| 178 | 2.4    | Lò Thị Sương                         |            | 25/05/1980 | Thái  | Viên chức   | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng                     | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | CB | A  | Điều dưỡng |           |    |  |

|     |      |                                      |            |            |      |             |       |    |                                         |            |          |    |    |   |            |           |    |  |
|-----|------|--------------------------------------|------------|------------|------|-------------|-------|----|-----------------------------------------|------------|----------|----|----|---|------------|-----------|----|--|
| 179 | 2.5  | Lò Thị Bình                          |            | 05/02/1978 | Thái | Viên chức   | 12/12 | ĐH | YTCC, Dân số<br>viên trung cấp          | V.08.10.28 | Hạng III |    | CB | A |            |           | CV |  |
| 180 | 2.6  | Bạc Thị Diễm                         |            | 08/02/1981 | Thái | Viên chức   | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                            | V.08.03.07 | Hạng IV  | SC | CB | A | Y sỹ       | Cấp phòng |    |  |
| 181 | 2.7  | Lò Văn Trường                        | 20/10/1993 |            | Thái | Viên chức   | 12/12 | CĐ | Điều dưỡng                              | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | CB | A | Điều dưỡng |           |    |  |
|     | XXIX | Trạm Y tế xã Bó Mười                 |            |            |      |             |       |    |                                         |            |          |    |    |   |            |           |    |  |
|     | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |      |             |       |    |                                         |            |          |    |    |   |            |           |    |  |
| 182 | 1.1  | Lù Văn Vượng                         | 27/12/1967 |            | Thái | Trưởng trạm | 12/12 | ĐH | Bác sĩ                                  | V.08.01.03 | Hạng III |    | CB | B | Bác sỹ     |           | CV |  |
| 183 | 1.2  | Lò Văn Toàn                          | 24/06/1963 |            | Thái | Phó trạm    | 9/12  | TH | Y sĩ đa khoa                            | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB | B | Y sỹ       |           |    |  |
|     | 2    | Viên chức chuyên môn                 |            |            |      |             |       |    |                                         |            |          |    |    |   |            |           |    |  |
| 184 | 2.1  | Lường Thị Dung                       |            | 27/07/1972 | Thái | Viên chức   | 12/12 | CĐ | Nữ hộ sinh                              | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | CB | B | Hộ sinh    |           |    |  |
| 185 | 2.2  | Quảng Văn Bun                        | 01/08/1967 |            | Thái | Viên chức   | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng                              | V.08.05.12 | Hạng III |    | CB | B | Điều dưỡng |           |    |  |
| 186 | 2.3  | Quảng Văn Quy                        | 15/9/1979  |            | Thái | Viên chức   | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng,<br>Dân số viên<br>trung cấp | V.08.10.28 | Hạng III |    | CB | B |            |           | CV |  |
| 187 | 2.4  | Quảng Văn Phát                       | 06/03/1985 |            | Thái | Viên chức   | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                            | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | CB |   | Y sỹ       |           |    |  |
| 188 | 2.5  | Lò Thị Kỳ                            |            | 02/12/1984 | Thái | Viên chức   | 12/12 | TH | Y sĩ đa khoa                            | V.08.03.07 | Hạng IV  |    |    |   | Y sỹ       |           |    |  |

PHỤ LỤC I.4

Biểu thống kê hiện trạng nhân lực tại các Trung tâm Y tế và các Trạm y tế xã thuộc Trung tâm Y tế huyện Mường La  
(Kèm theo Đề án kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

| TT |     | Họ và tên                                   | Ngày, tháng, năm sinh |            | Dân tộc | Chức vụ hoặc chức danh | Trình độ đào tạo và CDNN    |                             |                |                          |                                      | Trình độ LLCT và Tin học, ngoại ngữ |                  |                                           | Các chứng chỉ/chứng nhận bồi dưỡng |            |                   | Ghi chú |
|----|-----|---------------------------------------------|-----------------------|------------|---------|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|----------------|--------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|------------------|-------------------------------------------|------------------------------------|------------|-------------------|---------|
|    |     |                                             | Nam                   | Nữ         |         |                        | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ đào tạo            |                | Mã chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp viên chức | Trình độ lý luận chính trị          | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ/tiếng dân tộc thiểu số | CC Hành nghề                       | CC Quản lý | Bồi dưỡng QLNN    |         |
|    |     |                                             |                       |            |         |                        |                             | Trình độ đào tạo (cao nhất) | Chuyên ngành   |                          |                                      |                                     |                  |                                           |                                    |            |                   |         |
|    | 1   | 2                                           | 3                     | 4          | 5       | 6                      | 7                           | 8                           | 9              | 10                       | 11                                   | 12                                  | 13               | 14                                        | 15                                 | 16         | 17                | 18      |
| A  |     | TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN MUÔNG LA: 33 viên chức |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                      |                                     |                  |                                           |                                    |            |                   |         |
|    | I   | Lãnh đạo Trung tâm (GD, PGD)                |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                      |                                     |                  |                                           |                                    |            |                   |         |
| 1  | 1   | Nguyễn Mạnh Thái                            | 31/12/1970            |            | Kinh    | Giám đốc               | 12/12                       | CK II                       | Quản lý Y tế   | V.08.02.06               | III                                  | Cao cấp                             | Cơ bản           | B1 - Thái                                 |                                    | Cấp phòng  | Chuyên viên       |         |
| 2  | 2   | Nguyễn Văn Chức                             | 16/9/1981             |            | Kinh    | Phó giám đốc           | 12/12                       | CKI                         | Y học gia đình | V.08.01.03               | III                                  | Cao cấp                             | Cơ bản           | Thái                                      | Bác sĩ đa khoa                     | Cấp phòng  | Chuyên viên       |         |
|    | II  | Các phòng chuyên môn/các khoa               |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                      |                                     |                  |                                           |                                    |            |                   |         |
|    | 1   | Phòng Hành chính - Tổng hợp                 |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                      |                                     |                  |                                           |                                    |            |                   |         |
| 3  | 1.1 | Phạm Thị Nguyệt                             |                       | 16/02/1985 | Kinh    | Trưởng phòng           | 12/12                       | Đại học                     | Kế toán        | 01.003                   | III                                  | Trung cấp                           | Cơ bản           | A2-thái                                   |                                    | Cấp phòng  | Chuyên viên chính |         |
| 4  | 1.2 | Lã Thị Quỳnh Trang                          |                       | 17/6/1990  | Kinh    | Kê toán trưởng         | 12/12                       | Đại học                     | Kế toán        | 06.031                   | III                                  | Sơ cấp                              | Cơ bản           | C - Thái                                  |                                    |            | Chuyên viên       |         |
| 5  | 1.3 | Hà Ngọc Khánh                               | #####                 |            | Thái    |                        | 12/12                       | Đại học                     | Kế toán        | 06.031                   | III                                  | Sơ cấp                              | Cơ bản           |                                           |                                    |            |                   |         |
| 6  | 1.4 | Trần Thị Thúy Hằng                          |                       | 28/02/1985 | Kinh    |                        | 12/12                       | Trung cấp                   | Y sĩ đa khoa   | V.08.03.07               | IV                                   |                                     | Cơ bản           | A2                                        | Y sĩ đa khoa                       |            |                   |         |
| 7  | 1.5 | Quảng Ánh Nguyệt                            |                       | 03/8/1992  | Thái    |                        | 12/12                       | Trung cấp                   | Y sĩ đa khoa   | V.08.03.07               | IV                                   |                                     | Cơ bản           | Thái                                      | Y sĩ đa khoa                       |            |                   |         |
| 8  | 1.6 | Lò Văn Sơn                                  | 22/02/1991            |            | Thái    |                        | 12/12                       | Cao đẳng                    | Sư phạm toán   | V.01.02.03               | IV                                   | Sơ cấp                              | Cơ bản           | A2                                        |                                    |            |                   |         |
| 9  | 1.7 | Nguyễn Thị Nguyệt                           |                       | 9/10/1996  | Kinh    |                        | 12/12                       | Đại học                     | Kế toán        | 06.031                   | III                                  |                                     | Cơ bản           | A2                                        |                                    |            |                   |         |
|    | 2   | Khoa Khám bệnh - Xét nghiệm - Dược          |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                      |                                     |                  |                                           |                                    |            |                   |         |



|    |     |                                                              |            |            |      |                       |       |           |                   |            |     |           |        |              |                        |              |                |  |
|----|-----|--------------------------------------------------------------|------------|------------|------|-----------------------|-------|-----------|-------------------|------------|-----|-----------|--------|--------------|------------------------|--------------|----------------|--|
| 10 | 2.1 | Lê Thị Hương                                                 |            | 14/02/1972 |      | Trường<br>khoa        | 12/12 | Đại học   | Bác sĩ đa<br>khoa | V.08.02.06 | III | Sơ cấp    | Cơ bản | C            |                        |              |                |  |
| 11 | 2.2 | Hà Thị Hạnh                                                  |            | 07/7/1989  | Thái |                       | 12/12 | Cao đẳng  | Dược sĩ           | V.08.08.23 | IV  |           | Cơ bản | Thái         |                        |              |                |  |
| 12 | 2.3 | Lò Duy Khánh                                                 | 23/8/1996  |            | Thái |                       | 12/12 | Trung cấp | Kỹ thuật<br>viên  | V.08.07.19 | IV  |           | Cơ bản | Thái         |                        |              |                |  |
| 13 | 2.4 | Võ Thùy Linh                                                 |            | 30/7/1996  | Kinh |                       | 12/12 | Đại học   | Dược sĩ           | V.08.08.22 | III |           | Cơ bản | A2           |                        |              |                |  |
| 14 | 2.5 | Lò Trung Kiên                                                | 26/06/1995 |            | Thái |                       | 12/12 | Đại học   | Bác sĩ đa<br>khoa | V.08.02.06 | III |           | Cơ bản | A2-<br>thái  |                        |              |                |  |
| 15 | 2.6 | Vũ Thị Thanh Hiền                                            |            | 05/6/1981  | Kinh |                       | 12/12 | Đại học   | Điều<br>dưỡng     | V.08.05.12 | III | Sơ cấp    | Cơ bản | A2           |                        |              |                |  |
| 16 | 2.7 | Hoàng Mạnh Cường                                             | 16/7/1998  |            | Kinh |                       | 12/12 | Đại học   | Bác sĩ đa<br>khoa | V.08.02.06 | III |           | Cơ bản | B2           |                        |              |                |  |
|    | 3   | <b>Khoa Truyền nhiễm - Kiểm soát bệnh tật &amp; HIV/AIDS</b> |            |            |      |                       |       |           |                   |            |     |           |        |              |                        |              |                |  |
| 17 | 3.1 | Lò Văn Soạn                                                  | 20/5/1970  |            | Thái | Trường<br>khoa        | 12/12 | CK I      | YTCC              | V.08.01.03 | III | Trung cấp | B      | B            | Bác sĩ<br>đa khoa      | Cấp<br>phòng | Chuyên<br>viên |  |
| 18 | 3.2 | Hoàng Văn Cường                                              | 5/9/1989   |            | Thái | Phó<br>trưởng         | 12/12 | CK I      | Sản phụ<br>khoa   | V.08.02.06 | III | Sơ cấp    | Cơ bản | Tây          | Bác sĩ<br>đa khoa      |              |                |  |
| 19 | 3.3 | Lò Văn Chôm                                                  | 29/12/1985 |            | Thái |                       | 12/12 | Đại học   | Điều<br>dưỡng     | V.08.05.12 | III |           | Cơ bản | A2           |                        |              |                |  |
| 20 | 3.4 | Cà Thị Ly                                                    |            | 30/8/1989  | Thái |                       | 12/12 | Đại học   | Bác sĩ<br>ĐK      | V.08.01.03 | III |           | Cơ bản | A2 -<br>thái | Bác sĩ<br>đa khoa      |              |                |  |
| 21 | 3.5 | Vì Kim Tuyền                                                 | 17/8/1989  |            | Thái |                       | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ<br>YHCT      | V.08.03.07 | IV  |           | Cơ bản | Thái         |                        |              |                |  |
| 22 | 3.6 | Ngô Thị Dung                                                 |            | 11/12/1993 | Kinh |                       | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ ĐK           | V.08.03.07 | IV  |           | B      | B            |                        |              |                |  |
|    | 4   | <b>Khoa Y tế công cộng - Dinh dưỡng &amp; ATTP</b>           |            |            |      |                       |       |           |                   |            |     |           |        |              |                        |              |                |  |
| 23 | 4.1 | Nguyễn Đức Thắng                                             | 04/9/1986  |            | Kinh | Trường<br>khoa        | 12/12 | CK1       | đoán hình<br>ảnh  | V.08.02.06 | III | Sơ cấp    | Cơ bản | B -<br>thái  | Bác sĩ<br>Chẩn<br>đoán |              |                |  |
| 24 | 4.2 | Đào Thị Mai                                                  |            | 05/8/1989  | Kinh |                       | 12/12 | Đại học   | Điều<br>dưỡng     | V.08.05.13 | IV  |           | Cơ bản | Thái         | Y sĩ<br>YHCT           |              |                |  |
| 25 | 4.3 | Nguyễn Văn Hiếu                                              | 22/5/1989  |            | Kinh |                       | 12/12 | Đại học   | Bác sĩ đa<br>khoa | V.08.03.07 | IV  |           | Cơ bản | A2 -<br>thái |                        |              |                |  |
| 26 | 4.4 | Cà Văn Toán                                                  | 10/12/1996 |            | Thái |                       | 12/12 | Đại học   | Điều<br>dưỡng     | V.08.05.12 | III |           | Cơ bản | B            |                        |              |                |  |
| 27 | 4.5 | Nguyễn Sơn Tùng                                              | 13/01/1985 |            | Kinh |                       | 12/12 | Đại học   | Điều<br>dưỡng     | V.08.05.12 | III |           | Cơ bản | A2           |                        |              |                |  |
|    | 5   | <b>Khoa Dân số - Truyền thông - Chăm sóc SKSS</b>            |            |            |      |                       |       |           |                   |            |     |           |        |              |                        |              |                |  |
| 28 | 5.1 | Lường Thị Bích                                               |            | 05/6/1974  | Thái | Trường<br>khoa        | 12/12 | Đại học   | Bác sĩ đa<br>khoa | V.08.02.06 | III | Sơ cấp    | Cơ bản | B            | Bác sĩ<br>đa khoa      |              |                |  |
| 29 | 5.2 | Lường Văn Hải                                                | 13/11/1989 |            | Thái | Phó<br>trưởng<br>khoa | 12/12 | Đại học   | YTCC              | V.08.10.28 | III |           | Cơ bản | B            |                        |              |                |  |

|    |           |                                                      |            |            |      |                       |       |           |                   |            |     |           |        |          |                   |  |  |  |
|----|-----------|------------------------------------------------------|------------|------------|------|-----------------------|-------|-----------|-------------------|------------|-----|-----------|--------|----------|-------------------|--|--|--|
| 30 | 5.3       | Đặng Thị Nguyệt                                      |            | 10/10/1986 | Kinh |                       | 12/12 | Đại học   | YTCC              | V.08.10.28 | III |           | Cơ bản | B        |                   |  |  |  |
| 31 | 5.4       | Tòng Văn Liên                                        | 08/11/1992 |            | Thái |                       | 12/12 | Cao đẳng  | Điều dưỡng        | V.08.10.29 | IV  | Sơ cấp    | Cơ bản | B        |                   |  |  |  |
| 32 | 5.5       | Lò Thị Chung                                         |            | 17/3/1969  | Thái |                       | 12/12 | Trung cấp | Hộ sinh           | V.08.06.16 | IV  |           | Cơ bản | Thái     |                   |  |  |  |
| 33 | 5.6       | Hoàng Thúy Miên                                      |            | 17/5/1994  | Tây  |                       | 12/12 | Cao đẳng  | Sư phạm<br>văn sử | V.08.10.29 | IV  |           | Cơ bản | 2 - Mông |                   |  |  |  |
|    |           | <b>TRẠM Y TẾ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN: 106 viên chức</b> |            |            |      |                       |       |           |                   |            |     |           |        |          |                   |  |  |  |
|    | <b>I</b>  | <b>Trạm Y tế xã Chiềng Công</b>                      |            |            |      |                       |       |           |                   |            |     |           |        |          |                   |  |  |  |
|    | <b>1</b>  | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b>   |            |            |      |                       |       |           |                   |            |     |           |        |          |                   |  |  |  |
| 34 | 1         | Lò Văn Huân                                          | 17/12/1965 |            | Thái | Phó<br>trưởng<br>trạm | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa<br>khoa   | V.08.03.07 | IV  |           |        |          | Y sĩ đa<br>khoa   |  |  |  |
|    | <b>2</b>  | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                   |            |            |      |                       |       |           |                   |            |     |           |        |          |                   |  |  |  |
| 35 | 1         | Tòng Văn Biên                                        | 22/7/1974  |            | Thái |                       | 12/12 | Đại học   | Bác sĩ đa<br>khoa | V.08.01.03 | III |           | B      | B        | Bác sĩ<br>đa khoa |  |  |  |
| 36 | 2         | Lò Văn Mẫn                                           | 10/11/1984 |            | Thái |                       | 12/12 | Đại học   | Điều<br>dưỡng     | V.08.05.12 | III |           | Cơ bản | A2       | Điều<br>dưỡng     |  |  |  |
| 37 | 37        | Giàng Lao Thành                                      | 17/6/1988  |            | Mông |                       | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa<br>khoa   | V.08.03.07 | IV  |           | B      | B        | Y sĩ đa<br>khoa   |  |  |  |
| 38 | 38        | Ly Thị Pía                                           |            | 10/06/1995 | Mông |                       | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh           | V.08.06.16 | IV  |           | Cơ bản | B        |                   |  |  |  |
| 39 | 39        | Lầu Thị Nu                                           |            | 02/6/1993  | Mông |                       | 12/12 | Cao đẳng  | Điều<br>dưỡng     | V.08.05.13 | IV  |           | Cơ bản | A2       |                   |  |  |  |
| 40 | 40        | Phàng Thị Xao                                        |            | 7/4/1986   | Mông |                       | 12/12 | Cao đẳng  | Dược              | V.08.10.29 | IV  |           |        |          |                   |  |  |  |
|    | <b>II</b> | <b>Trạm Y tế xã Chiềng Ân</b>                        |            |            |      |                       |       |           |                   |            |     |           |        |          |                   |  |  |  |
|    | <b>1</b>  | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b>   |            |            |      |                       |       |           |                   |            |     |           |        |          |                   |  |  |  |
| 41 | 1.1       | Lường Văn Khin                                       | 20/12/1976 |            | Thái | Trưởng<br>trạm        | 12/12 | Đại học   | YHCT              | V.08.01.03 | III | Trung cấp | Cơ bản | B        | Bác sĩ<br>YHCT    |  |  |  |
|    | <b>2</b>  | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                   |            |            |      |                       |       |           |                   |            |     |           |        |          |                   |  |  |  |
| 42 | 2.1       | Cử Thị Hương                                         |            | 26/6/1982  | Mông |                       | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa<br>khoa   | V.08.03.07 | IV  |           |        |          | Y sĩ đa<br>khoa   |  |  |  |
| 43 | 2.2       | Quàng Văn Loán                                       | 23/7/1980  |            | Thái |                       | 12/12 | Đại học   | Điều<br>dưỡng     | V.08.05.12 | III | Sơ cấp    | Cơ bản | B        | Điều<br>dưỡng     |  |  |  |

|    |            |                                                    |            |            |                 |       |           |                |              |            |        |        |        |                |              |  |  |
|----|------------|----------------------------------------------------|------------|------------|-----------------|-------|-----------|----------------|--------------|------------|--------|--------|--------|----------------|--------------|--|--|
| 44 | 2.3        | Lò Bình Thức                                       | 08/8/1990  | Thái       |                 | 12/12 | Trung cấp | Điều dưỡng     | V.08.10.29   | IV         |        | Cơ bản | B      | Điều dưỡng     |              |  |  |
| 45 | 2.4        | Lò Văn Đạt                                         | 16/6/2000  | Thái       |                 | 12/12 | Cao đẳng  | Điều dưỡng     | V.08.05.13   | IV         |        |        |        |                |              |  |  |
|    | <b>III</b> | <b>Trạm Y tế xã Chiềng Muôn</b>                    |            |            |                 |       |           |                |              |            |        |        |        |                |              |  |  |
|    | <b>1</b>   | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |            |                 |       |           |                |              |            |        |        |        |                |              |  |  |
| 46 | 1.1        | Lò Văn Thành                                       | 18/8/1978  | Thái       | Phó trưởng trạm | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa khoa   | V.08.03.07   | IV         | Sơ cấp | Cơ bản | B      | Y sĩ đa khoa   |              |  |  |
|    | <b>2</b>   | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |            |                 |       |           |                |              |            |        |        |        |                |              |  |  |
| 47 | 2.1        | Cà Văn Du                                          | 15/12/1986 | Thái       |                 | 12/12 | Đại học   | Điều dưỡng     | V.08.05.13   | IV         |        | Cơ bản | A2     | Y sĩ đa khoa   |              |  |  |
| 48 | 2.2        | Lò Văn Xôm                                         | 19/10/1972 | Thái       |                 | 12/12 | Cao đẳng  | Dược           | V.08.08.23   | IV         | Sơ cấp | Cơ bản | A2     |                |              |  |  |
| 49 | 2.3        | Quảng Văn Hồng                                     | 12/02/1992 | La Ha      |                 | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa khoa   | V.08.10.29   | IV         | Sơ cấp | Cơ bản | A2     | Y sĩ đa khoa   |              |  |  |
| 50 | 2.4        | Đieu Thị Phong                                     |            | 10/07/1999 | Thái            |       | 12/12     | Cao đẳng       | Hộ sinh      | V.08.06.16 | IV     |        | Cơ bản | Thái           |              |  |  |
|    | <b>IV</b>  | <b>Trạm Y tế xã Ngọc Chiến</b>                     |            |            |                 |       |           |                |              |            |        |        |        |                |              |  |  |
|    | <b>1</b>   | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |            |                 |       |           |                |              |            |        |        |        |                |              |  |  |
| 51 | 1.1        | Lò Văn Châu                                        | 12/10/1978 | Thái       | Trưởng trạm     | 12/12 | Đại học   | Bác sĩ đa khoa | V.08.01.03   | III        | Sơ cấp | Cơ bản | B      | Bác sĩ đa khoa |              |  |  |
|    | <b>2</b>   | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |            |                 |       |           |                |              |            |        |        |        |                |              |  |  |
| 52 | 2.1        | Lường Thị Thu Hương                                | 15/9/1988  | Thái       |                 | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa khoa   | V.08.03.07   | IV         | Sơ cấp | Cơ bản | B      | Y sĩ đa khoa   |              |  |  |
| 53 | 2.2        | Quảng Thị Vân Anh                                  | 07/11/1995 | Thái       |                 | 12/12 | Cao đẳng  | Điều dưỡng     | V.08.05.13   | IV         | Sơ cấp | Cơ bản | B      | Điều dưỡng     |              |  |  |
| 54 | 2.3        | Lò Văn Học                                         | 25/11/1973 | Thái       |                 | 9/10  | Trung cấp | Dược           | V.08.08.23   | IV         | Sơ cấp | Cơ bản | B      |                |              |  |  |
| 55 | 2.4        | Lò Văn Tầm                                         | 15/4/1987  | Thái       |                 | 12/12 | Cao đẳng  | Dược           | V.08.10.29   | IV         | Sơ cấp | Cơ bản | B      |                |              |  |  |
| 56 | 2.5        | Nguyễn Thúy An                                     |            | 04/11/1987 | Kinh            |       | 12/12     | Trung cấp      | Y sĩ đa khoa | V.08.03.07 | IV     |        | Cơ bản | Thái           | Y sĩ đa khoa |  |  |

|    |           |                                             |            |           |       |                       |       |           |                   |            |     |        |        |           |                   |  |  |  |
|----|-----------|---------------------------------------------|------------|-----------|-------|-----------------------|-------|-----------|-------------------|------------|-----|--------|--------|-----------|-------------------|--|--|--|
| 57 | 2.6       | Lò Thị Nga                                  |            | 6/10/1994 | Thái  |                       | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh           | V.08.06.16 | IV  |        |        |           |                   |  |  |  |
|    | <b>V</b>  | <b>Trạm Y tế xã Nậm Giôn</b>                |            |           |       |                       |       |           |                   |            |     |        |        |           |                   |  |  |  |
|    | <b>1</b>  | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |           |       |                       |       |           |                   |            |     |        |        |           |                   |  |  |  |
| 58 | 1.1       | Vàng A Cha                                  | 20/11/1982 |           | Mông  | Phó<br>trưởng<br>trạm | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa<br>khoa   | V.08.03.07 | IV  |        | Cơ bản |           | Y sĩ đa<br>khoa   |  |  |  |
| 59 | 1.2       | Lò Văn Bương                                | 15/3/1983  |           | Thái  | Phó<br>trưởng<br>trạm | 12/12 | Đại học   | Bác sĩ đa<br>khoa | V.08.01.03 | III |        | Cơ bản | A2        | Bác sĩ<br>đa khoa |  |  |  |
|    | <b>2</b>  | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |           |       |                       |       |           |                   |            |     |        |        |           |                   |  |  |  |
| 60 | 2.1       | Lò Thị My                                   |            | 12/4/1980 | Thái  |                       | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh           | V.08.06.16 | IV  |        | Cơ bản | B         | Hộ sinh           |  |  |  |
| 61 | 2.2       | Quảng Văn Bình                              | 29/7/1982  |           | La Ha |                       | 12/12 | Cao đẳng  | Dược              | V.08.10.29 | IV  |        | Cơ bản | B - Thái  |                   |  |  |  |
| 62 | 2.3       | Quảng Văn Thu                               | 08/10/1972 |           | Thái  |                       | 9/12  | Sơ cấp    | Điều<br>dưỡng     | 16.122     |     |        | Cơ bản | B         |                   |  |  |  |
| 63 | 2.4       | Quảng Thị Nhung                             | 10/12/1990 |           | La Ha |                       | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa<br>khoa   | V.08.03.07 | IV  |        | Cơ bản | Thái      |                   |  |  |  |
| 64 | 2.5       | Tòng Thị Khánh Huyền                        | 19/1/1997  |           | Thái  |                       | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa<br>khoa   | V.08.03.07 | IV  |        | Cơ bản | A2        |                   |  |  |  |
|    | <b>VI</b> | <b>Trạm Y tế xã Hua Trai</b>                |            |           |       |                       |       |           |                   |            |     |        |        |           |                   |  |  |  |
|    | <b>1</b>  | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |           |       |                       |       |           |                   |            |     |        |        |           |                   |  |  |  |
| 65 | 1.1       | Lường Văn Em                                | 06/10/1977 |           | Thái  | Phó<br>trưởng<br>trạm | 12/12 | Đại học   | YTCC              | V.08.04.10 | III | Sơ cấp | Cơ bản | A2 - Thái |                   |  |  |  |
|    | <b>2</b>  | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |           |       |                       |       |           |                   |            |     |        |        |           |                   |  |  |  |
| 66 | 2.1       | Quảng Văn Trườn                             | 30/11/1976 |           | Thái  |                       | 12/12 | Đại học   | Bác sĩ đa<br>khoa | V.08.01.03 | III |        | Cơ bản | A2        | Bác sĩ<br>đa khoa |  |  |  |
| 67 | 2.2       | Lò Văn Hoàn                                 | 05/7/1982  |           | Thái  |                       | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa<br>khoa   | V.08.03.07 | IV  | Sơ cấp | Cơ bản | Thái      | Y sĩ đa<br>khoa   |  |  |  |
| 68 | 2.3       | Cà Văn Xiển                                 | 17/7/1966  |           | Thái  |                       | 12/12 | Sơ cấp    | Điều<br>dưỡng     | 16b122     |     | Sơ cấp | B      |           |                   |  |  |  |
| 69 | 2.4       | Tòng Thị Bích                               |            | 02/5/1982 | Thái  |                       | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh           | V.08.10.29 | IV  | Sơ cấp | Cơ bản | Thái      |                   |  |  |  |

|    |      |                                      |            |            |      |                       |       |           |                   |            |     |           |        |      |                   |  |  |
|----|------|--------------------------------------|------------|------------|------|-----------------------|-------|-----------|-------------------|------------|-----|-----------|--------|------|-------------------|--|--|
|    | VII  | Trạm Y tế xã Tạ Bú                   |            |            |      |                       |       |           |                   |            |     |           |        |      |                   |  |  |
|    | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |      |                       |       |           |                   |            |     |           |        |      |                   |  |  |
| 70 | 1.1  | Lò Văn Lếch                          | 07/7/1974  |            | Thái | Trưởng<br>trạm        | 12/12 | Đại học   | Bác sĩ đa<br>khoa | V.08.01.03 | III |           | Cơ bản | C    | Bác sĩ<br>đa khoa |  |  |
| 71 | 1.2  | Tòng Thị Thúy                        |            | 02/5/1985  | Thái | Phó<br>trưởng<br>trạm | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa<br>khoa   | V.08.03.07 | IV  |           | Cơ bản |      | Y sĩ đa<br>khoa   |  |  |
|    | 2    | Viên chức chuyên môn                 |            |            |      |                       |       |           |                   |            |     |           |        |      |                   |  |  |
| 72 | 2.1  | Lò Thị Hoa                           |            | 11/7/1977  | Thái |                       | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh           | V.08.06.16 | IV  | Sơ cấp    | Cơ bản | B    | Hộ sinh           |  |  |
| 73 | 2.2  | Lò Thị Chung                         |            | 13/10/1983 | Thái |                       | 12/12 | Đại học   | Điều<br>dưỡng     | V.08.05.12 | IV  | Sơ cấp    | Cơ bản | A2   | Điều<br>dưỡng     |  |  |
| 74 | 2.3  | Lò Văn Kiên                          | 10/7/1983  |            | Thái |                       | 12/12 | Trung cấp | Điều<br>dưỡng     | V.08.10.29 | IV  | Sơ cấp    | Cơ bản |      | Điều<br>dưỡng     |  |  |
| 75 | 2.4  | Lường Thị Chuông                     |            | 21/01/1982 | Thái |                       | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa<br>khoa   | V.08.03.07 | IV  | Sơ cấp    | Cơ bản | Thái | Y sĩ đa<br>khoa   |  |  |
| 76 | 2.5  | Cà Văn Đoàn                          | 08/3/1966  |            | Thái |                       | 12/12 | Trung cấp | Điều<br>dưỡng     | V.08.05.13 | IV  | Sơ cấp    | Cơ bản |      | Điều<br>dưỡng     |  |  |
|    | VIII | Trạm Y tế xã Mường Bú                |            |            |      |                       |       |           |                   |            |     |           |        |      |                   |  |  |
|    | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |      |                       |       |           |                   |            |     |           |        |      |                   |  |  |
| 77 | 1.1  | Lò Văn Hải                           | 16/10/1976 |            | Thái | Trưởng<br>trạm        | 12/12 | Đại học   | Bác sĩ đa<br>khoa | V.08.01.03 | III | Trung cấp | Cơ bản | B    | Bác sĩ<br>đa khoa |  |  |
|    | 2    | Viên chức chuyên môn                 |            |            |      |                       |       |           |                   |            |     |           |        |      |                   |  |  |
| 78 | 2.1  | Quàng Thị Vân                        |            | 16/10/1982 | Thái |                       | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh           | V.08.06.16 | IV  | Sơ cấp    | Cơ bản | B    | Hộ sinh           |  |  |
| 79 | 2.2  | Lò Thanh Tâm                         |            | 20/3/1985  | Thái |                       | 12/12 | Đại học   | Điều<br>dưỡng     | V.08.05.12 | III |           | Cơ bản | Thái | Điều<br>dưỡng     |  |  |
| 80 | 2.3  | Lèo Thị Duyên                        |            | 29/3/1977  | Thái |                       | 12/12 | Trung cấp | Văn thư           | V.08.10.29 | IV  | Trung cấp | Cơ bản | Thái |                   |  |  |
| 81 | 2.4  | Quàng Thị Ôn                         |            | 24/4/1991  | Thái |                       | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa<br>khoa   | V.08.03.07 | IV  |           | Cơ bản | Thái | Y sĩ đa<br>khoa   |  |  |
| 82 | 2.5  | Phùng Văn Sơn                        | 21/7/1984  |            | Kinh |                       | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa<br>khoa   | V.08.03.07 | IV  |           | Cơ bản | Thái | Y sĩ đa<br>khoa   |  |  |

|    |           |                                                    |            |            |      |             |       |           |                |            |     |        |        |      |                |  |  |  |
|----|-----------|----------------------------------------------------|------------|------------|------|-------------|-------|-----------|----------------|------------|-----|--------|--------|------|----------------|--|--|--|
| 83 | 2.6       | Lèo Thị Lan                                        |            | 06/4/1975  | Thái |             | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa khoa   | V.08.03.07 | IV  |        |        |      | Y sĩ đa khoa   |  |  |  |
| 84 | 2.7       | Phạm Tất Bình                                      | 16/6/1983  |            | Kinh |             | 12/12 | Đại học   | Điều dưỡng     | V.08.05.12 | III | Sơ cấp | Cơ bản | A2   | Điều dưỡng     |  |  |  |
|    | <b>IX</b> | <b>Trạm Y tế xã Chiềng Hoa</b>                     |            |            |      |             |       |           |                |            |     |        |        |      |                |  |  |  |
|    | <b>1</b>  | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |            |      |             |       |           |                |            |     |        |        |      |                |  |  |  |
| 85 | 1.1       | Lò Văn Yên                                         | 07/5/1975  |            | Thái | Trưởng trạm | 12/12 | Đại học   | Bác sĩ đa khoa | V.08.01.03 | III | Sơ cấp | Cơ bản | C    | Bác sĩ đa khoa |  |  |  |
|    | <b>2</b>  | <b>Viên chức chuyên môn</b>                        |            |            |      |             |       |           |                |            |     |        |        |      |                |  |  |  |
| 86 | 2.1       | Hoàng Ngọc Loan                                    | 18/3/1972  |            | Thái |             | 12/12 | Trung cấp | YHCT           | V.08.03.07 | IV  |        |        |      | Y sĩ YHCT      |  |  |  |
| 87 | 2.2       | Tòng Thị È                                         |            | 20/12/1978 | Thái |             | 9/12  | Cao đẳng  | Dược           | V.08.08.23 |     |        | Cơ bản | B    |                |  |  |  |
| 88 | 2.3       | Lò Văn Hoài                                        | 09/5/1984  |            | Thái |             | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa khoa   | V.08.10.29 | IV  | Sơ cấp | Cơ bản | B    | Y sĩ đa khoa   |  |  |  |
| 89 | 2.4       | Lò Văn Chum                                        | 0/6/1973   |            | Thái |             | 12/12 | Trung cấp | YHCT           | V.08.03.07 | IV  | Sơ cấp | Cơ bản | Thái | Y sĩ YHCT      |  |  |  |
| 90 | 2.5       | Hoàng Việt Siêng                                   | 01/01/1991 |            | Thái |             | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa khoa   | V.08.03.07 | IV  |        |        |      |                |  |  |  |
| 91 | 2.6       | Lò Thị Thu                                         |            | 15/6/1991  | Thái |             | 12/12 | Đại học   | Điều dưỡng     | V.08.05.12 | III |        | B1     | Thái |                |  |  |  |
|    | <b>X</b>  | <b>Trạm Y tế xã Chiềng San</b>                     |            |            |      |             |       |           |                |            |     |        |        |      |                |  |  |  |
|    | <b>1</b>  | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |            |      |             |       |           |                |            |     |        |        |      |                |  |  |  |
| 92 | 1.1       | Lò Văn Hảy                                         | 03/12/1968 |            | Thái | Trưởng trạm | 12/12 | Đại học   | Bác sĩ đa khoa | V.08.01.03 | III | Sơ cấp | B      | C    | Bác sĩ đa khoa |  |  |  |
|    | <b>2</b>  | <b>Viên chức chuyên môn</b>                        |            |            |      |             |       |           |                |            |     |        |        |      |                |  |  |  |
| 93 | 2.1       | Quảng Thị Thúy                                     |            | 10/11/1993 | Thái |             | 12/12 | Cao đẳng  | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | IV  | Sơ cấp | Cơ bản | B    | Điều dưỡng     |  |  |  |
| 94 | 2.2       | Cầm Văn Thoan                                      | 16/02/1990 |            | Thái |             | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa khoa   | V.08.10.29 | IV  | Sơ cấp | Cơ bản | B    | Y sĩ đa khoa   |  |  |  |
| 95 | 2.3       | Trần Thị Thu Hường                                 |            | 12/10/1989 | Kinh |             | 12/12 | Đại học   | Điều dưỡng     | V.08.05.12 | III | Sơ cấp | Cơ bản | B    | Điều dưỡng     |  |  |  |

|     |     |                                      |            |            |      |                 |       |           |                |            |     |           |        |           |                |  |  |  |
|-----|-----|--------------------------------------|------------|------------|------|-----------------|-------|-----------|----------------|------------|-----|-----------|--------|-----------|----------------|--|--|--|
| 96  | 2.4 | Lò Văn Thủy                          | 12/12/1980 |            | Thái |                 | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa khoa   | V.08.03.07 | IV  |           | Cơ bản |           | Y sĩ đa khoa   |  |  |  |
| 97  | 2.5 | Quảng Thị Tiếp                       |            | 30/12/1989 | Thái |                 | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh        | V.08.06.16 | IV  |           | Cơ bản | B         |                |  |  |  |
|     | XI  | TRẠM Y TẾ THỊ TRẦN ÍT ONG            |            |            |      |                 |       |           |                |            |     |           |        |           |                |  |  |  |
|     | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |      |                 |       |           |                |            |     |           |        |           |                |  |  |  |
| 98  | 1.1 | Võ Trọng Yên                         | 02/01/1985 |            | Kinh | Trưởng trạm     | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa khoa   | V.08.03.07 | IV  |           |        |           | Y sĩ đa khoa   |  |  |  |
| 99  | 1.2 | Lò Thị Châm                          |            | 01/8/1981  | Thái | Phó trưởng trạm | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa khoa   | V.08.03.07 | IV  | Sơ cấp    | Cơ bản | Thái      | Y sĩ đa khoa   |  |  |  |
|     | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |            |      |                 |       |           |                |            |     |           |        |           |                |  |  |  |
| 100 | 2.1 | Tòng Thị Xuân                        |            | 07/9/1984  | Thái |                 | 12/12 | Đại học   | Điều dưỡng     | V.08.05.12 | III |           | Cơ bản | A2        | Điều dưỡng     |  |  |  |
| 101 | 2.2 | Lò Thị Luân                          |            | 10/5/1986  | Thái |                 | 12/12 | Đại học   | Điều dưỡng     | V.08.10.28 | III |           | Cơ bản | A2        | Điều dưỡng     |  |  |  |
| 102 | 2.3 | Lò Thị Khon                          |            | 04/6/1984  | Thái |                 | 12/12 | Đại học   | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | IV  |           | Cơ bản | Thái      | Y sĩ đa khoa   |  |  |  |
| 103 | 2.4 | Cà Thị Duân                          |            | 12/01/1984 | Thái |                 | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa khoa   | V.08.03.07 | IV  |           | Cơ bản | Thái      | Y sĩ đa khoa   |  |  |  |
| 104 | 2.5 | Quảng Văn Quân                       | #####      |            | Thái |                 | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa khoa   | V.08.03.07 | IV  |           | Cơ bản | B1        | Y sĩ đa khoa   |  |  |  |
| 105 | 2.6 | Lò Thị Minh Khánh                    |            | 06/09/1998 | Thái |                 | 12/12 | Cao đẳng  | Dược           | V.08.08.23 | IV  |           | Cơ bản | Thái      |                |  |  |  |
|     | XII | TRẠM Y TẾ XÃ NẬM PẨM                 |            |            |      |                 |       |           |                |            |     |           |        |           |                |  |  |  |
|     | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |      |                 |       |           |                |            |     |           |        |           |                |  |  |  |
| 106 | 1.1 | Lò Văn Lán                           | 04/12/1969 |            | Thái | Trưởng trạm     | 12/12 | Đại học   | Bác sĩ đa khoa | V.08.01.03 | III | Trung cấp | Cơ bản | A2        | Bác sĩ đa khoa |  |  |  |
|     | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |            |      |                 |       |           |                |            |     |           |        |           |                |  |  |  |
| 107 | 2.1 | Lò Thị Phương                        |            | 05/02/1991 | Thái |                 | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa khoa   | V.08.03.07 | IV  |           | Cơ bản | A2 - Thái |                |  |  |  |
| 108 | 2.2 | Lò Thị Yên                           |            | 10/12/1984 | Thái |                 | 12/12 | Trung cấp | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | IV  |           | Cơ bản | A2        | Điều dưỡng     |  |  |  |

|     |             |                                             |            |            |      |                 |       |           |              |            |     |           |        |      |                |  |                   |  |
|-----|-------------|---------------------------------------------|------------|------------|------|-----------------|-------|-----------|--------------|------------|-----|-----------|--------|------|----------------|--|-------------------|--|
| 109 | 2.3         | Lò Thi Diêu                                 |            | 05/11/1979 | Thái |                 | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh      | V.08.06.16 | IV  | Sơ cấp    | Cơ bản | Thái | Hộ sinh        |  |                   |  |
| 110 | 2.4         | Lò Thị Mai                                  |            | 11/5//1980 | Thái |                 | 12/12 | Đại học   | Điều dưỡng   | V.08.05.12 | III | Sơ cấp    |        | A2   | Điều dưỡng     |  |                   |  |
| 111 | 2.5         | Quảng Thị Thanh                             |            | 25/8/2001  | Thái |                 | 12/12 | Cao đẳng  | Điều dưỡng   | V.08.10.29 | IV  |           | Cơ bản | A2   |                |  |                   |  |
|     | <b>XIII</b> | <b>TRẠM Y TẾ XÃ PI TOONG</b>                |            |            |      |                 |       |           |              |            |     |           |        |      |                |  |                   |  |
|     | <b>1</b>    | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |      |                 |       |           |              |            |     |           |        |      |                |  |                   |  |
| 112 | 1.1         | Cầm Thị Phương                              |            | 04/3/1978  | Thái | Trưởng trạm     | 12/12 | Đại học   | Điều dưỡng   | V.08.05.13 | IV  | Trung cấp | Cơ bản | A2   |                |  |                   |  |
| 113 | 1.2         | Vì Văn Hào                                  | 15/02/1987 |            | Thái | Phó trưởng trạm | 12/12 | Đại học   | YTCC         | V.08.10.28 | III | Sơ cấp    | Cơ bản | B    |                |  |                   |  |
|     | <b>2</b>    | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |      |                 |       |           |              |            |     |           |        |      |                |  |                   |  |
| 114 | 2.1         | Lường Thị Pâng                              |            | 14/01/1977 | Thái |                 | 12/12 | Trung cấp | YHCT         | V.08.03.07 | IV  | Sơ cấp    | Cơ bản |      | Y sĩ YHCT      |  |                   |  |
| 115 | 2.2         | Cà Thị Thu                                  |            | 17/02/1979 | Thái |                 | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh      | V.08.06.16 | IV  | Sơ cấp    | Cơ bản | B    | Hộ sinh        |  |                   |  |
| 116 | 2.3         | Cầm Thị Phura                               |            | 03/3/1973  | Thái |                 | 12/12 | Trung cấp | Dược         | V.08.08.23 | IV  |           | Cơ bản |      |                |  |                   |  |
| 117 | 2.4         | Lường Văn Biên                              | 27/9/1969  |            | Thái |                 | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa khoa | V.08.03.07 | IV  | Trung cấp | Cơ bản |      | Y sĩ đa khoa   |  |                   |  |
| 118 | 2.5         | Quảng Văn Hùng                              | 26/3/1998  |            | Thái |                 | 12/12 | Cao đẳng  | Điều dưỡng   | V.08.05.13 | IV  |           | Cơ bản | A2   |                |  |                   |  |
|     | <b>IVX</b>  | <b>TRẠM Y TẾ XÃ MƯỜNG TRAI</b>              |            |            |      |                 |       |           |              |            |     |           |        |      |                |  |                   |  |
|     | <b>1</b>    | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |      |                 |       |           |              |            |     |           |        |      |                |  |                   |  |
| 119 | 1.1         | Lù Thị Mai                                  | 29/01/1990 |            | Thái | Trưởng trạm     | 12/12 | CK I      | Nội khoa     | V.08.01.03 | III | Trung cấp | Cơ bản | A2   | Bác sĩ đa khoa |  | Chuyên viên chính |  |
|     | <b>2</b>    | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |      |                 |       |           |              |            |     |           |        |      |                |  |                   |  |
| 120 | 2.1         | Tòng Văn Lào                                | 11/11/1970 |            | Thái |                 | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa khoa | V.08.03.07 | IV  | Sơ cấp    | Cơ bản | Thái | Y sĩ đa khoa   |  |                   |  |
| 121 | 2.2         | Cà Thị Toan                                 | 05/10/1972 |            | Thái |                 | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh      | V.08.06.16 | IV  |           | Cơ bản | B    | Hộ sinh        |  |                   |  |



|     |           |                                |            |           |                 |       |           |                |              |            |        |        |        |                |              |  |  |
|-----|-----------|--------------------------------|------------|-----------|-----------------|-------|-----------|----------------|--------------|------------|--------|--------|--------|----------------|--------------|--|--|
| 122 | 2.3       | Lò Thị Yên                     | 28/10/1983 | Thái      |                 | 12/12 | Đại học   | Điều dưỡng     | V.08.05.12   | III        | Sơ cấp | Cơ bản | B      | Điều dưỡng     |              |  |  |
| 123 | 2.4       | Lù Thị Hương                   | 19/9/1989  | Thái      |                 | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa khoa   | V.08.10.29   | IV         |        | Cơ bản | Thái   | Y sĩ đa khoa   |              |  |  |
| 124 | 2.5       | Lèo Thị Liên                   |            | 02/3/1989 | Thái            |       | 12/12     | Đại học        | Điều dưỡng   | V.08.05.12 | III    |        | Cơ bản | A2             |              |  |  |
|     | <b>XV</b> | <b>TRẠM Y TẾ XÃ CHIỀNG LAO</b> |            |           |                 |       |           |                |              |            |        |        |        |                |              |  |  |
| 125 | 1.1       | Quảng Văn Hặc                  | 09/5/1981  | Thái      | Trưởng trạm     | 12/12 | Đại học   | Bác sĩ đa khoa | V.08.01.03   | III        | Sơ cấp | Cơ bản | B      | Bác sĩ đa khoa |              |  |  |
| 126 | 1.2       | Quảng Văn Tâm                  | 05/19/1984 | Thái      | Phó trưởng trạm | 12/12 | Đại học   | YTCC           | V.08.10.28   | III        | Sơ cấp | Cơ bản | B      |                |              |  |  |
|     | <b>2</b>  | <b>Viên chức chuyên môn</b>    |            |           |                 |       |           |                |              |            |        |        |        |                |              |  |  |
| 127 | 2.1       | Lường Thị Hà                   |            | 25/3/1982 | Thái            |       | 12/12     | Đại học        | Điều dưỡng   | V.08.05.12 | III    | Sơ cấp | Cơ bản | A 2            | Điều dưỡng   |  |  |
| 128 | 2.2       | Quảng Văn Inh                  | 11/12/1983 | Thái      |                 | 12/12 | Đại học   | Điều dưỡng     | V.08.05.12   | III        | Sơ cấp | Cơ bản | B 1    | Điều dưỡng     |              |  |  |
| 129 | 2.3       | Tòng Thị Pia                   |            | 15/5/1972 | Thái            |       | 12/12     | Cao đẳng       | Hộ sinh      | V.08.06.16 | IV     | Sơ cấp | Cơ bản | B              | Hộ sinh      |  |  |
| 130 | 2.4       | Quảng Văn Dương                | 18/5/1988  | Thái      |                 | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa khoa   | V.08.03.07   | IV         | Sơ cấp | Cơ bản |        | Y sĩ đa khoa   |              |  |  |
| 131 | 2.5       | Lò Văn Quý                     | 05/6/1978  | Thái      |                 | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa khoa   | V.08.03.07   | IV         | Sơ cấp | Cơ bản | Thái   | Y sĩ đa khoa   |              |  |  |
| 132 | 2.6       | Lường Văn Công                 | 04/4/1989  | Thái      |                 | 12/12 | Cao đẳng  | Dược           | V.08.08.23   |            |        |        |        |                |              |  |  |
|     | <b>XV</b> | <b>TRẠM Y TẾ XÃ MƯỜNG CHÙM</b> |            |           |                 |       |           |                |              |            |        |        |        |                |              |  |  |
| 133 | 1.1       | Lò Văn Lan                     | 10/01/1979 | Thái      | Trưởng trạm     | 12/12 | Đại học   | Bác sĩ đa khoa | V.08.01.03   | III        | Sơ cấp | Cơ bản |        | Bác sĩ đa khoa |              |  |  |
|     | <b>2</b>  | <b>Viên chức chuyên môn</b>    |            |           |                 |       |           |                |              |            |        |        |        |                |              |  |  |
| 134 | 2.1       | Tòng Thị Phương                | 08/8/1983  | Thái      |                 | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh        | V.08.06.16   | IV         | Sơ cấp | Cơ bản | A2     | Hộ sinh        |              |  |  |
| 135 | 2.2       | Đèo Thị Duy                    |            | 01/7/1989 | Thái            |       | 12/12     | Đại học        | Điều dưỡng   | V.08.10.28 | III    | Sơ cấp | Cơ bản | Thái           | Điều dưỡng   |  |  |
| 136 | 2.3       | Lò Thị Duyên                   |            | 06/4/1990 | Thái            |       | 12/12     | Trung cấp      | Y sĩ đa khoa | V.08.03.07 | IV     | Sơ cấp | Cơ bản | Thái           | Y sĩ đa khoa |  |  |

|     |     |                 |            |           |      |  |       |           |              |            |     |  |        |      |              |  |  |  |
|-----|-----|-----------------|------------|-----------|------|--|-------|-----------|--------------|------------|-----|--|--------|------|--------------|--|--|--|
| 137 | 2.4 | Quàng Thị Nhung |            | 12/9/1991 | Thái |  | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa khoa | V.08.03.07 | IV  |  | Cơ bản | Thái | Y sĩ đa khoa |  |  |  |
| 138 | 2.5 | Lường Văn Giang | 28/12/1996 |           | Thái |  | 12/12 | Đại học   | Bác sĩ YHCT  | V.08.01.03 | III |  | Cơ bản |      |              |  |  |  |
| 139 | 2.6 | Cà Thị Thành    |            | 23/7/1985 | Thái |  | 12/12 | Đại học   | Điều dưỡng   | V.08.05.12 | III |  | Cơ bản | A 2  |              |  |  |  |

PHỤ LỤC I.3

Biểu thống kê hiện trạng nhân lực tại Trung tâm Y tế và Trạm Y tế xã thuộc Trung tâm Y tế Quỳnh Nhai  
(Kèm theo Đề án kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

| TT |     | Họ và tên                               | Ngày, tháng, năm sinh |            | Dân tộc | Chức vụ hoặc chức danh | Trình độ đào tạo và CDNN    |                                                   |                     |                          |                                      | Trình độ LLCT và Tin học, ngoại ngữ |                              |                                           | Các chứng chỉ/chứng nhận bồi dưỡng |                                                   |               | Ghi chú |
|----|-----|-----------------------------------------|-----------------------|------------|---------|------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------|---------------------|--------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------|-------------------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------|---------|
|    |     |                                         | Nam                   | Nữ         |         |                        | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ (cao nhất) | Chuyên ngành        | Mã chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp viên chức | Trình độ lý luận chính trị          | Trình độ Tin học             | Trình độ ngoại ngữ/tiếng dân tộc thiểu số | CC hành nghề                       | CC quản lý                                        | Bồi dưỡng QLN |         |
|    | 1   | 2                                       | 3                     | 4          | 5       | 6                      | 7                           | 8                                                 | 9                   | 10                       | 11                                   | 12                                  | 13                           | 14                                        | 15                                 | 16                                                | 17            | 18      |
|    | A   | TRUNG TÂM Y TẾ QUỲNH NHAİ: 34 VIÊN CHỨC |                       |            |         |                        |                             |                                                   |                     |                          |                                      |                                     |                              |                                           |                                    |                                                   |               |         |
|    | I   | Lãnh đạo Trung tâm                      |                       |            |         |                        |                             |                                                   |                     |                          |                                      |                                     |                              |                                           |                                    |                                                   |               |         |
| 1  | 1   | Đàm Thị Chuẩn                           |                       | 06/12/1969 | Kinh    | Giám đốc               | 12/12                       | Bác sĩ chuyên khoa I                              | Y tế công cộng      | V.08.02.06               | Bác sĩ YHDP hạng III                 | TC                                  | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh C/ Tiếng thái                         |                                    | Quản lý nâng cao chất lượng dịch vụ SYT, BV, TTYT | CV            |         |
| 2  | 2   | Lê Văn Lâm                              | 20/09/1973            |            | Kinh    | Phó Giám đốc           | 12/12                       | Bác sĩ chuyên khoa I                              | YHDP                | V.08.02.06               | Bác sĩ YHDP hạng III                 | TC                                  | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Thái                                | Bác sĩ                             | Quản lý Bệnh viện                                 | CV            |         |
| 3  | 3   | Lò Văn Hoà                              | 17/02/1979            |            | Thái    | Phó Giám đốc           | 12/12                       | Bác sĩ chuyên khoa I                              | Lao và phổi         | V.08.01.03               | Bác sỹ hạng III                      | TC                                  | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B/ Tiếng thái                         | Bác sĩ                             | Quản lý Bệnh viện                                 | CV            |         |
|    | II  | Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ         |                       |            |         |                        |                             |                                                   |                     |                          |                                      |                                     |                              |                                           |                                    |                                                   |               |         |
|    | 1   | Phòng Hành chính - Tổng h               |                       |            |         |                        |                             |                                                   |                     |                          |                                      |                                     |                              |                                           |                                    |                                                   |               |         |
| 4  | 1.1 | Là Văn Chinh                            | 13/02/1989            |            | Thái    | Phó trưởng phòng       | 12/12                       | Cử nhân                                           | Y tế công cộng      | V.08.04.10               | Y tế công cộng hạng III              | TC                                  | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B/ Tiếng thái                         |                                    |                                                   | CV            |         |
| 5  | 1.2 | Mè Thị Thuỷ                             |                       | 19/9/1986  | Thái    |                        | 12/12                       | Cử nhân                                           | Kế toán - Kiểm toán | 06.031                   | Kế toán viên                         | SC                                  | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh A2/ Tiếng thái                        |                                    |                                                   | CV            |         |

|    |     |                                                              |            |            |       |                 |       |                      |                       |            |                         |    |                              |                    |            |  |    |  |
|----|-----|--------------------------------------------------------------|------------|------------|-------|-----------------|-------|----------------------|-----------------------|------------|-------------------------|----|------------------------------|--------------------|------------|--|----|--|
| 6  | 1.3 | Đặng Thị Huệ                                                 |            | 15/7/1984  | Kinh  |                 | 12/12 | Cử nhân              | Kế toán               | 06.031     | Kế toán viên            | SC | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B/ Tiếng thái  |            |  |    |  |
| 7  | 1.4 | Phạm Thị Thanh Hoa                                           |            | #####      | Kinh  |                 | 12/12 | Cử nhân              | Tài chính - Ngân hàng | 06.031     | Kế toán viên            |    | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B/ Tiếng thái  |            |  |    |  |
| 8  | 1.5 | Lò Thị Hà                                                    |            | #####      | Thái  |                 | 12/12 | Cử nhân              | Giáo dục- Chính trị   | V.01.02.03 | Lưu trữ viên trung cấp  |    | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B              |            |  |    |  |
|    | 2   | <b>Khoa Khám bệnh - Xét nghiệm - Dược</b>                    |            |            |       |                 |       |                      |                       |            |                         |    |                              |                    |            |  |    |  |
| 9  | 2.1 | Lò Văn Sinh                                                  | 20/08/1981 |            | Thái  | Phó trưởng khoa | 12/12 | Bác sĩ               | Đa khoa               | V.08.02.06 | Bác sĩ YHDP hạng III    | TC | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B              | Bác sĩ     |  | CV |  |
| 10 | 2.2 | Điêu Thị Tâm                                                 |            | #####      | Thái  |                 | 12/12 | Bác sĩ               | Đa khoa               | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III         | TC | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B/ Tiếng thái  | Bác sĩ     |  | CV |  |
| 11 | 2.3 | Hà Văn Hường                                                 | 20/7/1974  |            | Mường |                 | 12/12 | Cử nhân              | Xét nghiệm y học      | V.08.07.18 | Kỹ thuật Y hạng III     | TC | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh A2/ Tiếng thái |            |  |    |  |
| 12 | 2.4 | La Thị Tươi                                                  |            | 01/7/1979  | Thái  |                 | 12/12 | Đại học              | Dược                  | V.08.08.22 | Dược sỹ hạng III        |    | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Thái         |            |  |    |  |
| 13 | 2.5 | Lò Thị Thanh Huyền                                           |            | 18/08/1988 | Thái  |                 | 12/12 | Cử nhân              | Điều dưỡng            | V.08.05.12 | Điều dưỡng hạng III     | TC | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Thái         | Điều dưỡng |  |    |  |
|    | 3   | <b>Khoa Truyền nhiễm - Kiểm soát bệnh tật &amp; HIV/AIDS</b> |            |            |       |                 |       |                      |                       |            |                         |    |                              |                    |            |  |    |  |
| 14 | 3.1 | Vũ Gia Vụ                                                    | 10/3/1978  |            | Kinh  | Phó trưởng khoa | 12/12 | Bác sĩ chuyên khoa I | Sản phụ khoa          | V.08.02.06 | Bác sĩ YHDP hạng III    | TC | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B/ Tiếng thái  | Bác sĩ     |  | CV |  |
| 15 | 3.2 | Kiều Thị Kim Ngân                                            |            | 25/12/1987 | Kinh  |                 | 12/12 | Thạc sĩ              | Y tế công cộng        | V.08.04.10 | Y tế công cộng hạng III | TC | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Thái         |            |  | CV |  |
| 16 | 3.3 | Lò Văn Vung                                                  | 12/5/1981  |            | Thái  |                 | 12/12 | Cử nhân              | Điều dưỡng            | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV            |    | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Thái         |            |  |    |  |
| 17 | 3.4 | Điêu Thị Sơn                                                 |            | 02/3/1981  | Thái  |                 | 12/12 | Cử nhân              | Điều dưỡng            | V.08.05.12 | Điều dưỡng hạng III     |    | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Thái         |            |  |    |  |
| 18 | 3.5 | Mai Hải Lý                                                   |            | 28/08/1990 | Kinh  |                 | 12/12 | Trung cấp Y          | Đa khoa               | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV            |    | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Thái         | Y sỹ       |  |    |  |

|    |     |                                                    |            |            |       |                 |       |           |            |            |                      |    |                              |                      |         |  |    |  |
|----|-----|----------------------------------------------------|------------|------------|-------|-----------------|-------|-----------|------------|------------|----------------------|----|------------------------------|----------------------|---------|--|----|--|
| 19 | 3.6 | Hà Văn Hoàn                                        | 07/03/1979 |            | Thái  |                 | 12/12 | Cử nhân   | Điều dưỡng | V.08.05.12 | Điều dưỡng hạng III  | TC | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Thái           |         |  |    |  |
| 20 | 3.7 | Lê Văn Ngọc                                        | 15/10/1991 |            | Kinh  |                 | 12/12 | Cao đẳng  | Dược       | V.08.08.23 | Dược hạng IV         |    | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh C                |         |  |    |  |
|    | 4   | <b>Khoa Y tế công cộng - Dinh dưỡng &amp; ATTP</b> |            |            |       |                 |       |           |            |            |                      |    |                              |                      |         |  |    |  |
| 21 | 4.1 | Cầm Thị Hằng                                       |            | 08/5/1979  | Thái  | Trưởng kho      | 12/12 | Bác sĩ    | Đa khoa    | V.08.02.06 | Bác sĩ YHDP hạng III | TC | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B                |         |  | CV |  |
| 22 | 4.2 | Là Văn Yên                                         | 02/12/1982 |            | Thái  | Phó trưởng khoa | 12/12 | Bác sĩ    | Đa khoa    | V.08.02.06 | Bác sĩ YHDP hạng III | TC | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B                |         |  | CV |  |
| 23 | 4.3 | Hoàng Thị Mùi                                      |            | 21/10/1979 | Thái  |                 | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh    | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng IV      |    | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Thái           |         |  |    |  |
| 24 | 4.4 | Đỗ Thanh Tùng                                      | 08/4/1990  |            | Kinh  |                 | 12/12 | Bác sĩ    | Đa khoa    | V.08.01.03 | Bác sĩ hạng III      |    | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Thái           |         |  |    |  |
| 25 | 4.5 | Điêu Thị Xuyên                                     |            | 06/10/1983 | Thái  |                 | 12/12 | Cử nhân   | Điều dưỡng | V.08.05.12 | Điều dưỡng hạng III  |    | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Thái           |         |  |    |  |
| 26 | 4.6 | Mùi Thị Nhài                                       |            | 02/01/1981 | Mường |                 | 12/12 | Cử nhân   | Điều dưỡng | V.08.05.12 | Điều dưỡng hạng III  |    | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Thái           |         |  |    |  |
| 27 | 4.7 | Vì Thị Thu Huyền                                   |            | 02/10/1997 | Thái  |                 | 12/12 | Cao đẳng  | Điều dưỡng | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV   |    | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B                |         |  |    |  |
|    | 5   | <b>Khoa Dân số - Truyền thông - Chăm sóc SKSS</b>  |            |            |       |                 |       |           |            |            |                      |    |                              |                      |         |  |    |  |
| 28 | 5.1 | Hoàng Thị Liên                                     |            | 20/4/1972  | Thái  | Trưởng kho      | 12/12 | Bác sĩ    | Đa khoa    | V.08.01.03 | Bác sĩ hạng III      | TC | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B/<br>Tiếng thái | Bác sĩ  |  |    |  |
| 29 | 5.2 | Hoàng Thị Chính                                    |            | 14/12/1969 | Thái  |                 | 12/12 | Trung cấp | Hộ sinh    | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng IV      | TC | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Thái           | Hộ sinh |  |    |  |
| 30 | 5.3 | Lù Văn Thuyền                                      | 15/11/1981 |            | Thái  |                 | 12/12 | Cử nhân   | Luật       | V.08.10.29 | Dân số viên hạng IV  |    | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Thái           |         |  | CV |  |
| 31 | 5.4 | Điêu Thị Kiên                                      |            | 02/3/1973  | Thái  |                 | 12/12 | Trung cấp | Hộ sinh    | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng IV      | TC | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Thái           | Hộ sinh |  |    |  |

|    |           |                                   |            |            |      |             |       |             |                |            |                      |    |                              |                   |            |                                      |    |  |
|----|-----------|-----------------------------------|------------|------------|------|-------------|-------|-------------|----------------|------------|----------------------|----|------------------------------|-------------------|------------|--------------------------------------|----|--|
| 32 | 5.5       | Lò Thị Chuyên                     |            | 20/01/1984 | Thái |             | 12/12 | Cử nhân     | Điều dưỡng     | V.08.05.12 | Điều dưỡng hạng III  |    | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B/ Tiếng thái | Điều dưỡng |                                      |    |  |
| 33 | 5.6       | Hoàng Thị Doa                     |            | 22/12/1982 | Thái |             | 12/12 | Cử nhân     | Y tế công cộng | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III |    | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Thái        |            |                                      |    |  |
| 34 | 5.7       | Lò Thị Thắm                       |            | #####      | Thái |             | 12/12 | Cao đẳng    | Hộ sinh        | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng IV      | SC | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản |                   |            |                                      |    |  |
|    | <b>B</b>  | <b>TRẠM Y TẾ XÃ; 78 VIÊN CHỨC</b> |            |            |      |             |       |             |                |            |                      |    |                              |                   |            |                                      |    |  |
|    | <b>I</b>  | <b>Trạm Y tế xã Cà Nàng</b>       |            |            |      |             |       |             |                |            |                      |    |                              |                   |            |                                      |    |  |
|    | <b>1</b>  | <b>Viên chức quản lý</b>          |            |            |      |             |       |             |                |            |                      |    |                              |                   |            |                                      |    |  |
| 35 | 1.1       | Lò Văn Ịm                         | 15/12/1969 |            | Thái | Trưởng trạm | 12/12 | Bác sĩ      | Đa khoa        | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III      | TC | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B/ Tiếng thái | Bác sĩ     | Quản lý y tế cho Trưởng trạm Y tế xã | CV |  |
| 36 | 1.2       | Lầu A Trống                       | 11/11/1983 |            | Mông | Phó trạm    | 12/12 | Trung cấp Y | Đa khoa        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         | SC | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B             | Y sĩ       | Quản lý y tế cho Trưởng trạm Y tế xã |    |  |
|    | <b>2</b>  | <b>Viên chức chuyên môn</b>       |            |            |      |             |       |             |                |            |                      |    |                              |                   |            |                                      |    |  |
| 37 | 2.1       | Hoàng Văn Láo                     | 05/02/1970 |            | Thái |             | 12/12 | Trung cấp   | Điều dưỡng     | 16b.122    | Y tá                 | SC | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Thái        |            |                                      |    |  |
| 38 | 2.2       | Hoàng Thị Thắm                    |            | 10/12/1990 | Thái |             | 12/12 | Cao đẳng    | Hộ sinh        | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng IV      | SC | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Thái        | Hộ sinh    |                                      |    |  |
| 39 | 2.3       | Hoàng Văn Đụng                    | 17/7/1980  |            | Thái |             | 12/12 | Trung cấp Y | Đa khoa        | V.08.10.29 | Dân số viên hạng IV  | SC | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B             |            |                                      |    |  |
| 40 | 2.4       | Lò Thị Cường                      |            | 20/4/1995  | Thái |             | 12/12 | Trung cấp Y | Đa khoa        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B             |            |                                      |    |  |
|    | <b>II</b> | <b>Trạm Y tế xã Mường Chiên</b>   |            |            |      |             |       |             |                |            |                      |    |                              |                   |            |                                      |    |  |
|    | <b>1</b>  | <b>Viên chức quản lý</b>          |            |            |      |             |       |             |                |            |                      |    |                              |                   |            |                                      |    |  |

|    |     |                                  |            |      |             |       |                |                            |            |                         |    |                                    |                         |               |                                                  |    |  |
|----|-----|----------------------------------|------------|------|-------------|-------|----------------|----------------------------|------------|-------------------------|----|------------------------------------|-------------------------|---------------|--------------------------------------------------|----|--|
| 41 | 1.1 | Hoàng Kim Thoa                   | 16/4/1978  | Thái | Trưởng trạm | 12/12 | Bác sĩ         | Đa khoa                    | V.08.01.03 | Bác sỹ<br>hạng III      | SC | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Anh B/<br>Tiếng<br>thái | Bác sĩ        | Quản lý<br>y tế cho<br>Trưởng<br>trạm Y<br>tế xã |    |  |
| 42 | 1.2 | Hà Thị Kim Duyên                 | 21/10/1989 | Thái | Phó trạm    | 12/12 | Cử nhân        | Điều<br>dưỡng              | V.08.03.07 | Y sỹ<br>hạng IV         | SC | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Tiếng<br>Anh<br>bậc 2/6 | Y sĩ          | Quản lý<br>y tế cho<br>Trưởng<br>trạm Y<br>tế xã |    |  |
|    | 2   | <b>Viên chức chuyên môn</b>      |            |      |             |       |                |                            |            |                         |    |                                    |                         |               |                                                  |    |  |
| 43 | 2.1 | Lò Thị Lợi                       | 09/6/1979  | Thái |             | 12/12 | Trung cấp<br>Y | Định<br>hướng<br>Sân - Nhi | V.08.03.07 | Y sỹ<br>hạng IV         |    | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Tiếng<br>Anh<br>bậc 2/6 | Y sĩ          |                                                  |    |  |
| 44 | 2.2 | Cà Thị Dom                       | 18/11/1994 | Thái |             | 12/12 | Cao đẳng       | Hộ sinh                    | V.08.06.16 | Hộ sinh<br>hạng IV      |    | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Tiếng<br>Anh<br>bậc 2/6 | Hộ sinh       |                                                  |    |  |
| 45 | 2.3 | Giàng A Tủa                      | 09/9/1992  | Mông |             | 12/12 | Cao đẳng       | Điều<br>dưỡng              | V.08.05.13 | Điều dưỡng<br>hạng IV   | SC | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Tiếng<br>Anh<br>bậc 2/6 |               |                                                  |    |  |
| 46 | 2.4 | Là Văn Toàn                      | 27/10/2001 | Thái |             | 12/12 | Cao đẳng       | Điều<br>dưỡng              | V.08.10.29 | Dân số viên<br>hạng IV  |    | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản |                         |               |                                                  |    |  |
|    | III | <b>Trạm Y tế xã Pá Ma Pha Kh</b> |            |      |             |       |                |                            |            |                         |    |                                    |                         |               |                                                  |    |  |
|    | 1   | <b>Viên chức quản lý</b>         |            |      |             |       |                |                            |            |                         |    |                                    |                         |               |                                                  |    |  |
| 47 | 1.1 | Điêu Thị Hoan                    | 09/11/1977 | Thái | Trưởng trạm | 12/12 | Bác sĩ         | Đa khoa                    | V.08.01.03 | Bác sỹ<br>hạng III      | TC | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Anh B/<br>Tiếng<br>thái | Bác sĩ        | Quản lý<br>y tế cho<br>Trưởng<br>trạm Y          | CV |  |
| 48 | 1.2 | Điêu Chính Thả                   | 03/5/1967  | Thái | Phó trạm    | 12/12 | Trung cấp<br>Y | YHCT                       | V.08.03.07 | Y sỹ<br>hạng IV         |    | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Tiếng<br>Thái           | Y sĩ          |                                                  |    |  |
|    | 2   | <b>Viên chức chuyên môn</b>      |            |      |             |       |                |                            |            |                         |    |                                    |                         |               |                                                  |    |  |
| 49 | 2.1 | Lò Văn Nam                       | 06/12/1970 | Thái |             | 12/12 | Cử nhân        | Điều<br>dưỡng              | V.08.05.12 | Điều dưỡng<br>hạng III  |    | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Anh B                   | Điều<br>dưỡng |                                                  |    |  |
| 50 | 2.2 | Cà Văn Cương                     | 02/6/1983  | Thái |             | 12/12 | Cử nhân        | Quản lý<br>nhà nước        | V.08.10.28 | Dân số viên<br>hạng III | TC | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Anh A2                  |               |                                                  |    |  |

|    |           |                                 |            |            |       |             |       |                            |                   |            |                         |    |                                    |                         |               |                                                  |    |  |
|----|-----------|---------------------------------|------------|------------|-------|-------------|-------|----------------------------|-------------------|------------|-------------------------|----|------------------------------------|-------------------------|---------------|--------------------------------------------------|----|--|
| 51 | 2.3       | Hoàng Thị Anh                   |            | 15/6/1996  | Kháng |             | 12/12 | Cao đẳng                   | Hộ sinh           | V.08.06.16 | Hộ sinh<br>hạng IV      |    | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Anh B                   |               |                                                  |    |  |
| 52 | 2.4       | Lù Văn Toan                     | 19/5/1984  |            | Thái  |             | 12/12 | Trung cấp<br>Y             | Đa khoa           | V.08.03.07 | Y sỹ<br>hạng IV         |    | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Anh<br>bậc 2            |               |                                                  |    |  |
|    | <b>IV</b> | <b>Trạm Y tế xã Chiềng Khay</b> |            |            |       |             |       |                            |                   |            |                         |    |                                    |                         |               |                                                  |    |  |
|    | <b>1</b>  | <b>Viên chức quản lý</b>        |            |            |       |             |       |                            |                   |            |                         |    |                                    |                         |               |                                                  |    |  |
| 53 | 1.1       | Đỗ Văn Mạnh                     | 30/10/1983 |            | Kinh  | Trưởng trạm | 12/12 | Bác sĩ<br>chuyên<br>khoa I | Nội khoa          | V.08.01.03 | Bác sỹ<br>hạng III      |    | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Anh A                   | Bác sĩ        | Quản lý<br>y tế cho<br>Trưởng<br>trạm Y<br>tế xã | CV |  |
| 54 | 1.2       | Lò Văn Thiết                    | 22/5/1990  |            | Thái  | Phó trạm    | 12/12 | Cử nhân                    | Điều<br>dưỡng     | V.08.03.07 | Y sỹ<br>hạng IV         | SC | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Anh B                   | Y sỹ          | Quản lý<br>y tế cho<br>Trưởng<br>trạm Y<br>tế xã |    |  |
|    | <b>2</b>  | <b>Viên chức chuyên môn</b>     |            |            |       |             |       |                            |                   |            |                         |    |                                    |                         |               |                                                  |    |  |
| 55 | 2.1       | Hoàng Văn Thủ                   | 24/4/1971  |            | Thái  |             | 12/12 | Cao đẳng                   | Điều<br>dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng<br>hạng IV   | SC | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Anh B/<br>Tiếng<br>thái | Điều<br>dưỡng |                                                  |    |  |
| 56 | 2.2       | Lường Thị Hùng                  |            | 10/5/1979  | Thái  |             | 12/12 | Cao đẳng                   | Điều<br>dưỡng     | V.08.03.07 | Y sỹ<br>hạng IV         |    | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Anh B/<br>Tiếng<br>thái | Y sỹ          |                                                  |    |  |
| 57 | 2.3       | Lò Thị Nhu                      |            | 05/02/1977 | Thái  |             | 12/12 | Cao đẳng                   | Hộ sinh           | V.08.06.16 | Hộ sinh<br>hạng IV      |    | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Anh A/<br>Tiếng<br>thái | Hộ sinh       |                                                  |    |  |
| 58 | 2.4       | Lò Văn Thịnh                    | 05/01/1980 |            | Thái  |             | 12/12 | Cử nhân                    | Y tế công<br>cộng | V.08.10.28 | Dân số viên<br>hạng III | SC | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Tiếng<br>Anh<br>bậc 2/6 |               |                                                  | CV |  |
| 59 | 2.5       | Lò Văn Cường                    | 03/9/1996  |            | Thái  |             | 12/12 | Trung cấp<br>Y             | Đa khoa           | V.08.03.07 | Y sỹ<br>hạng IV         |    | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Anh B                   |               |                                                  |    |  |
|    | <b>V</b>  | <b>Trạm Y tế xã Mường Giôn</b>  |            |            |       |             |       |                            |                   |            |                         |    |                                    |                         |               |                                                  |    |  |
|    | <b>1</b>  | <b>Viên chức quản lý</b>        |            |            |       |             |       |                            |                   |            |                         |    |                                    |                         |               |                                                  |    |  |



|    |     |                               |            |            |      |             |       |                      |                      |            |                      |    |                              |                   |            |                                      |    |  |
|----|-----|-------------------------------|------------|------------|------|-------------|-------|----------------------|----------------------|------------|----------------------|----|------------------------------|-------------------|------------|--------------------------------------|----|--|
| 60 | 1.1 | Đieu Văn Phú                  | 27/11/1972 |            | Thái | Trưởng trạm | 12/12 | Bác sĩ chuyên khoa I | Lao và phổi          | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III      | TC | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B/ Tiếng thái | Bác sĩ     | Quản lý y tế cho Trưởng trạm Y       | CV |  |
| 61 | 1.2 | Lường Văn Yêu                 | 08/12/1977 |            | Thái | Phó trạm    | 12/12 | Cao đẳng             | Điều dưỡng           | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         | SC | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B             | Y sỹ       |                                      |    |  |
|    | 2   | <b>Viên chức chuyên môn</b>   |            |            |      |             |       |                      |                      |            |                      |    |                              |                   |            |                                      |    |  |
| 62 | 2.1 | Lù Văn Quỳnh                  | 15/10/1970 |            | Thái |             | 12/12 | Trung cấp            | Điều dưỡng           | 16b.122    | Y tá                 |    | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Thái        |            |                                      |    |  |
| 63 | 2.2 | Là Văn Hồng                   | 06/01/1987 |            | Thái |             | 12/12 | Trung cấp Y          | Đa khoa              | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         | SC | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B/ Tiếng thái | Y sỹ       |                                      |    |  |
| 64 | 2.3 | Đieu Thị Hương                |            | 30/6/1983  | Thái |             | 12/12 | Cử nhân              | Điều dưỡng           | V.08.05.12 | Điều dưỡng hạng III  |    | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B/ Tiếng thái | Điều dưỡng |                                      |    |  |
| 65 | 2.4 | Hà Thị Lan                    |            | 10/02/1981 | Thái |             | 12/12 | Cao đẳng             | Hộ sinh              | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng IV      | SC | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B/ Tiếng thái | Hộ sinh    |                                      |    |  |
| 66 | 2.5 | Mè Văn Quyết                  | 06/8/1984  |            | Thái |             | 12/12 | Cử nhân              | Y tế công cộng       | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III | SC | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B/ Tiếng thái |            |                                      |    |  |
| 67 | 2.6 | Đieu Chính Thu                | 21/5/1990  |            | Thái |             | 12/12 | Trung cấp Y          | Đa khoa              | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B             | Y sỹ       |                                      |    |  |
| 68 | 2.7 | Bạc Cầm Tin                   | 22/03/1984 |            | Thái |             | 12/12 | Cử nhân              | Điều dưỡng           | V.08.05.12 | Điều dưỡng hạng III  |    | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh A2            | Điều dưỡng |                                      |    |  |
| 69 | 2.8 | Bạc Thị Hiền                  |            | 01/9/1976  | Thái |             | 12/12 | Trung cấp            | Hộ sinh              | 16.298     | Hộ sinh sơ cấp       |    | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Thái        |            |                                      |    |  |
|    | VI  | <b>Trạm Y tế xã Chiềng Ôn</b> |            |            |      |             |       |                      |                      |            |                      |    |                              |                   |            |                                      |    |  |
|    | 1   | <b>Viên chức quản lý</b>      |            |            |      |             |       |                      |                      |            |                      |    |                              |                   |            |                                      |    |  |
| 70 | 1.1 | Ngân Văn Xiêng                | 15/02/1968 |            | Thái | Phó trạm    | 12/12 | Trung cấp Y          | Định hướng Sản - Nhi | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         | SC | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B             | Y sỹ       | Quản lý y tế cho Trưởng trạm Y tế xã |    |  |
|    | 2   | <b>Viên chức chuyên môn</b>   |            |            |      |             |       |                      |                      |            |                      |    |                              |                   |            |                                      |    |  |

|    |            |                                 |            |            |       |             |       |                |                            |            |                         |    |                                    |                         |               |                                                  |    |  |
|----|------------|---------------------------------|------------|------------|-------|-------------|-------|----------------|----------------------------|------------|-------------------------|----|------------------------------------|-------------------------|---------------|--------------------------------------------------|----|--|
| 71 | 2.1        | Lường Văn Huở                   | 15/02/1981 |            | Thái  |             | 12/12 | Bác sĩ         | Đa khoa                    | V.08.01.03 | Bác sỹ<br>hạng III      | TC | Tin học B                          | Anh B/<br>Tiếng<br>thái | Bác sĩ        |                                                  | CV |  |
| 72 | 2.2        | Hoàng Thị Viên                  |            | 25/09/1980 | Kháng |             | 12/12 | Cao<br>đẳng    | Hộ sinh                    | V.08.06.16 | Hộ sinh<br>hạng IV      | SC | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Anh A/<br>Tiếng<br>thái | Hộ sinh       |                                                  |    |  |
| 73 | 2.3        | Tòng Thị Tuyền                  |            | 23/01/1982 | Thái  |             | 12/12 | Trung cấp      | Y sỹ<br>YHCT               | V.08.03.07 | Y sỹ<br>hạng IV         |    | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Tiếng<br>Thái           | Y sỹ          |                                                  |    |  |
| 74 | 2.4        | Lò Thị Thư                      |            | 12/2/1982  | Thái  |             | 12/12 | Cử nhân        | Điều<br>dưỡng              | V.08.05.12 | Điều dưỡng<br>hạng III  | SC | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Anh B/<br>Tiếng<br>thái | Điều<br>dưỡng |                                                  |    |  |
| 75 | 2.5        | Hoàng Văn Sơn                   | 17/9/1979  |            | Thái  |             | 12/12 | Cử nhân        | Kế toán -<br>Kiểm toán     | V.08.10.28 | Dân số viên<br>hạng III |    | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Anh A2                  |               |                                                  |    |  |
|    | <b>VII</b> | <b>Trạm Y tế xã Mường Giàng</b> |            |            |       |             |       |                |                            |            |                         |    |                                    |                         |               |                                                  |    |  |
|    | <b>1</b>   | <b>Viên chức quản lý</b>        |            |            |       |             |       |                |                            |            |                         |    |                                    |                         |               |                                                  |    |  |
| 76 | 1.1        | Mê Thị Duyên                    |            | 11/7/1979  | Thái  | Trưởng trạm | 12/12 | Bác sĩ         | Đa khoa                    | V.08.01.03 | Bác sỹ<br>hạng III      | SC | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Anh B                   | Bác sĩ        | Quản lý<br>y tế cho<br>Trưởng<br>trạm Y<br>tế xã | CV |  |
| 77 | 1.2        | Hoàng Thị Pánh                  |            | 06/11/1978 | Thái  | Phó trạm    | 12/12 | Trung cấp<br>Y | Định<br>hướng<br>Sân - Nhi | V.08.03.07 | Y sỹ<br>hạng IV         |    | Tin học B                          | Anh B/<br>Tiếng<br>thái | Y sỹ          | Quản lý<br>y tế cho<br>Trưởng<br>trạm Y<br>tế xã |    |  |
|    | <b>2</b>   | <b>Viên chức chuyên môn</b>     |            |            |       |             |       |                |                            |            |                         |    |                                    |                         |               |                                                  |    |  |
| 78 | 2.1        | Bạc Thị Niệm                    |            | 10/5/1979  | Thái  |             | 12/12 | Cao đẳng       | Hộ sinh                    | V.08.06.16 | Hộ sinh<br>hạng IV      | SC | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Anh A/<br>Tiếng<br>thái | Hộ sinh       |                                                  |    |  |

|    |                                      |                             |           |            |      |             |       |             |                |            |                      |    |                              |                   |            |                                      |    |  |
|----|--------------------------------------|-----------------------------|-----------|------------|------|-------------|-------|-------------|----------------|------------|----------------------|----|------------------------------|-------------------|------------|--------------------------------------|----|--|
| 79 | 2.2                                  | Quàng Văn Phát              | 19/5/1969 |            | Thái |             | 12/12 | Cao đẳng    | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV   | SC | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B             | Điều dưỡng |                                      |    |  |
| 80 | 2.3                                  | Hà Thị Quý                  |           | 25/9/1981  | Thái |             | 12/12 | Cử nhân     | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV   |    | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B/ Tiếng mỡng |            |                                      |    |  |
| 81 | 2.4                                  | Lò Thị Chuyển               |           | 24/11/1980 | Thái |             | 12/12 | Cử nhân     | Y tế cộng cộng | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III |    | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B/ Tiếng thái |            |                                      |    |  |
| 82 | 2.5                                  | Hoàng Thị Loan              |           | 27/10/1990 | Thái |             | 12/12 | Trung cấp Y | YHCT           | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Thái        | Y sỹ       |                                      |    |  |
| 83 | 2.6                                  | Điêu Chính Nhỏ              | 12/6/1972 |            | Thái |             | 12/12 | Cử nhân     | Điều dưỡng     | V.08.05.12 | Điều dưỡng hạng III  | SC | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B             | Điều dưỡng |                                      |    |  |
| 84 | 2.7                                  | Lò Thị Bích                 |           | 27/4/1991  | Thái |             | 12/12 | Trung cấp Y | Đa khoa        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | Tin học A                    | Tiếng Thái        |            |                                      |    |  |
| 85 | 2.8                                  | Lù Thị Dung                 |           | 07/11/1996 | Thái |             | 12/12 | Trung cấp Y | Đa khoa        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B             |            |                                      |    |  |
|    | <b>VIII Trạm Y tế xã Chiềng Bằng</b> |                             |           |            |      |             |       |             |                |            |                      |    |                              |                   |            |                                      |    |  |
|    | <b>1</b>                             | <b>Viên chức quản lý</b>    |           |            |      |             |       |             |                |            |                      |    |                              |                   |            |                                      |    |  |
| 86 | 1.1                                  | Lê Thị Hương                |           | 03/07/1978 | Kinh | Trưởng trạm | 12/12 | Bác sĩ      | Đa khoa        | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III      | SC | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B/ Tiếng thái | Bác sĩ     | Quan lý y tế cho Trưởng trạm Y tế xã | CV |  |
|    | <b>2</b>                             | <b>Viên chức chuyên môn</b> |           |            |      |             |       |             |                |            |                      |    |                              |                   |            |                                      |    |  |
| 87 | 2.1                                  | Là Văn Việt                 | 06/7/1986 |            | Thái |             | 12/12 | Cử nhân     | Y tế cộng cộng | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III | SC | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Thái        |            |                                      |    |  |
| 88 | 2.2                                  | Lò Thị Nguyên               |           | 15/10/1984 | Thái |             | 12/12 | Cử nhân     | Điều dưỡng     | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B/ Tiếng thái | Y sỹ       |                                      |    |  |
| 89 | 2.3                                  | Lò Thị Nhuận                |           | 16/10/1977 | Thái |             | 12/12 | Cao đẳng    | Hộ sinh        | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng IV      |    | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Tiếng Thái        | Hộ sinh    |                                      |    |  |
| 90 | 2.4                                  | Lò Văn Tiến                 | 09/5/1990 |            | Thái |             | 12/12 | Trung cấp Y | Đa khoa        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | Tin học ứng dụng CNTT cơ bản | Anh B/ Tiếng thái | Y sỹ       |                                      |    |  |



|     |           |                             |            |            |       |             |       |                |                   |            |                         |    |                                    |                                |         |                                                  |    |  |
|-----|-----------|-----------------------------|------------|------------|-------|-------------|-------|----------------|-------------------|------------|-------------------------|----|------------------------------------|--------------------------------|---------|--------------------------------------------------|----|--|
|     | <b>1</b>  | <b>Viên chức quản lý</b>    |            |            |       |             |       |                |                   |            |                         |    |                                    |                                |         |                                                  |    |  |
| 102 | 1.1       | Điêu Thị Hiền               |            | 02/8/1976  | Thái  | Trưởng trạm | 12/12 | Bác sĩ         | Đa khoa           | V.08.01.03 | Bác sỹ<br>hạng III      | TC | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Anh B/<br>Tiếng<br>thái        | Bác sĩ  | Quản lý<br>y tế cho<br>Trưởng<br>trạm Y          | CV |  |
| 103 | 1.2       | Hoàng Văn Táy               | 15/11/1972 |            | Kháng | Phó trạm    | 07/10 | Trung cấp<br>Y | YHCT              | V.08.03.07 | Y sỹ<br>hạng IV         | SC | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Tiếng<br>Thái                  | Y sỹ    | Quản lý<br>y tế cho<br>Trưởng<br>trạm Y          | CV |  |
|     | <b>2</b>  | <b>Viên chức chuyên môn</b> |            |            |       |             |       |                |                   |            |                         |    |                                    |                                |         |                                                  |    |  |
| 104 | 2.1       | Bạc Thị Giao                |            | 06/9/1981  | Thái  |             | 12/12 | Cao đẳng       | Dược              | V.08.08.23 | Dược sỹ<br>hạng IV      |    | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Tiếng<br>Thái                  | Dược sĩ |                                                  |    |  |
| 105 | 2.2       | Tòng Thị Bó                 |            | 28/10/1992 | Thái  |             | 12/12 | Cao đẳng       | Hộ sinh           | V.08.06.16 | Hộ sinh<br>hạng IV      |    | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Tiếng<br>Anh<br>bậc<br>2/Tiếng | Hộ sinh |                                                  |    |  |
| 106 | 2.3       | Lò Thị Thường               |            | 20/11/1991 | Thái  |             | 12/12 | Trung cấp<br>Y | Đa khoa           | V.08.03.07 | Y sỹ<br>hạng IV         |    | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Tiếng<br>Thái                  | Y sỹ    |                                                  |    |  |
| 107 | 2.4       | Hồ Thị Diên                 |            | 10/9/1995  | Thái  |             | 12/12 | Trung cấp<br>Y | Đa khoa           | V.08.10.29 | Dân số viên<br>hạng IV  |    | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Tiếng<br>Thái                  |         |                                                  |    |  |
|     | <b>XI</b> | <b>Trạm Y tế xã Nậm Ét</b>  |            |            |       |             |       |                |                   |            |                         |    |                                    |                                |         |                                                  |    |  |
|     | <b>1</b>  | <b>Viên chức quản lý</b>    |            |            |       |             |       |                |                   |            |                         |    |                                    |                                |         |                                                  |    |  |
| 108 | 1.1       | Lù Văn Thích                | 18/5/1973  |            | Thái  | Trưởng trạm | 12/12 | Bác sĩ         | Đa khoa           | V.08.01.03 | Bác sỹ<br>hạng III      | TC | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Pháp C/<br>Tiếng<br>Thái       | Bác sĩ  | Quản lý<br>y tế cho<br>Trưởng<br>trạm Y<br>tế xã | CV |  |
|     | <b>2</b>  | <b>Viên chức chuyên môn</b> |            |            |       |             |       |                |                   |            |                         |    |                                    |                                |         |                                                  |    |  |
| 109 | 2.1       | Lường Văn Thù               | 16/11/1986 |            | Thái  |             | 12/12 | Cử nhân        | Y tế công<br>cộng | V.08.10.28 | Dân số viên<br>hạng III | SC | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Anh B                          |         |                                                  |    |  |
| 110 | 2.2       | Ngân Văn Nam                | 16/02/1976 |            | Thái  |             | 12/12 | Trung cấp      | Điều<br>dưỡng     | 16b.122    | Y tá                    | SC | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Anh A2                         |         |                                                  |    |  |
| 111 | 2.3       | Bạc Thị Nghệ                |            | 07/9/1976  | Thái  |             | 12/12 | Cao đẳng       | Hộ sinh           | V.08.06.16 | Hộ sinh<br>hạng IV      | SC | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Tiếng<br>Thái                  | Hộ sinh |                                                  |    |  |

|     |     |               |  |           |      |  |        |          |      |            |                    |  |                                    |       |         |  |  |  |
|-----|-----|---------------|--|-----------|------|--|--------|----------|------|------------|--------------------|--|------------------------------------|-------|---------|--|--|--|
| 112 | 2.4 | Bạc Thị Ngoãn |  | 11/9/1980 | Thái |  | 12//12 | Cao đẳng | Dược | V.08.08.23 | Dược sỹ<br>hạng IV |  | Tin học ứng<br>dụng CNTT<br>cơ bản | Anh B | Dược sỹ |  |  |  |
|-----|-----|---------------|--|-----------|------|--|--------|----------|------|------------|--------------------|--|------------------------------------|-------|---------|--|--|--|

PHỤ LỤC 1.3

Biểu thống kê hiện trạng nhân lực tại Trung tâm Y tế và Trạm Y tế xã thuộc Trung tâm Y tế huyện Mai Sơn

(Kèm theo Đề án số /UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

| TT |    | Họ và tên                            | Ngày, tháng, năm sinh |            | Dân tộc | Chức vụ hoặc chức danh | Trình độ đào tạo và CDNN    |                             |              |                          | Trình độ LLCT và Tin học, ngoại ngữ    |                             |                  | Các chứng chỉ/chứng nhận bồi dưỡng        |                        |                   | Ghi chú     |                |
|----|----|--------------------------------------|-----------------------|------------|---------|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------|--------------------------|----------------------------------------|-----------------------------|------------------|-------------------------------------------|------------------------|-------------------|-------------|----------------|
|    |    |                                      | Nam                   | Nữ         |         |                        | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ đào tạo            |              | Mã chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp p viên chức | Trìn h độ lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ/tiếng dân tộc thiểu số | CC Hành nghề           | CC Quản lý        |             | Bồi dưỡng QLNN |
|    |    |                                      |                       |            |         |                        |                             | Trình độ đào tạo (cao nhất) | Chuyên ngành |                          |                                        |                             |                  |                                           |                        |                   |             |                |
|    | 1  | 2                                    | 3                     | 4          | 5       | 6                      | 7                           | 8                           | 9            | 10                       | 11                                     | 12                          | 13               | 14                                        | 15                     | 16                | 17          | 18             |
| A  |    | TRUNG TÂM Y TẾ MAI SƠN: 35 VIÊN CHỨC |                       |            |         |                        |                             |                             |              |                          |                                        |                             |                  |                                           |                        |                   |             |                |
|    | I  | Lãnh đạo Trung tâm (GD, PGD)         |                       |            |         |                        |                             |                             |              |                          |                                        |                             |                  |                                           |                        |                   |             |                |
| 1  | 1  | Nguyễn Thanh Hải                     | 19/10/1984            |            | Kinh    | Giám đốc               | 12/12                       | > ĐH                        | BSCKI        | V.08.01.02               | II                                     | Cao cấp                     | UDCB             | Anh C                                     | 000470/S L-CCHN Bác sĩ | Quản lý bệnh viện | Chuyên viên |                |
| 2  | 2  | Nguyễn Minh Loan                     |                       | 06/04/1969 | Kinh    | Phó GD                 | 12/12                       | > ĐH                        | THS          | V.08.01.02               | II                                     | TC                          | B                | C                                         | 000711/S L-CCHN Bác sĩ | Quản lý bệnh viện | Chuyên viên |                |
| 3  | 3  | Dương Đại Long                       | 09/03/1975            |            | Kinh    | Phó GD                 | 12/12                       | > ĐH                        | BSCKI        | V.08.02.06               | III                                    | CV                          | B                | B                                         | 000665/S L-CCHN Bác sĩ | Cấp phòng         | Chuyên viên |                |
|    | II | Các phòng chuyên môn/các khoa        |                       |            |         |                        |                             |                             |              |                          |                                        |                             |                  |                                           |                        |                   |             |                |

|    |          |                                           |            |            |       |                |       |    |         |            |     |    |          |            |                         |           |             |  |
|----|----------|-------------------------------------------|------------|------------|-------|----------------|-------|----|---------|------------|-----|----|----------|------------|-------------------------|-----------|-------------|--|
|    | <b>1</b> | <b>Phòng Hành chính - Tổng hợp</b>        |            |            |       |                |       |    |         |            |     |    |          |            |                         |           |             |  |
| 4  | 1.1      | Hà Văn Ngoan                              | 03/07/1984 |            | Thái  | Trưởng phòng   | 12/12 | ĐH | YTCC    | V.08.04.10 | III | TC | SC, UDCB | Tiếng Thái |                         | Cấp phòng | Chuyên viên |  |
| 5  | 1.2      | Lò Thị Thanh                              |            | 16/7/1973  | Thái  | Kế toán viên   | 12/12 | ĐH | Kế toán | 06.031     | III |    | UDCB     | B          |                         |           |             |  |
| 6  | 1.3      | Lâm Chúc Quỳnh                            |            | 28/4/1986  | Kinh  | Kế toán trưởng | 12/12 | ĐH | Kế toán | 06a 031    | III |    | B, UDCB  | Tiếng Thái |                         |           | Chuyên viên |  |
| 7  | 1.4      | Lương Ngọc Hiền                           |            | 20/3/1991  | Kinh  | Kế toán viên   | 12/12 | ĐH | Kế toán | 06.035     | IV  |    | CB       | Tiếng Mông |                         |           | Chuyên viên |  |
| 8  | 1.5      | Ngô Thị Thảo Ngân                         |            | 24/5/1993  | Kinh  | Viên chức      | 12/12 | ĐH | CN Luật | 01.003     | III |    | UD B     | Tiếng Mông |                         |           | Chuyên viên |  |
|    | <b>2</b> | <b>Khoa Khám bệnh - Xét nghiệm - Dược</b> |            |            |       |                |       |    |         |            |     |    |          |            |                         |           |             |  |
| 9  | 2.1      | Nguyễn Thanh Sơn                          | 15/6/1966  |            | Kinh  | Tương khoa     | 10/10 | ĐH | BSĐK    | V.08.02.06 | III | SC | B        | C          |                         |           |             |  |
| 10 | 2.2      | Vì Ngọc Sơn                               | 13/10/1986 |            | Thái  | Viên chức      | 12/12 | ĐH | BSĐK    | V.08.02.06 | III | SC | B, UDCB  | Tiếng Mông | 0004974/S L-CCHN Bác sĩ |           | CV          |  |
| 11 | 2.3      | Vũ Thị Quỳnh Hoa                          | 03/11/1988 | 03/11/1988 | Kinh  | Viên chức      | 12/12 | ĐH | BSĐKI   | V.08.02.06 | III |    | B        | Tiếng Mông | 0005198/S L-CCHN Bác sĩ |           | CV          |  |
| 12 | 2.4      | Mùi Thị Phương Anh                        |            | 07/11/1995 | Mường | Viên chức      | 12/12 | ĐH | BSĐK    | V08.03.07  | III |    |          |            | 0005533/S L-CCHN Y sĩ   |           |             |  |
| 13 | 2.5      | Nguyễn Thị Ánh Tuyết                      |            | 10/04/1996 | Kinh  | Viên chức      | 12/12 | CĐ | KTV     | V.08.07.19 | IV  |    | B, UDCB  | Tiếng Mông | 0005161/S L-CCHN Kỹ TV  |           |             |  |
| 14 | 2.6      | Lò Thị Quỳnh Nhung                        |            | 06/06/1988 | Thái  | Viên chức      | 12/12 | ĐH | Dược sỹ | V.08.08.22 | III |    | B, UDCB  | Tiếng Thái | 11/7/CCHN-D-SYT-SL Dược |           |             |  |



|    |     |                                                   |            |            |      |                       |       |      |         |            |     |    |            |            |                               |  |    |  |
|----|-----|---------------------------------------------------|------------|------------|------|-----------------------|-------|------|---------|------------|-----|----|------------|------------|-------------------------------|--|----|--|
|    | 3   | Khoa Truyền nhiễm - Kiểm soát bệnh tật & HIV/AIDS |            |            |      |                       |       |      |         |            |     |    |            |            |                               |  |    |  |
| 15 | 3.1 | Nguyễn Quang Huy                                  | 06/01/1984 |            | Kinh | Trưởng kho            | 12/12 | ĐH   | BSĐK    | V.08.02.06 | III | TC | B,UDCB     | Tiếng Mông |                               |  | CV |  |
| 16 | 3.2 | Quách Trung Dũng                                  | 11/03/1987 |            | Kinh | Viên chức             | 12/12 | ĐH   | BSĐKI   | V.08.02.06 | III |    | B, UDCB    | Tiếng Thái | 0004973/S<br>L-CCHN<br>Bác sĩ |  | CV |  |
| 17 | 3.3 | Nguyễn Đăng Linh                                  | 05/04/1989 |            | Kinh | Viên chức             | 12/12 | ĐH   | BSĐK    | V08.03.07  | IV  |    | B, UDCB    | Tiếng Mông |                               |  |    |  |
| 18 | 3.4 | Tòng Thị Mai                                      |            | 05/07/1982 | Thái | Viên chức             | 12/12 | ĐH   | CNĐD    | V.08.05.13 | IV  |    | UDCB       | Tiếng Thái |                               |  |    |  |
| 19 | 3.5 | Hà Thị Học                                        |            | 10/05/1991 | Thái | Viên chức             | 12/12 | ĐH   | YTCC    | V.08.03.07 | IV  | TC | B, UDCB    | Tiếng Mông | 0008135/S<br>L-CCHN<br>Y sĩ   |  |    |  |
| 20 | 3.6 | Đào Hồng Ngọc Ánh                                 |            | 25/12/1999 | Kinh | Viên chức             | 12/12 | ĐH   | YTCC    | V.08.14.10 | III |    | B          | B          |                               |  |    |  |
|    | 4   | Khoa Y tế công cộng - Dinh dưỡng & ATTP           |            |            |      |                       |       |      |         |            |     |    |            |            |                               |  |    |  |
| 21 | 4.1 | Nguyễn Thị Trí                                    |            | 12/05/1984 | Kinh | Trưởng kho            | 12/12 | > ĐH | Dược sỹ | V.08.08.22 | III | TC | B,<br>UDCN | Tiếng Mông | 0000068/S<br>L-CCHND<br>Dược  |  | CV |  |
| 22 | 4.2 | Nông Thị Thu Hương                                | 10/11/1986 |            | Thái | Phó<br>trưởng<br>khoa | 12/12 | ĐH   | ATTP    | V.05.02.07 | III | SC | B,<br>UDCN | Tiếng Thái |                               |  |    |  |
| 23 | 4.3 | Vũ Quốc Huy                                       | 24/8/1984  |            | Kinh | Viên chức             | 12/12 | ĐH   | BSĐK    | V.08.02.06 | III |    | B,<br>UDCN | Tiếng Thái | 0005075/S<br>L-CCHN<br>Bác sĩ |  | CV |  |
| 24 | 4.4 | Lường Văn Hải                                     | 29/9/1972  |            | Kinh | Trưởng kho            | 10/10 | TC   | Y sỹ    | V08.03.07  | IV  |    | B          |            |                               |  |    |  |
| 25 | 4.5 | Lê Thị Vân Anh                                    |            | 06/07/1990 | Kinh | Viên chức             | 12/12 | ĐH   | BSĐK    | V08.03.07  | III |    | UDCB       | Tiếng Mông |                               |  | CV |  |

|    |     |                                                     |           |            |      |            |       |       |         |            |     |    |            |               |                                    |           |    |  |
|----|-----|-----------------------------------------------------|-----------|------------|------|------------|-------|-------|---------|------------|-----|----|------------|---------------|------------------------------------|-----------|----|--|
| 26 | 4.6 | Nguyễn Thị Liên                                     |           | 20/1/1979  | Kinh | Viên chức  | 12/12 | ĐH    | YTCC    | V.08.10.28 | III | TC | UDCB       | Tiếng Thái    |                                    | Cấp phòng | CV |  |
| 27 | 4.7 | Nguyễn Thị Lữ                                       |           | 26/2/1980  | Kinh | Trưởng kho | 12/12 | ĐH    | BSĐK    | V.08.01.03 | III |    | B,UDCB     | B             | 0004909/S<br>L-CCHN<br>Bác sĩ      |           |    |  |
| 28 | 4.8 | Nguyễn Xuân Việt                                    | 25/4/1987 |            | Kinh | Viên chức  | 12/12 | ĐH    | YTCC    | V.08.04.10 | III |    | B,UDCB     | B             |                                    |           |    |  |
|    | 5   | <b>Khoa Dân số - Truyền thông - Chăm sóc SKSS</b>   |           |            |      |            |       |       |         |            |     |    |            |               |                                    |           |    |  |
| 29 | 5.1 | Hà Thị Tiến Thành                                   |           | 6/8/1972   | Tày  | Trưởng kho | 12/12 | > ĐH  | BSCKI   | V.08.02.06 | III | TC | B,UDCB     | Tiếng Mông    |                                    |           | CV |  |
| 30 | 5.2 | Nguyễn Thị Quỳnh                                    | 29/8/1974 | x          | Kinh |            | 12/12 | ĐH    | CN luật | V.08.10.28 | 3   | TC | B,<br>UDCB | B, tiếng Thái |                                    |           | CV |  |
| 31 | 5.3 | Đặng Thị Huế                                        |           | 26/12/1973 | Kinh | Viên chức  | 12/12 | CĐ    | NHS     | V.08.06.16 | IV  |    | B,UDCB     | Tiếng Mông    | 0002057/S<br>L- CSHN<br>Nữ hộ sinh |           |    |  |
| 32 | 5.4 | Nguyễn Thị Ánh                                      |           | 09/05/1979 | Kinh | Viên chức  | 12/12 | Hộ lý | HL      | 16 130     | V   |    |            |               |                                    |           |    |  |
| 33 | 5.5 | Hoàng Thị Quỳnh Liên                                |           | 25/4/1989  | Kinh | Viên chức  | 12/12 | ĐH    | YTCC    | V.08.04.10 | III | SC | B,<br>UDCB | Anh A2        | 0004910/S<br>L-CCHN<br>Điều dưỡng  | Cấp phòng | CV |  |
| 34 | 5.6 | Trần Thị Hương                                      |           | 23/5/1986  | Kinh | Viên chức  | 12/12 | ĐH    | YTCC    | V.08.10.28 | III | SC | B,<br>UDCB | Tiếng Thái    |                                    |           | CV |  |
| 35 | 5.7 | Nguyễn Thị Thảo                                     |           | 15/ 4/1978 | Kinh | Viên chức  | 12/12 | ĐH    | BSĐK    | V08.01.03  | III |    | B          | B             | 0004917/S<br>L-CCHN<br>Bác sĩ      | Cấp phòng | CV |  |
|    |     | <b>TRẠM Y TẾ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN:153 VIÊN CHỨC</b> |           |            |      |            |       |       |         |            |     |    |            |               |                                    |           |    |  |
|    | I   | <b>Trạm Y tế thị trấn Hát Lót</b>                   |           |            |      |            |       |       |         |            |     |    |            |               |                                    |           |    |  |

|    |           |                                                    |           |            |      |         |       |    |      |            |     |    |      |            |                                   |  |  |  |
|----|-----------|----------------------------------------------------|-----------|------------|------|---------|-------|----|------|------------|-----|----|------|------------|-----------------------------------|--|--|--|
|    | <b>1</b>  | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |           |            |      |         |       |    |      |            |     |    |      |            |                                   |  |  |  |
| 36 | 1         | Lê Thị Thanh Hà                                    |           | 12/4/1973  | Kinh | Tr Trạm | 12/12 | ĐH | BSDK | V.08.01.03 | III | TC | B    | B          | 0002407/S<br>L-CCHN<br>Bác sĩ     |  |  |  |
| 37 | 2         | Vũ Minh Trang                                      |           | 09/01/1988 | Kinh | Ph Trạm | 12/12 | ĐH | CNĐĐ | V.08.05.12 | III | SC | UDCB | B          | 0002069/S<br>L-CCHN<br>Điều dưỡng |  |  |  |
|    | <b>2</b>  | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |           |            |      |         |       |    |      |            |     |    |      |            |                                   |  |  |  |
| 38 | 3         | Bùi Thị Hoa                                        |           | 13/07/1970 | Kinh |         | 12/12 | TC | Đ D  | V.08.05.13 | IV  |    | UDCB |            | L - CCHN<br>Điều dưỡng            |  |  |  |
| 39 | 4         | Trần Thị Liễu                                      |           | 3/10/1970  | Kinh |         | 45272 | TC | HS   | V.08.06.16 | IV  |    | B    | B          | L - CCHN<br>Điều dưỡng            |  |  |  |
| 40 | 5         | Trương Thị Huệ                                     |           | 26/12/1973 | Kinh |         | 45272 | TC | Đ D  | V.08.05.13 | IV  |    | B    |            | L - CCHN<br>Điều dưỡng            |  |  |  |
| 41 | 6         | Hà Thị Khay                                        |           | 29/3/1979  | Kinh |         | 12/12 | ĐH | CNĐĐ | V.08.05.12 | III |    | UDCB | B          | L - CCHN<br>Điều dưỡng            |  |  |  |
| 42 | 7         | Nguyễn Anh Tú                                      | 28/4/1994 |            | Kinh |         | 12/12 | TC | Y sỹ | V.08.03.07 | IV  |    | B    | B          | 0006002/S<br>L - CCHN<br>Y sĩ     |  |  |  |
| 43 | 8         | Nguyễn Thị Lan Phương                              |           | 23/9/1986  | Kinh |         | 12/12 | ĐH | CNĐĐ | V.08.05.12 | III |    | UDCB | Tiếng Thái |                                   |  |  |  |
| 44 | 9         | Lương Hải Nam                                      | 26/2/1993 |            | Kinh |         | 12/12 | ĐH | YTCC | V.08.10.28 | III | SC | B    | A2         |                                   |  |  |  |
|    | <b>II</b> | <b>Trạm Y tế xã Chiềng Sung</b>                    |           |            |      |         |       |    |      |            |     |    |      |            |                                   |  |  |  |
|    | <b>1</b>  | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |           |            |      |         |       |    |      |            |     |    |      |            |                                   |  |  |  |

|    |     |                                                    |            |            |      |         |       |     |       |            |     |    |      |                  |                                      |  |  |                                 |
|----|-----|----------------------------------------------------|------------|------------|------|---------|-------|-----|-------|------------|-----|----|------|------------------|--------------------------------------|--|--|---------------------------------|
| 45 | 1   | Đặng Thị Hồng Thái                                 |            | 5/9/1972   | Kinh | Tr Trạm | 12/12 | >ĐH | BSCKI | V.08.01.03 | III | SC | UDCB | Tiếng<br>mông    | 000121/S<br>L-CCHN<br>Bác sĩ         |  |  |                                 |
| 46 | 2   | Nguyễn Thị Quỳnh                                   |            | 15/6/1977  | Kinh | Ph Trạm | 12/12 | TC  | YSSN  | V.08.03.07 | IV  | SC | UDCB | B, tiếng<br>thái | 0002052/S<br>L-CCHN<br>Y sĩ          |  |  |                                 |
|    | 2   | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |            |      |         |       |     |       |            |     |    |      |                  |                                      |  |  |                                 |
| 47 | 3   | Lò Thị Dũng                                        |            | 25/9/1976  | Thái |         | 12/12 | ĐH  | CNĐĐ  | V.08.05.12 | III |    | UDCB | Tiếng<br>Thái    | 0002038/S<br>L-CCHN<br>Điều<br>dưỡng |  |  |                                 |
| 48 | 4   | Phùng Thị Thu Thủy                                 |            | 20/8/1984  | Kinh |         | 12/12 | ĐH  | CNĐĐ  | V.08.05.12 | III |    | UDCB | Tiếng<br>Thái    | 0002055/S<br>L-CCHN<br>Điều<br>dưỡng |  |  |                                 |
| 49 | 5   | Nguyễn Trung Kiên                                  | 08/08/1993 |            | Kinh |         | 12/12 | TC  | BSĐK  | V.08.03.07 | IV  | SC | UDCB | B                | 0002058/S<br>L-CCHN<br>Y sĩ          |  |  | Đang<br>biệt<br>phái C<br>Lương |
| 50 | 6   | Lò Thị Phương                                      |            | 28/9/1983  | Thái |         | 12/12 | ĐH  | YTCC  | V.08.10.28 | III | SC | UDCB | Tiếng<br>mông    | 1211/CCH<br>N-D<br>Được              |  |  |                                 |
|    | III | <b>Trạm Y tế xã Mường Bằng</b>                     |            |            |      |         |       |     |       |            |     |    |      |                  |                                      |  |  |                                 |
|    | 1   | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |            |      |         |       |     |       |            |     |    |      |                  |                                      |  |  |                                 |
| 51 | 1   | Hoàng Thị Thu Hà                                   |            | 22/11/1977 | Kinh | Tr Trạm | 12/12 | ĐH  | BSĐK  | V.08.01.03 | III | SC | B    | B                | 000040/S<br>L-CCHN<br>Bác sĩ         |  |  |                                 |
|    | 2   | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |            |      |         |       |     |       |            |     |    |      |                  |                                      |  |  |                                 |
| 52 | 2   | Cầm Việt Cường                                     | 30/7/1987  |            | Thái |         | 12/12 | ĐH  | BSĐK  | V.08.01.03 | III | SC | UDCB | Tiếng<br>mông    | 0002047/S<br>L-CCHN<br>Y sĩ          |  |  | Đang<br>biệt<br>phái C<br>Dong  |
| 53 | 3   | Phan Văn Tuyết                                     | 20/10/1966 |            | Kinh |         | 12/12 | TC  | Được  | V.08.08.23 | IV  |    | UDCB | A2               | 332/SL-<br>CCHND<br>Được             |  |  |                                 |

|    |           |                                                    |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |      |            |                                   |  |  |  |
|----|-----------|----------------------------------------------------|------------|------------|------|---------|-------|----|------|------------|-----|----|------|------------|-----------------------------------|--|--|--|
| 54 | 4         | Lò Thị Chinh                                       |            | 22/8/1983  | Thái |         | 12/12 | CĐ | CĐHS | V.08.06.16 | IV  |    | UDCB | B          | 0002048/S<br>L-CCHN<br>Nữ hộ sinh |  |  |  |
| 55 | 5         | Nguyễn Thị Tường                                   |            | 08/05/1984 | Kinh |         | 12/12 | ĐH | CNĐĐ | V.08.05.12 | III | SC | UDCB | B          | 0002046/S<br>L-CCHN<br>Điều dưỡng |  |  |  |
| 56 | 6         | Lò Thị Thương                                      |            | 17/05/1986 | Thái |         | 12/12 | TC | Y sỹ | V.08.03.07 | IV  |    | B    | B          | 0005115/S<br>L-CCHN<br>Y sỹ       |  |  |  |
| 57 | 7         | Lường Thị Tích                                     |            | 20/05/1988 | Thái |         | 45272 | TC | Y sỹ | V.08.03.07 | IV  |    | UDCB | Tiếng Thái |                                   |  |  |  |
| 58 | 8         | Lò Thị Loan                                        |            | 04/10/1983 | Thái |         | 12/12 | ĐH | YTCC | V.08.10.28 | III | SC | UDCB | B          | 0002045/S<br>L-CCHN<br>Điều dưỡng |  |  |  |
|    | <b>IV</b> | <b>Trạm Y tế xã Chiềng Chăn</b>                    |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |      |            |                                   |  |  |  |
|    | <b>1</b>  | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |      |            |                                   |  |  |  |
| 59 | 1         | Lê Thị Hoài Minh                                   | 9/12/1973  | 9/12/1973  | Kinh | Tr Trạm | 12/12 | ĐH | BSĐK | V.08.01.03 | III | TC | B    | Tiếng Thái | 0002249/S<br>L-CCHN<br>Bác sĩ     |  |  |  |
| 60 | 2         | Tòng Văn Diện                                      | 01/12/1986 |            | Thái | Ph Trạm | 12/12 | TC | Y sỹ | V.08.10.29 | IV  | SC | B    | B          | 0002246/S<br>L-CCHN<br>Y sỹ       |  |  |  |
|    | <b>2</b>  | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |      |            |                                   |  |  |  |
| 61 | 3         | Lò Thị Thoan                                       |            | 28/11/1978 | Thái |         | 12/12 | CĐ | CĐHS | V.08.06.16 | IV  |    | UDCB | Tiếng Thái | 0002247/S<br>L-CCHN<br>Nữ hộ sinh |  |  |  |
| 62 | 4         | Hà Thị Sâm                                         |            | 25/10/1984 | Thái |         | 12/12 | ĐH | CNĐĐ | V.08.05.12 | III |    | UDCB | Tiếng Thái | 0002457/S<br>L-CCHN<br>Điều dưỡng |  |  |  |
| 63 | 5         | Sông A Nụ                                          | 11/10/1997 |            | Mông |         | 12/12 | TC | Y sỹ | V.08.03.07 | IV  |    | B    | B          |                                   |  |  |  |

|    |           |                                                    |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |            |               |                                   |  |  |  |
|----|-----------|----------------------------------------------------|------------|------------|------|---------|-------|----|------|------------|-----|----|------------|---------------|-----------------------------------|--|--|--|
| 64 | 6         | Lò Thị Hoài Thu                                    |            | 28/8/1996  | Thái |         | 12/12 | TC | Y sỹ | V.08.03.07 | IV  |    | UDCB       | B             |                                   |  |  |  |
|    | <b>V</b>  | <b>Trạm Y tế xã Chiềng Ban</b>                     |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |            |               |                                   |  |  |  |
|    | <b>1</b>  | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |            |               |                                   |  |  |  |
| 65 | 1         | Lò Thị Thanh                                       | 25/09/1985 | 25/09/1985 | Thái | Tr Trạm | 12/12 | ĐH | YTCC | V.08.10.28 | III | TC | B,<br>UDCB | Tiếng<br>Thái |                                   |  |  |  |
|    | <b>2</b>  | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |            |               |                                   |  |  |  |
| 66 | 2         | Lê Thu Hiền                                        |            | 13/10/1977 | Kinh |         | 12/12 | ĐH | BSĐK | V.08.01.03 | III | SC | B          | B             | 0004711/S<br>L-CCHN<br>Bác sĩ     |  |  |  |
| 67 | 3         | Trần Thị Phúc                                      |            | 26/12/1969 | Kinh |         | 12/12 | TC | HS   | V.08.06.16 | IV  |    | B          | Tiếng<br>Thái | 0002393/S<br>L-CCHN<br>Nữ hộ sinh |  |  |  |
| 68 | 4         | Hoàng Thị Khuyến                                   |            | 09/02/1982 | Thái |         | 12/12 | TC | Y sỹ | V.08.03.07 | IV  |    | B,<br>UDCB | B             | 0005525/S<br>L-CCHN<br>Y sỹ       |  |  |  |
| 69 | 5         | Lò Văn Trang                                       | 31/3/1989  |            | Thái |         | 12/12 | TC | Y sỹ | V.08.03.07 | IV  |    | UDCB       |               |                                   |  |  |  |
| 70 | 6         | Tòng Ngọc Bích                                     |            | 07/11/1990 | Thái |         | 12/12 | TC | Đ D  | V.08.05.13 | IV  |    | UDCB       | Tiếng<br>Mông | 0005592/S<br>L-CCHN<br>Điều dưỡng |  |  |  |
| 71 | 7         | Hà Thị Chiêm                                       |            | 22/9/1991  | Thái |         | 12/12 | TC | Y sỹ | V.08.03.07 | IV  |    | UDCB       | A2            |                                   |  |  |  |
|    | <b>VI</b> | <b>Trạm Y tế xã Chiềng Mung</b>                    |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |            |               |                                   |  |  |  |
|    | <b>1</b>  | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |            |               |                                   |  |  |  |

|    |     |                                                    |            |            |      |          |       |     |         |            |     |    |            |               |                                      |              |  |  |
|----|-----|----------------------------------------------------|------------|------------|------|----------|-------|-----|---------|------------|-----|----|------------|---------------|--------------------------------------|--------------|--|--|
| 72 | 1   | Cầm Ngọc Tuyên                                     | 14/09/1984 |            | Thái | Tr. Trạm | 12/12 | ĐH  | BSDK    | V08.01.03  | III | SC | B          | B             |                                      | Cấp<br>phòng |  |  |
| 73 | 2   | Nguyễn Thị Thanh Mai                               |            | 29/11/1980 | Kinh | Ph Trạm  | 12/12 | ĐH  | CNDD    | V.08.03.07 | IV  | SC | A,<br>UDCB | Tiếng<br>Thái | 0002049/S<br>L-CCHN<br>Y sĩ          |              |  |  |
|    | 2   | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |            |      |          |       |     |         |            |     |    |            |               |                                      |              |  |  |
| 74 | 3   | Hà Văn Thành                                       | 12/9/1972  |            | Thái |          | 45272 | TC  | Dược sỹ | 16b 122    | V   |    | UDCB       | Tiếng<br>Thái |                                      |              |  |  |
| 75 | 4   | Lê Thị Tý                                          |            | 11/3/1985  | Kinh |          | 12/12 | ĐH  | CNDD    | V.08.05.12 | III |    | A,<br>UDCB | Tiếng<br>Thái | 0002043/S<br>L-CCHN<br>Điều<br>dưỡng |              |  |  |
| 76 | 5   | Trịnh Thị Hạnh                                     |            | 3/6/1982   | Kinh |          | 12/12 | CĐ  | CĐHS    | V.08.06.16 | IV  | SC | UDCB       | Tiếng<br>Thái | 000487/S<br>L-CCHN<br>Nữ hộ<br>sinh  |              |  |  |
| 77 | 6   | Nguyễn Thị Hồng Thắm                               |            | 27/12/1986 | Kinh |          | 12/12 | TC  | Y sỹ    | V.08.03.07 | IV  |    | UDCB       | Tiếng<br>Thái | 0005863/S<br>L-CCHN<br>Y sĩ          |              |  |  |
| 78 | 7   | Tòng Thị Lan                                       |            | 5/9/1983   | Thái |          | 12/12 | TC  | Y sỹ    | V.08.03.07 | IV  |    | UDCB       | Tiếng<br>Thái | 0005862/S<br>L-CCHN<br>Y sĩ          |              |  |  |
| 79 | 8   | Nguyễn Thị Toan                                    |            | 10/9/1981  | Kinh |          | 12/12 | CĐ  | Đ D     | V.08.10.29 | IV  |    | UDCB       | Tiếng<br>Thái | 0005788/S<br>L-CCHN<br>Điều<br>dưỡng |              |  |  |
|    | VII | <b>Trạm Y tế xã Mường Bon</b>                      |            |            |      |          |       |     |         |            |     |    |            |               |                                      |              |  |  |
|    | 1   | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |            |      |          |       |     |         |            |     |    |            |               |                                      |              |  |  |
| 80 | 1   | Lò Thị Quyển                                       |            | 18/11/1978 | Thái | Tr Trạm  | 12/12 | >ĐH | BSCKI   | V.08.01.03 | III | TC | B          | Tiếng<br>Thái | 0002341/S<br>L-CCHN<br>Bác sĩ        |              |  |  |
| 81 | 2   | Hà Thị Thúy Lan                                    |            | 30/4/1988  | Thái | P. Trạm  | 12/12 | TC  | Y sỹ    | V.08.03.07 | IV  | SC | UDCB       | Tiếng<br>Mông | 0005630/S<br>L-CCHN<br>Y sĩ          |              |  |  |

|    |      |                                      |            |            |       |         |       |    |         |            |     |    |            |            |                                   |           |  |  |
|----|------|--------------------------------------|------------|------------|-------|---------|-------|----|---------|------------|-----|----|------------|------------|-----------------------------------|-----------|--|--|
|    | 2    | Viên chức chuyên môn                 |            |            |       |         |       |    |         |            |     |    |            |            |                                   |           |  |  |
| 82 | 3    | Hoàng Thị Tình                       |            | 03/01/1981 | Thái  |         | 12/12 | TC | Y sỹ    | V.08.03.07 | IV  |    | UDCB       | Tiếng Thái | 0002340/S<br>L-CCHN<br>Y sỹ       |           |  |  |
| 83 | 4    | Lò Thuý Nga                          |            | 28/2/1986  | Thái  |         | 12/12 | ĐH | CNĐĐ    | V.08.05.12 | III | SC | B          | Tiếng Mông | 0002459/S<br>L-CCHN<br>Điều dưỡng |           |  |  |
| 84 | 5    | Lò Thị Thi                           |            | 17/2/1991  | Thái  |         | 12/12 | CĐ | HS      | V.08.06.16 | IV  |    | B          | B          | 0005480/S<br>L-CCHN<br>Nữ hộ sinh |           |  |  |
| 85 | 6    | Lê Thanh Thùy                        |            | 22/7/1988  | Kinh  |         | 12/12 | TC | Y sỹ    | V.08.03.07 | IV  |    | B          | B          | 0007085/S<br>L-CCHN<br>Điều dưỡng |           |  |  |
| 86 | 7    | Lê Văn Hậu                           | 4/3/1970   |            | Kinh  |         | 12/12 | CĐ | CĐĐĐ    | V.08.05.13 | IV  | SC | UDCB       | Tiếng Mông | 0002044/S<br>L-CCHN<br>Điều dưỡng |           |  |  |
| 87 | 8    | Trìn Duy Bình                        | 28/12/1992 |            | Nhắng |         | 12/12 | ĐH | YTCC    | V.08.10.28 | III | SC | UDCB       | B          |                                   |           |  |  |
|    | VIII | Trạm Y tế xã Chiềng Chung            |            |            |       |         |       |    |         |            |     |    |            |            |                                   |           |  |  |
|    | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |       |         |       |    |         |            |     |    |            |            |                                   |           |  |  |
| 88 | 1    | Lò Thị Thiên                         |            | 15/6/1986  | Thái  | Tr Trạm | 12/12 | ĐH | BSĐK    | V.08.01.03 | III | TC | B,<br>UDCB | Tiếng Thái | 0005643/S<br>L-CCHN<br>Bác sĩ     |           |  |  |
| 89 | 2    | Tòng Thị Yên                         |            | 06/02/1982 | Thái  | P.Trạm  | 12/12 | ĐH | CNĐĐ    | V.08.05.12 | III | SC | UDCB       | Tiếng Thái | 0001757/S<br>L-CCHN<br>Điều dưỡng | Cấp phòng |  |  |
|    | 2    | Viên chức chuyên môn                 |            |            |       |         |       |    |         |            |     |    |            |            |                                   |           |  |  |
| 90 | 3    | Lò Thị Liên                          |            | 16/ 8/1977 | Thái  |         | 12/12 | TC | Dược sỹ | 16 298     | V   |    | UDCB       | Tiếng Thái | 755/SL-<br>CCHND<br>Dược sĩ       |           |  |  |



|     |           |                                                    |            |            |      |         |       |     |       |            |     |    |             |                   |                                   |  |  |  |
|-----|-----------|----------------------------------------------------|------------|------------|------|---------|-------|-----|-------|------------|-----|----|-------------|-------------------|-----------------------------------|--|--|--|
| 91  | 4         | Hà Thị Hải                                         |            | 14/9/1981  | Thái |         | 12/12 | CĐ  | CĐHS  | V.08.06.16 | IV  |    | UDCB        | Tiếng Thái        | 0001756/S<br>L-CCHN<br>Nữ hộ sinh |  |  |  |
| 92  | 5         | Cầm Văn Quyền                                      | 05/01/1993 |            | Thái |         | 12/12 | TC  | Y sỹ  | V.08.03.07 | IV  | SC | UDCB        | A1                | 0007906/S<br>L-CCHN<br>Y sỹ       |  |  |  |
| 93  | 6         | Lường Văn Tiếp                                     | 26/10/1977 |            | Thái |         | 12/12 | TC  | Đ D   | V.08.10.29 | IV  |    | A,UDCB      | Tiếng Mông        | 0002073/S<br>L-CCHN<br>Điều dưỡng |  |  |  |
|     | <b>IX</b> | <b>Trạm Y tế xã Hát Lót</b>                        |            |            |      |         |       |     |       |            |     |    |             |                   |                                   |  |  |  |
|     | <b>1</b>  | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |            |      |         |       |     |       |            |     |    |             |                   |                                   |  |  |  |
| 94  | 1         | Dương Mai Hương                                    |            | 01/08/1983 | Kinh | Tr Trạm | 12/12 | >ĐH | BSCKI | V.08.01.03 | III | TC | B,<br>UDCB  | Tiếng Thái        | 0002242/S<br>L-CCHN<br>Bác sĩ     |  |  |  |
| 95  | 2         | Phạm Thị Thảo                                      |            | 18/10/1986 | Kinh | P.Trạm  | 12/12 | ĐH  | CNĐD  | V.08.05.12 | III | TC | CB,<br>UDCB | A2,<br>tiếng Thái | 0002236/S<br>L-CCHN<br>Điều dưỡng |  |  |  |
|     | <b>2</b>  | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |            |      |         |       |     |       |            |     |    |             |                   |                                   |  |  |  |
| 96  | 3         | Lê Thị Hoà                                         |            | 25/12/1974 | Kinh |         | 12/12 | TC  | Y sỹ  | V.08.03.07 | IV  |    | UDCB        | Tiếng Mông        | 0001908/S<br>L-CCHN<br>Y sỹ       |  |  |  |
| 97  | 4         | Cầm Thị Vinh                                       |            | 01/12/1968 | Thái |         | 12/12 | TC  | Đ D   | V.08.05.13 | IV  |    | B           | B                 | 0002238/S<br>L-CCHN<br>Điều dưỡng |  |  |  |
| 98  | 5         | Nguyễn Minh Huệ                                    |            | 10/04/1975 | Kinh |         | 12/12 | TC  | Đ D   | V.08.05.13 | IV  |    | UDCB        | Tiếng Thái        | 0002237/S<br>L-CCHN<br>Điều dưỡng |  |  |  |
| 99  | 6         | Thiều Thị Thuý                                     |            | 17/03/1975 | Kinh |         | 12/12 | TC  | Dược  | V.08.08.23 | IV  |    | UDCB        | Tiếng Thái        | 792/SL-<br>CCHND<br>Dược          |  |  |  |
| 100 | 7         | Nguyễn Thị Thanh                                   |            | 06/12/1987 | Kinh |         | 12/12 | TC  | Y sỹ  | V.08.03.07 | IV  |    | B,<br>UDCB  | Tiếng Thái        | 0005387/S<br>L-CCHN<br>Y sỹ       |  |  |  |

|     |          |                                                    |           |            |      |          |       |     |       |            |     |    |            |               |                                      |                      |  |  |
|-----|----------|----------------------------------------------------|-----------|------------|------|----------|-------|-----|-------|------------|-----|----|------------|---------------|--------------------------------------|----------------------|--|--|
| 101 | 8        | Lò Thị Thừa                                        |           | 12/07/1970 | Thái |          | 45272 | CĐ  | CĐHS  | V.08.06.16 | IV  |    | UDCB       | Tiếng<br>Mông | 0005784/S<br>L-CCHN<br>Nữ hộ sinh    |                      |  |  |
| 102 | 9        | Lò Thị Dung                                        |           | 25/07/1989 | Thái |          | 12/12 | TC  | VHQC  | V.08.10.29 | IV  |    | UDCB       | Tiếng<br>Thái |                                      |                      |  |  |
|     | <b>X</b> | <b>Trạm Y tế xã Cò Nòi</b>                         |           |            |      |          |       |     |       |            |     |    |            |               |                                      |                      |  |  |
|     | <b>1</b> | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |           |            |      |          |       |     |       |            |     |    |            |               |                                      |                      |  |  |
| 103 | 1        | Nguyễn Thị Thảo                                    |           | 30/3/1983  | Kinh | Tr. Trạm | 12/12 | >ĐH | BSCKI | V.08.01.03 | III | SC | B,<br>UDCB | Tiếng<br>Thái | 0005936/S<br>L-CCHN<br>Bác sĩ        | <i>Cấp<br/>phòng</i> |  |  |
| 104 | 2        | Trương Thị Tâm                                     |           | 12/10/1976 | Kinh | Ph Trạm  | 12/12 | ĐH  | CNĐD  | V.08.05.12 | III | SC | UDCB       | TOEFT         | 0002400/S<br>L-CCHN<br>Điều<br>dưỡng | <i>Cấp<br/>phòng</i> |  |  |
|     | <b>2</b> | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |           |            |      |          |       |     |       |            |     |    |            |               |                                      |                      |  |  |
| 105 | 3        | Hà Thị Loan                                        |           | 13/9/1978  | Thái |          | 12/12 | TC  | Y sỹ  | V.08.03.07 | IV  |    | UDCB       | Tiếng<br>Thái | 0002398/S<br>L-CCHN<br>Y sỹ          |                      |  |  |
| 106 | 4        | Trần Thị Thuý Huyền                                |           | 13/9/1987  | Kinh |          | 12/12 | ĐH  | CNĐD  | V.08.05.12 | III | SC | UDCB       | TOEFT         | 0001829/S<br>L-CCHN<br>Điều<br>dưỡng |                      |  |  |
| 107 | 5        | Cầm Thị Uyên                                       |           | 28/5/1984  | Thái |          | 12/12 | TC  | HS    | V.08.06.16 | IV  |    | B          | B             | 0002396/S<br>L-CCHN<br>Nữ hộ sinh    |                      |  |  |
| 108 | 6        | Lò Thị Bun Hào                                     |           | 02/05/1985 | Thái |          | 12/12 | ĐH  | CNĐD  | V.08.05.12 | III |    | B          | Tiếng<br>Thái | 0002397/S<br>L-CCHN<br>Điều<br>dưỡng |                      |  |  |
| 109 | 7        | Nguyễn Thị Ảnh                                     |           | 08/11/1976 | Kinh |          | 12/12 | TC  | Đ D   | V.08.05.13 | IV  |    | UDCB       | Bậc 4         | 0005058/S<br>L-CCHN<br>Điều<br>dưỡng |                      |  |  |
| 110 | 8        | Phạm Văn Tập                                       | 17/8/1977 |            | Kinh |          | 12/12 | ĐH  | YTCC  | V.08.10.28 | III | TC | B          | Tiếng<br>Thái |                                      |                      |  |  |

|     |     |                                      |            |             |      |         |       |    |      |            |     |    |            |               |                               |  |  |  |
|-----|-----|--------------------------------------|------------|-------------|------|---------|-------|----|------|------------|-----|----|------------|---------------|-------------------------------|--|--|--|
| 111 | 9   | Nguyễn Thị Nga                       |            | ,05/09/1994 | Kinh |         | 12/12 | CĐ | Dược | V.08.08.23 | IV  |    | UDCB       | B             | 1414/CCHN-D-SYT-SL<br>Dược    |  |  |  |
| 112 | 10  | Lê Thị Thanh Thương                  |            | 05/5/1995   | Kinh |         | 12/12 | TC | Y sỹ | V.08.03.07 | IV  |    | UDCB       | A2            |                               |  |  |  |
|     | XI  | Trạm Y tế xã Chiềng Nọi              |            |             |      |         |       |    |      |            |     |    |            |               |                               |  |  |  |
|     | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |             |      |         |       |    |      |            |     |    |            |               |                               |  |  |  |
| 113 | 1   | Sông A Sênh                          | 10/5/1977  |             | Mông | Tr Trạm | 12/12 | ĐH | BSĐK | V08.01.03  | III | TC | B,<br>UDCB | A             | 0002245/S<br>L-CCHN<br>Bác sĩ |  |  |  |
| 114 | 2   | Sông A Phía                          | 11/11/1993 |             | Mông | P.Trạm  | 12/12 | TC | Y sỹ | V.08.03.07 | IV  | SC | B          | B             |                               |  |  |  |
|     | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |             |      |         |       |    |      |            |     |    |            |               |                               |  |  |  |
| 115 | 3   | Tòng Thị Hoàng                       |            | 21/3/1985   | Thái |         | 12/12 | TC | Y sỹ | V08.03.07  | IV  |    | UDCB       | Tiếng<br>Thái | 0002244/S<br>L-CCHN<br>Y sỹ   |  |  |  |
| 116 | 4   | Cầm Văn Nguyên                       | 17/6/1990  |             | Thái |         | 12/12 | TC | Đ D  | V.08.05.13 | IV  |    | B          | B             |                               |  |  |  |
| 117 | 5   | Lò Thị Phong                         |            | 26/7/1992   | Thái |         | 12/12 | CĐ | HS   | V.08.06.16 | IV  |    | B          | B             |                               |  |  |  |
| 118 | 6   | Lò Văn Loan                          | 07/4/1976  |             | Thái |         | 12/12 | ĐH | YTCC | V.08.10.28 | III | SC | A          | Tiếng<br>Thái |                               |  |  |  |
|     | XII | Trạm Y tế xã Chiềng Dong             |            |             |      |         |       |    |      |            |     |    |            |               |                               |  |  |  |
|     | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |             |      |         |       |    |      |            |     |    |            |               |                               |  |  |  |

|     |      |                                                    |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |            |            |                                   |           |  |  |
|-----|------|----------------------------------------------------|------------|------------|------|---------|-------|----|------|------------|-----|----|------------|------------|-----------------------------------|-----------|--|--|
| 119 | 1    | Cầm Văn Hoàng                                      | 10/4/1984  |            | Thái | Tr Trạm | 12/12 | ĐH | CNDD | V.08.05.12 | III | SC | A          | Tiếng Thái | 0002390/S<br>L-CCHN<br>Điều dưỡng |           |  |  |
| 120 | 2    | Hà Thị Ngọc Hiền                                   |            | 26/5/1990  | Thái | P. Trạm | 12/12 | TC | Y sỹ | V.08.03.07 | IV  | SC | UDCB       | Tiếng Mông | 0002388/S<br>L-CCHN<br>Y sỹ       | Cấp phòng |  |  |
|     | 2    | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |            |            |                                   |           |  |  |
| 121 | 3    | Lò Thị Em                                          |            | 2/8/1972   | Thái |         | 7/10  | CĐ | CĐHS | V.08.06.16 | IV  | SC | B          | Tiếng Mông | 0002389/S<br>L-CCHN<br>Nữ hộ sinh |           |  |  |
| 122 | 4    | Lường Thị Thanh                                    |            | 01/01/1992 | Thái |         | 12/12 | TC | Y sỹ | V.08.03.07 | IV  |    | UDCB       | Tiếng Mông | 0001767/S<br>L-CCHN<br>Y sỹ       |           |  |  |
| 123 | 5    | Lò Thanh Tuyền                                     | 29/11/1987 |            | Thái |         | 12/12 | CĐ | Dược | V.08.10.29 | IV  | SC | A          | Tiếng Mông | 1849/CCH<br>N-D<br>Dược           |           |  |  |
|     | XIII | <b>Trạm Y tế xã Chiềng Kheo</b>                    |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |            |            |                                   |           |  |  |
|     | 1    | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |            |            |                                   |           |  |  |
| 124 | 1    | Nguyễn Thị Hà                                      |            | 8/10/1983  | Kinh | Tr Trạm | 12/12 | ĐH | BSĐK | V08.01.03  | III |    | B,UDCB     | Tiếng Mông |                                   |           |  |  |
| 125 | 2    | Hoàng Thành Trung                                  | 01/01/1988 |            | Thái | P. Trạm | 12/12 | TC | Y sỹ | V.08.03.07 | IV  | SC | B          | Tiếng Mông |                                   | Cấp phòng |  |  |
|     | 2    | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |            |            |                                   |           |  |  |
| 126 | 3    | Bạc Thị Chuyên                                     |            | 20/5/1970  | Thái |         | 12/12 | TC | HS   | V.08.06.16 | IV  | SC | UDCB       | Tiếng Mông | 0001761/S<br>L-CCHN<br>Nữ hộ sinh |           |  |  |
| 127 | 4    | Hà Thị Thương                                      |            | 10/02/1991 | Thái |         | 12/12 | TC | Đ D  | V.08.05.13 | IV  | SC | B,<br>UDCB | Tiếng Thái |                                   |           |  |  |

|     |            |                                                    |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |            |            |                                   |                      |  |  |
|-----|------------|----------------------------------------------------|------------|------------|------|---------|-------|----|------|------------|-----|----|------------|------------|-----------------------------------|----------------------|--|--|
| 128 | 5          | Vì Văn Dũng                                        | 16/4/1984  |            | Thái |         | 12/12 | TC | Y sỹ | V.08.03.07 | IV  | SC | UDCB       | Tiếng Thái | 0005111/S<br>L-CCHN<br>Y sỹ       |                      |  |  |
| 129 | 6          | Lò Thị Hoa                                         |            | 14/10/1978 | Thái |         | 12/12 | ĐH | YTCC | V.08.10.28 | III | SC | UDCB       | Tiếng Thái | 0001760/S<br>L-CCHN<br>Được       |                      |  |  |
|     | <b>XIV</b> | <b>Trạm Y tế xã Chiềng Ve</b>                      |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |            |            |                                   |                      |  |  |
|     | <b>1</b>   | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |            |            |                                   |                      |  |  |
| 130 | 1          | Hồ A Phía                                          | 05/08/1984 |            | Mông | Tr Trạm | 12/12 | ĐH | BSĐK | V08.01.03  | III | TC | B,<br>UDCB | Tiếng Mông | 0005961/<br>SL-CCHN<br>Bác sỹ     |                      |  |  |
| 131 | 2          | Hoàng Văn Chiến                                    | 05/04/1987 |            | Thái | Ph.Trạm | 12/12 | TC | Đ D  | V.08.05.13 | IV  | SC | B          | Tiếng Thái |                                   | <i>Cấp<br/>phòng</i> |  |  |
|     | <b>2</b>   | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |            |            |                                   |                      |  |  |
| 132 | 3          | Lò Văn Thước                                       | 10/11/1968 |            | Thái |         | 7/10  | TC | Y sỹ | V.08.03.07 | IV  | SC | B          | Tiếng Mông | 0001762/S<br>L-CCHN<br>Y sỹ       |                      |  |  |
| 133 | 4          | Lò Thị Phương                                      |            | 20/11/1977 | Thái |         | 5/10  | CĐ | CĐHS | V.08.06.16 | IV  |    | B          | Tiếng Thái | 0001763/S<br>L-CCHN<br>Nữ hộ sinh |                      |  |  |
| 134 | 5          | Hà Thị Tinh                                        |            | 20/11/1988 | Thái |         | 12/12 | TC | Y sỹ | V.08.03.07 | IV  | SC | UDCCB      | Tiếng Thái | 0005139/S<br>L-CCHN<br>Y sỹ       |                      |  |  |
| 135 | 6          | Lò Thị Vân                                         |            | 25/6/1992  | Thái |         | 12/12 | ĐH | YTCC | V.08.10.28 | III | SC | B,<br>UDCB | Tiếng Thái |                                   |                      |  |  |
|     | <b>XV</b>  | <b>Trạm Y tế xã Chiềng Lương</b>                   |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |            |            |                                   |                      |  |  |
|     | <b>1</b>   | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |            |            |                                   |                      |  |  |

|     |     |                                                    |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |            |               |                                   |              |  |  |
|-----|-----|----------------------------------------------------|------------|------------|------|---------|-------|----|------|------------|-----|----|------------|---------------|-----------------------------------|--------------|--|--|
| 136 | 1   | Quảng Thị Phương                                   |            | 28/6/1982  | Thái | Tr Trạm | 12/12 | ĐH | CNDD | V.08.05.12 | III | TC | A,UDCB     | A2            | 0001766/S<br>L-CCHN<br>Điều dưỡng | Cấp<br>phòng |  |  |
|     | 2   | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |            |               |                                   |              |  |  |
| 137 | 2   | Bùi Thị Bích Phương                                | 30/11/1992 | 30/11/1992 | Thái |         | 12/12 | TC | Y sỹ | V.08.03.07 | IV  |    | A,<br>UDCB | B             | 0004595/S<br>L-CCHN<br>Y sỹ       |              |  |  |
| 138 | 3   | Lường Thị Thanh                                    | 19/1/1986  | 19/1/1986  | Thái |         | 12/12 | TC | Y sỹ | V.08.03.07 | IV  | SC | UDCB       | B             | 0005725/S<br>L-CCHN<br>Y sỹ       |              |  |  |
| 139 | 4   | Lường Thị Thương                                   | 19/12/1983 | 19/12/1983 | Thái |         | 12/12 | TC | Y sỹ | V.08.03.07 | IV  |    | UDCB       | B             | 0005726/S<br>L-CCHN<br>Y sỹ       |              |  |  |
| 140 | 5   | Ng Thị Minh Huệ                                    | 16/ 6/1972 | 16/ 6/1972 | Kinh |         | 12/12 | TC | HS   | V.08.06.16 | IV  |    | UDCB       | Tiếng<br>Mông | 0002234/S<br>L-CCHN<br>Y sỹ       |              |  |  |
| 141 | 6   | Tòng Thị Tươn                                      | 18/2/1978  | 18/2/1978  | Thái |         | 12/12 | TC | Y sỹ | V.08.03.07 | IV  |    | UDCB       | B             | 0005090/S<br>L-CCHN<br>Y sỹ       |              |  |  |
| 142 | 7   | Cầm Văn Thảo                                       | 04/02/1999 |            | Thái |         | 12/12 | CĐ | CĐDD | V.08.10.29 | IV  |    | UDCB       | Bậc 2         |                                   |              |  |  |
|     | XVI | <b>Trạm Y tế xã Phiêng Pần</b>                     |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |            |               |                                   |              |  |  |
|     | 1   | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |            |               |                                   |              |  |  |
| 143 | 1   | Cầm Văn Lợi                                        | 19/6/1972  |            | Thái | Tr Trạm | 12/12 | ĐH | BSĐK | V.08.01.03 | III | TC | B          | B             | 0002067/S<br>L-CCHN<br>Bác sĩ     |              |  |  |
| 144 | 2   | Lò Thị Hào                                         |            | 13/10/1983 | Thái | P. Trạm | 12/12 | TC | Y sỹ | V08.03.07  | IV  | sc | SC         | B             | 0005388/S<br>L-CCHN<br>Y sỹ       |              |  |  |
|     | 2   | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |            |               |                                   |              |  |  |

|     |             |                                                    |            |           |      |         |        |    |      |            |     |    |            |               |                                      |  |  |  |
|-----|-------------|----------------------------------------------------|------------|-----------|------|---------|--------|----|------|------------|-----|----|------------|---------------|--------------------------------------|--|--|--|
| 145 | 3           | Vàng Lao Đô                                        | 09/02/1975 |           | Mông |         | 45272  | TC | Y sỹ | V.08.03.07 | IV  | SC | B          | B             | 0002068/S<br>L-CCHN<br>Y sỹ          |  |  |  |
| 146 | 4           | Phạm Thị Toán                                      |            | 15/5/1975 | Kinh |         | 12/12  | ĐH | HSDH | V.08.06.15 | III |    | B          | B             | 0002065/S<br>L-CCHN<br>Nữ hộ sinh    |  |  |  |
| 147 | 5           | Vàng A Lải                                         | 16/10/1987 |           | Mông |         | 12/12  | ĐH | CNĐĐ | V.08.05.12 | III |    | UDCB       | Tiếng<br>Thái | 0002064/S<br>L-CCHN<br>Điều<br>dưỡng |  |  |  |
| 148 | 6           | Đỗ Xuân Tùng                                       | 09/04/1992 |           | Kinh |         | 12/12  | TC | Y sỹ | V.08.03.07 | IV  |    | UDCB       | Tiếng<br>Mông | 0002250/S<br>L-CCHN<br>Y sỹ          |  |  |  |
| 149 | 7           | Vàng A Xẻnh                                        | 06/8/1985  |           | Mông |         | 12/12  | ĐH | YTCC | V.08.10.28 | III |    | UDCB       | B             |                                      |  |  |  |
|     | <b>XVII</b> | <b>Trạm Y tế xã Nà Ót</b>                          |            |           |      |         |        |    |      |            |     |    |            |               |                                      |  |  |  |
|     | <b>1</b>    | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |           |      |         |        |    |      |            |     |    |            |               |                                      |  |  |  |
| 150 | 1           | Lò Văn Bình                                        | 10/8/1973  |           | Thái | Tr Trạm | .12/12 | ĐH | BSDK | V08.01.03  | III | TC | B,<br>UDCB | Tiếng<br>Thái | 0007247/S<br>L-CCHN<br>BÁC sỹ        |  |  |  |
| 151 | 2           | Sông A Thông                                       | 12/12/1986 |           | Mông | P Trạm  | 12/12  | ĐH | YTCC | V.08.10.28 | III | SC | UDCB       | Tiếng<br>Thái | 0002339/S<br>L-CCHN<br>Điều<br>dưỡng |  |  |  |
|     | <b>2</b>    | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |           |      |         |        |    |      |            |     |    |            |               |                                      |  |  |  |
| 152 | 3           | Lò Văn Viên                                        | 01/06/1974 |           | Thái |         | .12/12 | TC | Y sỹ | V.08.03.07 | IV  | SC | UDCB       | Tiếng<br>Thái | 0002461/S<br>L-CCHN<br>Y sỹ          |  |  |  |
| 153 | 4           | Hoàng Thị Hiếu                                     |            | 23/3/1985 | Thái |         | 12/12  | CĐ | CĐHS | V.08.06.16 | IV  |    | UDCB       | Tiếng<br>Thái | 0002458/S<br>L-CCHN<br>Nữ hộ sinh    |  |  |  |
| 154 | 5           | Giàng A Giê                                        | 05/07/1990 |           | Mông |         | 12/12  | TC | Y sỹ | V.08.03.07 | IV  |    | UDCB       | A2            |                                      |  |  |  |

|     |              |                                                    |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |            |               |                                      |  |  |  |
|-----|--------------|----------------------------------------------------|------------|------------|------|---------|-------|----|------|------------|-----|----|------------|---------------|--------------------------------------|--|--|--|
| 155 | 6            | Lò Văn Minh                                        | 03/12/2000 |            | Thái |         | 12/12 | CĐ | CĐĐD | V.08.05.13 | IV  |    | UDCB       | A2            |                                      |  |  |  |
|     | <b>XVIII</b> | <b>Trạm Y tế xã Tà Hộc</b>                         |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |            |               |                                      |  |  |  |
|     | <b>1</b>     | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |            |               |                                      |  |  |  |
| 156 | 1            | Trần Mai Nhung                                     |            | 20/12/1971 | Kinh | Tr Trạm | 12/12 | ĐH | BSĐK | V.08.01.03 | III | SC | A,<br>UDCB | Tiếng<br>Thái | 000123/S<br>L-CCHN<br>Bác sĩ         |  |  |  |
| 157 | 2            | Phạm Lan Anh                                       |            | 06/12/1983 | Kinh | P Trạm  | 12/12 | ĐH | CNĐD | V.08.10.28 | III | TC | CB         | A2            | 0002232/S<br>L-CCHN<br>Điều<br>dưỡng |  |  |  |
|     | <b>2</b>     | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |            |               |                                      |  |  |  |
| 158 | 3            | Vì Thị Luân                                        | 19/06/1977 | 19/06/1977 | Thái |         | 45272 | CĐ | CĐHS | V.08.06.16 | IV  |    | B          | B             | 0005782/S<br>L-CCHN<br>Nữ hộ sinh    |  |  |  |
| 159 | 4            | Hà Đoàn Trang                                      | 17/4/1989  |            | Thái |         | 12/12 | ĐH | BSĐK | V.08.01.03 | III |    | UDCB       | A2            | 006698/S<br>L-CCHN<br>Y sĩ           |  |  |  |
| 160 | 5            | Trần Thảo Mai                                      |            | 01/9/1993  | Kinh |         | 12/12 | ĐH | CNĐD | V.08.05.12 | III |    | UDCB       | A2            | 0005628/S<br>L-CCHN<br>Điều<br>dưỡng |  |  |  |
| 161 | 6            | Bùi Thu Trang                                      |            | 26/06/1994 | Kinh |         | 12/12 | TC | Y sỹ | V.08.03.07 | IV  |    | UDCB       | A2            |                                      |  |  |  |
|     | <b>XIX</b>   | <b>Trạm Y tế xã Nà Bó</b>                          |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |            |               |                                      |  |  |  |
|     | <b>1</b>     | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |            |      |         |       |    |      |            |     |    |            |               |                                      |  |  |  |
| 162 | 1            | Mai Thị Liên                                       |            | 24/12/1977 | Kinh | Tr Trạm | 12/12 | ĐH | BSĐK | V.08.01.03 | III | SC | B          | B             | 000805/S<br>L-CCHN<br>Bác sĩ         |  |  |  |



|     |    |                                                    |            |            |      |         |       |     |       |            |     |    |            |            |                                   |              |  |  |
|-----|----|----------------------------------------------------|------------|------------|------|---------|-------|-----|-------|------------|-----|----|------------|------------|-----------------------------------|--------------|--|--|
| 163 | 2  | Trần Thị Ngà                                       |            | 15/01/1979 | Kinh | P. Trạm | 12/12 | TC  | Y sỹ  | V.08.03.07 | IV  | SC | UDCB       | Tiếng Thái | 0005799//<br>SL-CCHN<br>Y sỹ      | Cấp<br>phòng |  |  |
|     | 2  | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |            |      |         |       |     |       |            |     |    |            |            |                                   |              |  |  |
| 164 | 3  | Lò Văn Nam                                         | 28/6/1978  |            | Thái |         | 12/12 | TC  | YSSN  | V.08.03.07 | IV  | TC | A          | Tiếng Thái | 0002072/S<br>L-CCHN<br>Y sỹ       |              |  |  |
| 165 | 4  | Hà Thị Dâm                                         |            | 28/01/1979 | Thái |         | 12/12 | CĐ  | CĐHS  | V.08.06.16 | IV  |    | UDCB       | Tiếng Thái | 0002071/S<br>L-CCHN<br>Nữ hộ sinh |              |  |  |
| 166 | 5  | Ngô Trọng Bằng                                     | 29/9/1998  |            | Kinh |         | 12/12 | TC  | Y sỹ  | V.08.03.07 | IV  |    | UDCB       | Tiếng Mông | 005680/H<br>Y-CCHN<br>Y sỹ        |              |  |  |
| 167 | 6  | Hoàng Thị Thanh                                    |            | 2/3/1983   | Thái |         | 12/12 | ĐH  | CNĐĐ  | V.08.05.12 | III |    | UDCB       | Tiếng Thái | 0002070/S<br>L-CCHN<br>Điều dưỡng |              |  |  |
| 168 | 7  | Nguyễn Thị Vân Dung                                |            | 13/2/1988  | Kinh |         | 12/12 | ĐH  | YTCC  | V.08.10.28 | III |    | B,<br>UDCB | Tiếng Thái | 593/SL-<br>CCHND<br>Được          |              |  |  |
|     | XX | <b>Trạm Y tế xã Chiềng Mai</b>                     |            |            |      |         |       |     |       |            |     |    |            |            |                                   |              |  |  |
|     | 1  | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |            |      |         |       |     |       |            |     |    |            |            |                                   |              |  |  |
| 169 | 1  | Nguyễn Quang Phục                                  | 7/10/1973  |            | Kinh | T. Trạm | 12/12 | >ĐH | BSCKI | V08.01.03  | III | TC | B          | B          | 0002060/S<br>L-CCHN<br>Bác sĩ     |              |  |  |
| 170 | 2  | Hà Văn Quang                                       | 03/02/1985 |            | Thái |         | 12/12 | TC  | Y sỹ  | V.08.03.07 | IV  | SC | B          | Tiếng Thái | 0008082/S<br>L-CCHN<br>Y sỹ       |              |  |  |
|     | 2  | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |            |      |         |       |     |       |            |     |    |            |            |                                   |              |  |  |
| 171 | 3  | Lò Thị Phương Mai                                  |            | 23/12/1974 | Thái |         | 12/12 | TC  | Y sỹ  | V.08.03.07 | IV  |    | B          |            | 0002337/S<br>L-CCHN<br>Y sỹ       |              |  |  |

|     |            |                                                    |            |             |      |         |       |    |        |            |     |    |            |                    |                                      |                      |  |  |
|-----|------------|----------------------------------------------------|------------|-------------|------|---------|-------|----|--------|------------|-----|----|------------|--------------------|--------------------------------------|----------------------|--|--|
| 172 | 4          | Nguyễn Thị Mai Xuân                                |            | 17/6/1975   | Thái |         | 12/12 | CĐ | CĐHS   | V.08.06.16 | IV  |    | B          | Thái               | Nữ Hộ sinh                           |                      |  |  |
| 173 | 5          | Lò Trung Thảo                                      | 28/2/1987  | 28/2/1987   | Thái |         | 12/12 | ĐH | CNYTCC | V.08.05.10 | III |    | B,<br>UDCB | Tiếng<br>Thái      |                                      |                      |  |  |
| 174 | 6          | Vì Thị Vân                                         |            | 08/08/1980  | Thái |         | 12/12 | TC | Y sỹ   | V.08.03.07 | IV  |    | UDCB       | B.<br>Tiếng<br>Anh | 0004797/S<br>L-CCHN<br>Y sỹ          |                      |  |  |
| 175 | 7          | Hà Thị Mụi                                         |            | 11/10/1986  | Thái |         | 12/12 | ĐH | YTCC   | V.08.10.28 | III |    | UDCB       | Tiếng<br>Thái      | 080/SL-<br>CCHN<br>Được              |                      |  |  |
|     | <b>XXI</b> | <b>Trạm Y tế xã Mường Chanh</b>                    |            |             |      |         |       |    |        |            |     |    |            |                    |                                      |                      |  |  |
|     | <b>1</b>   | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |             |      |         |       |    |        |            |     |    |            |                    |                                      |                      |  |  |
| 176 | 1          | Cầm Văn Đán                                        | 25/10/1965 |             | Thái | Tr Trạm | 12/12 | ĐH | BSĐK   | V.08.01.03 | III | SC | B          | B                  | 000009/S<br>L-CCHN<br>Bác sĩ         |                      |  |  |
| 177 | 2          | Lò Thị Thu Thủy                                    |            | 17/7/1983   | Thái | P.Trạm  | 12/12 | CĐ | Được   | V.08.10.28 | III | TC | B, UD      | B. tiếng<br>Thái   |                                      | <i>Cấp<br/>phòng</i> |  |  |
|     | <b>2</b>   | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |             |      |         |       |    |        |            |     |    |            |                    |                                      |                      |  |  |
| 178 | 3          | Cầm Văn Thương                                     | 23/7/1975  |             | Thái |         | 12/12 | ĐH | CNĐĐ   | V.08.05.12 | III |    | UDCB       | Tiếng<br>Thái      | 000581/S<br>L-CCHN<br>Điều<br>dưỡng  |                      |  |  |
| 179 | 4          | Cầm Thị Hương                                      |            | 26/4/1980   | Thái |         | 12/12 | CĐ | CĐHS   | V.08.06.16 | IV  |    | B,<br>UDCB | Tiếng<br>Thái      | 0005786/S<br>L-CCHN<br>Nữ hộ sinh    |                      |  |  |
| 180 | 5          | Cầm Thị Thiệu                                      |            | 01/10/1986  | Thái |         | 12/12 | ĐH | CNĐĐ   | V.08.05.12 | III |    | B,<br>UDCB | Tiếng<br>Thái      | 0005645/S<br>L-CCHN<br>Điều<br>dưỡng |                      |  |  |
| 181 | 6          | Lò Thị Vân Nga                                     |            | ,15/03/1980 | Thái |         | 12/12 | TC | Y sỹ   | V.08.03.07 | IV  | TC | UDCB       | B.<br>Tiếng<br>Anh | 0002743/S<br>L -CCHN<br>Y sỹ         |                      |  |  |

|     |      |                                             |             |            |      |         |       |       |       |            |     |    |            |                 |                                      |  |  |
|-----|------|---------------------------------------------|-------------|------------|------|---------|-------|-------|-------|------------|-----|----|------------|-----------------|--------------------------------------|--|--|
|     | XXII | Trạm Y tế xã Phiêng Cầm                     |             |            |      |         |       |       |       |            |     |    |            |                 |                                      |  |  |
|     | 1    | <i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i> |             |            |      |         |       |       |       |            |     |    |            |                 |                                      |  |  |
| 182 | 1    | Giàng A Sang                                | 15/12/1970  |            | Mông | Tr Trạm | 12/12 | ĐH    | BSĐK  | V.08.01.03 | III | TC | B          | B               | 000238/S<br>L-CCHN<br>Bác sĩ         |  |  |
| 183 | 2    | Lò Văn Kim                                  | 15/08/1991  |            | Thái | Ph Trạm | 12/12 | ĐH    | BSĐK  | V.08.03.07 | IV  | TC | UDCB       | Tiếng<br>Anh A2 | 0005015/S<br>L-CCHN<br>Y sĩ          |  |  |
|     | 2    | <i>Viên chức chuyên môn</i>                 |             |            |      |         |       |       |       |            |     |    |            |                 |                                      |  |  |
| 184 | 3    | Sòng A Chóng                                | ,03/02/1988 |            | Mông |         | 12/12 | ĐH    | CNĐĐ  | V.08.05.13 | IV  |    | A,<br>UDCB | Tiếng<br>Mông   | 0001764/S<br>L-CCHN<br>Điều<br>dưỡng |  |  |
| 185 | 4    | Lò Thị Thuận                                | 08/09/1985  | 08/09/1985 | Thái |         | 12/12 | ĐH    | CNĐĐ  | V.08.05.13 | IV  |    | A,<br>UDCB | Tiếng<br>Thái   | 0002051/S<br>L-CCHN<br>Điều<br>dưỡng |  |  |
| 186 | 5    | Tòng Văn Hoa                                | 16/06/1987  |            | Thái |         | 12/12 | TC    | Y sỹ  | V.08.03.07 | IV  |    | UDCB       | Tiếng<br>Thái   | 0005138/S<br>L-CCHN<br>Y sĩ          |  |  |
| 187 | 6    | Lò Thị Cháp                                 |             | 10/03/1981 | Thái |         | 12/12 | CĐNHS | CĐNHS | V.08.06.16 | IV  |    | UDCB       | Tiếng<br>Thái   | 0007149/S<br>L-CCHN<br>Nữ hộ sinh    |  |  |
| 188 | 7    | Vàng A Vư                                   | 07/05/1989  |            | Mông |         | 12/12 | ĐH    | YTCC  | V.08.10.28 | 3   |    | UDCB       | Tiếng<br>Mông   | 0001765/S<br>L-CCHN<br>Y sĩ          |  |  |



PHỤ LỤC I.6

Biểu thống kê hiện trạng nhân lực tại Trung tâm Y tế và Trạm Y tế xã thuộc Trung tâm Y tế huyện Yên Châu

(Kèm theo Đề án kèm theo Quyết định số \_\_\_\_\_/QĐ-UBND ngày \_\_\_\_\_/\_\_\_\_\_/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

| TT |     | Họ và tên                                   | Ngày, tháng, năm sinh |            | Dân tộc | Chức vụ hoặc chức danh | Trình độ đào tạo và CDNN    |                             |              |                          |                                      | Trình độ LLCT và Tin học, ngoại ngữ |                  |                                           | Các chứng chỉ/chứng nhận bồi dưỡng |            |                       | Ghi chú |
|----|-----|---------------------------------------------|-----------------------|------------|---------|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------|--------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|------------------|-------------------------------------------|------------------------------------|------------|-----------------------|---------|
|    |     |                                             | Ngày tháng năm sinh   | Nữ         |         |                        | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ đào tạo            |              | Mã chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp viên chức | Trình độ lý luận chính trị          | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ/tiếng dân tộc thiểu số | CC Hành nghề                       | CC Quản lý | Bồi dưỡng QLNN        |         |
|    |     |                                             |                       |            |         |                        |                             | Trình độ đào tạo (cao nhất) | Chuyên ngành |                          |                                      |                                     |                  |                                           |                                    |            |                       |         |
|    | 1   | 2                                           | (3)                   | 4          | 5       | 6                      | 7                           | 8                           | 9            | 10                       | 11                                   | 12                                  | 13               | 14                                        | 15                                 | 16         | 17                    | 18      |
| A  |     | TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN YÊN CHÂU: 37 VIÊN CHỨC |                       |            |         |                        |                             |                             |              |                          |                                      |                                     |                  |                                           |                                    |            |                       |         |
|    | I   | Lãnh đạo Trung tâm (GD, PGD)                |                       |            |         |                        |                             |                             |              |                          |                                      |                                     |                  |                                           |                                    |            |                       |         |
| 1  | 1   | Lường Văn Quyết                             | 7/7/1973              |            | Thái    | GD                     | 12/12                       | CKII                        | Quản lý Y tế | V.08.01.02               | Bác sỹ chính hạng II                 | CC                                  | THCB             | Anh B2                                    | Bác sỹ đa khoa                     | CVC        | Lãnh đạo QL cấp phòng |         |
| 2  | 2   | Lê Văn Tuyên                                | 2/3/1968              |            | Kinh    | PGD                    | 12/12                       | CKI                         | CKI YTCC     | V.08.02.06               | CKI YTCC                             | TC                                  | THCB             | Tiếng mông B                              | Bác sỹ đa khoa                     | CV         |                       |         |
| 3  | 3   | Mai Lương Tiến                              |                       |            | Kinh    | PGD                    | 12/12                       | CKI                         | CKI DS       | V,08,08,22               | Dược sỹ hạng III                     | TC                                  | B                | Anh C                                     | Dược sỹ Đại học                    | CV         | Quản lý Bệnh Viện     |         |
|    | II  | Các phòng chuyên môn/các khoa               | 22/11/1984            |            |         |                        |                             |                             |              |                          |                                      |                                     |                  |                                           |                                    |            |                       |         |
|    | 1   | Phòng Hành chính - Tổng hợp                 |                       |            |         |                        |                             |                             |              |                          |                                      |                                     |                  |                                           |                                    |            |                       |         |
| 4  | 1.1 | Trần Thanh Nga                              |                       | 22/11/1984 | Kinh    | TP                     | 12/12                       | ĐH                          | BS           | V.08.02.06               | BS hạng III                          | TC                                  | THCB             | Tiếng mông B                              | Bác sỹ đa khoa                     | CV         |                       |         |
| 5  | 1.2 | Hoàng Thị Hiền                              |                       | 13/11/1982 | Thái    | PP                     | 12/12                       | ĐH                          | BS           | V.08.02.06               | BS hạng III                          | SC                                  | B                | Tiếng thái B                              | Bác sỹ đa khoa                     |            |                       |         |
| 6  | 1.3 | Hoàng Thị Hải Yến                           |                       | 10/3/1983  | Thái    |                        | 12/12                       | CĐ                          | CĐ CNTT      | 13a.095                  | Kỹ sư cao đẳng                       | TC                                  | CĐ               | Anh B                                     |                                    |            |                       |         |
| 7  | 1.4 | Mê Đức Điệp                                 | 17/11/1987            |            | Thái    |                        | 12/12                       | ĐH                          | ĐHKT         | 06.031                   | Kế toán hạng III                     |                                     | B                | Anh B                                     |                                    |            |                       |         |
| 8  | 1.6 | Nguyễn T.Phương Thanh                       |                       | 11/6/1984  | Kinh    | KTT                    | 12/12                       | ĐH                          | ĐHKT         | 06.031                   | Kế toán hạng III                     | TC                                  | B                | Anh C                                     |                                    |            |                       |         |
| 9  | 1.7 | Phạm Ngọc Duyên                             |                       | 25/8/1993  | Kinh    |                        | 12/12                       | ĐH                          | ĐHKT         | 06.031                   | Kế toán hạng III                     |                                     | UDCNTT           | Anh B                                     |                                    |            |                       |         |
|    | 2   | Khoa Khám bệnh - Xét nghiệm - Dược          |                       |            |         |                        |                             |                             |              |                          |                                      |                                     |                  |                                           |                                    |            |                       |         |
| 10 | 2.1 | Đình Văn Tuyền                              | 27/2/1969             |            | Mường   | TK                     | 12/12                       | ĐH                          | BS           | V.08.01.03               | BS hạng III                          | CC                                  | A                | Anh A2                                    | Bác sỹ đa khoa                     | CV         |                       |         |
| 11 | 2.2 | Lò Văn Việt                                 | 10/01/1974            |            | Thái    | PK                     | 12/12                       | ĐH                          | Điều dưỡng   | V.08.03.07               | Điều dưỡng hạng IV                   | TC                                  | A                | Anh B                                     | Điều dưỡng                         |            |                       |         |
| 12 | 2.3 | Hồ Thị Hồng                                 |                       | 21/3/1976  | Kinh    |                        | 12/12                       | ĐH                          | KTV          | V.08.07.18               | Kỹ thuật Y hạng III                  | TC                                  | THCB             | Tiếng Thái                                | Kỹ thuật Y                         |            |                       |         |
| 13 | 2.4 | Đỗ Thị Thao                                 |                       | 23/11/1975 | Kinh    |                        | 12/12                       | CĐ                          | Dược sỹ      | V.08.08.23               | Dược sỹ hạng IV                      |                                     | THCB             | Anh B                                     | Dược sỹ trung cấp                  |            |                       |         |
| 14 | 2.5 | Lê.T.Phương Thanh                           |                       | 10/8/1988  | Kinh    |                        | 12/12                       | CĐ                          | Dược sỹ      | V.08.08.23               | Dược sỹ hạng IV                      |                                     | THCB             | Anh B                                     | Dược sỹ trung cấp                  |            |                       |         |
| 15 | 2.6 | Lường Thị Nga                               |                       | 07/07/1993 | Thái    |                        | 12/12                       | ĐH                          | DSTC         | V.08.08.23               | Dược sỹ hạng IV                      | SC                                  | THCB             | Tiếng Thái                                | Dược sỹ trung cấp                  |            |                       |         |

Page 69

|    |     |                                                   |            |            |      |     |       |        |            |            |                    |    |          |               |                   |    |  |  |
|----|-----|---------------------------------------------------|------------|------------|------|-----|-------|--------|------------|------------|--------------------|----|----------|---------------|-------------------|----|--|--|
|    | 3   | Khoa Truyền nhiễm - Kiểm soát bệnh tật & HIV/AIDS |            |            |      |     |       |        |            |            |                    |    |          |               |                   |    |  |  |
| 16 | 3.1 | Quảng Văn Thiện                                   | 2/11/1984  |            | Thái | TK  | 12/12 | Sau ĐH | BSCKI      | V.08.02.06 | BS hạng III        | TC | THCB     | Tiếng thái B  | Bác sỹ đa khoa    |    |  |  |
| 17 | 3.2 | Lò Thị Huế                                        |            | 15/12/1991 | Thái |     | 12/12 | ĐH     | YSDK       | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV       |    | B        | Anh B         | Y sỹ đa khoa      |    |  |  |
| 18 | 3.3 | Lò Thị Trang                                      |            | 08/12/1990 | Thái |     | 12/12 | CĐ     | Điều dưỡng | V.08.03.07 | Điều dưỡng hạng IV |    | THCB     | Anh C         | Y sỹ đa khoa      |    |  |  |
| 19 | 3.4 | Hà Thị Nhung                                      |            | 15/12/1992 | Thái |     | 12/12 | TC     | YSDK       | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV       |    | B        | Anh B         |                   |    |  |  |
| 20 | 3.5 | Hoàng Đức Quân                                    | 04/5/1995  |            | Thái |     | 12/12 | ĐH     | Điều dưỡng | V.08.03.07 | Điều dưỡng hạng IV |    | UDCNTT   | Anh A2        | Y sỹ đa khoa      |    |  |  |
| 21 | 3.6 | Lữ Văn Thanh                                      | 01/03/1993 |            | Thái |     | 12/12 | TC     | YSDK       | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV       |    | B        | Anh B         | Y sỹ đa khoa      |    |  |  |
|    | 4   | Khoa Y tế công cộng - Dinh dưỡng & ATTP           |            |            |      |     |       |        |            |            |                    |    |          |               |                   |    |  |  |
| 22 | 4.1 | Nguyễn Thị Phúc                                   |            | 01/4/1983  | Kinh | TK  | 12/12 | ĐH     | CNYTCC     | V.08.03.07 | CNYTCC             | TC | THCB     | Anh C         |                   |    |  |  |
| 23 | 4.2 | Phạm Thị Ngọc Bích                                |            | 01/06/1985 | Kinh | PTK | 12/12 | ĐH     | KS hóa học | V.05.02.07 | KS hóa hạng III    | TC | B        | Anh B         |                   |    |  |  |
| 24 | 4.3 | Lữ Thị Hiền                                       |            | 04/3/1989  | Thái |     | 12/12 | ĐH     | YSDK       | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV       |    | B        | Anh B         | Y sỹ đa khoa      |    |  |  |
| 25 | 4.4 | Hoàng Văn Mãng                                    | 06/5/1975  |            | Thái |     | 12/12 | ĐH     | Điều dưỡng | V.08.03.07 | Điều dưỡng hạng IV |    | B        | Anh B         |                   |    |  |  |
| 26 | 4.5 | Hoàng Thị Hậu                                     |            | 14/6/1991  | Thái |     | 12/12 | TC     | YSDK       | 16.119     | Y sỹ hạng IV       |    | UDCNTT   | Tiếng mông B  | Y sỹ đa khoa      |    |  |  |
| 27 | 4.6 | Hoàng Thị Lệ                                      |            | 15/01/1988 | Tày  |     | 12/12 | CĐ     | Điều dưỡng | V.08.03.07 | Điều dưỡng hạng IV |    | UDCNTT   | Anh B         |                   |    |  |  |
| 28 | 4.7 | Lữ Thị Liên                                       |            | 12/5/1982  | Thái |     | 12/12 | TC     | YSDK       | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV       |    | B        | Anh B         | Y sỹ đa khoa      |    |  |  |
| 29 | 4.8 | Lê Khánh Huyền                                    |            | 28/3/1998  | Kinh |     | 12/12 | CĐ     | Điều dưỡng | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV |    | UDCNTT   | Tiếng DT Thái |                   |    |  |  |
|    | 5   | Khoa Dân số - Truyền thông - Chăm sóc SKSS        |            |            |      |     |       |        |            |            |                    |    |          |               |                   |    |  |  |
| 30 | 5.1 | Phùng Thị Hạnh                                    |            | 4/7/1978   | Kinh | TK  | 12/12 | Sau ĐH | BSCKI      | V.08.01.03 | BSCKI              | TC | B        | Anh B         | Bác sỹ đa khoa    |    |  |  |
| 31 | 5.2 | Quảng Thị Thu                                     |            | 01/9/1984  | Thái | PK  | 12/12 | ĐH     | CNPS       | V.08.06.15 | CNPS               | TC | THCB     | Anh B         | Hộ sinh đại học   | SC |  |  |
| 32 | 5.3 | Quảng Thị Thủy                                    |            | 13/10/1975 | Thái |     | 12/12 | TC     | Hộ sinh TC | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng IV    | TC | A        | Anh A         | Hộ sinh trung cấp |    |  |  |
| 33 | 5.4 | Hà Thị Biêng                                      |            | 12/12/1983 | Thái |     | 12/12 | CĐ     | Hộ sinh CĐ | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng IV    |    | UDCNTTCB | Anh A         | Hộ sinh trung cấp |    |  |  |
| 34 | 5.5 | Hoàng Thị Tuyết                                   |            | 12/7/1984  | Thái |     | 12/12 | CN     | YTCC       | V.08.10.28 | DSV hạng III       |    | UDCNTT   | Tiếng mông B  | Y sỹ đa khoa      |    |  |  |
| 35 | 5.6 | Hoàng Thị Tổ Nga                                  |            | 26/02/1992 | Kinh |     | 12/12 | CN     | YTCC       | V.08.10.28 | DSV hạng III       |    | UDCNTT   | Tiếng mông B  | Dược sỹ trung cấp |    |  |  |
| 36 | 5.7 | Lò Thị Nga                                        |            | 02/1/1985  | Thái |     | 12/12 | ĐH     | YSDK       | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV       |    | UDCNTT   | Tiếng mông B  | Y sỹ đa khoa      |    |  |  |
| 37 | 5.8 | Cầm Thị Vinh                                      |            | 19/10/1976 | Thái |     | 12/12 | TC     | HS         | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng IV    |    | B        | Tiếng anh B   | Hộ sinh trung cấp |    |  |  |
|    |     | TRẠM Y TẾ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN:                   |            |            |      |     |       |        |            |            |                    |    |          |               |                   |    |  |  |
|    | I   | Trạm Y tế xã, phường, thị trấn...                 |            |            |      |     |       |        |            |            |                    |    |          |               |                   |    |  |  |
|    | 1   | TYT Chiềng Đông                                   |            |            |      |     |       |        |            |            |                    |    |          |               |                   |    |  |  |

|    |   |                                             |            |            |      |             |       |    |            |            |                      |    |          |                 |                      |  |  |  |
|----|---|---------------------------------------------|------------|------------|------|-------------|-------|----|------------|------------|----------------------|----|----------|-----------------|----------------------|--|--|--|
|    |   | <i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i> |            |            |      |             |       |    |            |            |                      |    |          |                 |                      |  |  |  |
| 38 | 1 | Quảng Thị Hồng                              |            | 27/11/1968 | Thái | <b>Q.TT</b> | 12/12 | TC | YSSN       | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         | SC | B        | Tiếng anh<br>B  | Y sỹ đa khoa         |  |  |  |
| 39 | 2 | Hoàng Thị Phương                            |            | 12/09/1990 | Thái | <b>PT</b>   | 12/12 | ĐH | BS         | V.08.01.03 | BS hạng III          |    | B        | Tiếng<br>môngB  | BS đa khoa           |  |  |  |
|    |   | <i>Viên chức chuyên môn</i>                 |            |            |      |             |       |    |            |            |                      |    |          |                 |                      |  |  |  |
| 40 | 1 | Quảng Thị Phan                              |            | 18/01/1968 | Thái |             | 12/12 | CĐ | HS         | V.08.06.16 | Hộ Sinh hạng IV      | TC | B        | Tiếng anh<br>B  | Hộ sinh trung<br>cấp |  |  |  |
| 41 | 2 | Lò Văn Thuận                                | 29/11/1976 |            | Thái |             | 12/12 | CN | YTCC       | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III |    | A        | Tiếng<br>môngB  | Y sỹ đa khoa         |  |  |  |
| 42 | 3 | Hoàng Văn Thành                             | 05/05/1979 |            | Thái |             | 12/12 | TC | YS-YHCT    | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | UDCNTHCB | Tiếng<br>môngB  | Y sỹ đa khoa         |  |  |  |
| 43 | 4 | Lò Thị Chi                                  |            | 27/10/1987 | Thái |             | 12/12 | TC | YSDK       | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | B        | Tiếng<br>môngB  | Y sỹ đa khoa         |  |  |  |
| 44 | 5 | Nguyễn Hải Long                             | 22/04/1994 |            | Kinh |             | 12/12 | ĐH | Dược sĩ    | V.08.08.23 | Dược sĩ hạng III     |    | UDCNTHCB | Tiếng<br>mông   | Dược sĩ cao đẳng     |  |  |  |
| 45 | 6 | Hoàng Văn Thành                             | 25/10/1982 |            | Thái |             | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng | V.08.05.12 | Điều dưỡng hạng III  |    | B        | Tiếng<br>môngB  | Điều dưỡng đại học   |  |  |  |
|    | 2 | <b>TYT Chiềng Sàng</b>                      |            |            |      |             |       |    |            |            |                      |    |          |                 |                      |  |  |  |
|    |   | <i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i> |            |            |      |             |       |    |            |            |                      |    |          |                 |                      |  |  |  |
| 46 | 1 | Quảng Thị Quyên                             |            | 05/01/1986 | Thái | <b>PT</b>   | 12/12 | ĐH | DS         | V.08.08.22 | Dược sĩ hạng III     |    | A        | Tiếng anh<br>B  | Dược sĩ đại học      |  |  |  |
|    |   | <i>Viên chức chuyên môn</i>                 |            |            |      |             |       |    |            |            |                      |    |          |                 |                      |  |  |  |
| 47 | 1 | Quảng Thị Đạo                               |            | 20/11/1974 | Thái |             | 12/12 | ĐH | BSCK1      | V.08.01.03 | BS hạng III          |    | A        | Tiếng anh<br>B  | BS đa khoa           |  |  |  |
| 48 | 2 | Hoàng Thị Xuân                              |            | 04/10/1972 | Thái |             | 7/10  | SC | HS         | 16.298     | Hộ sinh sơ cấp       |    |          |                 | Hộ sinh sơ cấp       |  |  |  |
| 49 | 3 | Hoàng Văn Nháo                              | 12/5/1965  |            | Thái |             | 12/12 | TC | YSDK       | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         | TC | A        | Tiếng anh<br>B  | Y sỹ đa khoa         |  |  |  |
| 50 | 4 | Hoàng Thị Chanh                             |            | 15/5/1972  | Thái |             | 12/12 | TC | ĐD         | V.08.05.13 | ĐD hạng IV           |    | B        | Tiếng anh<br>B  | ĐD trung cấp         |  |  |  |
| 51 | 5 | Lò Thị Thu                                  |            | 23/2/1989  | Thái |             | 12/12 | CN | YTCC       | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III |    | A        | Tiếng<br>môngB  | Y sỹ đa khoa         |  |  |  |
| 52 | 6 | Nguyễn Văn Sơn                              | 13/5/1984  |            | Kinh |             | 12/12 | TC | YSDK       | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | UDCNTHCB | Tiếng<br>môngB  | Y sỹ đa khoa         |  |  |  |
|    | 3 | <b>TYT Chiềng Păn</b>                       |            |            |      |             |       |    |            |            |                      |    |          |                 |                      |  |  |  |
|    |   | <i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i> |            |            |      |             |       |    |            |            |                      |    |          |                 |                      |  |  |  |
| 53 | 1 | Quảng T.Hải Yến                             |            | 22/12/1990 | Thái | <b>TT</b>   | 12/12 | ĐH | BS         | V.08.01.03 | BS hạng III          |    | THCB     | Tiếng anh<br>A2 | BS đa khoa           |  |  |  |
|    |   | <i>Viên chức chuyên môn</i>                 |            |            |      |             |       |    |            |            |                      |    |          |                 |                      |  |  |  |
| 54 | 1 | Quảng Thị Phương                            |            | 28/10/1975 | Thái |             | 12/12 | CN | YTCC       | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III |    | B        | Tiếng<br>môngB  | Dược sỹ trung<br>cấp |  |  |  |
| 55 | 2 | Lò Thị Hương                                |            | 09/12/1972 | Thái |             | 12/12 | CĐ | HS         | V.08.06.16 | Hộ Sinh hạng IV      | SC |          | Tiếng anh<br>A  | Hộ sinh trung<br>cấp |  |  |  |

|    |   |                                             |            |            |      |             |       |    |        |            |                      |    |          |                 |                      |  |  |  |
|----|---|---------------------------------------------|------------|------------|------|-------------|-------|----|--------|------------|----------------------|----|----------|-----------------|----------------------|--|--|--|
| 56 | 3 | Nguyễn Thị Hợi                              |            | 25/3/1983  | Kinh |             | 12/12 | TC | ĐD     | V.08.05.13 | ĐD hạng IV           |    | UDCNTHCB | Tiếng<br>môngB  | ĐD trung cấp         |  |  |  |
| 57 | 4 | Quảng Văn Thắng                             | 04/11/1986 |            | Thái |             | 12/12 | TC | YSDK   | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | UDCNTHCB | Tiếng<br>môngB  | Y sỹ đa khoa         |  |  |  |
| 58 | 5 | Lò Văn Điệp                                 | 18/8/1989  |            | Thái |             | 12/12 | TC | YSYHCT | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | UDCNTHCB | Tiếng anh<br>B2 | Y sỹ đa khoa         |  |  |  |
|    | 4 | <b>TYT Viêng Lán</b>                        |            |            |      |             |       |    |        |            |                      |    |          |                 |                      |  |  |  |
|    |   | <i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i> |            |            |      |             |       |    |        |            |                      |    |          |                 |                      |  |  |  |
| 59 | 1 | Hoàng Thị Thủy                              |            | 12/8/1977  | Thái | <b>PT</b>   | 12/12 | TC | YSSN   | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         | SC | B        | Tiếng anh<br>B  | Y sỹ đa khoa         |  |  |  |
| 60 | 2 | Hoàng Văn Nam                               | 12/4/1967  |            | Thái | <b>TT</b>   | 12/12 | ĐH | BS     | V.08.01.03 | BS hạng III          |    | A        | Tiếng anh<br>B  | BS đa khoa           |  |  |  |
|    |   | <i>Viên chức chuyên môn</i>                 |            |            |      |             |       |    |        |            |                      |    |          |                 |                      |  |  |  |
| 61 | 1 | Hoàng Văn Tiên                              | 13/11/1979 |            | Thái |             | 39428 | TC | YSDK   | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | A        | Tiếng anh<br>B  | Y sỹ đa khoa         |  |  |  |
| 62 | 2 | Vì Thị Thòa                                 |            | 06/6/1983  | Thái |             | 12/12 | CN | YTCC   | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III | TC | A        | Tiếng<br>môngB  | Hộ sinh trung<br>cấp |  |  |  |
| 63 | 3 | Vì Thị Bằng                                 |            | 05/9/1975  | Thái |             | 12/12 | TC | HS     | V.08.06.16 | Hộ Sinh hạng IV      | SC | A        | Tiếng anh<br>B  | Hộ sinh trung<br>cấp |  |  |  |
| 64 | 4 | Phạm Đức Quyền                              | 09/8/1977  |            | Kinh |             | 12/12 | TC | YSSN   | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    |          | Tiếng anh<br>A  | Y sỹ đa khoa         |  |  |  |
|    | 5 | <b>TYT Thị Trấn</b>                         |            |            |      |             |       |    |        |            |                      |    |          |                 |                      |  |  |  |
|    |   | <i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i> |            |            |      |             |       |    |        |            |                      |    |          |                 |                      |  |  |  |
| 65 | 1 | Lý Thị Yển                                  | 28/10/1969 |            | Kinh | <b>Q.TT</b> | 12/12 | TC | YSHCT  | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         | TC | B        | Tiếng anh<br>A  | Y sỹ đa khoa         |  |  |  |
|    |   | <i>Viên chức chuyên môn</i>                 |            |            |      |             |       |    |        |            |                      |    |          |                 |                      |  |  |  |
| 66 | 1 | Lữ Thị Vân                                  |            | 20/6/1982  | Thái |             | 12/12 | TC | ĐD     | V.08.05.13 | ĐD hạng IV           | TC | B        | Tiếng anh<br>A  | ĐD trung cấp         |  |  |  |
| 67 | 2 | Lê Thị Lan                                  |            | 25/02/1978 | Kinh |             | 12/12 | TC | DS     | V.08.08.23 | Dược sỹ hạng IV      |    | B        | Tiếng<br>môngB  | Dược sỹ trung<br>cấp |  |  |  |
| 68 | 3 | Hà Khắc Tùng                                | 25/03/1993 |            | Thái |             | 12/12 | TC | YSDK   | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | A        | Tiếng<br>môngB  | Y sỹ đa khoa         |  |  |  |
| 69 | 4 | Quảng Thị Hà                                |            | 10/1/1982  | Thái |             | 12/12 | CN | YTCC   | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III | TC | B        | Tiếng anh<br>A  | Dược sỹ trung<br>cấp |  |  |  |
| 70 | 5 | Phạm Thị Hiền                               |            | 19/6/1982  | Kinh |             | 12/12 | TC | YSSN   | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | B        | Tiếng<br>môngB  | Y sỹ đa khoa         |  |  |  |
|    | 6 | <b>TYT Chiềng Khoi</b>                      |            |            |      |             |       |    |        |            |                      |    |          |                 |                      |  |  |  |
|    |   | <i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i> |            |            |      |             |       |    |        |            |                      |    |          |                 |                      |  |  |  |
| 71 | 1 | Hà Văn Bình                                 | 12/02/1970 |            | Thái | <b>TT</b>   | 12/12 | ĐH | BS     | V.08.01.03 | BS hạng III          | TC | B        | Tiếng anh<br>B  | BS đa khoa           |  |  |  |
| 72 | 2 | Mê Thị Kim                                  |            | 10/8/1985  | Thái | <b>PT</b>   | 12/12 | CN | YTCC   | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III |    | A        | Tiếng<br>môngB  | Dược sỹ trung<br>cấp |  |  |  |
|    |   | <i>Viên chức chuyên môn</i>                 |            |            |      |             |       |    |        |            |                      |    |          |                 |                      |  |  |  |



|    |   |                                             |            |            |       |             |       |      |         |            |                      |    |         |              |                   |  |  |  |
|----|---|---------------------------------------------|------------|------------|-------|-------------|-------|------|---------|------------|----------------------|----|---------|--------------|-------------------|--|--|--|
| 73 | 1 | Lữ Văn Thái                                 | 01/1/1987  |            | Thái  |             | 12/13 | TC   | YSYHCT  | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | A       | Tiếng anh B  | Y sỹ đa khoa      |  |  |  |
| 74 | 2 | Lữ Thị Thò                                  |            | 28/3/1993  | Thái  |             | 12/12 | TC   | YSDK    | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | UDCNTCB | Tiếng anh B2 | Y sỹ đa khoa      |  |  |  |
| 75 | 3 | Mê Thị Thu Hạnh                             |            | 20/12/1997 | Thái  |             | 12/12 | CĐ   | ĐD      | V.08.05.13 | ĐD hạng IV           |    | B       | Tiếng anh B2 | ĐD trung cấp      |  |  |  |
|    | 7 | <b>TYT Sập Vật</b>                          |            |            |       |             |       |      |         |            |                      |    |         |              |                   |  |  |  |
|    |   | <i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i> |            |            |       |             |       |      |         |            |                      |    |         |              |                   |  |  |  |
| 76 | 1 | Hà Văn Phú                                  | 22/09/1987 |            | Thái  | <b>Q.TT</b> | 12/12 | TC   | YSDK    | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         | TC | A       | Tiếng anh B  | Y sỹ đa khoa      |  |  |  |
| 77 | 2 | Quảng Thị Hương                             |            | 09/07/1976 | Thái  | <b>PT</b>   | 12/12 | TC   | YSDK    | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         | TC | A       | Tiếng anh B  | Y sỹ đa khoa      |  |  |  |
|    |   | <i>Viên chức chuyên môn</i>                 |            |            |       |             |       |      |         |            |                      |    |         |              |                   |  |  |  |
| 78 | 1 | Hoàng T. Kim Ánh                            |            | 30/8/1990  | Thái  |             | 12/12 | TC   | YSDK    | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | B       | Tiếng anh B  | Y sỹ đa khoa      |  |  |  |
| 79 | 2 | Hoàng Thị Thành                             |            | 29/10/1973 | Thái  |             | 12/12 | TC   | ĐD      | V.08.05.13 | ĐD hạng IV           |    | B       | Tiếng anh B  | ĐD trung cấp      |  |  |  |
| 80 | 3 | Quảng Thị Thanh                             |            | 13/10/1974 | Thái  |             | 12/12 | ĐHVH | Dân SV  | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III |    | B       | Tiếng anh B  |                   |  |  |  |
| 81 | 4 | Quảng Văn Hiệp                              | 20/08/1984 |            | Thái  |             | 12/12 | TC   | DS      | V.08.08.23 | Dược sỹ hạng IV      |    |         |              | Dược sỹ trung cấp |  |  |  |
| 82 | 5 | Lữ Thị Yến                                  |            | 13/8/1996  | Thái  |             | 12/12 | CĐ   | HS      | V08.06.16  | Hộ Sinh hạng IV      |    | UDCNTCB | Tiếng anh A2 | Hộ sinh trung cấp |  |  |  |
|    | 8 | <b>TYT Chiềng Hặc</b>                       |            |            |       |             |       |      |         |            |                      |    |         |              |                   |  |  |  |
|    |   | <i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i> |            |            |       |             |       |      |         |            |                      |    |         |              |                   |  |  |  |
| 83 | 1 | Lữ Mạnh Hùng                                | 05/5/1967  |            | Thái  | <b>Q.TT</b> | 12/12 | TC   | YSDK    | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         | SC | A       | Tiếng anh B  | Y sỹ đa khoa      |  |  |  |
| 84 | 2 | Đình Văn Hiến                               | 09/7/1988  |            | Mường | <b>PT</b>   | 12/12 | ĐH   | BSYH DP | V.08.02.06 | BS hạng III          | SC | THCB    | Tiếng anh B  | BS đa khoa        |  |  |  |
|    |   | <i>Viên chức chuyên môn</i>                 |            |            |       |             |       |      |         |            |                      |    |         |              |                   |  |  |  |
| 85 | 1 | Tô Thị Hà                                   |            | 27/4/1975  | Kinh  |             | 12/12 | CĐ   | HS      | V.08.06.16 | Hộ Sinh hạng IV      | TC | A       | Tiếng anh B  | Hộ sinh trung cấp |  |  |  |
| 86 | 2 | Hoàng Văn Quỳnh                             | 21/11/1971 |            | Thái  |             | 12/12 | TC   | YSSN    | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | A       | Tiếng anh B  | Y sỹ đa khoa      |  |  |  |
| 87 | 3 | Hà Thị Loan                                 |            | 10/4/1986  | Thái  |             | 12/12 | CN   | YTCC    | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III |    | B       | Tiếng môngB  | Hộ sinh trung cấp |  |  |  |
| 88 | 4 | Nguyễn Thị Tính                             |            | 10/2/1977  | Kinh  |             | 12/12 | ĐH   | ĐD      | V.08.05.12 | ĐD hạng III          | SC | B       | Tiếng anh B  | ĐD đại học        |  |  |  |
|    | 9 | <b>TYT Tú Nang</b>                          |            |            |       |             |       |      |         |            |                      |    |         |              |                   |  |  |  |
|    |   | <i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i> |            |            |       |             |       |      |         |            |                      |    |         |              |                   |  |  |  |
| 89 | 1 | Hà Văn Hặc                                  | 25/5/1970  |            | Thái  | <b>PT</b>   | 12/12 | TC   | YSSN    | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         | TC | A       | Tiếng anh B  | Y sỹ đa khoa      |  |  |  |
|    |   | <i>Viên chức chuyên môn</i>                 |            |            |       |             |       |      |         |            |                      |    |         |              |                   |  |  |  |

|     |    |                                             |            |            |          |           |       |    |            |            |                      |    |         |                   |                      |  |  |  |
|-----|----|---------------------------------------------|------------|------------|----------|-----------|-------|----|------------|------------|----------------------|----|---------|-------------------|----------------------|--|--|--|
| 90  | 1  | Quảng Văn Đoàn                              | 28/8/1978  |            | Thái     |           | 12/12 | ĐH | BSDK       | V.08.01.03 | BS hạng III          | SC | B       | Tiếng anh<br>B    | BS đa khoa           |  |  |  |
| 91  | 2  | Vì Thu Hiền                                 |            | 28/3/1977  | Thái     |           | 12/12 | TC | ĐD         | V.08.05.13 | ĐD hạng IV           | SC | B       | Tiếng anh<br>B    | ĐD trung cấp         |  |  |  |
| 92  | 3  | Lữ Thị Hương                                |            | 24/11/1978 | Thái     |           | 12/12 | CĐ | HS         | V.08.06.16 | Hộ Sinh hạng IV      | SC | A       | Tiếng anh<br>B    | Hộ sinh trung<br>cấp |  |  |  |
| 93  | 4  | Vì Thị An                                   |            | 5/10/1989  | Thái     |           | 12/12 | CN | YTCC       | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III |    | A       | Tiếng<br>môngB    | Y sỹ đa khoa         |  |  |  |
| 94  | 5  | Trần Hải Nam                                | 15/8/1983  |            | Kinh     |           | 12/12 | TC | ĐD         | V.08.05.13 | ĐD hạng IV           |    | UDCNTCB | Tiếng<br>môngB    | ĐD trung cấp         |  |  |  |
|     | 10 | <b>TYT Mường Lựm</b>                        |            |            |          |           |       |    |            |            |                      |    |         |                   |                      |  |  |  |
|     |    | <i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i> |            |            |          |           |       |    |            |            |                      |    |         |                   |                      |  |  |  |
| 95  | 1  | Lò Thị Thủy                                 |            | 05/11/1986 | Thái     | <b>PT</b> | 12/12 | CN | YTCC       | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III |    | UDCNTCB | Tiếng<br>môngB    | Y sỹ đa khoa         |  |  |  |
| 96  | 2  | Lò Thị Dung                                 |            | 24/4/1986  | Thái     | <b>TT</b> | 12/12 | ĐH | BSDK       | V.08.01.03 | BS hạng III          | SC | UDCNTCB | Tiếng anh<br>A    | BS đa khoa           |  |  |  |
|     |    | <i>Viên chức chuyên môn</i>                 |            |            |          |           |       |    |            |            |                      |    |         |                   |                      |  |  |  |
| 97  | 1  | Hà Văn Thật                                 | 23/9/1967  |            | Thái     |           | 12/12 | TC | YS YHCT    | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         | SC |         | Tiếng anh<br>A    | Y sỹ đa khoa         |  |  |  |
| 98  | 2  | Lò Văn Huân                                 | 20/10/1970 |            | Thái     |           | 12/12 | SC | ĐD         | 16b.122    | Điều dưỡng Sơ cấp    |    |         | Điều dưỡng Sơ cấp |                      |  |  |  |
| 99  | 3  | Vàng Lao Páo                                | 11/9/1976  |            | Mông     |           | 12/12 | TC | ĐD         | V.08.05.13 | ĐD hạng IV           |    | A       | Tiếng anh<br>B    | ĐD trung cấp         |  |  |  |
| 100 | 4  | Vì Thị Phong                                |            | 14/12/1974 | Thái     |           | 12/12 | CĐ | HS         | V.08.06.16 | Hộ Sinh hạng IV      | TC | A       | Tiếng anh<br>B    | Hộ sinh trung<br>cấp |  |  |  |
| 101 | 5  | Hoàng Thị Thu                               |            | 20/5/1981  | Thái     |           | 12/12 | TC | YSDK       | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | UDCNTCB | Tiếng anh<br>A    | Y sỹ đa khoa         |  |  |  |
|     | 11 | <b>TYT Lóng Phiêng</b>                      |            |            |          |           |       |    |            |            |                      |    |         |                   |                      |  |  |  |
|     |    | <i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i> |            |            |          |           |       |    |            |            |                      |    |         |                   |                      |  |  |  |
| 102 | 1  | Lê Thành Giang                              | 30/10/1973 |            | Kinh     | <b>TT</b> | 12/12 | ĐH | BS         | V.08.03.01 | BS hạng III          | TC | B       | Tiếng anh<br>B    | BS đa khoa           |  |  |  |
| 103 | 2  | Vì Thị Duyệt                                |            | 18/7/1974  | Thái     | <b>PT</b> | 12/12 | TC | YSDK       | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         | SC | A       | Tiếng anh<br>B    | Y sỹ đa khoa         |  |  |  |
|     |    | <i>Viên chức chuyên môn</i>                 |            |            |          |           |       |    |            |            |                      |    |         |                   |                      |  |  |  |
| 104 | 1  | Hoàng Thị Trinh                             |            | 25/2/1977  | Kinh     |           | 12/12 | ĐH | ĐD         | V.08.05.12 | ĐD hạng III          |    | A       | Tiếng anh<br>B    | ĐD đại học           |  |  |  |
| 105 | 2  | Nguyễn Thị Huế                              |            | 11/10/1978 | Kinh     |           | 12/12 | TC | ĐD         | V.08.05.13 | ĐD hạng IV           |    | A       | Tiếng anh<br>B    | ĐD trung cấp         |  |  |  |
| 106 | 3  | Nguyễn Thị Hoạt                             |            | 08/8/1972  | Kinh     |           | 12/12 | CĐ | HS         | V.08.06.16 | Hộ Sinh hạng IV      |    | A       | Tiếng anh<br>B    | Hộ sinh trung<br>cấp |  |  |  |
| 107 | 4  | Phan Thị Trang                              |            | 13/4/1987  | Kinh     |           | 12/12 | CN | Điều dưỡng | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III |    | B       | Tiếng<br>môngB    | Điều dưỡng           |  |  |  |
| 108 | 5  | Vì Thu Thủy                                 |            | 10/4/1992  | Sinh Mun |           | 12/12 | TC | YSDK       | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | UDCNTCB | Tiếng<br>môngB    | Y sỹ đa khoa         |  |  |  |
|     | 12 | <b>TYT Chiềng Tương</b>                     |            |            |          |           |       |    |            |            |                      |    |         |                   |                      |  |  |  |

|     |    |                                             |           |            |          |    |       |    |            |            |                      |    |          |              |                   |  |  |  |
|-----|----|---------------------------------------------|-----------|------------|----------|----|-------|----|------------|------------|----------------------|----|----------|--------------|-------------------|--|--|--|
|     |    | <i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i> |           |            |          |    |       |    |            |            |                      |    |          |              |                   |  |  |  |
| 109 | 1  | Lia Láo Nhà                                 | 07/9/1988 |            | Mông     | TT | 12/12 | ĐH | BSDK       | V.08.02.06 | BS hạng III          |    | A        | Tiếng anh B  | BS đa khoa        |  |  |  |
|     |    | <i>Viên chức chuyên môn</i>                 |           |            |          |    |       |    |            |            |                      |    |          |              |                   |  |  |  |
| 110 | 1  | Mùa A Páo                                   | 25/6/1988 |            | Mông     |    | 12/12 | TC | YSDK       | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | A        | Tiếng anh B  | Y sỹ đa khoa      |  |  |  |
| 111 | 2  | Lường Thị Tâm                               |           | 23/4/1986  | Tày      |    | 12/12 | CN | ĐD         | V.08.05.13 | ĐD hạng III          |    | A        | Tiếng anh B  | Điều dưỡng        |  |  |  |
| 112 | 3  | Lia Lao Pa                                  | 01/8/1965 |            | Mông     |    | 12/12 | TC | YSSN       | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | B        | Tiếng anh B  | Y sỹ đa khoa      |  |  |  |
| 113 | 4  | Lia Xuân Cơ                                 | 09/9/1965 |            | Mông     |    | 12/12 | TC | NL         | V.08.10.29 | Dân Số Viên Hạng IV  |    | B        | Tiếng thái B |                   |  |  |  |
| 114 | 5  | Lừ Thúy Điều                                |           | 09/1/1975  | Thái     |    | 12/13 | CĐ | HS         | V.08.06.16 | Hộ Sinh hạng IV      |    | B        | Tiếng anh A  | Hộ sinh trung cấp |  |  |  |
| 115 | 6  | Đinh Thị Dung                               |           | 22/1/1976  | Mường    |    | 12/12 | TC | DS         | V08.08.23  | Dược sỹ hạng IV      |    | B        | Tiếng anh B  | Dược sỹ trung cấp |  |  |  |
|     | 13 | TYT Phiềng Khoài                            |           |            |          |    |       |    |            |            |                      |    |          |              |                   |  |  |  |
|     |    | <i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i> |           |            |          |    |       |    |            |            |                      |    |          |              |                   |  |  |  |
| 116 | 1  | Vũ Huy Thông                                | 02/8/1977 |            | Kinh     | TT | 12/12 | ĐH | BS         | V.08.01.03 | BS hạng III          | SC | B        | Tiếng anh B  | BS đa khoa        |  |  |  |
|     |    | <i>Viên chức chuyên môn</i>                 |           |            |          |    |       |    |            |            |                      |    |          |              |                   |  |  |  |
| 117 | 1  | Nguyễn Thi Tuyết                            |           | 06/12/1979 | Kinh     |    | 12/12 | TC | YSSN       | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | B        | Tiếng anh B  | Y sỹ đa khoa      |  |  |  |
| 118 | 2  | Lò Văn Hường                                | 04/4/1983 |            | Thái     |    | 12/12 | ĐH | ĐD         | V.08.05.12 | ĐD hạng III          |    | B        | Tiếng anh B  | Điều dưỡng        |  |  |  |
| 119 | 3  | Lò Thị Liên                                 |           | 20/12/1973 | Thái     |    | 12/12 | CĐ | HS         | V.08.06.16 | Hộ Sinh hạng IV      |    | B        | Tiếng anh B  | Hộ sinh trung cấp |  |  |  |
| 120 | 4  | Lê Thị Thanh Bình                           |           | 16/02/1987 | Kinh     |    | 12/12 | CN | Điều dưỡng | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III | SC | B        | Tiếng môngB  | Hộ sinh trung cấp |  |  |  |
| 121 | 5  | Vì Thị Sâm                                  |           | 24/10/1982 | Thái     |    | 12/12 | TC | YS YHCT    | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | UDTCB    | Tiếng môngB  | Y sỹ đa khoa      |  |  |  |
| 122 | 6  | Vì Văn Hiên                                 | 11/8/1979 |            | Thái     |    | 12/12 | TC | YSDK       | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | UDTCB    | Tiếng môngB  | Y sỹ đa khoa      |  |  |  |
| 123 | 7  | Vì Thị Mai                                  |           | 07/7/1989  | Sinh Mun |    | 12/12 | ĐH | BS         | V.08.02.06 | BS hạng III          | SC | B        | Tiếng anh B  | BS đa khoa        |  |  |  |
| 124 | 8  | Trần Thị Thanh Xuân                         |           | 08/6/1983  | Kinh     |    | 12/12 | ĐH | Dược sỹ    | V.08.08.22 | Dược sỹ hạng III     |    | UDCNTHCB | Tiếng anh B  | Dược sỹ           |  |  |  |
| 125 | 9  | Thào Lao Cháy                               | 04/3/1998 |            | Hmông    |    | 12/12 | CĐ | ĐD         | V.08.05.13 | ĐD cao đẳng          |    | UDTCB    | Tiếng anh B  | ĐD cao đẳng       |  |  |  |
|     | 14 | TYT Chiềng On                               |           |            |          |    |       |    |            |            |                      |    |          |              |                   |  |  |  |
|     |    | <i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i> |           |            |          |    |       |    |            |            |                      |    |          |              |                   |  |  |  |
| 126 | 1  | Vì Thị Sướng                                |           | 03/12/1975 | Thái     | PT | 12/12 | TC | YS YHCT    | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         | TC | A        | Tiếng môngB  | Y sỹ đa khoa      |  |  |  |
|     |    | <i>Viên chức chuyên môn</i>                 |           |            |          |    |       |    |            |            |                      |    |          |              |                   |  |  |  |

|     |    |                                                    |            |            |       |           |       |    |      |            |                      |    |         |                |                      |  |  |  |
|-----|----|----------------------------------------------------|------------|------------|-------|-----------|-------|----|------|------------|----------------------|----|---------|----------------|----------------------|--|--|--|
| 127 | 1  | Quảng Văn Đào                                      | 15/10/1974 |            | Thái  |           | 12/12 | ĐH | BS   | V.08.01.03 | BS hạng III          | TC | B       | Tiếng anh<br>A | BS đa khoa           |  |  |  |
| 128 | 2  | Quảng Thị Hiền                                     |            | 21/3/1976  | Thái  |           | 12/12 | CĐ | HS   | V.08.06.16 | Hộ Sinh hạng IV      | SC | UDTCB   | Tiếng anh<br>C | Hộ sinh trung<br>cấp |  |  |  |
| 129 | 3  | Trần Thị Thu                                       |            | 23/11/1968 | Kinh  |           | 12/12 | TC | ĐD   | V.08.05.13 | ĐD hạng IV           |    | UDTCB   | Tiếng<br>môngB | ĐD trung cấp         |  |  |  |
| 130 | 4  | Hoàng Thị Giang                                    |            | 25/01/1982 | Thái  |           | 12/12 | CN | YTCC | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III | TC | A       | Tiếng<br>môngB | Dược sỹ trung<br>cấp |  |  |  |
| 131 | 5  | Vàng Lao Địa                                       | 10/3/1979  |            | Mông  |           | 12/12 | ĐH | ĐD   | V.08.05.12 | ĐD hạng III          |    | UDTCB   | Tiếng<br>môngB | Điều dưỡng           |  |  |  |
| 132 | 6  | Nguyễn Ngọc Hà                                     | 09/02/1985 |            | Kinh  |           | 12/12 | TC | YSĐK | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | UDTCB   | Tiếng<br>môngB | Y sỹ đa khoa         |  |  |  |
| 133 | 7  | Sông Lao Dừa                                       | 10/04/1989 |            | Hmông |           | 12/12 | TC | YSĐK | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | UDTCB   | Tiếng<br>môngB | Y sỹ đa khoa         |  |  |  |
|     | 15 | <b>TYT Yên Sơn</b>                                 |            |            |       |           |       |    |      |            |                      |    |         |                |                      |  |  |  |
|     |    | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |            |       |           |       |    |      |            |                      |    |         |                |                      |  |  |  |
| 134 | 1  | Trần Văn Chính                                     | 23/12/1975 |            | Kinh  | <b>TT</b> | 12/12 | ĐH | BS   | V.08.01.03 | BS hạng III          | TC | B       | Tiếng anh<br>B | BS đa khoa           |  |  |  |
| 135 | 2  | Lò Thị Thích                                       |            | 20/5/1986  | Thái  | <b>PT</b> | 12/12 | CN | YTCC | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III | SC | U'DTTCB | Tiếng<br>môngB | Dược sỹ trung<br>cấp |  |  |  |
|     |    | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |            |       |           |       |    |      |            |                      |    |         |                |                      |  |  |  |
| 136 | 1  | Nguyễn Đình Thành                                  | 28/8/1978  |            | Kinh  |           | 12/12 | TC | YSĐK | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | UDTCB   | Tiếng<br>môngB | Y sỹ đa khoa         |  |  |  |
| 137 | 2  | Lò Thị Xùm                                         |            | 23/9/1969  | Thái  |           | 12/12 | CĐ | HS   | V.08.06.16 | Hộ Sinh hạng IV      |    | U'DTTCB | Tiếng anh<br>B | Hộ sinh trung<br>cấp |  |  |  |
| 138 | 3  | Hoàng Văn Cường                                    | 06/9/1979  |            | Thái  |           | 12/12 | TC | YSSN | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | U'DTTCB | Tiếng<br>môngB | Y sỹ đa khoa         |  |  |  |
| 139 | 4  | Trần Thị Điệp                                      |            | 01/4/1985  | Kinh  |           | 12/12 | TC | YSĐK | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |    | U'DTTCB | Tiếng<br>môngB | Y sỹ đa khoa         |  |  |  |

PHỤ LỤC I.7

Biểu thống kê hiện trạng nhân lực tại Trung tâm Y tế và Trạm Y tế xã thuộc Trung tâm Y tế huyện Sông Mã  
(Kèm theo Đề án kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

| TT |     | Họ và tên                                  | Ngày, tháng, năm sinh |           | Dân tộc | Chức vụ hoặc chức danh | Trình độ đào tạo và CDNN    |                             |                 |                          | Trình độ LLCT và Tin học, ngoại ngữ  |                            |                  | Các chứng chỉ/chứng nhận bồi dưỡng        |              |                   | Ghi chú     |                |
|----|-----|--------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------|--------------------------|--------------------------------------|----------------------------|------------------|-------------------------------------------|--------------|-------------------|-------------|----------------|
|    |     |                                            | Nam                   | Nữ        |         |                        | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ đào tạo            |                 | Mã chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp viên chức | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ/tiếng dân tộc thiểu số | CC Hành nghề | CC Quản lý        |             | Bồi dưỡng QLNN |
|    |     |                                            |                       |           |         |                        |                             | Trình độ đào tạo (cao nhất) | Chuyên ngành    |                          |                                      |                            |                  |                                           |              |                   |             |                |
|    | 1   | 2                                          | 3                     | 4         | 5       | 6                      | 7                           | 8                           | 9               | 10                       | 11                                   | 12                         | 13               | 14                                        | 15           | 16                | 17          | 18             |
| A  |     | TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN SÔNG MÃ: 38 VIÊN CHỨC |                       |           |         |                        |                             |                             |                 |                          |                                      |                            |                  |                                           |              |                   |             |                |
|    | I   | Lãnh đạo Trung tâm (GD, PGD)               |                       |           |         |                        |                             |                             |                 |                          |                                      |                            |                  |                                           |              |                   |             |                |
| 1  | 1   | Đặng Huy Cường                             | 23/3/1970             |           | Kinh    | Giám đốc               | 12/12                       | Chuyên khoa II              | Quản lý Y tế    | V.08.01.02               | Bác sỹ hạng II                       | Cao cấp                    | Ứng dụng CNTTCB  | Anh B2                                    | X            | Quản lý cấp phòng | Chuyên viên |                |
| 2  | 2   | Hà Văn Bích                                | 05/5/1963             |           | Thái    | P.Giám đốc             | 12/12                       | Chuyên khoa II              | Quản lý Y tế    | V.08.02.06               | Bác sỹ YHDP hạng III                 | Trung cấp                  | Ứng dụng CNTTCB  | Anh B2                                    | X            |                   | Chuyên viên |                |
| 3  | 3   | Lò Thị Thành                               |                       | 20/7/1973 | Thái    | P.Giám đốc             | 12/12                       | Chuyên khoa I               | Sản phụ khoa    | V.08.01.03               | Bác sỹ hạng III                      | Cao cấp                    | B                | Anh B                                     | X            | Quản lý cấp phòng | Chuyên viên |                |
|    | II  | Các phòng chuyên môn/các khoa              |                       |           |         |                        |                             |                             |                 |                          |                                      |                            |                  |                                           |              |                   |             |                |
|    | 1   | Phòng Hành chính - Tổng hợp                |                       |           |         |                        |                             |                             |                 |                          |                                      |                            |                  |                                           |              |                   |             |                |
| 4  | 1.1 | Lò Văn Xuân                                | 03/5/1968             |           | Thái    | Trưởng phòng           | 12/12                       | Cử nhân                     | Y tế công cộng  | V.08.04.10               | Y tế công cộng hạng III              | Sơ cấp                     | Ứng dụng CNTTCB  | Anh B                                     |              |                   | Chuyên viên |                |
| 5  | 1.2 | Lường Văn Loãi                             | 27/5/1987             |           | Thái    | P.trưởng phòng         | 12/12                       | Cử nhân                     | Y tế công cộng  | V.08.04.10               | Y tế công cộng hạng III              |                            | B                | Anh B                                     |              | Quản lý cấp phòng | Chuyên viên |                |
| 6  | 1.3 | Tòng Thị Hòa                               |                       | 21/7/1985 | Thái    | Y sỹ                   | 12/12                       | Trung cấp                   | Y sỹ ĐK         | V.08.03.07               | Y sỹ hạng IV                         |                            | Ứng dụng CNTTCB  | Anh B                                     |              |                   |             |                |
| 7  | 1.4 | Phạm Thị Xen                               |                       | 03/9/1985 | Kinh    | Lưu trữ viên           | 12/12                       | Trung cấp                   | Lưu trữ viên    | V.01.02.03               | Lưu trữ viên hạng IV                 |                            | B                | Anh B                                     |              |                   |             |                |
| 8  | 1.5 | Lò Thị Anh                                 |                       | 18/4/1988 | Thái    | Kế toán viên           | 12/12                       | Cử nhân                     | Kế toán         | 06.031                   | Kế toán viên hạng III                |                            | B                | Anh B                                     |              |                   |             |                |
| 9  | 1.6 | Lò Thị Thiết                               |                       | 23/3/1976 | Thái    | Điều dưỡng             | 12/12                       | Trung cấp                   | Điều dưỡng      | V.08.05.13               | Điều dưỡng hạng IV                   |                            | Ứng dụng CNTTCB  | Dân tộc Thái                              |              |                   |             |                |
| 10 | 1.7 | Đinh Ngọc Tùng                             | 18/5/1985             |           | Kinh    | Kế toán viên           | 12/12                       | Thạc sỹ                     | Quản lý kinh tế | 06.031                   | Kế toán viên hạng III                | Trung cấp                  | Ứng dụng CNTTCB  | Anh B1                                    |              |                   |             |                |

|    |     |                                                              |            |            |       |                 |       |               |                  |            |                       |           |               |              |   |                   |             |  |
|----|-----|--------------------------------------------------------------|------------|------------|-------|-----------------|-------|---------------|------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------|--------------|---|-------------------|-------------|--|
| 11 | 1.8 | Hoàng Yến Nhi                                                |            | 01/10/2000 | Thái  | Kế toán viên    | 12/12 | Cử nhân       | Kế toán          | 06.031     | Kế toán viên hạng III |           | Ứng dụng CNTT | Anh A2       |   |                   |             |  |
|    | 2   | <b>Khoa Khám bệnh - Xét nghiệm - Dược</b>                    |            |            |       |                 |       |               |                  |            |                       |           |               |              |   |                   |             |  |
| 12 | 2.1 | Trần Hải Vinh                                                | 17/7/1974  |            | Kinh  | Trưởng khoa     | 12/12 | Đại học       | Bác sỹ ĐK        | V.08.02.06 | Bác sỹ YHDP hạng III  | Trung cấp | Ứng dụng CNTT | Anh B        | X | Quản lý cấp phòng | Chuyên viên |  |
| 13 | 2.2 | Nguyễn Văn Hồng                                              | 15/10/1964 |            | Kinh  | Kỹ thuật viên Y | 12/12 | Trung cấp     | Kỹ thuật viên Y  | V.08.07.19 | Kỹ thuật Y hạng IV    |           | Ứng dụng CNTT | Dân tộc Thái |   |                   |             |  |
| 14 | 2.3 | Lò Thị Hào                                                   |            | 21/01/1989 | Thái  | Kỹ thuật viên Y | 12/12 | Cử nhân       | Xét nghiệm Y học | V.08.07.18 | Kỹ thuật Y hạng III   |           | Ứng dụng CNTT | Anh bậc 2    | X |                   |             |  |
| 15 | 2.4 | Lò Văn Quỳnh                                                 | 16/3/1982  |            | Thái  | Bác sỹ          | 12/12 | Chuyên khoa I | Nội              | V.08.02.06 | Bác sỹ YHDP hạng III  | Sơ cấp    | B             | Anh B        | X | Quản lý cấp phòng | Chuyên viên |  |
| 16 | 2.5 | Đèo Thị Quý                                                  |            | 09/2/1983  | Thái  | Dược CĐ         | 12/12 | Cao đẳng      | Dược             | V.08.08.23 | Dược hạng IV          |           | B             | Dân tộc Thái | X |                   |             |  |
| 17 | 2.6 | Trần Văn Hoan                                                | 20/9/1969  |            | Kinh  | Bác sỹ          | 12/12 | Chuyên khoa I | Da liễu          | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III       | Trung cấp | B             | Dân tộc Mông | X |                   | Chuyên viên |  |
| 18 | 2.7 | Đặng Thị Hương                                               |            | 06/11/1969 | Kinh  | Dược CĐ         | 12/12 | Cao đẳng      | Dược             | V.08.08.23 | Dược hạng IV          |           |               |              |   |                   |             |  |
|    | 3   | <b>Khoa Truyền nhiễm - Kiểm soát bệnh tật &amp; HIV/AIDS</b> |            |            |       |                 |       |               |                  |            |                       |           |               |              |   |                   |             |  |
| 19 | 3.1 | Vì Văn Toàn                                                  | 30/10/1967 |            | Thái  | Trưởng khoa     | 12/12 | Đại học       | Bác sỹ ĐK        | V.08.02.06 | Bác sỹ YHDP hạng III  | Trung cấp | B             | Anh B        | X |                   |             |  |
| 20 | 3.2 | Hoàng Văn Kiên                                               | 07/02/1971 |            | Lào   | Y sỹ            | 12/12 | Trung cấp     | Y sỹ YHCT        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV          |           | B             | Anh C        |   |                   |             |  |
| 21 | 3.3 | Tòng Văn Chuyên                                              | 09/5/1964  |            | Thái  | Điều dưỡng      | 12/12 | Trung cấp     | Điều dưỡng       | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV    |           | A             | Dân tộc Thái |   |                   |             |  |
| 22 | 3.4 | Lò Văn Hạnh                                                  | 22/1/1981  |            | Thái  | Bác sỹ          | 12/12 | Đại học       | Bác sỹ ĐK        | V.08.02.06 | Bác sỹ YHDP hạng III  | Sơ cấp    | Ứng dụng CNTT | Anh B        | X |                   |             |  |
| 23 | 3.5 | Quảng Văn Nam                                                | 26/9/1983  |            | Thái  | Bác sỹ          | 12/12 | Đại học       | Bác sỹ ĐK        | V.08.02.06 | Bác sỹ YHDP hạng III  | Sơ cấp    | B             | Anh bậc 2    | X |                   |             |  |
| 24 | 3.6 | Lường Đức Ngọc                                               | 28/9/1992  |            | Thái  | Y sỹ            | 12/12 | Trung cấp     | Y sỹ ĐK          | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV          |           | B             | Anh B        |   |                   |             |  |
| 25 | 3.7 | Lò Thị Hằng                                                  |            | 17/5/1992  | Thái  | Y sỹ            | 12/12 | Trung cấp     | Y sỹ ĐK          | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV          |           | Ứng dụng CNTT | Dân tộc Thái |   |                   |             |  |
|    | 4   | <b>Khoa Y tế công cộng - Dinh dưỡng &amp; ATTP</b>           |            |            |       |                 |       |               |                  |            |                       |           |               |              |   |                   |             |  |
| 26 | 4.1 | Quảng Văn Thịnh                                              | 07/12/1964 |            | Thái  | Trưởng khoa     | 12/12 | Đại học       | Bác sỹ ĐK        | V.08.02.06 | Bác sỹ YHDP hạng III  | Trung cấp | B             | Anh B        | X |                   | Chuyên viên |  |
| 27 | 4.2 | Hà Văn Hoàn                                                  | 13/9/1969  |            | Mường | P.Trưởng khoa   | 12/12 | Đại học       | Bác sỹ ĐK        | V.08.02.06 | Bác sỹ YHDP hạng III  | Sơ cấp    | B             | Anh C        | X |                   |             |  |
| 28 | 4.3 | Vì Văn Thiên                                                 | 05/6/1963  |            | Thái  | Y sỹ            | 12/12 | Trung cấp     | Y sỹ ĐK          | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV          |           | A             | Dân tộc Thái |   |                   |             |  |

|    |     |                                                   |            |            |          |                |       |               |                |            |                         |           |               |              |   |                   |             |  |
|----|-----|---------------------------------------------------|------------|------------|----------|----------------|-------|---------------|----------------|------------|-------------------------|-----------|---------------|--------------|---|-------------------|-------------|--|
| 29 | 4.4 | Đinh Công Hoàng                                   | 22/6/1988  |            | Kinh     | Y sỹ           | 12/12 | Trung cấp     | Y sỹ ĐK        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV            |           | B             | Anh bậc 2    |   |                   |             |  |
| 30 | 4.5 | Lò Văn Toán                                       | 01/8/1977  |            | Sinh Mun | Y tế công cộng | 12/12 | Cử nhân       | Y tế công cộng | V.08.04.10 | Y tế công cộng hạng III | Trung cấp | B             | Anh B        |   |                   | Chuyên viên |  |
| 31 | 4.6 | Đồng Thị Lý                                       |            | 20/3/1991  | Kinh     | Y sỹ           | 12/12 | Y sỹ ĐK       | Y sỹ ĐK        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV            |           | Ứng dụng CNTT | Dân tộc Thái | X |                   |             |  |
|    | 5   | <b>Khoa Dân số - Truyền thông - Chăm sóc SKSS</b> |            |            |          |                |       |               |                |            |                         |           |               |              |   |                   |             |  |
| 32 | 5.1 | Phạm Thị Lưu                                      |            | 15/1/1986  | Kinh     | Trưởng khoa    | 12/12 | Chuyên khoa I | Sản phụ khoa   | V.08.02.06 | Bác sỹ YHDP hạng III    | Sơ cấp    | B             | Anh C        | X | Quản lý cấp phòng | Chuyên viên |  |
| 33 | 5.2 | Lại Thị Thu Hương                                 |            | #####      | Kinh     | P.Trưởng khoa  | 12/12 | Cử nhân       | Y tế công cộng | V.08.04.10 | Y tế công cộng hạng III | Trung cấp | Ứng dụng CNTT | Anh B        |   |                   | Chuyên viên |  |
| 34 | 5.3 | Lò Thị Xiềng                                      |            | 24/8/1968  | Thái     | Hộ sinh        | 12/12 | Trung cấp     | Hộ sinh        | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng IV         |           | A             | Dân tộc Thái |   |                   |             |  |
| 35 | 5.4 | Vì Thị Hiêng                                      |            | 25/12/1972 | Thái     | Hộ sinh        | 12/12 | Cao đẳng      | Hộ sinh        | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng IV         |           | A             | Dân tộc Thái |   |                   |             |  |
| 36 | 5.5 | Quảng Thị In                                      |            | 16/11/1978 | Thái     | Hộ sinh        | 12/12 | Cao đẳng      | Hộ sinh        | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng IV         |           | A             | Dân tộc Thái |   |                   |             |  |
| 37 | 5.6 | Nguyễn Thị Phương                                 |            | 19/02/1984 | Kinh     | Dân số viên    | 12/12 | Cử nhân       | Y tế công cộng | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III    |           | A             | Tiếng Anh A2 |   |                   |             |  |
| 38 | 5.7 | Hồ Bá Cho                                         | 30/8/1976  |            | H.Mông   | Dân số viên    | 12/12 | Cử nhân       | Luật kinh tế   | V.08.10.29 | Dân số viên hạng IV     |           | Ứng dụng CNTT | Dân tộc Thái |   |                   |             |  |
|    |     | <b>TRẠM Y TẾ XÃ, THỊ TRẤN:</b>                    |            |            |          |                |       |               |                |            |                         |           |               |              |   |                   |             |  |
|    | I   | <b>TRẠM Y TẾ XÃ MUỜNG SAI</b>                     |            |            |          |                |       |               |                |            |                         |           |               |              |   |                   |             |  |
|    | 1   | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b>       |            |            |          |                |       |               |                |            |                         |           |               |              |   |                   |             |  |
| 39 | 1.1 | Lò Thị Định                                       |            | 15/3/1975  | Thái     | Trưởng trạm    | 12/12 | Đại học       | Bác sỹ ĐK      | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III         | Trung cấp | Ứng dụng CNTT | Anh B        | X |                   |             |  |
|    | 2   | <b>Viên chức chuyên môn</b>                       |            |            |          |                |       |               |                |            |                         |           |               |              |   |                   |             |  |
| 40 | 2.1 | Tòng Văn Hưng                                     | 16/9/1987  |            | Thái     | Y sỹ           | 12/12 | Trung cấp     | Y sỹ ĐK        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV            |           | A             | Tiếng Anh A2 |   |                   |             |  |
| 41 | 2.2 | Tòng Duy Thành                                    | 06/10/1964 |            | Thái     | Điều dưỡng     | 12/12 | Trung cấp     | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV      |           | Ứng dụng CNTT | Anh B        | X |                   |             |  |
| 42 | 2.3 | Lò Quỳnh Mai                                      |            | 18/2/1974  | Thái     | Hộ sinh        | 12/12 | Trung cấp     | Hộ sinh        | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng IV         |           | Ứng dụng CNTT | Anh B        | X |                   |             |  |
| 43 | 2.4 | Lò Thị Toàn                                       |            | #####      | Thái     | Dân số viên    | 12/12 | Trung cấp     | Y sỹ ĐK        | V.08.10.29 | Dân số viên hạng IV     |           | Ứng dụng CNTT | Anh B        |   |                   |             |  |
|    | II  | <b>TRẠM Y TẾ XÃ CHIỀNG KHUỜNG</b>                 |            |            |          |                |       |               |                |            |                         |           |               |              |   |                   |             |  |
|    | 1   | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b>       |            |            |          |                |       |               |                |            |                         |           |               |              |   |                   |             |  |

|    |     |                                             |            |            |       |                |       |               |                |            |                         |           |               |              |   |  |  |  |
|----|-----|---------------------------------------------|------------|------------|-------|----------------|-------|---------------|----------------|------------|-------------------------|-----------|---------------|--------------|---|--|--|--|
| 44 | 1.1 | Vì Thị Hiếu                                 |            | 18/02/1971 | Thái  | Trưởng trạm    | 12/12 | Đại học       | Bác sỹ ĐK      | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III         | Trung cấp | B             | Anh B        | X |  |  |  |
| 45 | 1.2 | Lừ Thị Tuyết                                |            | 18/01/1978 | Thái  | P.Trưởng trạm  | 12/12 | Cử nhân       | Hộ sinh        | V.08.06.15 | Hộ sinh hạng III        |           | B             | Anh B        | X |  |  |  |
|    | 2   | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |       |                |       |               |                |            |                         |           |               |              |   |  |  |  |
| 46 | 2.1 | Lường Trung Thu                             | 17/7/1989  |            | Thái  | Y tế công cộng | 12/12 | Cử nhân       | Y tế công cộng | V.08.04.10 | Y tế công cộng hạng III |           | Ứng dụng CNTT | Anh Bậc 3    | X |  |  |  |
| 47 | 2.2 | Bùi Thị Tịnh                                |            | 20/11/1977 | Mường | Y sỹ           | 12/12 | Trung cấp     | Y sỹ ĐK        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV            |           | Ứng dụng CNTT | Anh B        | X |  |  |  |
| 48 | 2.3 | Vũ Văn Bình                                 | 21/11/1976 |            | Kinh  | Bác sỹ         | 12/12 | Đại học       | Bác sỹ ĐK      | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III         |           | A             | Anh Bậc 2    | X |  |  |  |
| 49 | 2.4 | Lường Thị Dương                             |            | 29/4/1976  | Thái  | Điều dưỡng     | 12/12 | Cử nhân       | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV      |           | A             | Dân tộc Thái | X |  |  |  |
| 50 | 2.5 | Đèo Thị Xuân                                |            | 20/8/1979  | Thái  | Hộ sinh        | 12/12 | Cao đẳng      | Hộ sinh        | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng IV         |           | A             | Dân tộc Thái | X |  |  |  |
| 51 | 2.6 | Nguyễn Thị Hương                            |            | 06/12/1985 | Kinh  | Dân số viên    | 12/12 | Cử nhân       | Y tế công cộng | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III    |           | A             | Dân tộc Thái |   |  |  |  |
|    | III | <b>TRẠM Y TẾ XÃ CHIỀNG CANG</b>             |            |            |       |                |       |               |                |            |                         |           |               |              |   |  |  |  |
|    | 1   | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |       |                |       |               |                |            |                         |           |               |              |   |  |  |  |
| 52 | 1.1 | Cầm Văn Phòng                               | 01/3/1966  |            | Thái  | Trưởng trạm    | 10/10 | Đại học       | Bác sỹ ĐK      | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III         | Trung cấp | Ứng dụng CNTT | Anh B        | X |  |  |  |
| 53 | 1.2 | Lò Thị Á                                    |            | 23/1/1972  | Thái  | P.Trưởng trạm  | 12/12 | Cao đẳng      | Hộ sinh        | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng IV         |           | B             | Anh C        | X |  |  |  |
|    | 2   | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |       |                |       |               |                |            |                         |           |               |              |   |  |  |  |
| 54 | 2.1 | Phạm Thị Minh Toàn                          |            | 25/8/1983  | Kinh  | Bác sỹ         | 12/12 | Chuyên khoa I | Y học gia đình | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III         |           | B             | Anh C        | X |  |  |  |
| 55 | 2.2 | Lò Thị Mai                                  |            | 08/8/1985  | Thái  | Y tế công cộng | 12/12 | Cử nhân       | Y tế công cộng | V.08.04.10 | Y tế công cộng hạng III |           | Ứng dụng CNTT | Anh C        |   |  |  |  |
| 56 | 2.3 | Lò Văn Phóng                                | 30/10/1968 |            | Thái  | Y sỹ           | 7/10  | Trung cấp     | Y sỹ ĐK        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV            |           | A             | Anh C        | X |  |  |  |
| 57 | 2.4 | Trần Văn Hoa                                | 09/12/1971 |            | Kinh  | Y sỹ           | 12/12 | Trung cấp     | Y sỹ YHDT      | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV            |           | A             | Anh C        | X |  |  |  |
| 58 | 2.5 | Lò Văn Trọng                                | 19/9/1984  |            | Thái  | Y sỹ           | 12/12 | Trung cấp     | Y sỹ YHDT      | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV            |           | B             | Anh C        | X |  |  |  |
| 59 | 2.6 | Nguyễn T Kim Hương                          |            | #####      | Kinh  | Dân số viên    | 12/12 | Cao đẳng      | Dược           | V.08.10.29 | Dân số viên hạng IV     |           | B             | Dân tộc Thái |   |  |  |  |
|    | IV  | <b>TRẠM Y TẾ XÃ MUỜNG HUNG</b>              |            |            |       |                |       |               |                |            |                         |           |               |              |   |  |  |  |



|    |           |                                             |            |            |       |               |       |               |                |            |                      |           |               |              |   |  |  |  |
|----|-----------|---------------------------------------------|------------|------------|-------|---------------|-------|---------------|----------------|------------|----------------------|-----------|---------------|--------------|---|--|--|--|
|    | <b>1</b>  | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |       |               |       |               |                |            |                      |           |               |              |   |  |  |  |
| 60 | 1.1       | Đình Văn Hùng                               | 07/7/1977  |            | Kinh  | Trưởng trạm   | 12/12 | Chuyên khoa I | Nội            | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III      | Trung cấp | Ứng dụng CNTT | Anh C        | X |  |  |  |
| 61 | 1.2       | Lò Thị Phan                                 |            | 26/8/1986  | Thái  | P.Trưởng trạm | 12/12 | Trung cấp     | Y sỹ ĐK        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |           | Ứng dụng CNTT | Anh B        | X |  |  |  |
|    | <b>2</b>  | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |       |               |       |               |                |            |                      |           |               |              |   |  |  |  |
| 62 | 2.1       | Cầm Văn Toàn                                | 20/2/1970  |            | Thái  | Điều dưỡng    | 12/12 | Cử nhân       | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV   |           | Ứng dụng CNTT | Anh B        | X |  |  |  |
| 63 | 2.2       | Lò Thị Mai                                  |            | 16/2/1979  | Thái  | Hộ sinh       | 12/12 | Cao đẳng      | Hộ sinh        | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng IV      |           | Ứng dụng CNTT | Anh B        | X |  |  |  |
| 64 | 2.3       | Lò Văn Bình                                 | 28/9/1994  |            | Thái  | Điều dưỡng    | 12/12 | Cao đẳng      | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV   |           | B             | Anh B        | X |  |  |  |
| 65 | 2.4       | Nguyễn Thị Phương                           |            | 07/6/1993  | Mường | Y sỹ          | 12/12 | Trung cấp     | Y sỹ ĐK        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |           | B             | Anh B        | X |  |  |  |
| 66 | 2.5       | Quảng Văn Thanh                             | 19/2/1979  |            | Thái  | Dân số viên   | 12/12 | Cử nhân       | Y tế công cộng | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III |           | Ứng dụng CNTT | Anh B        |   |  |  |  |
|    | <b>V</b>  | <b>TRẠM Y TẾ XÃ MUỜNG CAI</b>               |            |            |       |               |       |               |                |            |                      |           |               |              |   |  |  |  |
|    | <b>1</b>  | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |       |               |       |               |                |            |                      |           |               |              |   |  |  |  |
| 67 | 1.1       | Lường Văn Tuấn                              | 25/9/1990  |            | Thái  | Trưởng trạm   | 12/12 | Đại học       | Bác sỹ ĐK      | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III      |           | Ứng dụng CNTT | Anh B        | X |  |  |  |
| 68 | 1.2       | Quảng Văn Hường                             | 25/7/1987  |            | Thái  | P.Trưởng trạm | 12/12 | Trung cấp     | Y sỹ ĐK        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |           | Ứng dụng CNTT | Dân tộc Thái | X |  |  |  |
|    | <b>2</b>  | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |       |               |       |               |                |            |                      |           |               |              |   |  |  |  |
| 69 | 2.1       | Lò Văn Panh                                 | 05/8/1970  |            | Thái  | Điều dưỡng    | 12/12 | Cử nhân       | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV   |           | Ứng dụng CNTT | Dân tộc Thái | X |  |  |  |
| 70 | 2.2       | Lò Thị Diệp                                 |            | 16/5/1986  | Thái  | Điều dưỡng    | 12/12 | Cử nhân       | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV   |           | Ứng dụng CNTT | Dân tộc Thái | X |  |  |  |
| 71 | 2.3       | Tòng Thị Dịu                                |            | 01/5/1994  | Thái  | Y sỹ          | 12/12 | Trung cấp     | Y sỹ ĐK        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |           | Ứng dụng CNTT | Anh B        |   |  |  |  |
| 72 | 2.4       | Lò Thị Quyên                                |            | 07/10/1998 | Thái  | Hộ sinh       | 12/12 | Cao đẳng      | Hộ sinh        | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng IV      |           | Ứng dụng CNTT | Anh B        |   |  |  |  |
| 73 | 2.5       | Lường Văn Hồng                              | 02/10/1983 |            | Thái  | Dân số viên   | 12/12 | Cao đẳng      | Dược           | V.08.10.29 | Dân số viên hạng IV  |           | Ứng dụng CNTT | Dân tộc Thái |   |  |  |  |
|    | <b>VI</b> | <b>TRẠM Y TẾ XÃ CHIỀNG KHOONG</b>           |            |            |       |               |       |               |                |            |                      |           |               |              |   |  |  |  |
|    | <b>1</b>  | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |       |               |       |               |                |            |                      |           |               |              |   |  |  |  |

|    |      |                                           |            |            |       |               |       |           |            |            |                     |           |               |              |   |  |  |  |
|----|------|-------------------------------------------|------------|------------|-------|---------------|-------|-----------|------------|------------|---------------------|-----------|---------------|--------------|---|--|--|--|
| 74 | 1.1  | Lường Văn Bình                            | 16/6/1968  |            | Thái  | Trưởng trạm   | 12/12 | Đại học   | Bác sỹ ĐK  | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III     | Trung cấp | Ứng dụng CNTT | Anh B        | X |  |  |  |
| 75 | 1.2  | Lò Hồng Thắm                              |            | 25/5/1975  | Thái  | P.Trưởng trạm | 12/12 | Cử nhân   | Hộ sinh    | V.08.06.15 | Hộ sinh hạng III    |           | Ứng dụng CNTT | Dân tộc Thái | X |  |  |  |
|    | 2    | Viên chức chuyên môn                      |            |            |       |               |       |           |            |            |                     |           |               |              |   |  |  |  |
| 76 | 2.1  | Dương Thị Sửu                             |            | 04/5/1973  | Kinh  | Y sỹ          | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ YHDT  | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV        |           | Ứng dụng CNTT | Dân tộc Thái | X |  |  |  |
| 77 | 2.2  | Mai Thị Loan                              |            | 13/11/1973 | Kinh  | Điều dưỡng    | 12/12 | Cử nhân   | Điều dưỡng | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV  |           | Ứng dụng CNTT | Anh B        | X |  |  |  |
| 78 | 2.3  | Phạm Xuân Tùng                            | 03/5/1978  |            | Kinh  | Y sỹ          | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ YHDT  | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV        |           | Ứng dụng CNTT | Anh B        | X |  |  |  |
| 79 | 2.4  | Lường Thị Tổ                              |            | #####      | Thái  | Hộ sinh       | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh    | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng IV     |           | Ứng dụng CNTT | Anh B        | X |  |  |  |
| 80 | 2.5  | Quảng Thị Long                            |            | 26/6/1988  | Thái  | Y sỹ          | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK    | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV        |           | Ứng dụng CNTT | Anh B        | X |  |  |  |
| 81 | 2.6  | Lò Văn Hải                                | 07/5/1999  |            | Thái  | Điều dưỡng    | 12/12 | Cao đẳng  | Điều dưỡng | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV  |           | Ứng dụng CNTT | Anh Bậc 2    |   |  |  |  |
| 82 | 2.7  | Lường Thị Thiện                           |            | 15/7/1983  | Thái  | Dân số viên   | 12/12 | Cao đẳng  | Dược       | V.08.10.29 | Dân số viên hạng IV |           | Ứng dụng CNTT | Dân tộc Thái |   |  |  |  |
|    | VII  | TRẠM Y TẾ XÃ HUỖI MỘT                     |            |            |       |               |       |           |            |            |                     |           |               |              |   |  |  |  |
|    | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)      |            |            |       |               |       |           |            |            |                     |           |               |              |   |  |  |  |
| 83 | 1.1  | Dương Quốc Trung                          | 31/12/1978 |            | Kinh  | P.Trưởng trạm | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK    | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV        |           | B             | Anh B        | X |  |  |  |
|    | 2    | Viên chức chuyên môn                      |            |            |       |               |       |           |            |            |                     |           |               |              |   |  |  |  |
| 84 | 2.1  | Lò Văn Bảo                                | 16/5/1969  |            | Thái  | Bác sỹ        | 12/12 | Đại học   | Bác sỹ ĐK  | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III     |           | B             | Anh B        | X |  |  |  |
| 85 | 2.2  | Lò Văn Chiến                              | 09/10/1965 |            | Thái  | Điều dưỡng    | 12/12 | Trung cấp | Điều dưỡng | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV  |           | A             | Anh B        | X |  |  |  |
| 86 | 2.3  | Lò Thanh Tuấn                             | 27/3/1997  |            | Thái  | Y sỹ          | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK    | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV        |           | Ứng dụng CNTT | Anh Bậc 2    | X |  |  |  |
| 87 | 2.4  | Nguyễn Thị Minh Thư                       |            | 20/4/1983  | Kinh  | Điều dưỡng    | 12/12 | Cử nhân   | Điều dưỡng | V.08.05.12 | Điều dưỡng hạng III |           | Ứng dụng CNTT | Anh Bậc 2    | X |  |  |  |
| 88 | 2.5  | Cà Thị Tiệp                               |            | 01/02/1979 | Thái  | Hộ sinh       | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh    | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng IV     |           | Ứng dụng CNTT | Anh B        | X |  |  |  |
| 89 | 2.6  | Lò Văn Tư                                 | 15/10/1988 |            | S.mun | Dân số viên   | 12/12 | Cử nhân   | Điều dưỡng | V.08.10.29 | Dân số viên hạng IV |           | B             | Anh B        |   |  |  |  |
|    | VIII | TRẠM Y TẾ THỊ TRẤN SÔNG MÃ: 135 VIÊN CHỨC |            |            |       |               |       |           |            |            |                     |           |               |              |   |  |  |  |

|     |           |                                             |            |            |       |               |       |           |                |            |                      |           |               |              |   |  |  |  |
|-----|-----------|---------------------------------------------|------------|------------|-------|---------------|-------|-----------|----------------|------------|----------------------|-----------|---------------|--------------|---|--|--|--|
|     | <b>1</b>  | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |       |               |       |           |                |            |                      |           |               |              |   |  |  |  |
| 90  | 1.1       | Lò Văn Hà                                   | 15/10/1970 |            | Thái  | Trưởng trạm   | 12/12 | Đại học   | Bác sỹ ĐK      | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III      | Trung cấp | Ứng dụng CNTT | Anh B        | X |  |  |  |
| 91  | 1.2       | Lường Thị Minh                              |            | 15/3/1982  | Thái  | P.Trưởng trạm | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |           | Ứng dụng CNTT | Dân tộc Thái | X |  |  |  |
|     | <b>2</b>  | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |       |               |       |           |                |            |                      |           |               |              |   |  |  |  |
| 92  | 2.1       | Ngô Thị Tĩnh                                |            | 08/10/1976 | Kinh  | Hộ sinh       | 12/12 | Trung cấp | Hộ sinh        | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng IV      |           | B             | Anh B        | X |  |  |  |
| 93  | 2.2       | Lường Thị Nhung                             |            | 02/01/1981 | Thái  | Điều dưỡng    | 12/12 | Cử nhân   | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV   |           | Ứng dụng CNTT | Anh B        | X |  |  |  |
| 94  | 2.3       | Đoàn Khánh Dung                             |            | 01/8/1988  | Kinh  | Y sỹ          | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |           | Ứng dụng CNTT | Anh B        | X |  |  |  |
| 95  | 2.4       | Vì Đức Việt                                 | 21/9/1999  |            | Thái  | Điều dưỡng    | 12/12 | Cao đẳng  | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV   |           | Ứng dụng CNTT | Anh Bậc 2    |   |  |  |  |
| 96  | 2.5       | Hà Thị Thủy                                 |            | 05/12/1981 | Thái  | Dân số viên   | 12/12 | Cử nhân   | Y tế công cộng | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III |           | Ứng dụng CNTT | Anh B        |   |  |  |  |
|     | <b>IX</b> | <b>TRẠM Y TẾ XÃ NÀ NGHỊU</b>                |            |            |       |               |       |           |                |            |                      |           |               |              |   |  |  |  |
|     | <b>1</b>  | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |       |               |       |           |                |            |                      |           |               |              |   |  |  |  |
| 97  | 1.1       | Lường Văn Hình                              | 05/6/1985  |            | Thái  | Trưởng trạm   | 12/12 | Cử nhân   | Y tế công cộng | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III | Trung cấp | Ứng dụng CNTT | Anh B        |   |  |  |  |
| 98  | 1.2       | Đinh Thị Oanh                               |            | 25/11/1982 | Mường | P.Trưởng trạm | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |           | Ứng dụng CNTT | Dân tộc Thái | X |  |  |  |
|     | <b>2</b>  | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |       |               |       |           |                |            |                      |           |               |              |   |  |  |  |
| 99  | 2.1       | Quảng Văn Sam                               | 11/11/1967 |            | Thái  | Điều dưỡng    | 12/12 | Trung cấp | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV   |           | Ứng dụng CNTT | Dân tộc Thái | X |  |  |  |
| 100 | 2.2       | Hoàng Thị Ánh                               |            | 19/8/1973  | Thái  | Điều dưỡng    | 12/12 | Trung cấp | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV   |           | Ứng dụng CNTT | Dân tộc Thái | X |  |  |  |
| 101 | 2.3       | Trần Thị Lâm                                |            | 20/10/1980 | Kinh  | Hộ sinh       | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh        | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng IV      |           | Ứng dụng CNTT | Anh B        | X |  |  |  |
| 102 | 2.4       | Quảng Thị Thương                            |            | 05/9/1974  | Thái  | Điều dưỡng    | 12/12 | Cử nhân   | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV   |           | Ứng dụng CNTT | Dân tộc Thái | X |  |  |  |
| 103 | 2.5       | Lò Thị Thùy Linh                            |            | 27/7/1992  | Thái  | Y sỹ          | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |           | Ứng dụng CNTT | Anh B        | X |  |  |  |
| 104 | 2.6       | Lò Thị Ngoan                                |            | 25/12/1992 | Thái  | Điều dưỡng    | 12/12 | Cử nhân   | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV   |           | B             | Anh B        |   |  |  |  |
| 105 | 2.7       | Đèo Văn Thu                                 | 03/6/1990  |            | Thái  | Y sỹ          | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |           | Ứng dụng CNTT | Anh Bậc 2    | X |  |  |  |

|     |     |                                      |            |            |      |               |       |           |            |            |                     |  |               |              |   |  |  |  |
|-----|-----|--------------------------------------|------------|------------|------|---------------|-------|-----------|------------|------------|---------------------|--|---------------|--------------|---|--|--|--|
|     | X   | TRẠM Y TẾ XÃ CHIỀNG SƠ               |            |            |      |               |       |           |            |            |                     |  |               |              |   |  |  |  |
|     | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |      |               |       |           |            |            |                     |  |               |              |   |  |  |  |
| 106 | 1.2 | Tòng Văn Khởi                        | 20/6/1982  |            | Thái | Trưởng trạm   | 12/12 | Đại học   | Bác sỹ ĐK  | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III     |  | Ứng dụng CNTT | Dân tộc Thái | X |  |  |  |
| 107 | 1.2 | Lường Văn Bình                       | 03/01/1964 |            | Thái | P.Trưởng trạm | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK    | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV        |  | B             | Anh B        | X |  |  |  |
|     | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |            |      |               |       |           |            |            |                     |  |               |              |   |  |  |  |
| 108 | 2.1 | Quảng Văn Sâm                        | 09/5/1976  |            | Thái | Điều dưỡng    | 12/12 | Cử nhân   | Điều dưỡng | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV  |  | B             | Anh Bậc 2    | X |  |  |  |
| 109 | 2.2 | Phạm Thị Lan                         |            | 22/12/1980 | Kinh | Hộ sinh       | 12/12 | Cử nhân   | Hộ sinh    | V.08.06.15 | Hộ sinh hạng III    |  | Ứng dụng CNTT | Anh A2       | X |  |  |  |
| 110 | 2.3 | Lò Văn Hạnh                          | 09/3/1990  |            | Thái | Y sỹ          | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK    | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV        |  | B             | Dân tộc Thái | X |  |  |  |
| 111 | 2.4 | Quảng Thị Quỳnh                      |            | 27/11/1990 | Thái | Y sỹ          | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK    | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV        |  | Ứng dụng CNTT | Anh B        | X |  |  |  |
| 112 | 2.5 | Lường Thị Nhân                       |            | #####      | Thái | Y sỹ          | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK    | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV        |  | Ứng dụng CNTT | Anh B        | X |  |  |  |
| 113 | 2.6 | Lường Thị Dung                       |            | 26/9/1983  | Thái | Dân số viên   | 12/12 | Trung cấp | Hộ sinh    | V.08.10.29 | Dân số viên hạng IV |  | B             | Dân tộc Thái |   |  |  |  |
|     | XI  | TRẠM Y TẾ XÃ NẬM MẢN                 |            |            |      |               |       |           |            |            |                     |  |               |              |   |  |  |  |
|     | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |      |               |       |           |            |            |                     |  |               |              |   |  |  |  |
| 114 | 1.2 | Tòng Văn Tiến                        | 01/6/1990  |            | Thái | P.Trưởng trạm | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK    | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV        |  | Ứng dụng CNTT | Dân tộc Thái | X |  |  |  |
|     | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |            |      |               |       |           |            |            |                     |  |               |              |   |  |  |  |
| 115 | 2.1 | Tòng Văn Định                        | 20/12/1988 |            | Thái | Y sỹ          | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK    | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV        |  | B             | Anh B        | X |  |  |  |
| 116 | 2.2 | Lường Mạnh Trí                       | 02/12/1991 |            | Thái | Điều dưỡng    | 12/12 | Cao đẳng  | Điều dưỡng | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV  |  | B             | Anh B        | X |  |  |  |
| 117 | 2.3 | Cà Thị Mi                            |            | 05/7/1990  | Thái | Y sỹ          | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK    | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV        |  | Ứng dụng CNTT | Anh B        |   |  |  |  |
| 118 | 2.4 | Lò Văn Nghiệp                        | 04/12/1982 |            | Thái | Dân số viên   | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK    | V.08.10.29 | Dân số viên hạng IV |  | B             |              |   |  |  |  |
|     | XII | TRẠM Y TẾ XÃ YÊN HƯNG                |            |            |      |               |       |           |            |            |                     |  |               |              |   |  |  |  |
|     | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |      |               |       |           |            |            |                     |  |               |              |   |  |  |  |

|     |      |                                      |            |            |      |                |       |           |                |            |                      |           |               |           |   |  |  |  |
|-----|------|--------------------------------------|------------|------------|------|----------------|-------|-----------|----------------|------------|----------------------|-----------|---------------|-----------|---|--|--|--|
| 119 | 1.1  | Cầm Thị Tiến                         |            | #####      | Thái | Trưởng trạm    | 12/12 | Cử nhân   | Y tế công cộng | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III |           | Ứng dụng CNTT | Anh B     |   |  |  |  |
| 120 | 1.2  | Đèo Văn Thanh                        | 07/10/1972 |            | Thái | P.Trưởng trạm  | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ SN        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |           | B             | Anh B     | X |  |  |  |
|     | 2    | Viên chức chuyên môn                 |            |            |      |                |       |           |                |            |                      |           |               |           |   |  |  |  |
| 121 | 2.1  | Cà Văn Phương                        | 08/10/1968 |            | Thái | Điều dưỡng     | 12/12 | Cử nhân   | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV   |           | B             | Anh B     | X |  |  |  |
| 122 | 2.2  | Lò Thị Mai                           |            | 15/11/1979 | Thái | Hộ sinh        | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh        | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng IV      |           | A             | Anh A     | X |  |  |  |
| 123 | 2.3  | Dương Văn Quý                        | 07/11/1983 |            | Kinh | Y sỹ           | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |           | Ứng dụng CNTT | Anh B     | X |  |  |  |
| 124 | 2.4  | Lò Văn Tuấn                          | 03/9/1983  |            | Thái | Điều dưỡng     | 12/12 | Cử nhân   | Điều dưỡng     | V.08.05.12 | Điều dưỡng hạng III  |           | Ứng dụng CNTT | Anh B     | X |  |  |  |
| 125 | 2.5  | Lò Văn Thành                         | 05/4/1992  |            | Thái | Y sỹ           | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |           | Ứng dụng CNTT | Anh B     | X |  |  |  |
|     | XIII | TRẠM Y TẾ XÃ MUỜNG LÂM               |            |            |      |                |       |           |                |            |                      |           |               |           |   |  |  |  |
|     | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |      |                |       |           |                |            |                      |           |               |           |   |  |  |  |
| 126 | 1.1  | Quảng Thị Liêm                       |            | 13/7/1983  | Thái | Trưởng trạm    | 12/12 | Đại học   | Bác sỹ ĐK      | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III      | Trung cấp | Ứng dụng CNTT | Anh Bậc 3 | X |  |  |  |
| 127 | 1.2  | Lò Văn Thúc                          | 20/11/1976 |            | Thái | P.Trưởng trạm  | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |           | Ứng dụng CNTT | Anh B     | X |  |  |  |
|     | 2    | Viên chức chuyên môn                 |            |            |      |                |       |           |                |            |                      |           |               |           |   |  |  |  |
| 128 | 2.1  | Hà Văn Hải                           | 10/11/1989 |            | Thái | Y tế công cộng | 12/12 | Cử nhân   | Y tế công cộng | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |           | B             | Anh B     | X |  |  |  |
| 129 | 2.2  | Lò Văn Tích                          | 03/9/1972  |            | Thái | Điều dưỡng     | 12/12 | Cử nhân   | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV   |           | B             | Anh B     | X |  |  |  |
| 130 | 2.3  | Lường Thị Úc                         |            | 17/7/1983  | Thái | Điều dưỡng     | 12/12 | Cử nhân   | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV   |           | Ứng dụng CNTT | Anh Bậc 3 | X |  |  |  |
| 131 | 2.4  | Bạc Thị Hồng                         |            | 28/2/1986  | Thái | Dân số viên    | 12/12 | Cao đẳng  | Dược           | V.08.10.29 | Dân số viên hạng IV  |           | Ứng dụng CNTT | Anh Bậc 3 |   |  |  |  |
| 132 | 2.5  | Vì Thị Nguyên                        |            | 17/11/1995 | Thái | Hộ sinh        | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh        | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng IV      |           |               |           |   |  |  |  |
|     | XIV  | TRẠM Y TẾ XÃ CHIỀNG EN               |            |            |      |                |       |           |                |            |                      |           |               |           |   |  |  |  |
|     | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |      |                |       |           |                |            |                      |           |               |           |   |  |  |  |
| 133 | 1.1  | Lường Văn Niên                       | 18/5/1968  |            | Thái | Trưởng trạm    | 12/12 | Đại học   | Bác sỹ ĐK      | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III      | Trung cấp | Ứng dụng CNTT | Anh B     | X |  |  |  |

|     |            |                                             |            |            |      |                  |       |           |                   |            |                            |           |                    |           |   |  |  |  |
|-----|------------|---------------------------------------------|------------|------------|------|------------------|-------|-----------|-------------------|------------|----------------------------|-----------|--------------------|-----------|---|--|--|--|
| 134 | 1.2        | Hoàng Văn Hoi                               | 29/12/1963 |            | Thái | P.Trường<br>trạm | 7/10  | Trung cấp | Y sỹ ĐK           | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV               |           | Ứng dụng<br>CNTTCB | Anh B     | X |  |  |  |
|     | 2          | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |      |                  |       |           |                   |            |                            |           |                    |           |   |  |  |  |
| 135 | 2.1        | Lò Văn Chất                                 | 01/11/1981 |            | Thái | Điều dưỡng       | 12/12 | Cử nhân   | CN Điều<br>dưỡng  | V.08.05.12 | Điều dưỡng<br>hạng III     |           | Ứng dụng<br>CNTTCB | Anh B     | X |  |  |  |
| 136 | 2.2        | Tòng Văn Tun                                | 21/12/1986 |            | Thái | Điều dưỡng       | 12/12 | Cử nhân   | Điều dưỡng        | V.08.05.13 | Điều dưỡng<br>hạng IV      |           | Ứng dụng<br>CNTTCB |           |   |  |  |  |
| 137 | 2.3        | Lò Văn Thiệu                                | 02/10/1975 |            | Thái | Y sỹ             | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ YHDT         | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV               |           | B                  | Anh B     | X |  |  |  |
| 138 | 2.4        | Quảng Thị Anh                               |            | 21/8/1985  | Thái | Hộ sinh          | 12/12 | Trung cấp | Hộ sinh           | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng<br>IV         |           | B                  | Anh B     | X |  |  |  |
| 139 | 2.5        | Cà Thị Nghị                                 |            | 02/02/1987 | Thái | Dân số viên      | 12/12 | Cử nhân   | Y tế công<br>cộng | V.08.10.28 | Dân số viên<br>hạng III    |           | Ứng dụng<br>CNTTCB | Anh B     |   |  |  |  |
|     | <b>XV</b>  | <b>TRẠM Y TẾ XÃ ĐÚA MÒN</b>                 |            |            |      |                  |       |           |                   |            |                            |           |                    |           |   |  |  |  |
|     | 1          | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |      |                  |       |           |                   |            |                            |           |                    |           |   |  |  |  |
| 140 | 1.1        | Cầm Văn Ổng                                 | 17/01/1983 |            | Thái | Trưởng trạm      | 12/12 | Đại học   | Bác sỹ ĐK         | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III            |           | B                  | Anh B     | X |  |  |  |
| 141 | 1.2        | Lò Văn Dũng                                 | 08/12/1969 |            | Thái | P.Trường<br>trạm | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ SN           | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV               |           | Ứng dụng<br>CNTTCB | Anh B     | X |  |  |  |
|     | 2          | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |      |                  |       |           |                   |            |                            |           |                    |           |   |  |  |  |
| 142 | 2.1        | Quảng Văn Dưỡng                             | 23/7/1976  |            | Thái | Điều dưỡng       | 12/12 | Cao đẳng  | Điều dưỡng        | V.08.05.13 | Điều dưỡng<br>hạng IV      |           | Ứng dụng<br>CNTTCB | Anh B     | X |  |  |  |
| 143 | 2.2        | Lường Văn                                   | 20/9/1975  |            | Thái | Điều dưỡng       | 12/12 | Cử nhân   | Điều dưỡng        | V.08.05.12 | Điều dưỡng<br>hạng III     |           | Ứng dụng<br>CNTTCB | Anh A2    | X |  |  |  |
| 144 | 2.3        | Tòng Thị Thủy                               |            | 08/7/1981  | Thái | Hộ sinh          | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh           | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng<br>IV         |           | A                  | Anh B     | X |  |  |  |
| 145 | 2.4        | Quảng Thị Niêm                              |            | 07/4/1993  | Thái | Y sỹ             | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ YHCT         | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV               |           | B                  | Anh B     |   |  |  |  |
| 146 | 2.5        | Quảng Văn Triều                             | 01/02/1992 |            | Thái | Dân số viên      | 12/12 | Cao đẳng  | Điều dưỡng        | V.08.10.29 | Dân số viên<br>hạng IV     |           | Ứng dụng<br>CNTTCB | Anh Bạc 2 |   |  |  |  |
|     | <b>XVI</b> | <b>TRẠM Y TẾ XÃ PÚ BẦU</b>                  |            |            |      |                  |       |           |                   |            |                            |           |                    |           |   |  |  |  |
|     | 1          | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |      |                  |       |           |                   |            |                            |           |                    |           |   |  |  |  |
| 147 | 1.1        | Thào Bà Sọ                                  | 14/6/1976  |            | Mông | Trưởng trạm      | 12/12 | Đại học   | Bác sỹ ĐK         | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III            | Trung cấp | Ứng dụng<br>CNTTCB | Anh B     | X |  |  |  |
| 148 | 1.2        | Lò Văn En                                   | 03/6/1987  |            | Thái | P.Trường<br>trạm | 12/12 | Cử nhân   | Y tế công<br>cộng | V.08.04.10 | Y tế công cộng<br>hạng III |           | Ứng dụng<br>CNTTCB | Anh A2    | X |  |  |  |

|     |              |                                             |            |            |      |               |       |           |                |            |                      |           |               |              |   |  |  |  |
|-----|--------------|---------------------------------------------|------------|------------|------|---------------|-------|-----------|----------------|------------|----------------------|-----------|---------------|--------------|---|--|--|--|
|     | 2            | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |      |               |       |           |                |            |                      |           |               |              |   |  |  |  |
| 149 | 2.1          | Giàng Thị Xay                               |            | 13/11/1989 | Mông | Hộ sinh       | 12/12 | Trung cấp | Hộ sinh        | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng IV      |           | A             | Anh B        | X |  |  |  |
| 150 | 2.2          | Lò Thị Thuý                                 |            | 25/7/2001  | Thái | Điều dưỡng    | 12/12 | Cao đẳng  | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV   |           | Ứng dụng CNTT | Anh A2       |   |  |  |  |
| 151 | 2.3          | Hà Kim Cương                                | 17/6/1994  |            | Thái | Dân số viên   | 12/12 | Cử nhân   | Y tế công cộng | V.08.10.29 | Dân số viên hạng IV  |           | Ứng dụng CNTT | Dân tộc Thái |   |  |  |  |
|     | <b>XVII</b>  | <b>TRẠM Y TẾ XÃ BÓ SINH</b>                 |            |            |      |               |       |           |                |            |                      |           |               |              |   |  |  |  |
|     | 1            | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |      |               |       |           |                |            |                      |           |               |              |   |  |  |  |
| 152 | 1.1          | Quảng Văn Tích                              | 06/9/1971  |            | Thái | Trưởng trạm   | 12/12 | Đại học   | Bác sỹ ĐK      | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III      |           | Ứng dụng CNTT | Anh B        | X |  |  |  |
| 153 | 1.2          | Tòng Văn Hồng                               | 21/12/1968 |            | Thái | P.Trưởng trạm | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |           | B             | Anh B        | X |  |  |  |
|     | 2            | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |      |               |       |           |                |            |                      |           |               |              |   |  |  |  |
| 154 | 2.1          | Hà Thị Thương                               |            | #####      | Thái | Điều dưỡng    | 12/12 | Cử nhân   | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV   |           | B             | Anh B        | X |  |  |  |
| 155 | 2.2          | Lường Văn Thương                            | 08/8/1979  |            | Thái | Điều dưỡng    | 12/12 | Cử nhân   | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV   |           | Ứng dụng CNTT | Anh Bậc 3    | X |  |  |  |
| 156 | 2.3          | Quảng Thị Bình                              |            | 22/2/1981  | Thái | Hộ sinh       | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh        | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng IV      |           | Ứng dụng CNTT | Anh B        | X |  |  |  |
| 157 | 2.4          | Vì Thị Phúc                                 |            | 22/9/1985  | Thái | Y sỹ          | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |           | Ứng dụng CNTT |              | X |  |  |  |
| 158 | 2.5          | Lò Văn Lả                                   | 02/01/1984 |            | Thái | Dân số viên   | 12/12 | Cử nhân   | Y tế công cộng | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III |           | Ứng dụng CNTT | Anh B        |   |  |  |  |
|     | <b>XVIII</b> | <b>TRẠM Y TẾ XÃ CHIỀNG PHUNG</b>            |            |            |      |               |       |           |                |            |                      |           |               |              |   |  |  |  |
|     | 1            | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |      |               |       |           |                |            |                      |           |               |              |   |  |  |  |
| 159 | 1.1          | Lường Văn Tuyết                             | 05/6/1970  |            | Thái | Trưởng trạm   | 12/12 | Đại học   | Bác sỹ ĐK      | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III      | Trung cấp | B             | Anh B        | X |  |  |  |
| 160 | 1.2          | Lường Văn Dũng                              | 03/11/1986 |            | Thái | P.Trưởng trạm | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ YHCT      | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |           | Ứng dụng CNTT | Tiếng Mông   | X |  |  |  |
|     | 2            | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |      |               |       |           |                |            |                      |           |               |              |   |  |  |  |
| 161 | 2.1          | Quảng Văn Sơn                               | 20/6/1972  |            | Thái | Điều dưỡng    | 12/12 | Cử nhân   | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV   |           |               | Anh Bậc 2    | X |  |  |  |
| 162 | 2.2          | Bạc Thị Vinh                                |            | 08/7/1974  | Thái | Hộ sinh       | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh        | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng IV      |           | Ứng dụng CNTT |              | X |  |  |  |

|     |            |                                             |            |            |      |                  |       |           |            |            |                        |  |                    |                 |   |  |  |  |
|-----|------------|---------------------------------------------|------------|------------|------|------------------|-------|-----------|------------|------------|------------------------|--|--------------------|-----------------|---|--|--|--|
| 163 | 2.3        | Lường Thị Chiêm                             |            | 30/8/1991  | Thái | Y sỹ             | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK    | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV           |  | Ứng dụng<br>CNTTCB | Anh B           | X |  |  |  |
| 164 | 2.4        | Lành Thị Dịu                                |            | 26/10/1989 | Thái | Y sỹ             | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK    | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV           |  | Ứng dụng<br>CNTTCB | Anh B           |   |  |  |  |
| 165 | 2.5        | Quảng Văn Hưng                              | 10/10/1974 |            | Thái | Dân số viên      | 12/12 | Trung cấp | Điều dưỡng | V.08.10.29 | Dân số viên<br>hạng IV |  | Ứng dụng<br>CNTTCB | Anh B           |   |  |  |  |
|     | <b>XIX</b> | <b>TRẠM Y TẾ XÃ NẬM TY</b>                  |            |            |      |                  |       |           |            |            |                        |  |                    |                 |   |  |  |  |
|     | <b>1</b>   | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |      |                  |       |           |            |            |                        |  |                    |                 |   |  |  |  |
| 166 | 1.1        | Hà Thị Sươi                                 |            | 27/10/1979 | Thái | Trưởng trạm      | 12/12 | Đại học   | Bác sỹ ĐK  | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III        |  | B                  | Anh B           | X |  |  |  |
| 167 | 1.2        | Lường Văn Dẫn                               | 05/10/1976 |            | Thái | P.Trưởng<br>trạm | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ SN    | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV           |  | A                  |                 | X |  |  |  |
|     | <b>2</b>   | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |      |                  |       |           |            |            |                        |  |                    |                 |   |  |  |  |
| 168 | 2.1        | Quảng Văn Khởi                              | 16/4/1994  |            | Thái | Y sỹ             | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK    | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV           |  | Ứng dụng<br>CNTTCB | Anh B           | X |  |  |  |
| 169 | 2.2        | Quảng Thị Kim                               |            | 28/5/1982  | Thái | Hộ sinh          | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh    | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng<br>IV     |  | Ứng dụng<br>CNTTCB | Dân tộc<br>Thái | X |  |  |  |
| 170 | 2.3        | Tòng Văn Dũng                               | 07/5/1981  |            | Thái | Điều dưỡng       | 12/12 | Cử nhân   | Điều dưỡng | V.08.05.13 | Điều dưỡng<br>hạng IV  |  |                    | Anh B           | X |  |  |  |
| 171 | 2.4        | Giảng Bà Tủa                                | 08/9/1980  |            | Mông | Điều dưỡng       | 12/12 | Cử nhân   | Điều dưỡng | V.08.05.13 | Điều dưỡng<br>hạng IV  |  | Ứng dụng<br>CNTTCB |                 | X |  |  |  |
| 172 | 2.5        | Lò Thị Phiệt                                |            | #####      | Thái | Y sỹ             | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK    | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV           |  | B                  | Anh B           |   |  |  |  |
| 173 | 2.6        | Quảng Văn Din                               | 15/1/1982  |            | Thái | Dân số viên      | 12/12 | Cao đẳng  | Dược       | V.08.10.29 | Dân số viên<br>hạng IV |  | B                  | Anh B           |   |  |  |  |



PHỤ LỤC I.9

Biểu thống kê hiện trạng nhân lực tại Trung tâm Y tế và Trạm Y tế xã thuộc Trung tâm Y tế huyện Mộc Châu  
(Kèm theo Đề án kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

| TT |     | Họ và tên                             | Ngày, tháng, năm sinh |            | Dân tộc | Chức vụ hoặc chức danh | Trình độ đào tạo và CDNN    |                             |                    |                          | Trình độ LLCT và Tin học, ngoại ngữ  |                            |                  | Các chứng chỉ/chứng nhận bồi dưỡng        |              |            | Ghi chú |                |
|----|-----|---------------------------------------|-----------------------|------------|---------|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------------|--------------------------|--------------------------------------|----------------------------|------------------|-------------------------------------------|--------------|------------|---------|----------------|
|    |     |                                       | Nam                   | Nữ         |         |                        | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ đào tạo            |                    | Mã chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp viên chức | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ/tiếng dân tộc thiểu số | CC Hành nghề | CC Quản lý |         | Bồi dưỡng QLNN |
|    |     |                                       |                       |            |         |                        |                             | Trình độ đào tạo (cao nhất) | Chuyên ngành       |                          |                                      |                            |                  |                                           |              |            |         |                |
|    | 1   | 2                                     | 3                     | 4          | 5       | 6                      | 7                           | 8                           | 9                  | 10                       | 11                                   | 12                         | 13               | 14                                        | 15           | 16         | 17      | 18             |
| A  |     | TRUNG TÂM Y TẾ MỘC CHÂU: 43 VIÊN CHỨC |                       |            |         |                        |                             |                             |                    |                          |                                      |                            |                  |                                           |              |            |         |                |
|    | I   | Lãnh đạo Trung tâm (GD, PGD)          |                       |            |         |                        |                             |                             |                    |                          |                                      |                            |                  |                                           |              |            |         |                |
| 1  | 1   | Khuất Thanh Bình                      | 03/09/1975            |            | Kinh    | Giám đốc               | 12/12                       | CKII                        | HSCC, quản lý y tế | V.08.01.02               | Hạng II                              | CC                         | UDCN TT CB       | B2                                        |              |            | CV      |                |
| 2  | 2   | Khuất Thị Thu Hương                   |                       | 25/09/1976 | Kinh    | P.giám đốc             | 12/12                       | CKI                         | Bác sĩ YHGĐ        | V.08.02.06               | Hạng III                             | TC                         | B                | C                                         |              |            | CV      |                |
| 3  | 3   | Nguyễn Văn Thuận                      | 20/09/1969            |            | Kinh    | P.giám đốc             | 10/10                       | CKI                         | YTCC               | V.08.04.10               | Hạng III                             | TC                         | B                | C                                         |              |            | CV      |                |
|    | II  | Các phòng chuyên môn/các khoa         |                       |            |         |                        |                             |                             |                    |                          |                                      |                            |                  |                                           |              |            |         |                |
|    | 1   | Phòng Hành chính - Tổng hợp           |                       |            |         |                        |                             |                             |                    |                          |                                      |                            |                  |                                           |              |            |         |                |
| 4  | 1.1 | Nguyễn T Hồng Nhung                   |                       | 29/08/1983 | Kinh    | Tr. Phòng              | 12/12                       | ĐH                          | YTCC               | V.08.04.10               | Hạng III                             | TC                         | B                | B                                         |              |            |         |                |
| 5  | 1.2 | Nguyễn Thị Thu Hương                  |                       | 11/06/1982 | Kinh    | Viên chức              | 12/12                       | ĐH                          | Kế toán            | 06.031                   | Hạng III                             | SC                         | B                | B                                         |              |            |         |                |
| 6  | 1.3 | Nguyễn Thị Bích Phượng                |                       | 07/07/1972 | Kinh    | Viên chức              | 12/12                       | TC                          | Kế toán            | 06.032                   | Hạng IV                              |                            | B                | B                                         |              |            |         |                |
|    | 2   | Khoa Khám bệnh - Xét nghiệm - Dược    |                       |            |         |                        |                             |                             |                    |                          |                                      |                            |                  |                                           |              |            |         |                |
| 7  | 2.1 | Nguyễn Ngọc Cường                     | 15/10/1985            |            | Kinh    | Viên chức              | 12/12                       | ĐH                          | Bác Sỹ             | V.08.02.06               | Hạng III                             |                            | B                | B                                         |              |            | CV      |                |
| 8  | 2.2 | Lường Thị Huân                        |                       | 02/10/1974 | Thái    | P. Trưởng khoa         | 12/12                       | ĐH                          | Bác Sỹ             | V.08.02.06               | Hạng III                             | TC                         | B                | B                                         |              |            | CV      |                |
| 9  | 2.3 | Hoàng Thị Thảo                        |                       | 16/07/1982 | Thái    | P. Trưởng khoa         | 12/12                       | ĐH                          | Bác Sỹ             | V.08.02.06               | Hạng III                             | TC                         | B                | B                                         |              |            | CV      |                |
| 10 | 2.4 | Nguyễn Thuỳ An                        |                       | 20/10/1992 | Kinh    | Viên chức              | 12/12                       | ĐH                          | Kỹ thuật viên Y    | V.08.07.19               | Hạng IV                              |                            | B                | B                                         |              |            |         |                |
| 11 | 2.5 | Nguyễn Thị Dạ Thảo                    |                       | 05/02/1994 | Kinh    | Viên chức              | 12/12                       | ĐH                          | Kỹ thuật viên Y    | V.08.07.19               | Hạng IV                              |                            | B                | B                                         |              |            |         |                |
| 12 | 2.6 | Nguyễn Thị Hương Lan                  |                       | 26/04/1980 | Kinh    | Viên chức              | 12/12                       | ĐH                          | Dược sỹ            | V.08.08.23               | Hạng IV                              |                            | A                | B                                         |              |            |         |                |

|    |          |                                                              |            |            |       |             |       |     |                |            |          |         |              |              |  |  |    |  |
|----|----------|--------------------------------------------------------------|------------|------------|-------|-------------|-------|-----|----------------|------------|----------|---------|--------------|--------------|--|--|----|--|
| 13 | 2.7      | Hà Thị Liên                                                  |            | 15/10/1972 | Thái  | Viên chức   | 12/12 | ĐH  | Bác Sỹ đa khoa | V.08.01.03 | Hạng III | TC      | B            | B            |  |  | CV |  |
| 14 | 2.8      | Hoàng Thị Hà                                                 |            | 10/01/1968 | Thái  | Viên chức   | 12/12 | TC  | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Hạng IV  |         | B            | B            |  |  |    |  |
| 15 | 2.9      | Đinh Thị Thom                                                |            | 24/03/1988 | Mường | Viên chức   | 12/12 | ĐH  | Dược sỹ        | V.08.08.23 | Hạng IV  |         | B            | B            |  |  |    |  |
| 16 | 2.10     | Đoàn Thị Thương                                              |            | 17/07/1983 | Kinh  | Viên chức   | 12/12 | ĐH  | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Hạng IV  | UDCNTTC |              | A2           |  |  |    |  |
| 17 | 2.11     | Lê Thanh Hưng                                                | 03/08/1986 |            | Kinh  | Viên chức   | 12/12 | CD  | Dược sỹ        | V.08.08.23 | Hạng IV  | UDCNTTC |              | B            |  |  |    |  |
| 18 | 2.12     | Vũ Hiền Hải                                                  |            | 13/08/1986 | Kinh  | Viên chức   | 12/12 | ĐH  | Điều dưỡng     | V.08.05.12 | Hạng III |         | A            | B            |  |  |    |  |
| 19 | 2.13     | Nguyễn Hồng Lan                                              |            | 23/02/1993 | Kinh  | Viên chức   | 12/12 | ĐH  | YTCC           | V.08.03.07 | Hạng IV  |         | B            | B            |  |  |    |  |
| 20 | 2.14     | Đỗ Đức Thái                                                  | 14/12/1990 |            | Kinh  | Viên chức   | 12/12 | TC  | Y Sĩ           | V.08.03.07 | Hạng IV  |         | B            | B            |  |  |    |  |
|    | <b>3</b> | <b>Khoa Truyền nhiễm - Kiểm soát bệnh tật &amp; HIV/AIDS</b> |            |            |       |             |       |     |                |            |          |         |              |              |  |  |    |  |
| 21 | 3.1      | Trương Chĩ Linh                                              | 11/08/1978 |            | Kinh  | Trưởng khoa | 12/12 | ĐH  | Bác Sỹ         | V.08.02.06 | Hạng III | TC      | B            | B            |  |  |    |  |
| 22 | 3.2      | Nguyễn Văn Long                                              | 04/08/1968 |            | Kinh  | Viên chức   | 12/12 | TC  | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Hạng IV  |         | B            | B            |  |  |    |  |
| 23 | 3.3      | Lò Thị Dung                                                  |            | 20/05/1987 | Thái  | Viên chức   | 12/12 | ĐH  | Y Sĩ           | V.08.03.07 | Hạng IV  |         | B            | B            |  |  |    |  |
| 24 | 3.4      | Nguyễn Lê Giang                                              | 17/12/1986 |            | Kinh  | Viên chức   | 12/12 | ĐH  | Bác Sỹ         | V.08.02.06 | Hạng III | TC      | B            | B            |  |  |    |  |
| 25 | 3.5      | Nguyễn Thị Mai Phương                                        |            | 24/05/1990 | Kinh  | Viên chức   | 12/12 | ĐH  | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Hạng IV  |         | B            | B            |  |  |    |  |
| 26 | 3.6      | Vũ Thị Hội                                                   |            | 30/07/1992 | Kinh  | Viên chức   | 12/12 | ĐH  | Điều dưỡng     | V.08.05.12 | Hạng III |         | UDCNTT<br>CB | A2           |  |  |    |  |
| 27 | 3.7      | Lê Thái Hoàng                                                | 14/04/1992 |            | Kinh  | Viên chức   | 12/12 | ĐH  | YTCC           | V.08.03.07 | Hạng IV  |         | B            | B            |  |  |    |  |
| 28 | 3.8      | Phạm Văn Tuấn                                                | 26/01/1993 |            | Kinh  | Viên chức   | 12/12 | ĐH  | YTCC           | V.08.03.07 | Hạng IV  |         | B            | B            |  |  |    |  |
|    | <b>4</b> | <b>Khoa Y tế công cộng - Dinh dưỡng &amp; ATTP</b>           |            |            |       |             |       |     |                |            |          |         |              |              |  |  |    |  |
| 29 | 4.1      | Nguyễn Văn Kha                                               | 07/12/1965 |            | Kinh  | Trưởng khoa | 12/12 | CKI | Bác Sỹ         | V.08.02.06 | Hạng III |         | B            | B            |  |  |    |  |
| 30 | 4.2      | Lê Thị Thu Yến                                               |            | 15/08/1982 | Kinh  | Viên chức   | 12/12 | ĐH  | YTCC           | V.08.04.10 | Hạng III | SC      | C            | UDCNTT<br>CB |  |  |    |  |
| 31 | 4.3      | Vương Thị Mỹ Ngân                                            |            | 15/01/1988 | Kinh  | Viên chức   | 12/12 | ĐH  | YTCC           | V.08.04.10 | Hạng III | TC      | B            | B            |  |  |    |  |
| 32 | 4.4      | Nguyễn Đình Phúc                                             | 02/02/1992 |            | Kinh  | Viên chức   | 12/12 | ĐH  | YTCC           | V.08.03.07 | Hạng IV  |         | B            | B            |  |  |    |  |
| 33 | 4.5      | Nguyễn Thị Hải                                               |            | 20/02/1989 | Kinh  | Viên chức   | 12/12 | ĐH  | Điều dưỡng     | V.08.05.12 | Hạng III | TC      | A2           | UDCNTT<br>CB |  |  |    |  |

|    |           |                                                   |            |            |       |                |       |    |               |            |          |    |              |            |  |  |  |  |
|----|-----------|---------------------------------------------------|------------|------------|-------|----------------|-------|----|---------------|------------|----------|----|--------------|------------|--|--|--|--|
| 34 | 4.6       | Vũ Ngọc Hoàng                                     | 13/04/1989 |            | Kinh  | Viên chức      | 12/12 | ĐH | YTCC          | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | B            | B          |  |  |  |  |
| 35 | 4.7       | Nguyễn Thị Diệu Thúy                              |            | 17/03/1991 | Kinh  | Viên chức      | 12/12 | CĐ | Kỹ thuật viên | V.05.02.08 | Hạng IV  | SC | B            | A          |  |  |  |  |
|    | <b>5</b>  | <b>Khoa Dân số - Truyền thông - Chăm sóc SKSS</b> |            |            |       |                |       |    |               |            |          |    |              |            |  |  |  |  |
| 36 | 5.1       | Nguyễn Thu Hường                                  |            | 15/05/1982 | Kinh  | P. Trưởng khoa | 12/12 | ĐH | Bác Sỹ        | V.08.02.06 | Hạng III | TC | B            | C          |  |  |  |  |
| 37 | 5.2       | Sa Thị Duyên                                      |            | 15/08/1990 | Thái  | Viên chức      | 12/12 | ĐH | YTCC          | V.08.10.29 | Hạng III |    | UDCNTT<br>CB | A2         |  |  |  |  |
| 38 | 5.3       | Nguyễn Thị Lý                                     |            | 27/12/1990 | Kinh  | Viên chức      | 12/12 | ĐH | YTCC          | V.08.10.29 | Hạng III |    | UDCNTT<br>CB | A2         |  |  |  |  |
| 39 | 5.4       | Nguyễn Văn Tùng                                   | 29/08/1991 |            | Kinh  | Viên chức      | 12/12 | ĐH | YTCC          | V.08.10.29 | Hạng III |    | UDCNTT<br>CB | A2         |  |  |  |  |
| 40 | 5.5       | Lường Thị Khuyên                                  |            | 30/09/1971 | Thái  | Viên chức      | 12/12 | TC | Y Sĩ          | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | B            | Tiếng Mông |  |  |  |  |
| 41 | 5.6       | Phạm Thị Bình                                     |            | 03/06/1981 | Kinh  | Viên chức      | 12/12 | ĐH | YTCC          | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | UDCNT<br>TCB | B          |  |  |  |  |
| 42 | 5.7       | Đỗ Thị Ánh Hồng                                   |            | 10/03/1991 | Kinh  | Viên chức      | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng    | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | B            | B          |  |  |  |  |
| 43 | 5.8       | Nguyễn Thị Ngân                                   |            | 26/04/1986 | Kinh  | Viên chức      | 12/12 | CĐ | Hộ Sinh       | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | B            | B          |  |  |  |  |
|    |           | <b>TRẠM Y TẾ XÃ, THỊ TRẤN: 105 VIÊN CHỨC</b>      |            |            |       |                |       |    |               |            |          |    |              |            |  |  |  |  |
|    | <b>I</b>  | <b>Trạm Y tế xã Quy Hướng</b>                     |            |            |       |                |       |    |               |            |          |    |              |            |  |  |  |  |
|    | <b>1</b>  | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b>       |            |            |       |                |       |    |               |            |          |    |              |            |  |  |  |  |
|    | <b>2</b>  | <b>Viên chức chuyên môn</b>                       |            |            |       |                |       |    |               |            |          |    |              |            |  |  |  |  |
| 44 | 2.1       | Hoàng Thị Bạch                                    |            | 27/12/1987 | Mường | Viên chức      | 12/12 | ĐH | Bác sĩ        | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | A2           | B          |  |  |  |  |
| 45 | 2.2       | Đinh Ước Vọng                                     | 27/04/1962 |            | Mường | Viên chức      | 12/12 | TC | Y sĩ          | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | A2           | UDCNTTCB   |  |  |  |  |
| 46 | 2.3       | Mùi Văn Thánh                                     | 21/01/1971 |            | Mường | Viên chức      | 10/10 | TC | Điều dưỡng    | V.08.10.29 | Hạng IV  |    | B            | B          |  |  |  |  |
| 47 | 2.4       | Bàn Văn Thương                                    | 15/09/1991 |            | Dao   | Viên chức      | 12/12 | TC | Y sĩ          | V.08.03.07 | Hạng IV  |    |              |            |  |  |  |  |
| 48 | 2.5       | Nguyễn Thế Hùng                                   | 10/06/1995 |            | Kinh  | Viên chức      | 12/12 | CĐ | Điều dưỡng    | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | A2           | UDCNTTCB   |  |  |  |  |
|    | <b>II</b> | <b>Trạm Y tế xã Nà Mường</b>                      |            |            |       |                |       |    |               |            |          |    |              |            |  |  |  |  |

|    |            |                                                    |            |            |       |           |       |     |              |            |          |    |    |         |  |  |  |  |
|----|------------|----------------------------------------------------|------------|------------|-------|-----------|-------|-----|--------------|------------|----------|----|----|---------|--|--|--|--|
|    | <b>1</b>   | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |            |       |           |       |     |              |            |          |    |    |         |  |  |  |  |
| 49 | 1.1        | Phạm Thành Nam                                     | 16/04/1977 |            | Kinh  | Tr. Trạm  | 12/12 | CKI | Bác sĩ       | V.08.01.03 | Hạng III | TC | B  | B       |  |  |  |  |
|    | <b>2</b>   | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |            |       |           |       |     |              |            |          |    |    |         |  |  |  |  |
| 50 | 2.1        | Đinh Thị Huệ                                       | 17/09/1974 |            | Mường | Viên chức | 12/12 | TC  | Hộ sinh      | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | B  | A       |  |  |  |  |
| 51 | 2.2        | Đinh Thị Thiên                                     | 19/09/1975 |            | Mường | Viên chức | 12/12 | ĐH  | Điều dưỡng   | V.08.05.13 | Hạng IV  | SC | B  | B       |  |  |  |  |
| 52 | 2.3        | Nguyễn Thị Quỳnh                                   | 19/10/1991 |            | Kinh  | Viên chức | 12/12 | ĐH  | Dược         | V.08.08.23 | Hạng IV  |    | B  | B       |  |  |  |  |
| 53 | 2.4        | Nguyễn Văn Việt                                    |            | 10/02/1987 | Kinh  | Viên chức | 12/12 | TC  | Y sĩ         | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | A2 | ĐCNTTCB |  |  |  |  |
| 54 | 2.5        | Vì Thị Tâm                                         | 11/02/1987 |            | Thái  | Viên chức | 12/12 | ĐH  | YTCC         | V.08.10.29 | Hạng IV  |    | B  | B       |  |  |  |  |
|    | <b>III</b> | <b>Trạm Y tế xã Tà Lại</b>                         |            |            |       |           |       |     |              |            |          |    |    |         |  |  |  |  |
|    | <b>1</b>   | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |            |       |           |       |     |              |            |          |    |    |         |  |  |  |  |
| 55 | 1.1        | Đặng Thanh Giang                                   |            | 07/02/1977 | Kinh  | Tr. Trạm  | 12/12 | CKI | Bác sĩ       | V.08.01.03 | Hạng III | TC | A  | B       |  |  |  |  |
| 56 | 1.2        | Hoàng Thị Nhung                                    | 12/03/1982 |            | Thái  | PTr. Trạm | 12/12 | CD  | Dược         | V.08.08.23 | Hạng IV  |    | B  | B       |  |  |  |  |
|    | <b>2</b>   | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |            |       |           |       |     |              |            |          |    |    |         |  |  |  |  |
| 57 | 2.1        | Đinh Thị Lan                                       | 14/11/1969 |            | Mường | Viên chức | 12/12 | TC  | Y sĩ sản nhi | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | B  | B       |  |  |  |  |
| 58 | 2.2        | Lại Việt Hoàng                                     |            | 20/08/1990 | Kinh  | Viên chức | 12/12 | ĐH  | Điều dưỡng   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | B  | B       |  |  |  |  |
| 59 | 2.3        | Hà Thị Hạnh                                        | 28/09/1987 |            | Thái  | Viên chức | 12/12 | ĐH  | Điều dưỡng   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | A2 | ĐCNTTCB |  |  |  |  |
| 60 | 2.4        | Đinh Thị Hồng Nhung                                | 30/10/2003 |            | Mường | Viên chức | 12/12 | CD  | Điều dưỡng   | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | A2 | ĐCNTTCB |  |  |  |  |
|    | <b>IV</b>  | <b>Trạm Y tế TT Mộc Châu</b>                       |            |            |       |           |       |     |              |            |          |    |    |         |  |  |  |  |
|    | <b>1</b>   | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |            |       |           |       |     |              |            |          |    |    |         |  |  |  |  |
| 61 | 1.1        | Lê Thị Thu Hà                                      |            | 29/03/1978 | Kinh  | Tr. Trạm  | 12/12 | ĐH  | Bác sĩ       | V.08.01.03 | Hạng III | TC | B  | B       |  |  |  |  |

|    |     |                                      |            |            |       |           |       |    |              |            |          |    |    |         |  |  |  |  |
|----|-----|--------------------------------------|------------|------------|-------|-----------|-------|----|--------------|------------|----------|----|----|---------|--|--|--|--|
| 62 | 1.2 | Nguyễn Thị Thu Hoa                   |            | 02/03/1980 | Kinh  | PTr. Trạm | 12/12 | ĐH | ng(CN Sản    | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | B  | B       |  |  |  |  |
|    | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |            |       |           |       |    |              |            |          |    |    |         |  |  |  |  |
| 63 | 2.1 | Lường Thị Thuỷ                       |            | 05/07/1988 | Thái  | Viên chức | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng   | V.08.05.12 | Hạng III |    | B  | B       |  |  |  |  |
| 64 | 2.2 | Hà Văn Huy                           | 16/12/1989 |            | Thái  | Viên chức | 12/12 | TC | Y sĩ         | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | B  | B       |  |  |  |  |
| 65 | 2.3 | Lường Thị Huế                        |            | 26/10/1982 | Thái  | Viên chức | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng   | V.08.05.12 | Hạng III |    | C  | B       |  |  |  |  |
| 66 | 2.4 | Nguyễn Thanh Trà                     |            | 30/10/1992 | Kinh  | Viên chức | 12/12 | TC | Y sĩ         | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | A2 | B       |  |  |  |  |
| 67 | 2.5 | Đinh Thị Châu Loan                   |            | 12/01/1975 | Mường | Viên chức | 12/12 | ĐH | Dược         | V.08.10.29 | Hạng IV  |    | B  | B       |  |  |  |  |
| 68 | 2.6 | Hà Thị Trâm                          |            | 10/07/1986 | Thái  | Viên chức | 12/12 | ĐH | Y sĩ         | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | A2 | B       |  |  |  |  |
| 69 | 2.7 | Mùi Thị Tiếp                         |            | 28/08/1999 | Mường | Viên chức | 12/12 | CĐ | Dược         | V.08.08.23 | Hạng IV  |    | A2 | ĐCNTTCB |  |  |  |  |
|    | V   | Trạm Y tế xã Tân lập                 |            |            |       |           |       |    |              |            |          |    |    |         |  |  |  |  |
|    | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |       |           |       |    |              |            |          |    |    |         |  |  |  |  |
| 70 | 1.1 | Vũ Thị Tuyết                         |            | 21/05/1975 | Kinh  | Tr. Trạm  | 12/12 | ĐH | Bác sĩ       | V.08.01.03 | hạng III | TC | C  | B       |  |  |  |  |
| 71 | 1.2 | Trần Thị Hường                       |            | 25/11/1970 | Kinh  | P.tr.trạm | 12/12 | TC | Y sĩ sản nhi | V.08.03.07 | Hạng IV  | SC | B  | B       |  |  |  |  |
|    | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |            |       |           |       |    |              |            |          |    |    |         |  |  |  |  |
| 72 | 2.1 | Lò Văn Đông                          | 08/04/1992 |            | Thái  | Viên chức | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng   | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | B  | B       |  |  |  |  |
| 73 | 2.2 | Nguyễn Thị Thùy                      |            | 22/9/1991  | Kinh  | Viên chức | 12/12 | ĐH | Bác sĩ       | V.08.01.03 | Hạng III |    | A2 | CIC3    |  |  |  |  |
| 74 | 2.3 | Đỗ Thị Thu Phương                    |            | 22/03/1987 | Kinh  | Viên chức | 12/12 | TC | Y sĩ         | V.08.03.07 | Hạng IV  | SC | A2 | B       |  |  |  |  |
| 75 | 2.4 | Vì Thị Ngà                           |            | 24/12/1986 | Thái  | Viên chức | 12/12 | TC | Hộ sinh      | V.08.10.29 | Hạng IV  | SC | B  | B       |  |  |  |  |
| 76 | 2.5 | Đinh Thị Thùy                        |            | 16/10/1990 | Mường | Viên chức | 12/12 | TC | Y sĩ         | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | A2 | ĐCNTTCB |  |  |  |  |
|    | VI  | Trạm Y tế xã Phiêng Luông            |            |            |       |           |       |    |              |            |          |    |    |         |  |  |  |  |

|    |             |                                                    |            |            |       |           |       |    |            |            |          |    |    |         |  |  |  |  |
|----|-------------|----------------------------------------------------|------------|------------|-------|-----------|-------|----|------------|------------|----------|----|----|---------|--|--|--|--|
|    | <b>1</b>    | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |            |       |           |       |    |            |            |          |    |    |         |  |  |  |  |
| 77 | 1.1         | Bàn Thị Hoa                                        |            | 25/10/1972 | Dao   | Tr. Trạm  | 12/12 | ĐH | Bác sĩ     | V.08.01.03 | Hạng III | TC | B  | B       |  |  |  |  |
| 78 | 1.2         | Nguyễn Thị Hường                                   |            | 16/01/1976 | Kinh  | P.tr.trạm | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | B  | B       |  |  |  |  |
|    | <b>2</b>    | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |            |       |           |       |    |            |            |          |    |    |         |  |  |  |  |
| 79 | 2.1         | Nguyễn T Thu Trang                                 |            | 20/04/1992 | Kinh  | Viên chức | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng | V.08.03.07 | Hạng III |    | B  | B       |  |  |  |  |
| 80 | 2.2         | Võ Thanh Bình                                      | 21/01/1973 |            | Kinh  | Viên chức | 12/12 | TC | Y Sĩ       | V.08.03.07 | Hạng III |    | C  | B       |  |  |  |  |
| 81 | 2.3         | Trần Thị Hạnh                                      |            | 23/04/1989 | Kinh  | Viên chức | 12/12 | CD | Điều dưỡng | V.08.05.13 | Hạng III |    | A  | ĐCNTTCB |  |  |  |  |
| 82 | 2.4         | Mùi Thị Nhị                                        |            | 29/01/1990 | Mường | Viên chức | 12/12 | TC | Y sĩ       | V.08.03.07 | Hạng III |    | A2 | ĐCNTTCB |  |  |  |  |
| 83 | 2.5         | Đinh Thị Anh                                       |            | 05/02/1984 | Mường | Viên chức | 12/12 | TC | Dược       | V.08.10.29 | Hạng III |    | B  | B       |  |  |  |  |
|    | <b>VII</b>  | <b>Trạm Y tế xã Đông Sang</b>                      |            |            |       |           |       |    |            |            |          |    |    |         |  |  |  |  |
|    | <b>1</b>    | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |            |       |           |       |    |            |            |          |    |    |         |  |  |  |  |
| 84 | 1.1         | Nguyễn Quốc Sơn                                    | 06/01/1981 |            | Kinh  | Tr. Trạm  | 12/12 | ĐH | Bác sĩ     | V.08.01.03 | Hạng III | TC | B  | B       |  |  |  |  |
| 85 | 1.2         | Đỗ Tài Tuấn                                        | 08/10/1984 |            | Kinh  | P.tr.trạm | 12/12 | ĐH | Dược       | V.08.08.23 | Hạng IV  | TC | B  | B       |  |  |  |  |
|    | <b>2</b>    | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |            |       |           |       |    |            |            |          |    |    |         |  |  |  |  |
| 86 | 2.1         | Nguyễn Thị Hải Yến                                 |            | 29/06/1980 | Kinh  | Viên chức | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng | V.08.05.13 | Hạng IV  | SC | A2 | ĐCNTTCB |  |  |  |  |
| 87 | 2.2         | Trần Thị Tuyền                                     |            | 19/10/1979 | Kinh  | Viên chức | 12/12 | TC | Hộ sinh    | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | B  | B       |  |  |  |  |
| 88 | 2.3         | Hoàng Thị Huệ                                      |            | 03/03/1985 | Kinh  | Viên chức | 12/12 | TC | Y sĩ       | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | B  | B       |  |  |  |  |
| 89 | 2.4         | Vũ Thị Hồng Hạnh                                   |            | 10/04/1986 | Kinh  | Viên chức | 12/12 | TC | Y sĩ       | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | B  | A       |  |  |  |  |
| 90 | 2.5         | Vì Thị Diệp                                        |            | 03/10/1988 | Thái  | Viên chức | 12/12 | TC | Hộ sinh    | V.08.10.29 | Hạng IV  |    | B  | B       |  |  |  |  |
|    | <b>VIII</b> | <b>Trạm Y tế xã Hua Păng</b>                       |            |            |       |           |       |    |            |            |          |    |    |         |  |  |  |  |

|     |     |                                      |            |            |       |           |       |    |                       |            |          |    |    |          |  |  |  |
|-----|-----|--------------------------------------|------------|------------|-------|-----------|-------|----|-----------------------|------------|----------|----|----|----------|--|--|--|
|     | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |       |           |       |    |                       |            |          |    |    |          |  |  |  |
| 91  | 1.1 | Hà Thị Mai                           |            | 04/07/1978 | Thái  | Tr. Trạm  | 12/12 | ĐH | Bác sĩ                | V.08.01.03 | Hạng III | SC | B  | ĐCNTTCB  |  |  |  |
| 92  | 1.2 | Hoàng Ánh Tuyết                      |            | 10/10/1979 | Mường | P.tr.trạm | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng            | V.08.03.07 | Hạng IV  | SC | B  | B        |  |  |  |
|     | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |            |       |           |       |    |                       |            |          |    |    |          |  |  |  |
| 93  | 2.1 | Lường Thị Huyền                      |            | 27/03/1980 | Thái  | Viên chức | 12/12 | CĐ | Hộ sinh               | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | B  | B        |  |  |  |
| 94  | 2.2 | Vì Văn Tuấn                          | 11/06/1987 |            | Thái  | Viên chức | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng            | V.08.03.07 | Hạng IV  | SC | B  | B        |  |  |  |
| 95  | 2.3 | Phan Thị Hạnh                        |            | 10/6/1999  | Kinh  | Viên chức | 12/12 | CĐ | Dược                  | V.08.08.23 | Hạng IV  |    | A2 | UDCNTTCB |  |  |  |
| 96  | 2.4 | Nguyễn Thị Hương Thảo                |            | 13/10/2002 | Kinh  | Viên chức | 12/12 | CĐ | Điều dưỡng            | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | A2 | UDCNTTCB |  |  |  |
| 97  | 2.5 | Bàn Văn Vinh                         | 06/06/1986 |            | Dao   | Viên chức | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng            | V.08.10.29 | Hạng IV  | SC | B  | B        |  |  |  |
|     | IX  | Trạm Y tế TT Nông trường             |            |            |       |           |       |    |                       |            |          |    |    |          |  |  |  |
|     | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |       |           |       |    |                       |            |          |    |    |          |  |  |  |
| 98  | 1.1 | Nguyễn Thị Thu Hương                 |            | 08/03/1980 | Kinh  | Tr. Trạm  | 12/12 | ĐH | Bác sĩ                | V.08.01.03 | Hạng III | TC | B  | B        |  |  |  |
| 99  | 1.2 | Vũ Văn Vần                           | 16/12/1975 |            | Kinh  | P.tr.trạm | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng            | V.08.05.12 | Hạng III | SC | B  | A        |  |  |  |
|     | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |            |       |           |       |    |                       |            |          |    |    |          |  |  |  |
| 100 | 2.1 | Hồ Thị Thuỷ                          |            | 22/08/1968 | Kinh  | Viên chức | 12/12 | TC | Dược                  | V.08.08.23 | Hạng IV  | SC | B  | B        |  |  |  |
| 101 | 2.2 | Lê Vũ Anh Thơ                        |            | 11/04/1984 | Kinh  | Viên chức | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng(CN Sản nhi | V.08.06.16 | Hạng IV  | SC | B  | B        |  |  |  |
| 102 | 2.3 | Nguyễn Thị Nguyệt                    |            | 10/05/1974 | Kinh  | Viên chức | 12/12 | ĐH | Y sĩ sản nhi          | V.08.03.07 | Hạng IV  | SC | B  | B        |  |  |  |
| 103 | 2.4 | Nguyễn Ngọc Từ                       | 03/10/1992 |            | Kinh  | Viên chức | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng            | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | B  | B        |  |  |  |
| 104 | 2.5 | Phạm Thị Thao                        |            | 17/02/1987 | Kinh  | Viên chức | 12/12 | TC | Y sĩ                  | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | A2 | ĐCNTTCB  |  |  |  |
| 105 | 2.6 | Phan Thị Bích Thuỷ                   |            | 22/06/1986 | Kinh  | Viên chức | 12/12 | TC | Y sĩ                  | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | A2 | ĐCNTTCB  |  |  |  |

|     |           |                                             |            |            |       |           |       |    |              |            |          |    |    |          |  |  |  |  |
|-----|-----------|---------------------------------------------|------------|------------|-------|-----------|-------|----|--------------|------------|----------|----|----|----------|--|--|--|--|
| 106 | 2.7       | Nguyễn Thị Nhung                            |            | 28/01/1989 | Kinh  | Viên chức | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng   | V.08.05.12 | Hạng III |    | B  | B        |  |  |  |  |
|     | <b>X</b>  | <b>Trạm Y tế xã Tân Hợp</b>                 |            |            |       |           |       |    |              |            |          |    |    |          |  |  |  |  |
|     | <b>1</b>  | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |       |           |       |    |              |            |          |    |    |          |  |  |  |  |
| 107 | 1.1       | Lê Xuân Thạch                               | 13/01/1972 |            | Kinh  | Tr. Trạm  | 12/12 | ĐH | Bác sĩ       | V.08.01.03 | Hạng III | TC | B  | B        |  |  |  |  |
| 108 | 1.2       | Mùi Văn Thơm                                | 19/10/1972 |            | Mường | P.tr.trạm | 12/12 | TC | Y sĩ sản nhi | V.08.03.07 | Hạng IV  | SC | B  | B        |  |  |  |  |
|     | <b>2</b>  | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |       |           |       |    |              |            |          |    |    |          |  |  |  |  |
| 109 | 2.1       | Đỗ Thị Thanh                                |            | 25/07/1985 | Kinh  | Viên chức | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng   | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | B  | B        |  |  |  |  |
| 110 | 2.2       | Đinh Thị Thái                               |            | 10/12/1988 | Mường | Viên chức | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng   | V.08.03.07 | Hạng IV  | SC | B  | A        |  |  |  |  |
| 111 | 2.3       | Mùi Văn Đức                                 | 10/05/1985 |            | Mường | Viên chức | 12/12 | TC | Y sĩ         | V.08.03.07 | Hạng IV  | SC | A2 | UDCNTTCB |  |  |  |  |
| 112 | 2.4       | Đinh Văn Thủy                               | 10/10/1990 |            | Mường | Viên chức | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | B  | B        |  |  |  |  |
| 113 | 2.5       | Mùi Thị Hà                                  |            | 29/08/1986 | Mường | Viên chức | 12/12 | TC | Hộ sinh      | V.08.10.29 | Hạng IV  | SC | B  | B        |  |  |  |  |
|     | <b>XI</b> | <b>Trạm Y tế xã Chiềng Hắc</b>              |            |            |       |           |       |    |              |            |          |    |    |          |  |  |  |  |
|     | <b>1</b>  | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |       |           |       |    |              |            |          |    |    |          |  |  |  |  |
| 114 | 1.1       | Trần Minh Khanh                             | 05/01/1977 |            | Kinh  | Tr. Trạm  | 12/12 | ĐH | Bác sĩ       | V.08.01.03 | Hạng III | TC | B  | B        |  |  |  |  |
| 115 | 1.2       | Lường Văn Long                              | 07/09/1979 |            | Thái  | P.tr.trạm | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | B  | B        |  |  |  |  |
|     | <b>2</b>  | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |       |           |       |    |              |            |          |    |    |          |  |  |  |  |
| 116 | 2.1       | Mùi Minh Đạt                                | 28/01/1991 |            | Mường | Viên chức | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng   | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | B  | DCNTTCB  |  |  |  |  |
| 117 | 2.2       | Lò Thị Nga                                  |            | 09/05/1989 | Thái  | Viên chức | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | B  | DCNTTCB  |  |  |  |  |
| 118 | 2.3       | Hà Thị Mai                                  |            | 17/03/1988 | Thái  | Viên chức | 12/12 | ĐH | Hộ sinh      | V.08.06.15 | Hạng IV  |    | B  | B        |  |  |  |  |
| 119 | 2.4       | Hoàng Thị Thu Huyền                         |            | 14/03/1992 | Thái  | Viên chức | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng   | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | A2 | DCNTTCB  |  |  |  |  |



|     |             |                                             |            |            |         |           |       |    |              |            |          |    |    |         |  |  |  |
|-----|-------------|---------------------------------------------|------------|------------|---------|-----------|-------|----|--------------|------------|----------|----|----|---------|--|--|--|
| 120 | 2.5         | Dương Thị Hạnh                              |            | 10/10/1987 | Kinh    | Viên chức | 12/12 | ĐH | YTCC         | V.08.10.29 | Hạng III | SC | A2 | ĐCNTTCB |  |  |  |
| 121 | 2.6         | Dừ Thị Xuân                                 |            | 20/05/2000 | H' Mông | Viên chức | 12/12 | CĐ | Dược         | V.08.08.23 | Hạng IV  |    |    |         |  |  |  |
|     | <b>XII</b>  | <b>Trạm Y tế xã Mường Sang</b>              |            |            |         |           |       |    |              |            |          |    |    |         |  |  |  |
|     | <b>1</b>    | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |         |           |       |    |              |            |          |    |    |         |  |  |  |
| 122 | 1.1         | Trịnh Thị Ngọc Tuyền                        |            | 07/02/1981 | Kinh    | P.tr.trạm | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng   | V.08.05.12 | Hạng III | SC | B  | B       |  |  |  |
|     | <b>2</b>    | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |         |           |       |    |              |            |          |    |    |         |  |  |  |
| 123 | 2.1         | Trần Thị Lan                                |            | 19/10/1974 | Kinh    | Viên chức | 12/12 | ĐH | Bác sĩ       | V.08.01.03 | Hạng III | SC | B  | C       |  |  |  |
| 124 | 2.2         | Hoàng Phương Châm                           |            | 24/08/1987 | Thái    | Viên chức | 12/12 | CĐ | Dược         | V.08.08.23 | Hạng IV  |    | B  | B       |  |  |  |
| 125 | 2.3         | Nguyễn Thị Phương                           |            | 01/04/1969 | Kinh    | Viên chức | 12/12 | TC | Y sĩ sản nhi | V.08.03.07 | Hạng IV  | SC | B  | B       |  |  |  |
| 126 | 2.4         | Bùi Thị Hải Vân                             |            | 06/05/1992 | Kinh    | Viên chức | 12/12 | TC | Y sĩ         | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | A2 | ĐCNTTCB |  |  |  |
| 127 | 2.5         | Nguyễn Thị Thu                              |            | 19/09/1997 | Kinh    | Viên chức | 12/12 | ĐH | YTCC         | V.08.10.29 | Hạng IV  |    | B1 | ĐCNTTCB |  |  |  |
|     | <b>XIII</b> | <b>Trạm Y tế xã Lóng Sập</b>                |            |            |         |           |       |    |              |            |          |    |    |         |  |  |  |
|     | <b>1</b>    | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |         |           |       |    |              |            |          |    |    |         |  |  |  |
| 128 | 1.1         | Hoàng Thị An                                |            | 28/12/1983 | Thái    | Tr. Trạm  | 12/12 | ĐH | Bác sĩ       | V.08.01.03 | Hạng III | TC | B  | B       |  |  |  |
| 129 | 1.2         | Trần Thị Liên                               |            | 24/03/1979 | Kinh    | P.tr.trạm | 12/12 | ĐH | Dược         | V.08.08.23 | Hạng IV  | SC | B  | B       |  |  |  |
|     | <b>2</b>    | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |         |           |       |    |              |            |          |    |    |         |  |  |  |
| 130 | 2.1         | Vì Văn Khuyến                               | 06/04/1972 |            | Thái    | Viên chức | 12/12 | TC | Y sĩ sản nhi | V.08.03.07 | Hạng IV  | SC | B  | B       |  |  |  |
| 131 | 2.2         | Lường Thị Hiền                              |            | 05/09/1982 | Thái    | Viên chức | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng   | V.08.03.07 | Hạng IV  | SC | B  | B       |  |  |  |
| 132 | 2.3         | Lương Thanh Tùng                            | 27/10/1991 |            | Kinh    | Viên chức | 12/12 | TC | Y sĩ         | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | B  | B       |  |  |  |
| 133 | 2.4         | Lê Việt Anh                                 | 20/06/1991 |            | Kinh    | Viên chức | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng   | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | B  | ĐCNTTCB |  |  |  |

|     |            |                                             |            |            |      |           |       |    |            |            |          |    |    |          |  |  |  |  |
|-----|------------|---------------------------------------------|------------|------------|------|-----------|-------|----|------------|------------|----------|----|----|----------|--|--|--|--|
| 134 | 2.5        | Hoàng Thị Tuấn                              |            | 16/05/1985 | Thái | Viên chức | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng | V.08.10.29 | Hạng IV  |    | B  | B        |  |  |  |  |
|     | <b>XIV</b> | <b>Trạm Y tế xã Chiềng Khừa</b>             |            |            |      |           |       |    |            |            |          |    |    |          |  |  |  |  |
|     | <b>1</b>   | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |      |           |       |    |            |            |          |    |    |          |  |  |  |  |
| 135 | 1.1        | Lại Thị Thu Huyền                           |            | 30/11/1972 | Kinh | Tr. Trạm  | 12/12 | ĐH | Bác sĩ     | V.08.01.03 | Hạng III | TC | B  | B        |  |  |  |  |
| 136 | 1.2        | Hà Thị Uôn                                  |            | 09/10/1988 | Thái | P.tr.trạm | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | B  | B        |  |  |  |  |
|     | <b>2</b>   | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |      |           |       |    |            |            |          |    |    |          |  |  |  |  |
| 137 | 2.1        | Nguyễn Ngọc Thanh                           | 26/11/1972 |            | Kinh | Viên chức | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng | V.08.03.07 | Hạng IV  | TC | B  | B        |  |  |  |  |
| 138 | 2.2        | Nguyễn Duy Hùng                             | 16/04/1981 |            | Kinh | Viên chức | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | B  | B        |  |  |  |  |
| 139 | 2.3        | Đặng Đình Huy                               | 9/9/1994   |            | Kinh | Viên chức | 12/12 | TC | Y sĩ       | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | A2 | UDCNTTCB |  |  |  |  |
| 140 | 2.4        | Lường Thị Thay                              |            | 20/10/1987 | Thái | Viên chức | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng | V.08.10.29 | Hạng IV  |    | B  | B        |  |  |  |  |
|     | <b>XV</b>  | <b>Trạm Y tế xã Chiềng Sơn</b>              |            |            |      |           |       |    |            |            |          |    |    |          |  |  |  |  |
|     | <b>1</b>   | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |      |           |       |    |            |            |          |    |    |          |  |  |  |  |
| 141 | 1.1        | Trần Thị Vân                                |            | 05/03/1971 | kinh | Tr. Trạm  | 12/12 | ĐH | Bác sĩ     | V.08.01.03 | Hạng III | SC | B  | B        |  |  |  |  |
| 142 | 1.2        | Nguyễn Thị Hồng Nhung                       |            | 24/10/1986 | Kinh | P.tr.trạm | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng | V.08.05.12 | Hạng III | SC | A2 | UDCNTTCB |  |  |  |  |
|     | <b>2</b>   | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |      |           |       |    |            |            |          |    |    |          |  |  |  |  |
| 143 | 2.1        | Tường Văn Hải                               | 21/10/1987 |            | Kinh | Viên chức | 12/12 | TC | Y Sĩ       | V.08.03.07 | Hạng IV  | TC | B  | UDCNTTCB |  |  |  |  |
| 144 | 2.2        | Phạm Thị Ngọc Hà                            |            | 06/01/1988 | Kinh | Viên chức | 12/12 | TC | Y sĩ       | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | A2 | UDCNTTCB |  |  |  |  |
| 145 | 2.3        | Lường Thị Bích                              |            | 10/12/1984 | Thái | Viên chức | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | A2 | B        |  |  |  |  |
| 146 | 2.4        | Phạm Minh Tuyên                             |            | 24/10/1981 | Kinh | Viên chức | 12/12 | ĐH | Điều dưỡng | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | B  | B        |  |  |  |  |
| 147 | 2.5        | Đỗ Thị Mai Huệ                              |            | 25/12/1995 | Kinh | Viên chức | 12/12 | CD | Dược       | V.08.08.23 | Hạng IV  |    | A2 | UDCNTTCB |  |  |  |  |

|     |     |             |            |  |      |           |       |    |      |            |          |  |    |          |  |  |  |  |
|-----|-----|-------------|------------|--|------|-----------|-------|----|------|------------|----------|--|----|----------|--|--|--|--|
| 148 | 2.6 | Cầm Văn Mai | 03/01/1986 |  | Thái | Viên chức | 12/12 | ĐH | YTCC | V.08.10.29 | Hạng III |  | A2 | UDCNTTCB |  |  |  |  |
|-----|-----|-------------|------------|--|------|-----------|-------|----|------|------------|----------|--|----|----------|--|--|--|--|

PHỤ LỤC I.8

**Biểu thống kê hiện trạng nhân lực tại Trung tâm Y tế và Trạm Y tế xã thuộc Trung tâm Y tế huyện Sốp Cộp**  
(Kèm theo Đề án kèm theo Quyết định số \_\_\_\_\_/QĐ-UBND ngày \_\_\_\_\_/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

| TT |     | Họ và tên                                  | Ngày, tháng, năm sinh |            | Dân tộc | Chức vụ hoặc chức danh | Trình độ đào tạo và CDNN    |                             |                 |                          |                                      | Trình độ LLCT và Tin học, ngoại ngữ |                      |                                           | Các chứng chỉ/chứng nhận bồi dưỡng |            |                | Ghi chú |
|----|-----|--------------------------------------------|-----------------------|------------|---------|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------|--------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------|------------------------------------|------------|----------------|---------|
|    |     |                                            | Nam                   | Nữ         |         |                        | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ đào tạo            |                 | Mã chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp viên chức | Trình độ lý luận chính trị          | Trình độ Tin học     | Trình độ ngoại ngữ/tiếng dân tộc thiểu số | CC Hành nghề                       | CC Quản lý | Bồi dưỡng QLNN |         |
|    |     |                                            |                       |            |         |                        |                             | Trình độ đào tạo (cao nhất) | Chuyên ngành    |                          |                                      |                                     |                      |                                           |                                    |            |                |         |
|    | 1   | 2                                          | 3                     | 4          | 5       | 6                      | 7                           | 8                           | 9               | 10                       | 11                                   | 12                                  | 13                   | 14                                        | 15                                 | 16         | 17             | 18      |
| A  |     | TRUNG TÂM Y TẾ: HUYỆN SÓP CỘP 33 VIÊN CHỨC |                       |            |         |                        |                             |                             |                 |                          |                                      |                                     |                      |                                           |                                    |            |                |         |
|    | I   | Lãnh đạo Trung tâm (GD, PGD)               |                       |            |         |                        |                             |                             |                 |                          |                                      |                                     |                      |                                           |                                    |            |                |         |
| 1  | 1   | Lường Văn Xuân                             | 25/05/1971            |            | Thái    | Giám đốc               | 12/12                       |                             | CKI sản         | V.08.02.06               | Hạng III                             | Cao cấp                             | UD TTCB              | Mông                                      | KCB                                |            | CC quản lý BV  |         |
| 2  | 2   | Tòng Văn Châm                              | 14/07/1973            |            | Thái    | Phó giám đốc           | 12/12                       |                             | CKI YTCC        | V.08.02.06               | Hạng III                             | Cao cấp                             | B                    | Mông                                      | KCB                                |            | CC quản lý cấp |         |
| 3  | 3   | Hà Thương Huyền                            |                       | 18/04/1985 | Lào     | Phó giám đốc           | 12/12                       |                             | Bác sĩ          | V.08.02.06               | Hạng III                             | Cao cấp                             | UD TTCB              | Tiếng Anh B                               |                                    |            | CC quản lý cấp |         |
|    | II  | Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ            |                       |            |         |                        |                             |                             |                 |                          |                                      |                                     |                      |                                           |                                    |            |                |         |
|    | 1   | Phòng Hành chính - Tổng hợp                |                       |            |         |                        |                             |                             |                 |                          |                                      |                                     |                      |                                           |                                    |            |                |         |
| 4  | 1.1 | Lò Thị Thanh                               |                       | 04/09/1986 | Thái    | Trưởng phòng           | 12/12                       |                             | CNQLNN          | V.08.10.28               | Hạng III                             | Trung cấp                           | UD TTCB              | Mông                                      |                                    |            | CC quản lý cấp |         |
| 5  | 1.2 | Lường Thị Thanh                            |                       | 22/02/1990 | Thái    | P.Trưởng phòng         | 12/12                       |                             | Bác sĩ          | V.08.01.03               | Hạng III                             | Sơ cấp                              | UD TTCB              | Mông                                      | KCB                                |            |                |         |
| 6  | 1.3 | Phạm Thanh Tuyền                           | 15/3/1985             |            | Kinh    | Nhân viên              | 12/12                       |                             | CN Điều dưỡng   | V.08.05.13               | Hạng IV                              | Trung cấp                           | UD TTCB              | Thái                                      | Điều dưỡng                         |            |                |         |
| 7  | 1.4 | Vì Thị Hiệu                                |                       | 02/07/1993 | Thái    | Nhân viên              | 12/12                       |                             | Y sỹ đa khoa    | V.08.03.07               | Hạng IV                              | Sơ cấp                              | UD TTCB              |                                           | KCB                                |            |                |         |
| 8  | 1.5 | Lò Thị Xuyến                               |                       | 05/05/1978 | Thái    | Kế toán trưởng         | 12/12                       |                             | Cử nhân kế toán | 06031                    | Hạng III                             | Sơ cấp                              | CC Tin học Văn phòng | Tiếng Anh B                               |                                    |            |                |         |
| 9  | 1.6 | Tòng Văn Khánh                             | 16/06/1986            |            | Thái    | Nhân viên              | 12/12                       |                             | Cử nhân kế toán | 06031                    | Hạng III                             | Trung cấp                           | UD TTCB              | Thái                                      |                                    |            |                |         |

|    |     |                                                              |            |            |       |             |       |  |                      |             |          |           |                |               |      |  |  |  |
|----|-----|--------------------------------------------------------------|------------|------------|-------|-------------|-------|--|----------------------|-------------|----------|-----------|----------------|---------------|------|--|--|--|
| 10 | 1.7 | Lò Thị Thu                                                   |            | 10/05/1983 | Thái  | Nhân viên   | 12/12 |  | Trung cấp CNTT       | V.01.005    | Hạng IV  | Sơ cấp    | Trung cấp CNTT | Mông          |      |  |  |  |
|    | 2   | <b>Khoa Khám bệnh - Xét nghiệm - Dược</b>                    |            |            |       |             |       |  |                      |             |          |           |                |               |      |  |  |  |
| 11 | 2.1 | Vương Văn Hiếu                                               | 10/07/1982 |            | Kinh  | Trưởng khoa | 12/12 |  | Bác sĩ               | V.08.01.03  | Hạng III | Trung cấp | Tin học cơ bản | Tiếng anh B   |      |  |  |  |
| 12 | 2.2 | Vì Văn Thụ                                                   | 10/05/1980 |            | Thái  | Nhân viên   | 12/12 |  | Bác sĩ               | V.08.01.03  | Hạng III | Sơ cấp    | UD TTCB        | Mông          |      |  |  |  |
| 13 | 2.3 | Tòng Thị Hoa                                                 |            | 06/02/1978 | Thái  | Nhân viên   | 12/12 |  | Dược sĩ CD           | V.08.08.23  | Hạng IV  | Sơ Cấp    | UD TTCB        |               | Dược |  |  |  |
| 14 | 2.4 | Hà Việt Hùng                                                 | 02/10/1990 |            | Kinh  | Nhân viên   | 12/12 |  | Dược Sĩ Đại Học      | V.08.08.23  | Hạng IV  | Sơ Cấp    | Tin Học B      | Tiếng Anh B   |      |  |  |  |
| 15 | 2.5 | Tòng Văn Nam                                                 | 16/11/1986 |            | Thái  | Nhân viên   | 12/12 |  | KTVXN                | V.08.07.18  | Hạng III | Sơ cấp    | Tin Học B      | Mông          |      |  |  |  |
| 16 | 2.6 | Lò Văn Ánh                                                   | 17/01/1989 |            | Thái  | Nhân viên   | 12/12 |  | Y sỹ đa khoa         | V.08.03.07  | Hạng IV  |           | Tin Học B      | Tiếng thái    |      |  |  |  |
|    | 3   | <b>Khoa Truyền nhiễm - Kiểm soát bệnh tật &amp; HIV/AIDS</b> |            |            |       |             |       |  |                      |             |          |           |                |               |      |  |  |  |
| 17 | 3.1 | Tòng Văn Thu                                                 | 08/10/1981 |            | Thái  | Trưởng khoa | 12/12 |  | Bác sĩ               | V.08.02.06  | Hạng III | Trung cấp | UD TTCB        | Mông          |      |  |  |  |
| 18 | 3.2 | Tòng Văn Xuân                                                | 21/05/1985 |            | Thái  | Nhân viên   | 12/12 |  | Cử nhân Điều dưỡng   | V.08.05.12  | Hạng III | Sơ cấp    | UD TTCB        | Mông          |      |  |  |  |
| 19 | 3.3 | Lò Văn Hạnh                                                  | 12/11/1991 |            | Lào   | Nhân Viên   | 12/12 |  | Y sỹ đa khoa         | V.08.03.07  | Hạng IV  | Sơ cấp    | UD TTCB        |               |      |  |  |  |
| 20 | 3.4 | Lò Thị Tiên                                                  |            | 20/12/1983 | Thái  | Nhân viên   | 12/12 |  | ĐD TC                | V.08.05.13  | Hạng IV  | Sơ cấp    | UD TTCB        |               |      |  |  |  |
| 21 | 3.5 | Trần Thị Hồng Hào                                            |            | 20/11/1981 | Kinh  | Nhân viên   | 12/12 |  | CD Hộ sinh           | V.08.06.16  | Hạng IV  | Trung cấp | UD TTCB        | Mông          |      |  |  |  |
|    | 4   | <b>Khoa Y tế công cộng - Dinh dưỡng &amp; ATTP</b>           |            |            |       |             |       |  |                      |             |          |           |                |               |      |  |  |  |
| 22 | 4.1 | Quảng Văn Doãn                                               | 04/03/1971 |            | Thái  | Trưởng khoa | 12/12 |  | Bác sĩ               | V.08.02.06  | Hạng III | Trung cấp | UD TTCB        | Mông          |      |  |  |  |
| 23 | 4.2 | Quảng Văn Thiết                                              | 02/03/1981 |            | Thái  | Nhân viên   | 12/12 |  | CN. YTCC             | V. 08.04.10 | Hạng III | Sơ cấp    | UD TTCB        | Mông          |      |  |  |  |
| 24 | 4.3 | Lò Văn Khoa                                                  | 15/10/1980 |            | Thái  | Nhân viên   | 12/12 |  | Cử nhân YTCC         | V.08.04.10  | Hạng III | Sơ cấp    | UD TTCB        | Mông          |      |  |  |  |
| 25 | 4.4 | Tòng Văn Nhuận                                               | 14/05/1983 |            | Thái  | Nhân viên   | 12/12 |  | Điều dưỡng trung cấp | V.08.05.13  | Hạng IV  | Sơ cấp    | UD TTCB        | Mông          |      |  |  |  |
| 26 | 4.5 | Ngô Trung Kiên                                               | 12/09/1984 |            | Kinh  | Nhân viên   | 12/12 |  | Cử nhân YTCC         | V.08.04.10  | Hạng III | Sơ cấp    | UD TTCB        | Mông          |      |  |  |  |
|    | 5   | <b>Khoa Dân số - Truyền thông - Chăm sóc SKSS</b>            |            |            |       |             |       |  |                      |             |          |           |                |               |      |  |  |  |
| 27 | 5.1 | Lò Văn Tuyến                                                 | 10/10/1975 |            | Thái  | Trưởng khoa | 12/12 |  | Thạc sĩ KT           | V 08.10.28  | Hạng III | Trung cấp | Tin học cơ bản | CC tiếng thái |      |  |  |  |
| 28 | 5.2 | Vừ Pó Ly                                                     | 10/10/1979 |            | Hmong | Trưởng khoa | 12/12 |  | Cử nhân Luật         | V 08.10.28  | Hạng III | Trung cấp | Tin học cơ bản | CC tiếng thái |      |  |  |  |
| 29 | 5.3 | Tòng Thị Thơm                                                |            | 06/01/1971 | Thái  | Viên chức   | 12/12 |  | Cử nhân Luật kinh tế | V 08.10.28  | Hạng III | Sơ cấp    | Tin học cơ bản | CC tiếng thái |      |  |  |  |

|          |           |                                             |            |            |      |                    |       |  |                       |            |          |              |                    |                  |               |  |  |  |
|----------|-----------|---------------------------------------------|------------|------------|------|--------------------|-------|--|-----------------------|------------|----------|--------------|--------------------|------------------|---------------|--|--|--|
| 30       | 5.4       | Tòng Văn Tuấn                               | 22/09/1985 |            | Thái | Viên chức          | 12/12 |  | CNYTCC                | V 08.04.10 | Hạng III | Sơ cấp       | UD<br>TTCB         | CC tiếng<br>thái |               |  |  |  |
| 31       | 5.5       | Lò Thị Hằng                                 |            | 16/04/1982 | Thái | Viên chức          | 12/12 |  | Cao đẳng nữ<br>HS     | V 08.06.16 | Hạng IV  | Sơ cấp       | UD<br>TTCB         |                  |               |  |  |  |
| 32       | 5.6       | Tòng Thị Học                                |            | 02/03/7976 | Thái | Viên chức          | 12/12 |  | Cao đẳng nữ<br>HS     | V 08.06.16 | Hạng IV  | Trung cấp    | UD<br>TTCB         |                  |               |  |  |  |
| 33       | 5.7       | Lượng Thị Diệp                              |            | 28/08/1995 | Thái | Viên chức          | 12/12 |  | Bác sĩ                | V.08.01.03 | Hạng III |              | Tin học<br>cơ bản  | CC tiếng<br>mông |               |  |  |  |
| <b>B</b> | <b>B</b>  | <b>TRẠM Y TẾ XÃ, THỊ TRẤN:69 VIÊN CHỨC</b>  |            |            |      |                    |       |  |                       |            |          |              |                    |                  |               |  |  |  |
|          | <b>I</b>  | <b>TRẠM Y TẾ XÃ MUỜNG LẠN</b>               |            |            |      |                    |       |  |                       |            |          |              |                    |                  |               |  |  |  |
|          | <b>1</b>  | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |      |                    |       |  |                       |            |          |              |                    |                  |               |  |  |  |
| 34       | 1.1       | Lường Văn Chung                             | 15/02/1977 |            | Thái | Trưởng<br>trạm     | 12/12 |  | Cử nhân điều<br>dưỡng | V.08.05.12 | Hạng III | Trung cấp    | UD<br>TTCB         | Tiếng anh<br>A2  | Điều<br>dưỡng |  |  |  |
| 35       | 1.2       | Vì Thị Phương                               |            | 18/04/1992 | Thái | Phó trạm           | 12/12 |  | Bác sỹ đa<br>khoa     | V.08.01.03 | Hạng III | Sơ cấp       | UD<br>TTCB         | Tiếng thái       | KCB           |  |  |  |
|          | <b>2</b>  | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |      |                    |       |  |                       |            |          |              |                    |                  |               |  |  |  |
| 36       | 2.1       | Lường Thị Luân                              |            | 01/02/1983 | Thái | Nhân viên          | 12/12 |  | Hộ sinh cao<br>đẳng   | V.08.06.16 | Hạng III | Sơ cấp       | UD<br>TTCB         | Tiếng thái       | Hộ sinh       |  |  |  |
| 37       | 2.2       | Lường Thị Tâm                               |            | 10/05/1990 | Thái | Nhân viên          | 12/12 |  | Y sỹ đa khoa          | V.08.03.07 | Hạng IV  | Sơ cấp       | UD<br>TTCB         | Tiếng thái       | KCB           |  |  |  |
| 38       | 2.3       | Lường Văn Tùng                              | 14/01/1993 |            | Thái | Nhân viên          | 12/12 |  | Y sỹ đa khoa          | V.08.03.07 | Hạng IV  |              | UD<br>TTCB         | Tiếng thái       | KCB           |  |  |  |
| 39       | 2.4       | Lò Thị Thương                               |            | 23/05/1983 | Thái | Nhân viên          | 12/12 |  | CN y tế công<br>cộng  | V.08.10.28 | Hạng III | Sơ cấp       | UD<br>TTCB         | Tiếng thái       | Hộ sinh       |  |  |  |
| 40       | 2.5       | Lò Văn Phẩm                                 | 27/06/1987 |            | Thái | Nhân viên          | 12/12 |  | CN Điều<br>dưỡng      | V.08.05.13 | Hạng IV  |              | UD<br>TTCB         | Tiếng<br>Mông    | Điều<br>dưỡng |  |  |  |
| 41       | 2.6       | Lò Thị Phiên                                |            | 10/09/1982 | Lào  | Nhân viên          | 12/12 |  | Y sỹ YHCT             | V.08.03.07 | Hạng IV  | Sơ cấp       | UD<br>TTCB         | Tiếng<br>Mông    | KCB           |  |  |  |
| 42       | 2.7       | Lò Thị Mùi                                  | 02/04/1980 |            | Lào  | Nhân viên          | 12/12 |  | Y sỹ đa khoa          | V.08.03.07 | Hạng IV  |              | UD<br>TTCB         |                  | KCB           |  |  |  |
| 43       | 2.8       | Tòng Thị Mai Chuyên                         |            | 02/09/1993 | Thái | Nhân viên          | 12/12 |  | Y sỹ đa khoa          | V.08.03.07 | Hạng IV  |              | B                  | Anh B            |               |  |  |  |
|          | <b>II</b> | <b>TRẠM Y TẾ: NẬM LẠNH</b>                  |            |            |      |                    |       |  |                       |            |          |              |                    |                  |               |  |  |  |
|          | <b>1</b>  | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |      |                    |       |  |                       |            |          |              |                    |                  |               |  |  |  |
| 44       | 1.1       | Dương Thị Huệ                               |            | 01/01/1982 | Kinh | Trưởng<br>trạm     | 12/12 |  | Bs đa khoa            | V.08.01.03 | Hạng III | Sơ Cấp       | UD<br>TTCB         |                  | KCB           |  |  |  |
| 45       | 1.2       | Lò Văn Chứa                                 | 15/06/1984 |            | Thái | Phó trưởng<br>trạm | 12/12 |  | CN YTCC               | V08.04.10  | Hạng 3   | Sơ Cấp       | UD<br>TTCB         | Tiếng<br>Mông    | KCB           |  |  |  |
|          | <b>2</b>  | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |      |                    |       |  |                       |            |          |              |                    |                  |               |  |  |  |
| 46       | 2.1       | Lò Văn Thi                                  | 18/03/1983 |            | Lào  | Nhân viên          | 12/12 |  | Y sỹ đa khoa          | V.08.03.07 | Hạng IV  | Trung<br>Cấp | THUD<br>trình độ A | Tiếng thái       | KCB           |  |  |  |

|    |            |                                             |            |            |      |                 |       |  |                    |            |           |        |              |            |            |  |  |  |
|----|------------|---------------------------------------------|------------|------------|------|-----------------|-------|--|--------------------|------------|-----------|--------|--------------|------------|------------|--|--|--|
| 47 | 2.2        | Lò Thị Lan                                  |            | 03/02/1985 | Thái | Nhân viên       | 12/12 |  | Điều dưỡng TC      | V.08.10.29 | Hạng IV   | sơ cấp | UD TTCB      | Tiếng mông |            |  |  |  |
| 48 | 2.3        | Lò Thị Dinh                                 |            | 10/09/1981 | Thái | Nhân viên       | 12/12 |  | HS cao đẳng        | V08.06.16  | Hạng III  | Sơ Cấp | UD TTCB      | Tiếng Anh  | Hộ sinh    |  |  |  |
| 49 | 2.4        | Vì Văn Thương                               | 20/08/1986 |            | Thái | Nhân viên       | 12/12 |  | Y sỹ đa khoa       | V.08.03.07 | Hạng IV   | Sơ Cấp | UD TTCB      | Tiếng Mông | KCB        |  |  |  |
| 50 | 2.5        | Lèo Văn Diên                                | 03/01/1983 |            | Thái | Nhân viên       | 12/12 |  | Điều dưỡng         | V.08.05.13 | Hạng IV   | Sơ Cấp | UD TTCB      |            | điều dưỡng |  |  |  |
| 51 | 2.6        | Tòng Văn Thu                                | 04/08/1965 |            | Thái | Nhân viên       | 7/10  |  | Y sỹ đa khoa       | V.08.03.07 | Hạng IV   |        | TH văn phòng | Tiếng Anh  | KCB        |  |  |  |
|    | <b>III</b> | <b>TRẠM Y TẾ: PÚNG BÁNH</b>                 |            |            |      |                 |       |  |                    |            |           |        |              |            |            |  |  |  |
|    | <b>1</b>   | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |      |                 |       |  |                    |            |           |        |              |            |            |  |  |  |
| 52 | 1.1        | Tòng Văn Phú                                | 02/6/1982  |            | Thái | Phó trưởng trạm | 12/12 |  | CN điều dưỡng      | V.08.05.12 | ĐD hạng 3 | Sơ Cấp | UD TTCB      | Tiếng Mông | Điều dưỡng |  |  |  |
|    | <b>2</b>   | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |      |                 |       |  |                    |            |           |        |              |            |            |  |  |  |
| 53 | 2.1        | Lò Văn Chùng                                | 25/09/1963 |            | Thái | Nhân viên       | 12/12 |  | Y sỹ đa khoa       | V.08.03.07 | Hạng IV   | sơ cấp |              |            | KCB        |  |  |  |
| 54 | 2.2        | Lò Văn Hoài                                 | 15/07/1979 |            | Thái | Nhân viên       | 12/12 |  | Y sỹ sản nhi       | V.08.03.07 | Hạng IV   | sơ cấp | UD TTCB      | Tiếng thái | KCB        |  |  |  |
| 55 | 2.3        | Lò Thị Thươi                                |            | 13/6/1972  | Thái | Nhân viên       | 12/12 |  | NHS cao đẳng       | V08.06.16  | Hạng III  | Sơ Cấp | UD TTCB      | Tiếng thái | Hộ sinh    |  |  |  |
| 56 | 2.4        | Lò Thị Hiệp                                 |            | 23/01/1985 | Thái | Nhân viên       | 12/12 |  | Cao đẳng dược      | V.08.10.29 | Hạng III  | Sơ Cấp | UD TTCB      | Tiếng thái |            |  |  |  |
| 57 | 2.5        | Tòng Văn Phính                              | 13/09/1984 |            | Thái | Nhân viên       | 12/12 |  | Y sỹ đa khoa       | V.08.03.07 | Hạng IV   | Sơ Cấp | UD TTCB      | Tiếng Mông | KCB        |  |  |  |
| 58 | 2.6        | Quảng Văn Phương                            | 08/06/1978 |            | Thái | Nhân viên       | 12/12 |  | Y sỹ sản nhi       | V.08.03.07 | Hạng IV   |        |              |            | KCB        |  |  |  |
| 59 | 2.7        | Tòng Thị Thủy                               |            | 22/02/1990 | Thái | Nhân viên       | 12/12 |  | Y sỹ đa khoa       | V.08.03.07 | Hạng IV   | Sơ Cấp | UD TTCB      |            | KCB        |  |  |  |
|    | <b>IV</b>  | <b>TRẠM Y TẾ: MUỜNG LÈO</b>                 |            |            |      |                 |       |  |                    |            |           |        |              |            |            |  |  |  |
|    | <b>1</b>   | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |      |                 |       |  |                    |            |           |        |              |            |            |  |  |  |
| 60 | 1.1        | Lèo Văn Hùng                                | 09/11/1965 |            | Thái | Tưởng trạm      | 12/12 |  | Y sỹ sản nhi       | V.08.03.07 | Hạng IV   | Sơ Cấp | UD TTCB      |            | KCB        |  |  |  |
| 61 | 1.2        | Tòng Văn Luyến                              | 11/08/1065 |            | Thái | Tưởng phó       | 12/13 |  | Y sỹ đa khoa       | V.08.03.07 | Hạng IV   | Sơ Cấp | UD TTCB      | Tiếng Mông | KCB        |  |  |  |
|    | <b>2</b>   | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |      |                 |       |  |                    |            |           |        |              |            |            |  |  |  |
| 62 | 2.1        | Lò Thị Lương                                |            | 05/03/1984 | Thái | Nhân viên       | 12/12 |  | Cử nhân Điều dưỡng | V.08.05.13 | Hạng IV   | sơ cấp | UD TTCB      | Tiếng Mông | Điều dưỡng |  |  |  |
| 63 | 2.2        | Lèo Thị Thươi                               |            | 06/08/1977 | Thái | Nhân viên       | 12/12 |  | NHS cao đẳng       | V.08.06.16 | Hạng IV   | sơ cấp | UD TTCB      | Tiếng Mông | Hộ sinh    |  |  |  |
| 64 | 2.3        | Lò Thị Duân                                 |            | 1982       | Thái | Nhân viên       | 12/12 |  | Y sỹ đa khoa       | V.08.03.07 | Hạng IV   | Sơ Cấp | UD TTCB      | Tiếng Mông | KCB        |  |  |  |

|    |           |                                             |            |            |           |                |       |  |                  |            |          |           |            |               |               |  |  |  |
|----|-----------|---------------------------------------------|------------|------------|-----------|----------------|-------|--|------------------|------------|----------|-----------|------------|---------------|---------------|--|--|--|
| 65 | 2.4       | Tòng Văn Tương                              | 1972       |            | Thái      | Nhân viên      | 12/12 |  | Điều dưỡng       | V.08.10.29 | Hạng IV  | Sơ Cấp    | UD<br>TTCB |               |               |  |  |  |
| 66 | 2.5       | Tòng Văn Khương                             | 12/11/1990 |            | Thái      | Nhân viên      | 12/12 |  | Bác sĩ           | V.08.01.03 | Hạng III | Cao cấp   | UD<br>TTCB | Tiêng<br>Mông | KCB           |  |  |  |
| 67 | 2.6       | Lèo Thị Huệ                                 |            | 27/07/1994 | Thái      | Nhân viên      | 12/12 |  | Y sỹ đa khoa     | V.08.03.07 | Hạng IV  | Sơ Cấp    | UD<br>TTCB | Tiếng anh     |               |  |  |  |
|    | <b>V</b>  | <b>TRẠM Y TẾ: XÃ SÓP CỘP</b>                |            |            |           |                |       |  |                  |            |          |           |            |               |               |  |  |  |
|    | <b>1</b>  | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |           |                |       |  |                  |            |          |           |            |               |               |  |  |  |
| 68 | 1.1       | Lường Văn Vinh                              | 10/04/1982 |            | Thái      | Trưởng<br>trạm | 12/12 |  | Bs đa khoa       | V.08.01.03 | Hạng III | Trung cấp | UD<br>TTCB | Tiêng<br>Mông | KCB           |  |  |  |
|    | <b>2</b>  | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |           |                |       |  |                  |            |          |           |            |               |               |  |  |  |
| 69 | 2.1       | Lò Văn Điềm                                 | 03/01/1970 |            | Thái      | Nhân viên      | 12/12 |  | Y sỹ             | V08.03.07  | Hạng IV  | Sơ cấp    |            |               | KCB           |  |  |  |
| 70 | 2.2       | Lường Thị Chuyển                            |            | 15/09/1971 | Lào       | Nhân viên      | 12/12 |  | Nữ hộ sinh       | V.08.06.16 | Hạng IV  | Sơ cấp    |            | H'Mông        | Hộ sinh       |  |  |  |
| 71 | 2.3       | Lò Thị Tươi                                 |            | 10/12/1981 | Thái      | Nhân viên      | 12/12 |  | Điều Dưỡng<br>TC | V 08.05.13 | Hạng IV  | Sơ cấp    | UD<br>TTCB | Thái          | Điều<br>dưỡng |  |  |  |
| 72 | 2.4       | Ngô thị Hương                               |            | 7/11/1986  | Kinh      | Nhân viên      | 12/12 |  | CN điều<br>dưỡng | V 08.05.13 | Hạng IV  | Sơ cấp    | UD<br>TTCB | H'Mông        | Điều<br>dưỡng |  |  |  |
| 73 | 2.5       | Lò Thị Thắm                                 |            | 1/7/1985   | Lào       | Nhân viên      | 12/12 |  | Y sỹ             | V08.03.07  | Hạng IV  |           | UD<br>TTCB | Thái          | KCB           |  |  |  |
| 74 | 2.6       | Đinh Thị Trâm                               |            | 7/15/1991  | Mườn<br>g | Nhân viên      | 12/12 |  | Y sỹ             | V08.03.07  | Hạng IV  |           | UD<br>TTCB |               | KCB           |  |  |  |
| 75 | 2.7       | Tòng Thị Hương                              |            | 5/3/1979   | Thái      | Nhân viên      | 12/12 |  | CN Luật          | V.08.10.28 | Hạng III | Sơ cấp    | UD<br>TTCB | Anh           |               |  |  |  |
| 76 | 2.8       | Tòng Thị Hồng                               |            | 10/22/1990 | Thái      | Nhân viên      | 12/12 |  | CNYTCC           | V.08.04.10 | Hạng III | Sơ cấp    | UD<br>TTCB | Anh           | KCB           |  |  |  |
|    | <b>VI</b> | <b>TRẠM Y TẾ: XÃ DÒM CANG</b>               |            |            |           |                |       |  |                  |            |          |           |            |               |               |  |  |  |
|    | <b>1</b>  | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |           |                |       |  |                  |            |          |           |            |               |               |  |  |  |
| 77 | 1.1       | Tòng Thị Ôn                                 |            | 09/12/1982 | Thái      | Trưởng<br>trạm | 12/12 |  | Bác sĩ           | V.08.01.03 | Hạng III | Trung cấp | UD<br>TTCB | Mông          | KCB           |  |  |  |
| 78 | 1.2       | Lò Thị Thi                                  |            | 02/04/1982 | Thái      | Phó.<br>Trưởng | 12/12 |  | Hộ sinh CD       | V.08.06.16 | Hạng IV  | Sơ cấp    | UD<br>TTCB | Mông          | Hộ sinh       |  |  |  |
|    | <b>2</b>  | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |           |                |       |  |                  |            |          |           |            |               |               |  |  |  |
| 79 | 2.1       | Tòng Thị Diên                               |            | 08/10/1987 | Thái      | Viên chức      | 12/12 |  | Y sỹ             | V.08.03.07 | Hạng IV  | Sơ cấp    | UD<br>TTCB | Mông          | KCB           |  |  |  |
| 80 | 2.2       | Lò Văn Sáng                                 | 06/10/1970 |            | Thái      | Viên chức      | 12/12 |  | Y sỹ sản nhi     | V.08.03.07 | Hạng IV  | Trung cấp | UD<br>TTCB | Mông          | KCB           |  |  |  |
| 81 | 2.3       | Quảng Văn Phương                            | 29/05/1987 |            | Thái      | Viên chức      | 12/12 |  | Y sỹ             | V.08.03.07 | Hạng IV  | Sơ cấp    | UD<br>TTCB | Mông          | KCB           |  |  |  |
| 82 | 2.4       | Lò Văn Hải                                  | 21/07/1977 |            | Thái      | Viên chức      | 12/12 |  | CN điều<br>dưỡng | V.08.05.13 | Hạng IV  | Sơ cấp    | UD<br>TTCB | Mông          | Điều<br>dưỡng |  |  |  |



|     |          |                                             |            |            |       |             |       |  |                  |            |          |           |         |             |            |  |  |  |
|-----|----------|---------------------------------------------|------------|------------|-------|-------------|-------|--|------------------|------------|----------|-----------|---------|-------------|------------|--|--|--|
| 83  | 2.5      | Tông Văn Bình                               | 14/10/1974 |            | Thái  | Viên chức   | 12/12 |  | CN điều dưỡng    | V.08.05.13 | Hạng IV  | Sơ cấp    | UD TTCB | Mông        | Điều dưỡng |  |  |  |
| 84  | 2.6      | Vì Thị Hòa Bình                             |            | 15/09/1975 | Thái  | Viên chức   | 12/12 |  | CN Luật          | V.08.10.28 | Hạng III | Trung cấp | UD TTCB | Mông        |            |  |  |  |
|     | <b>I</b> | <b>TRẠM Y TẾ: MUỜNG VÀ</b>                  |            |            |       |             |       |  |                  |            |          |           |         |             |            |  |  |  |
|     | <b>1</b> | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |       |             |       |  |                  |            |          |           |         |             |            |  |  |  |
| 85  | 1.1      | Nguyễn Thị Giáng Hương                      |            | 27/11/1975 | Kinh  | Trưởng trạm | 12/12 |  | CKI YHGD         | V.08.01,03 | Hạng III | Sơ Cấp    | CCTHVP  | Tiếng anh C | KCB        |  |  |  |
| 86  | 1.2      | Cầm Thị Dung                                |            | 04/09/1980 | Thái  | Phó trạm    | 12/12 |  | Cử nhân ĐDHS     | V08.05.15  | Hạng III | Trung cấp | UD TTCB | Tiếng Anh B | Hộ sinh    |  |  |  |
|     | <b>2</b> | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |       |             |       |  |                  |            |          |           |         |             |            |  |  |  |
| 87  | 2.1      | Cầm Thị Sao Mai                             |            | 31/08/1992 | Thái  | Nhân viên   | 12/12 |  | Y sỹ đa khoa     | V.08.03.07 | Hạng IV  | Sơ cấp    | UD TTCB | Tiếng Thái  | KCB        |  |  |  |
| 88  | 2.2      | Lò Thị Diên                                 |            | 26/06/1986 | Thái  | Nhân viên   | 12/12 |  | Y sỹ đa khoa     | V.08.03.07 | Hạng IV  |           | UD TTCB | Tiếng Thái  | KCB        |  |  |  |
| 89  | 2.3      | Lò Thị Hồng                                 |            | 26/03/1984 | Thái  | Nhân viên   | 12/12 |  | CN Điều dưỡng    | V.08.05.13 | Hạng IV  | sơ cấp    | UD TTCB | Tiếng thái  | Điều dưỡng |  |  |  |
| 90  | 2.4      | Lò Văn Cường                                | 15/10/1977 |            | Lào   | Nhân viên   | 12/12 |  | CN Điều dưỡng    | V.08.05.13 | Hạng IV  | Sơ cấp    | UD TTCB | Tiếng thái  | Điều dưỡng |  |  |  |
| 91  | 2.5      | Vì Văn Thiên                                | 03/03/1971 |            | Thái  | Nhân viên   | 12/12 |  | Điều dưỡng TC    | V.08.05.13 | Hạng IV  |           | UD TTCB | Tiếng Mông  | Điều dưỡng |  |  |  |
| 92  | 2.6      | Vì Thị Lan                                  |            | 02/09/1987 | Thái  | Nhân viên   | 12/12 |  | CNYTCC           | V.08.10.28 | Hạng III |           | UD TTCB | Tiếng Mông  |            |  |  |  |
| 93  | 2.7      | Tông Thị Xiện                               |            | 15/01/1969 | Lào   | Nhân viên   | 12/12 |  | NHS TC           | V.08.06.16 | Hạng IV  |           | UD TTCB | Tiếng Thái  | Hộ sinh    |  |  |  |
| 94  | 2.8      | Lưu Thị Thanh Uyên                          |            | 15/11/1984 | Kinh  | Nhân viên   | 12/12 |  | Dược sỹ cao đẳng | V.08.08.23 | Hạng IV  | Sơ Cấp    | UD TTCB | Tiếng thái  | Dược       |  |  |  |
|     | <b>I</b> | <b>TRẠM Y TẾ: SAM KHA</b>                   |            |            |       |             |       |  |                  |            |          |           |         |             |            |  |  |  |
|     | <b>1</b> | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |       |             |       |  |                  |            |          |           |         |             |            |  |  |  |
| 95  | 1.1      | Sông Bá Vự                                  | 06/03/1987 |            | Hmông | Trưởng trạm | 12/12 |  | Bác sỹ đa khoa   | V.08.01,03 | Hạng III | Sơ Cấp    | UD TTCB | Tiếng Mông  | KCB        |  |  |  |
| 96  | 1.2      | Tông Văn Tươi                               | 22/10/1982 |            | Thái  | Phó trạm    | 12/12 |  | Y sỹ đa khoa     | V08.03.07  | Hạng IV  | Trung cấp | UD TTCB | Tiếng Anh   | KCB        |  |  |  |
|     | <b>2</b> | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |       |             |       |  |                  |            |          |           |         |             |            |  |  |  |
| 97  | 2.1      | Vì Văn Thương                               | 30/04/1985 |            | Lào   | Nhân viên   | 12/12 |  | Y sỹ đa khoa     | V.08.03.07 | Hạng IV  | Sơ cấp    | UD TTCB | Tiếng Thái  | KCB        |  |  |  |
| 98  | 2.2      | Lò Văn Long                                 | 05/03/1988 |            | Thái  | Nhân viên   | 12/12 |  | Y sỹ đa khoa     | V.08.03.07 | Hạng IV  |           | UD TTCB | Tiếng Anh   | KCB        |  |  |  |
| 99  | 2.3      | Quảng Văn Hậu                               | 10/04/1987 |            | Thái  | Nhân viên   | 12/12 |  | Dân số viên      | V.08.10.29 | Hạng IV  | sơ cấp    | UD TTCB | Tiếng Thái  |            |  |  |  |
| 100 | 2.4      | Lò Thị Phương                               |            | 16/03/1989 | Thái  | Nhân viên   | 12/12 |  | NHS TC           | V.08.06.16 | Hạng III | Sơ cấp    | UD TTCB | Tiếng Anh   | Hộ sinh    |  |  |  |

|     |     |               |            |            |       |           |       |  |              |            |         |  |            |               |            |  |  |  |
|-----|-----|---------------|------------|------------|-------|-----------|-------|--|--------------|------------|---------|--|------------|---------------|------------|--|--|--|
| 101 | 2.5 | Giàng Bá Nênh | 15/11/1975 |            | Hmông | Nhân viên | 12/12 |  | Dược sĩ CĐ   | V.08.05.13 | Hạng IV |  | UD<br>TTCB | Tiếng<br>Thái | hiều dưỡng |  |  |  |
| 102 | 2.6 | Lò Thị Chiêu  |            | 06/04/1993 | Thái  | Nhân viên | 12/12 |  | Y sỹ đa khoa | V.08.03.07 | Hạng IV |  | UD<br>TTCB | Tiếng<br>Thái |            |  |  |  |

**PHỤ LỤC I.10**

**Biểu thống kê hiện trạng nhân lực tại Trung tâm Y tế và Trạm Y tế xã thuộc Trung tâm Y tế huyện Vân Hồ**  
(Kèm theo Đề án kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

| TT | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh              |                                                   | Dân tộc    | Chức vụ hoặc chức danh | Trình độ đào tạo và CDNN |                            |                            |                  |                                           |              | Trình độ LLCT và Tin học, ngoại ngữ |                |                                                   | Các chứng chỉ/chứng nhận bồi dưỡng |    |    | Ghi chú |
|----|-----------|------------------------------------|---------------------------------------------------|------------|------------------------|--------------------------|----------------------------|----------------------------|------------------|-------------------------------------------|--------------|-------------------------------------|----------------|---------------------------------------------------|------------------------------------|----|----|---------|
|    |           | Trình độ giáo dục phổ thông        | Trình độ đào tạo                                  |            |                        | Mã chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp | Trình độ lý luận chính trị | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ/tiếng dân tộc thiểu số | CC hành nghề | CC quản lý                          | Bồi dưỡng QLNN |                                                   |                                    |    |    |         |
|    |           |                                    | Trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ (cao nhất) |            |                        |                          |                            |                            |                  |                                           |              |                                     |                | Trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ (cao nhất) |                                    |    |    |         |
|    | 1         | 2                                  | 3                                                 | 4          | 5                      | 6                        | 7                          | 8                          | 9                | 10                                        | 11           | 12                                  | 13             | 14                                                | 15                                 | 16 | 17 | 18      |
| A  |           | TRUNG TÂM Y TẾ VÂN HỒ              |                                                   |            |                        |                          |                            |                            |                  |                                           |              |                                     |                |                                                   |                                    |    |    |         |
|    | I         | Lãnh đạo Trung tâm (GD, PGD)       |                                                   |            |                        |                          |                            |                            |                  |                                           |              |                                     |                |                                                   |                                    |    |    |         |
| 1  | 1         | Lường Duy Phú                      | 30/09/1978                                        |            | Thái                   | GD                       | 12/12                      | CKI                        | Nội              | V.08.01.03                                | Hạng III     | CC                                  | UDCN TTCB      | B2                                                | x                                  | x  |    |         |
| 2  | 2         | Sông A Phư                         | 22/12/1969                                        |            | Mông                   | PGD                      | 12/12                      | CKI                        | Lao              | V.08.02.06                                | Hạng III     | TC                                  | UDCN TTCB      | DT                                                | x                                  | x  |    |         |
| 3  | 3         | Nguyễn Quốc Tuấn                   | 20/9/1974                                         |            | Kinh                   | PGD                      | 12/12                      | CKI                        | YTCC             | V.08.02.06                                | Hạng III     | CC                                  | Cơ sở          | B                                                 | x                                  | x  |    |         |
|    | II        | Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ    |                                                   |            |                        |                          |                            |                            |                  |                                           |              |                                     |                |                                                   |                                    |    |    |         |
|    | 1         | Phòng Hành chính - Tổng hợp        |                                                   |            |                        |                          |                            |                            |                  |                                           |              |                                     |                |                                                   |                                    |    |    |         |
| 4  | 1.1       | Hà Văn Mạnh                        | 05/07/1973                                        |            | Thái                   | Trưởng phòng             | 12/12                      | CKI                        | RHM              | V.08.02.06                                | Hạng III     | TC                                  | UDCN TTCB      | B                                                 | x                                  |    | x  |         |
| 5  | 1.2       | Đỗ Thị Huyền                       |                                                   | 11/7/1990  | Kinh                   |                          | 12/12                      | Đại Học                    | Kế toán          | 06,031                                    | Hạng III     | TC                                  | UDCN TTCB      | A2                                                |                                    |    | x  |         |
| 6  | 1.3       | Lò Hương Lan                       |                                                   | 08/06/1982 | Thái                   |                          | 12/12                      | Đại Học                    | Kế toán          | 06,031                                    | Hạng III     |                                     | UDCN TTCB      | DT                                                |                                    |    |    |         |
| 7  | 1.4       | Hà Ngọc Đức                        | 04/06/1997                                        |            | Thái                   |                          | 12/12                      | Trung cấp                  | Y sỹ             | V08.03.07                                 | Hạng IV      |                                     | UDCN TTCB      | B1                                                |                                    |    |    |         |
|    | 2         | Khoa Khám bệnh - Xét nghiệm - Dược |                                                   |            |                        |                          |                            |                            |                  |                                           |              |                                     |                |                                                   |                                    |    |    |         |
| 8  | 2.1       | Lường Văn Thảo                     | 13/4/1982                                         |            | Thái                   | Trưởng khoa              | 12/12                      | Đại Học                    | Bác sỹ           | V.08.01.03                                | Hạng III     | TC                                  | UDCN TTCB      | DT                                                | x                                  |    | x  |         |
| 9  | 2.2       | Tênh Thị Di                        |                                                   | 12/1/1985  | Mông                   | Phó khoa                 | 12/12                      | Đại Học                    | Dược sỹ          | V.08.08.22                                | Hạng III     | TC                                  | Cơ sở          | B                                                 | x                                  |    | x  |         |
| 10 | 2.3       | Hà Thị Yến                         |                                                   | 07/02/1989 | Thái                   |                          | 12/12                      | Trung cấp                  | Y sỹ             | V.08.03.07                                | Hạng IV      |                                     | Cơ sở          | B                                                 | x                                  |    |    |         |
| 11 | 2.4       | Nguyễn Thị Hồng Hà                 |                                                   | #####      | Kinh                   |                          | 12/12                      | Trung cấp                  | Dược sỹ          | V.08.08.23                                | Hạng IV      |                                     | UDCN TTCB      | C                                                 | x                                  |    |    |         |
| 12 | 2.5       | Lường Quang Khánh                  | 02/9/1993                                         |            | Thái                   |                          | 12/12                      | Trung cấp                  | Y sỹ             | V.08.03.07                                | Hạng IV      |                                     | Cơ sở          | B                                                 | x                                  |    |    |         |

|          |          |                                                              |            |            |       |             |       |           |               |            |          |    |              |    |   |  |  |  |
|----------|----------|--------------------------------------------------------------|------------|------------|-------|-------------|-------|-----------|---------------|------------|----------|----|--------------|----|---|--|--|--|
| 13       | 2.6      | Lò Thị Trang                                                 |            | 10/3/1988  | Thái  |             | 12/12 | Đại Học   | Điều dưỡng    | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | UDCN<br>TTCB | B1 | x |  |  |  |
| 14       | 2.7      | Tềnh Thị Dánh                                                |            | 03/05/1991 | Mông  |             | 12/12 | Đại Học   | Kỹ thuật viên | V.08.07.19 | Hạng IV  |    | UDCN<br>TTCB | A2 | x |  |  |  |
|          | 3        | <b>Khoa Truyền nhiễm - Kiểm soát bệnh tật &amp; HIV/AIDS</b> |            |            |       |             |       |           |               |            |          |    |              |    |   |  |  |  |
| 15       | 3.1      | Hà Văn Úc                                                    | 13/11/1974 |            | Thái  | Trưởng khoa | 12/12 | Đại Học   | Bác sỹ        | V.08.02.06 | Hạng III | TC | Cơ sở        | B  | x |  |  |  |
| 16       | 3.2      | Lò Văn Khiên                                                 | 10/11/1967 |            | Thái  |             | 12/12 | Trung cấp | Điều dưỡng    | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | Cơ sở        | B  | x |  |  |  |
| 17       | 3.3      | Lê Thị Nguyệt                                                |            | 06/05/1989 | Kinh  |             | 12/12 | Đại Học   | Điều dưỡng    | V.08.05.12 | Hạng III | TC | UDCN<br>TTCB | A2 |   |  |  |  |
| 18       | 3.4      | Lường Kim Chi                                                |            | 25/11/1988 | Thái  |             | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ          | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | UDCN<br>TTCB | DT | x |  |  |  |
| 19       | 3.5      | Hà Kiều Anh                                                  |            | 11/11/1992 | Thái  |             | 12/12 | Đại Học   | Điều dưỡng    | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | UDCN<br>TTCB | B1 |   |  |  |  |
|          | 4        | <b>Khoa Y tế công cộng - Dinh dưỡng &amp; ATTP</b>           |            |            |       |             |       |           |               |            |          |    |              |    |   |  |  |  |
| 20       | 4.1      | Trần Thị Liên                                                |            | 16/4/1970  | Kinh  | Trưởng khoa | 12/12 | Đại Học   | YTCC          | V.08.04.10 | Hạng III |    | Cơ sở        | B  |   |  |  |  |
| 21       | 4.2      | Phạm Văn Cường                                               | 14/6/1974  |            | Kinh  | Phó khoa    | 12/12 | Đại Học   | Bác sỹ        | V.08.01.03 | Hạng III | TC | Cơ sở        | B  | x |  |  |  |
| 22       | 4.3      | Đàm Trọng Tuấn                                               | 21/10/1969 |            | Kinh  |             | 7/10  | Trung cấp | Y sỹ          | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | Cơ sở        | B  | x |  |  |  |
| 23       | 4.4      | Nguyễn Hữu Ngọc                                              | 28/12/1977 |            | Kinh  |             | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ          | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | UDCN<br>TTCB | A2 | x |  |  |  |
| 24       | 4.5      | Bùi Thị Lan Anh                                              |            | 07/09/1993 | Kinh  |             | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ          | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | Cơ sở        | B  | x |  |  |  |
| 25       | 4.6      | Lò Bích Phượng                                               |            | 25/4/1990  | Thái  |             | 12/12 | Đại Học   | Điều dưỡng    | V.08.05.13 | Hạng IV  | TC | UDCN<br>TTCB | B1 |   |  |  |  |
| 26       | 4.7      | Đàm Thị Hồng Nhung                                           |            | 26/01/1989 | Kinh  |             | 12/12 | Đại Học   | Điều dưỡng    | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | UDCN<br>TTCB | B1 | x |  |  |  |
|          | 5        | <b>Khoa Dân số - Truyền thông - Chăm sóc SKSS</b>            |            |            |       |             |       |           |               |            |          |    |              |    |   |  |  |  |
| 27       | 5.1      | Sa Chí Tình                                                  | 09/09/1977 |            | Thái  | Trưởng khoa | 12/12 | Đại Học   | Bác sỹ        | V.08.01.03 | Hạng III | TC | UDCN<br>TTCB | DT |   |  |  |  |
| 28       | 5.2      | Tường Duy Sơn                                                | 14/01/1975 |            | Kinh  |             | 12/12 | Trung cấp | Dân số viên   | V.08.10.29 | Hạng IV  |    | UDCN<br>TTCB | A2 |   |  |  |  |
| 29       | 5.3      | Hà Thị Hoan                                                  |            | 30/5/1982  | Thái  | Phó khoa    | 12/12 | Đại Học   | Hộ sinh       | V.08.06.15 | Hạng III | TC | Cơ sở        | B  | x |  |  |  |
| 30       | 5.4      | Vũ Thị Thu Huyền                                             |            | 17/12/1982 | Kinh  |             | 12/12 | Trung cấp | Hộ sinh       | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | Cơ sở        | B  | x |  |  |  |
| 31       | 5.5      | Cầm Thị Tâm                                                  |            | 08/03/1977 | Thái  |             | 12/12 | Đại Học   | Hộ sinh       | V08.06.15  | Hạng III |    | UDCN<br>TTCB | A2 | x |  |  |  |
| 32       | 5.6      | Vì Thị Chanh                                                 |            | 02/10/1978 | Thái  |             | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh       | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | Cơ sở        | B  | x |  |  |  |
| <b>B</b> |          | <b>TRẠM Y TẾ XÃ, THỊ TRẤN: 76 VIÊN CHỨC</b>                  |            |            |       |             |       |           |               |            |          |    |              |    |   |  |  |  |
|          | <b>I</b> | <b>TRẠM Y TẾ: SUỐI BÀNG</b>                                  |            |            |       |             |       |           |               |            |          |    |              |    |   |  |  |  |
|          | <b>1</b> | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b>                  |            |            |       |             |       |           |               |            |          |    |              |    |   |  |  |  |
| 33       | 1.1      | Mùi Văn Cường                                                | 01/8/1976  |            | Mường | Phó trạm    | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ          | V.08.03.07 | Hạng IV  | SC | Cơ sở        | B  | x |  |  |  |
| 34       | 1.2      | Hà Văn Huỳnh                                                 | 05/12/1977 |            | Thái  | Phó trạm    | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ          | V.08.03.07 | Hạng IV  | SC | Cơ sở        | B  | x |  |  |  |

|    |     |                                      |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |
|----|-----|--------------------------------------|------------|------------|-------|-------------|-------|-----------|-------------|------------|----------|----|--------------|----|---|--|--|
|    | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |
| 35 | 1.1 | Đinh Thị Yên                         |            | #####      | Mường |             | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh     | V.08.06.16 | Hạng IV  | SC | UDCN<br>TTCB | DT | x |  |  |
| 36 | 1.2 | Hà Văn Tuấn                          | 09/09/1969 |            | Thái  |             | 12/12 | Đại Học   | Dân số viên | V.08.10.28 | Hạng III | TC | UDCN<br>TTCB | DT | x |  |  |
| 37 | 1.3 | Sùng Y Tở                            |            | 18/11/1999 | Mông  |             | 12/12 | Đại Học   | Điều dưỡng  | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | UDCN<br>TTCB | A2 |   |  |  |
|    | II  | TRẠM Y TẾ: SONG KHUẢ                 |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |
|    | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |
| 38 | 1.1 | Đinh Văn Hữu                         | 25/2/1971  |            | Mường | Trưởng trạm | 12/12 | Đại Học   | Bác sỹ      | V.08.01.03 | Hạng III | TC | Cơ sở        | B  | x |  |  |
| 39 | 1.2 | Vì Thị Hòa                           |            | 26/3/1990  | Thái  | Phó trạm    | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ        | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | UDCN<br>TTCB | DT | x |  |  |
|    | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |
| 40 | 2.1 | Lường Thị Nhiên                      |            | #####      | Thái  |             | 12/12 | Trung cấp | Hộ sinh     | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | Cơ sở        | B  | x |  |  |
| 41 | 2.2 | Hà Văn Buôn                          | 13/8/1972  |            | Thái  |             | 12/12 | Trung cấp | Điều dưỡng  | V.08.05.13 | Hạng IV  | SC | Cơ sở        | B  | x |  |  |
| 42 | 2.3 | Đinh Thị Hạnh                        |            | #####      | Mường |             | 12/12 | Trung cấp | Dân số viên | V.08.10.29 | Hạng IV  |    | Cơ sở        | B  | x |  |  |
|    | III | TRẠM Y TẾ: CHIỀNG KHOA               |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |
|    | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |
| 43 | 1.1 | Vì Hải Yến                           |            | 06/8/1993  | Thái  | Phó trạm    | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ        | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | Cơ sở        | B  | x |  |  |
|    | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |
| 44 | 2.1 | Phạm Thị Thanh Xuân                  |            | 03/01/1990 | Kinh  |             | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ        | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | UDCN<br>TTCB | B1 | x |  |  |
| 45 | 2.2 | Trần Thị Bích                        |            | 15/1/1973  | Kinh  |             | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh     | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | Cơ sở        | B  | x |  |  |
| 46 | 2.3 | Đồng Thị Vân                         |            | 01/3/1983  | Kinh  |             | 12/12 | Trung cấp | Dược sỹ     | V.08.08.23 | Hạng IV  |    | Cơ sở        | B  | x |  |  |
| 47 | 2.4 | Hà Thu Hạ                            |            | #####      | Thái  |             | 12/12 | Cao đẳng  | Điều dưỡng  | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | UDCN<br>TTCB |    |   |  |  |
|    | IV  | TRẠM Y TẾ: MUỜNG TỀ                  |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |
|    | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |
| 48 | 1.1 | Đinh Văn Vươn                        | 04/05/1976 |            | Mường | Trưởng trạm | 12/12 | Đại Học   | Bác sỹ      | V.08.01.03 | Hạng III | TC | Cơ sở        | B  | x |  |  |
| 49 | 1.2 | Hà Thị Xuân                          |            | 22/12/1976 | Thái  | Phó trạm    | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ        | V.08.03.07 | Hạng IV  | SC | Cơ sở        | B  | x |  |  |
|    | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |
| 50 | 2.1 | Đinh Công Huân                       | 27/12/1996 |            | Mường |             | 12/12 | Cao đẳng  | Điều dưỡng  | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | UDCN<br>TTCB | B2 | x |  |  |
| 51 | 2.2 | Vì Thị Soái                          |            | 28/8/1976  | Thái  |             | 12/12 | Đại Học   | Dân số viên | V.08.10.28 | Hạng III |    | UDCN<br>TTCB | A2 | x |  |  |
| 52 | 2.3 | Lường Tiến Thành                     | 10/10/1997 |            | Thái  |             | 12/12 | Cao đẳng  | Điều dưỡng  | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | UDCN<br>TTCB | B  | x |  |  |
|    | V   | TRẠM Y TẾ: TỔ MÚA                    |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |
|    | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |

|    |      |                                      |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |           |    |   |  |  |  |
|----|------|--------------------------------------|------------|------------|-------|-------------|-------|-----------|-------------|------------|----------|----|-----------|----|---|--|--|--|
| 53 | 1.1  | Nguyễn Thị Hoài Phương               |            | #####      | Kinh  | Phó trạm    | 12/12 | Đại Học   | Bác sỹ      | V08.01.03  | Hạng III |    | UDCN TTCB | A2 | x |  |  |  |
| 54 | 1.2  | Lại Văn Thắng                        | 26/6/1978  |            | Kinh  | Phó trạm    | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ        | V.08.03.07 | Hạng IV  | TC | UDCN TTCB | DT | x |  |  |  |
|    | 2    | Viên chức chuyên môn                 |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |           |    |   |  |  |  |
| 55 | 2.1  | Hà Văn Đức                           | 27/11/1988 |            | Thái  |             | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ        | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | Cơ sở     | B  | x |  |  |  |
| 56 | 2.2  | Lường Thị Yến                        |            | 17/5/1987  | Thái  |             | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ        | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | UDCN TTCB | B  | x |  |  |  |
| 57 | 2.3  | Hà Văn Sơn                           | 19/8/1968  |            | Thái  |             | 12/12 | Trung cấp | Dân số viên | V.08.10.29 | Hạng IV  |    | Cơ sở     | B  | x |  |  |  |
| 58 | 2.4  | Lường Như Quỳnh                      |            | 06/11/1999 | Thái  |             | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh     | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | UDCN TTCB | A2 |   |  |  |  |
|    | VI   | TRẠM Y TẾ: VÂN HỒ                    |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |           |    |   |  |  |  |
|    | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |           |    |   |  |  |  |
| 59 | 1.1  | Hà Thanh Liêm                        | 20/8/1986  |            | Thái  | Trưởng trạm | 12/12 | Đại Học   | Bác sỹ      | V.08.01.03 | Hạng III | TC | Cơ sở     | B  | x |  |  |  |
| 60 | 1.2  | Mùi Thị Hân                          |            | 20/2/1979  | Mường | Phó trạm    | 12/12 | Trung cấp | Dân số viên | V.08.10.29 | Hạng IV  | SC | Cơ sở     | B  | x |  |  |  |
|    | 2    | Viên chức chuyên môn                 |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |           |    |   |  |  |  |
| 61 | 2.1  | Đỗ Thị Luyến                         |            | 11/4/1984  | Kinh  |             | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ        | V.08.03.07 | Hạng IV  | SC | Cơ sở     | B  | x |  |  |  |
| 62 | 2.2  | Tráng Thị Mai                        |            | 27/12/1981 | Mông  |             | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh     | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | Cơ sở     | B  | x |  |  |  |
| 63 | 2.3  | Hoàng Thị Kim Hoa                    |            | 03/11/1993 | Kinh  |             | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ        | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | Cơ sở     | B  | x |  |  |  |
| 64 | 2.4  | Hà Đức Thắng                         | 01/04/2001 |            | Thái  |             | 12/12 | Cao đẳng  | Điều dưỡng  | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | UDCN TTCB |    |   |  |  |  |
| 65 | 2.5  | Nguyễn Thị Hải Yến                   |            | #####      | Kinh  |             | 12/12 | Đại Học   | Điều dưỡng  | V.08.05.12 | Hạng III |    | UDCN TTCB | A2 |   |  |  |  |
|    | VII  | TRẠM Y TẾ: CHIỀNG YÊN                |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |           |    |   |  |  |  |
|    | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |           |    |   |  |  |  |
| 66 | 1.1  | Nguyễn Thị Tiểu                      |            | 10/8/1976  | Kinh  | Trưởng trạm | 12/12 | Đại Học   | Bác sỹ      | V.08.01.03 | Hạng III | TC | Cơ sở     | B  | x |  |  |  |
| 67 | 1.2  | Hà Thị Hoàn                          |            | 21/11/1983 | Thái  | Phó trạm    | 12/12 | Đại Học   | Điều dưỡng  | V.08.05.13 | Hạng IV  | SC | UDCN TTCB | B1 | x |  |  |  |
|    | 2    | Viên chức chuyên môn                 |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |           |    |   |  |  |  |
| 68 | 2.1  | Hà Văn Hiếu                          | 07/07/1977 |            | Thái  |             | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ        | V.08.03.07 | Hạng IV  | SC | Cơ sở     | B  | x |  |  |  |
| 69 | 2.2  | Hà Thị Bích                          |            | 23/9/1978  | Thái  |             | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ        | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | Cơ sở     | B  | x |  |  |  |
| 70 | 2.3  | Hà Thị Nga                           |            | 02/9/1993  | Thái  |             | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh     | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | Cơ sở     | B  | x |  |  |  |
| 71 | 2.4  | Hà Công Cương                        | 05/03/1975 |            | Thái  |             | 12/12 | Đại Học   | Dân số viên | V.08.10.29 | Hạng IV  | TC | UDCN TTCB | B1 | x |  |  |  |
|    | VIII | TRẠM Y TẾ: MƯỜNG MÈN                 |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |           |    |   |  |  |  |
|    | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |           |    |   |  |  |  |

|    |     |                                      |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |  |
|----|-----|--------------------------------------|------------|------------|-------|-------------|-------|-----------|-------------|------------|----------|----|--------------|----|---|--|--|--|
| 72 | 1.1 | Vì Văn Phón                          | 24/12/1974 |            | Thái  | Phó trạm    | 9/12  | Trung cấp | Y sỹ        | V.08.03.07 | Hạng IV  | SC | Cơ sở        | B  | x |  |  |  |
| 73 | 1.2 | Vì Thị Liên                          |            | #####      | Thái  | Phó trạm    | 12/12 | Đại Học   | Bác sỹ      | V.08.01.03 | Hạng III |    | Cơ sở        | C  | x |  |  |  |
|    | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |  |
| 74 | 2.1 | Ngân Thị Hoà                         |            | #####      | Thái  |             | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh     | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | Cơ sở        | B  | x |  |  |  |
| 75 | 2.2 | Mùi Văn Thành                        | 25/11/1990 |            | Mường |             | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ        | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | Cơ sở        | B  | x |  |  |  |
| 76 | 2.3 | Quảng Văn Dương                      | 19/5/1972  |            | Thái  |             | 12/12 | Đại Học   | Dân số viên | V.08.10.28 | Hạng III |    | UDCN<br>TTCB | A2 | x |  |  |  |
|    | IX  | TRẠM Y TẾ: QUANG MINH                |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |  |
|    | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |  |
| 77 | 1.1 | Hà Văn Dương                         | 05/11/1982 |            | Thái  | Phó trạm    | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ        | V.08.03.07 | Hạng IV  | SC | UDCN<br>TTCB | DT | x |  |  |  |
| 78 | 1.2 | Lường Văn Khánh                      | 25/5/1994  |            | Thái  | Phó trạm    | 12/12 | Đại Học   | Bác sỹ      | V.08.01.03 | Hạng IV  |    | UDCN<br>TTCB | B2 | x |  |  |  |
|    | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |  |
| 79 | 2.1 | Lò Thị Thu Oanh                      |            | 05/9/1973  | Thái  |             | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh     | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | UDCN<br>TTCB | DT | x |  |  |  |
| 80 | 2.2 | Hà Thị Du                            |            | 01/04/1973 | Thái  |             | 12/12 | Đại Học   | Dân số viên | V.08.10.28 | Hạng III |    | UDCN<br>TTCB | DT | x |  |  |  |
| 81 | 2.3 | Sông A Đức                           | 26/04/1997 |            | Mông  |             | 12/12 | Cao đẳng  | Điều dưỡng  | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | UDCN<br>TTCB | B  |   |  |  |  |
|    | X   | TRẠM Y TẾ: LIÊN HÒA                  |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |  |
|    | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |  |
| 82 | 1.1 | Đinh Đức Tiễn                        | 08/08/1967 |            | Mường | Trưởng trạm | 12/12 | Đại Học   | Bác sỹ      | V.08.01.03 | Hạng III | TC | UDCN<br>TTCB | DT | x |  |  |  |
|    | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |  |
| 83 | 2.1 | Lường Văn Hải                        | 28/8/1989  |            | Thái  |             | 12/12 | Trung cấp | Điều dưỡng  | V.08.05.13 | Hạng IV  | SC | Cơ sở        | B  | x |  |  |  |
| 84 | 2.2 | Đinh Thị Sỏi                         |            | 10/9/1968  | Mường |             | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh     | V.08.06.16 | Hạng IV  | SC | UDCN<br>TTCB | DT | x |  |  |  |
| 85 | 2.3 | Lường Thị Tiếp                       |            | 24/2/1986  | Thái  |             | 12/12 | Đại Học   | Dân số viên | V.08.10.28 | Hạng III | SC | UDCN<br>TTCB | DT | x |  |  |  |
|    | XI  | TRẠM Y TẾ: LÓNG LUÔNG                |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |  |
|    | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |  |
| 86 | 1.1 | Giàng A Tăng                         | 05/10/1981 |            | Mông  | Trưởng trạm | 12/12 | Đại Học   | Bác sỹ      | V.08.01.03 | Hạng III | TC | Cơ sở        | B  | x |  |  |  |
| 87 | 1.2 | Sông A Trắng                         | 11/10/1985 |            | Mông  | Phó trạm    | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ        | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | Cơ sở        | B  | x |  |  |  |
|    | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |            |       |             |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |  |
| 88 | 2.1 | Mùa Thị Ca                           |            | 13/12/1978 | Mông  |             | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh     | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | UDCN<br>TTCB | DT | x |  |  |  |
| 89 | 2.2 | Phàng Thị Cha                        |            | 08/10/1984 | Mông  |             | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ        | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | Cơ sở        | B  | x |  |  |  |
| 90 | 2.3 | Tềnh A Kháng                         | 17/5/1989  |            | Mông  |             | 12/12 | Trung cấp | Dân số viên | V.08.10.29 | Hạng IV  |    | Cơ sở        | B  | x |  |  |  |

|     |                                    |                                             |            |            |       |          |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |  |
|-----|------------------------------------|---------------------------------------------|------------|------------|-------|----------|-------|-----------|-------------|------------|----------|----|--------------|----|---|--|--|--|
| 91  | 2.4                                | Lường Hồng Nhung                            |            | #####      | Thái  |          | 12/12 | Cao đẳng  | Dược sỹ     | V.08.08.23 | Hạng IV  |    | UDCN<br>TTCB | A2 |   |  |  |  |
|     | <b>XII TRẠM Y TẾ: XUÂN NHA</b>     |                                             |            |            |       |          |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |  |
|     | <b>1</b>                           | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |       |          |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |  |
| 92  | 1.1                                | Đinh Văn Hoàn                               | 14/01/1970 |            | Mường | Phó trạm | 9/12  | Trung cấp | Y sỹ        | V.08.03.07 | Hạng IV  | TC | UDCN<br>TTCB | DT | x |  |  |  |
| 93  | 1.2                                | Hà Văn Huy                                  | 23/01/1975 |            | Thái  | Phó trạm | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ        | V.08.03.07 | Hạng IV  | SC | UDCN<br>TTCB | DT | x |  |  |  |
|     | <b>2</b>                           | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |       |          |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |  |
| 94  | 2.1                                | Hà Thị Diễm                                 |            | 18/6/1986  | Thái  |          | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh     | V.08.06.16 | Hạng IV  | TC | UDCN<br>TTCB | B  | x |  |  |  |
| 95  | 2.2                                | Hà Vân Anh                                  |            | 13/4/1991  | Thái  |          | 12/12 | Trung cấp | Điều dưỡng  | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | Cơ sở        | B  | x |  |  |  |
| 96  | 2.3                                | Mùi Thị Phụng                               |            | 16/8/1976  | Mường |          | 12/12 | Đại Học   | Dân số viên | V.08.10.29 | Hạng IV  |    | UDCN<br>TTCB | B1 | x |  |  |  |
|     | <b>XIII TRẠM Y TẾ: CHIỀNG XUÂN</b> |                                             |            |            |       |          |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |  |
|     | <b>1</b>                           | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |       |          |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |  |
| 97  | 1.1                                | Đỗ Thị Thu Hiền                             |            | 01/4/1984  | Kinh  | Phó trạm | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ        | V.08.03.07 | Hạng IV  | TC | Cơ sở        | B  | x |  |  |  |
| 98  | 1.2                                | Sa Thị Kim                                  |            | #####      | Thái  | Phó trạm | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ        | V.08.03.07 | Hạng IV  |    | Cơ sở        | B  | x |  |  |  |
|     | <b>2</b>                           | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |       |          |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |  |
| 99  | 2.1                                | Nguyễn Thị Hồng                             |            | 27/4/1984  | Kinh  |          | 12/12 | Đại học   | Điều dưỡng  | V.08.05.12 | Hạng III | SC | UDCN<br>TTCB | A2 | x |  |  |  |
| 100 | 2.2                                | Lò Thị Phụng                                |            | 08/12/1991 | Thái  |          | 12/12 | Trung cấp | Hộ sinh     | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | Cơ sở        | B  | x |  |  |  |
| 101 | 2.3                                | Phạm Tiến Giang                             | 25/4/1983  |            | Kinh  |          | 12/12 | Trung cấp | Dược sỹ     | V.08.08.23 | Hạng IV  |    | UDCN<br>TTCB | DT | x |  |  |  |
| 102 | 2.4                                | Vũ Thị Hương                                |            | 16/8/1985  | Kinh  |          | 12/12 | Trung cấp | Dân số viên | V.08.10.29 | Hạng IV  |    | Cơ sở        | B  | x |  |  |  |
|     | <b>XIV TRẠM Y TẾ: TÂN XUÂN</b>     |                                             |            |            |       |          |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |  |
|     | <b>1</b>                           | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |            |            |       |          |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |  |
| 103 | 1.1                                | Đinh Công Mão                               | 22/10/1983 |            | Mường | Phó trạm | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ        | V.08.03.07 | Hạng IV  | TC | Cơ sở        | B  | x |  |  |  |
| 104 | 1.2                                | Hà Thị Sim                                  |            | #####      | Thái  | Phó trạm | 12/12 | Đại Học   | Bác sỹ      | V08.01.03  | Hạng III |    | Cơ sở        | B2 | x |  |  |  |
|     | <b>2</b>                           | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |            |            |       |          |       |           |             |            |          |    |              |    |   |  |  |  |
| 105 | 2.1                                | Sùng A Lư                                   | 15/4/1979  |            | Mông  |          | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ        | V.08.03.07 | Hạng IV  | SC | Cơ sở        | B  | x |  |  |  |
| 106 | 2.2                                | Đặng Thị Bình                               |            | #####      | Dao   |          | 12/12 | Cao đẳng  | Hộ sinh     | V.08.06.16 | Hạng IV  |    | UDCN<br>TTCB | DT | x |  |  |  |
| 107 | 2.3                                | Đinh Công Duyệt                             | 05/07/1985 |            | Mường |          | 12/12 | Cao đẳng  | Dân số viên | V.08.10.29 | Hạng IV  |    | UDCN<br>TTCB | B  | x |  |  |  |
| 108 | 2.4                                | Cà Văn Trần                                 | 21/08/2000 |            | Thái  |          | 12/12 | Cao đẳng  | Điều dưỡng  | V.08.05.13 | Hạng IV  |    | UDCN<br>TTCB | B  | x |  |  |  |



**PHỤ LỤC I.11**  
**Biểu thống kê hiện trạng nhân lực tại Trung tâm Y tế và Trạm Y tế xã thuộc Trung tâm Y tế huyện Bắc Yên**  
*(Kèm theo Đề án kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)*

| TT | TT  | Họ và tên                                         | Ngày, tháng, năm sinh |            | Dân tộc | Chức vụ hoặc chức danh | Trình độ đào tạo và CDNN    |                             |                   |                          |                                      | Trình độ LLCT và Tin học, ngoại ngữ |                  |                                           | Các chứng chỉ/chứng nhận bồi dưỡng |                                                 |                                          | Ghi chú |
|----|-----|---------------------------------------------------|-----------------------|------------|---------|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-------------------|--------------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|------------------|-------------------------------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------|---------|
|    |     |                                                   | Nam                   | Nữ         |         |                        | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ đào tạo (cao nhất) | Chuyên ngành      | Mã chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp viên chức | Trình độ lý luận chính trị          | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ/tiếng dân tộc thiểu số | CC Hành nghề                       | CC Quản lý                                      | Bồi dưỡng QLNN                           |         |
|    | 1   | 2                                                 |                       | 4          | 5       | 6                      | 7                           | 8                           | 9                 | 10                       | 11                                   | 12                                  | 13               | 14                                        | 15                                 | 16                                              | 17                                       | 18      |
| A  |     | <b>TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BẮC YÊN: 29 VIÊN CHỨC</b> |                       |            |         |                        |                             |                             |                   |                          |                                      |                                     |                  |                                           |                                    |                                                 |                                          |         |
|    | I   | <b>Lãnh đạo Trung tâm (GD, PGD)</b>               |                       |            |         |                        |                             |                             |                   |                          |                                      |                                     |                  |                                           |                                    |                                                 |                                          |         |
| 1  | 1   | Phạm Văn Hợi                                      | 29/01/1971            |            | Kinh    | Giám Đốc               | 12/12                       | Đại học                     | Bác sỹ ĐK         | V.08.01.03               | Bác sỹ hạng III                      | Trung cấp                           | B                | Tiếng Anh trình độ B                      | 0008110/SL-CCHN                    | CC Quản lý y tế tuyến huyện số 295-Q2/2010-A007 | CC QLNN ngạch CV số 16220/TDTBD          |         |
| 2  | 2   | Bạch Văn Hoành                                    | 19/01/1979            |            | Kinh    | Phó Giám đốc           | 12/12                       | Thạc sĩ                     | Nội               | V.08.01.03               | Bác sỹ hạng III                      | Trung cấp                           | B                | Tiếng Anh trình độ B                      | 0008117/SL-CCHN                    | CC quản lý cấp phòng số 9081-22/HCQG            |                                          |         |
| 3  | 3   | Mùi Văn Điều                                      | 21/9/1979             |            | Mường   | Phó Giám đốc           | 12/12                       | Đại học                     | Bác sỹ ĐK         | V.08.01.03               | Bác sỹ hạng III                      | Trung cấp                           | Trình độ B       | Tiếng Anh trình độ B                      | 0002915/SL-CCHN                    |                                                 | CC QLNN ngạch Chuyên viên số 156/QĐ-ĐTBD |         |
|    | II  | <b>Các phòng chuyên môn/các khoa</b>              |                       |            |         |                        |                             |                             |                   |                          |                                      |                                     |                  |                                           |                                    |                                                 |                                          |         |
|    | 1   | <b>Phòng Hành chính - Tổng hợp</b>                |                       |            |         |                        |                             |                             |                   |                          |                                      |                                     |                  |                                           |                                    |                                                 |                                          |         |
| 4  | 1.1 | Đình Văn Thân                                     | 20/08/1991            |            | Mường   | Viên chức              | 12/12                       | Đại học                     | Y tế công cộng    | V.08.03.07               | Y sỹ hạng IV                         | sơ cấp                              | Ứng dụng CNTTCB  | Tiếng Anh trình độ B1                     | 0008120/SL-CCHN                    |                                                 |                                          |         |
| 5  | 1.2 | Dương Thị Phúc                                    |                       | 26/01/1987 | Kinh    | Viên chức              | 12/12                       | Thạc sĩ                     | Kế toán           | 6.031                    | Kế toán hạng III                     | Trung cấp                           | Trình độ B       | C                                         |                                    |                                                 | CC QLNN ngạch CV Số 6409-                |         |
| 6  | 1.3 | Vũ Thị Hải                                        |                       | 07/04/1973 | Kinh    | Viên chức              | 12/12                       | Đại học                     | Kế toán           | 6.031                    | Kế toán hạng III                     | Trung cấp                           | Trình độ B       | Tiếng Anh trình độ B                      |                                    |                                                 |                                          |         |
| 7  | 1.4 | Sa Thị Toan                                       |                       | 01/08/1977 | Thái    | Viên chức              | 12/12                       | Trung cấp                   | Y sỹ ĐK           | V08.03.07                | Y sỹ hạng IV                         | Trung cấp                           | Trình độ B       | Tiếng DT(Mông)                            |                                    |                                                 |                                          |         |
| 8  | 1.5 | Nguyễn Thị Phụng                                  |                       | 08/09/1984 | Kinh    | Viên chức              | 12/12                       | Đại học                     | Văn thư - Lưu trữ | V.01.02.03               | Lưu trữ hạng IV                      |                                     | Trình độ A       | Tiếng Anh trình độ B                      |                                    |                                                 |                                          |         |
|    | 2   | <b>Khoa Khám bệnh - Xét nghiệm - Dược</b>         |                       |            |         |                        |                             |                             |                   |                          |                                      |                                     |                  |                                           |                                    |                                                 |                                          |         |
| 9  | 2.1 | Phan Thị Anh Quyên                                |                       | 24/03/1978 | Kinh    | Trưởng khoa            | 12/12                       | Đại học                     | Bác sỹ ĐK         | V.08.01.03               | Bác sỹ hạng III                      | Trung cấp                           | Trình độ B       | Tiếng Anh trình độ B                      | 0008111/SL-CCHN                    | CC bồi dưỡng quản lý cấp phòng số 34/QĐ-TĐT     | CC QLNN ngạch CV số 10607-16/HCQG        |         |
| 10 | 2.2 | Đình Thị Thiên                                    |                       | 10/06/1971 | Mường   | Phó khoa               | 12/12                       | Đại học                     | NHS               | V.08.06.15               | NHS hạng III                         | Trung cấp                           | Trình độ B       | Tiếng Anh trình độ B                      | 00116/SL-CCHN                      |                                                 |                                          |         |

|    |     |                                                   |            |            |       |             |       |           |                |            |                          |           |                 |                       |                    |  |                                                |  |
|----|-----|---------------------------------------------------|------------|------------|-------|-------------|-------|-----------|----------------|------------|--------------------------|-----------|-----------------|-----------------------|--------------------|--|------------------------------------------------|--|
| 11 | 2.3 | Đào Thanh Hương                                   |            | 09/12/1992 | Kinh  | Viên chức   | 12/12 | Cao đẳng  | Kỹ thuật viên  | V.08.07.19 | Kỹ thuật viên hạng IV    |           | Trình độ B      | Tiếng Anh trình độ B  | 0001876/SL-CCHN    |  |                                                |  |
| 12 | 2.4 | Lê Thị Nga                                        |            | 20/03/1985 | Thái  | Viên chức   | 12/12 | Đại học   | Dược sĩ        | V.08.08.23 | Dược sỹ hạng IV          |           | Trình độ B      | Tiếng Anh trình độ B  | 1540/CCHN-D-SYT-SL |  |                                                |  |
| 13 | 2.5 | Lò Văn Cường                                      | 16/07/1990 |            | Thái  | Viên chức   | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV             |           | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng DT(Mông)        | 001154/SL-CCHN     |  |                                                |  |
|    | 3   | Khoa Truyền nhiễm - Kiểm soát bệnh tật & HIV/AIDS |            |            |       |             |       |           |                |            |                          |           |                 |                       |                    |  |                                                |  |
| 14 | 3.1 | Lê Thanh Chuân                                    |            | 22/02/1969 | Kinh  | Phó khoa    | 12/12 | Đại học   | Điều dưỡng     | V.08.05.12 | Điều dưỡng viên hạng III | Trung cấp | Trình độ B      | Tiếng Anh trình độ B  | 0008095/SL-CCHN    |  |                                                |  |
| 15 | 3.2 | Lò Thị Thu                                        |            | 15/06/1992 | Dao   | Viên chức   | 12/12 | Đại học   | Y tế công cộng | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV             |           | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B1 | 0008121/SL-CCHN    |  |                                                |  |
| 16 | 3.3 | Phạm Hoàng Thắng                                  | 22/09/1996 |            | Kinh  | Viên chức   | 12/12 | Trung cấp | Y sĩ đa khoa   | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV             |           | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B1 |                    |  |                                                |  |
| 17 | 3.4 | Sông A Tủa                                        | 23/02/1990 |            | Mông  | Viên chức   | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV             |           | Trình độ B      | Tiếng Anh trình độ B  |                    |  |                                                |  |
| 18 | 3.5 | Mùa A Minh                                        | 17/02/2001 |            | Mông  | Viên chức   | 12/12 | Cao đẳng  | Điều dưỡng     | V.08.03.07 | Điều dưỡng viên hạng IV  |           | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B  |                    |  |                                                |  |
|    | 4   | Khoa Y tế công cộng - Dinh dưỡng & ATTP           |            |            |       |             |       |           |                |            |                          |           |                 |                       |                    |  |                                                |  |
| 19 | 4.1 | Mùi Khương Duy                                    | 13/04/1975 |            | Mường | Trưởng Khoa | 12/12 | Đại học   | Bác sỹ ĐK      | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III          | Trung cấp | Trình độ B      | Tiếng Anh trình độ B  |                    |  | CC QLNN ngạch CV Số                            |  |
| 20 | 4.2 | Lý Trọng Nghiêm                                   | 15/04/1971 |            | Dao   | Phó khoa    | 12/12 | Đại học   | Bác sỹ ĐK      | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III          | Trung cấp | Trình độ B      | Tiếng Anh trình độ B  | 000004/SL-CCHN     |  |                                                |  |
| 21 | 4.3 | Đình Văn Huân                                     | 12/12/1974 |            | Mường | Viên chức   | 12/12 | Trung cấp | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng viên hạng IV  | sơ cấp    | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B  |                    |  |                                                |  |
| 22 | 4.4 | Phạm Thị Lan                                      |            | 28/08/1984 | Kinh  | Viên chức   | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV             |           | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B  |                    |  |                                                |  |
|    | 5   | Khoa Dân số - Truyền thông - Chăm sóc SKSS        |            |            |       |             |       |           |                |            |                          |           |                 |                       |                    |  |                                                |  |
| 23 | 5.1 | Lò Thị Thúy Điệp                                  |            | 11/01/1977 | Thái  | Trưởng Khoa | 12/12 | CK I      | Y học dự phòng | V.08.02.06 | Bác sỹ hạng III          | Cao cấp   | ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ C  |                    |  | CC QLNN ngạch CV SỐ 136/QĐ-TCT ngày 02/12/2011 |  |
| 24 | 5.2 | Trần Thị Thuyết                                   |            | 12/11/1975 | Kinh  | Phó khoa    | 12/12 | Đại học   | NHS            | V.08.06.15 | NHS hạng III             | Trung cấp | Trình độ B      | Tiếng Anh trình độ B  | 0005521/SL-CCHN    |  |                                                |  |
| 25 | 5.3 | Lê Thị Bích                                       |            | 01/01/1985 | Kinh  | Viên chức   | 12/12 | Đại học   | NHS            | V.08.06.16 | NHS hạng IV              |           | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B  | 0005519/SL-CCHN    |  |                                                |  |
| 26 | 5.4 | Lù Thị Lả                                         |            | 19/05/1992 | Thái  | Viên chức   | 12/12 | Cao đẳng  | NHS            | V.08.06.16 | NHS hạng IV              | sơ cấp    | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B  | 0005013/SL-CCHN    |  |                                                |  |
| 27 | 5.5 | Tráng Thị Chương                                  |            | 08/03/1976 | Mông  | Viên chức   | 12/12 | Cao đẳng  | NHS            | V.08.06.16 | NHS hạng IV              | sơ cấp    | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B  | 0005515/SL-CCHN    |  |                                                |  |
| 28 | 5.6 | Vì Văn Bàng                                       | 19/06/1990 |            | Thái  | Viên chức   | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK        | V.08.10.29 | Dân số viên hạng IV      |           | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ A2 |                    |  |                                                |  |
| 29 | 5.7 | Hà Thanh Mai                                      |            | 29/11/1991 | Kinh  | Viên chức   | 12/12 | Đại học   | Y tế công cộng | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III     |           | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B  |                    |  |                                                |  |
| B  |     | TRẠM Y TẾ XÃ, THỊ TRẤN: 97 VIÊN CHỨC              |            |            |       |             |       |           |                |            |                          |           |                 |                       |                    |  |                                                |  |

|    |     |                                      |            |            |       |                |       |           |                |            |                      |           |               |                       |                 |  |  |
|----|-----|--------------------------------------|------------|------------|-------|----------------|-------|-----------|----------------|------------|----------------------|-----------|---------------|-----------------------|-----------------|--|--|
|    | I   | TRẠM Y TẾ THỊ TRẦN                   |            |            |       |                |       |           |                |            |                      |           |               |                       |                 |  |  |
|    | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |       |                |       |           |                |            |                      |           |               |                       |                 |  |  |
| 30 | 1.1 | Đinh Thị Thường                      |            | 15/06/1969 | Mường | Trưởng trạm    | 12/12 | Đại học   | Bác sỹ ĐK      | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III      | Trung Cấp | Trình độ B    | Tiếng Anh trình độ B  | 001101/SL-CCHN  |  |  |
|    | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |            |       |                |       |           |                |            |                      |           |               |                       |                 |  |  |
| 31 | 2.1 | Mùi Thị Nhung                        |            | 12/12/1981 | Mường | Viên chức      | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ SN        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng III        | sơ cấp    | Trình độ B    | Tiếng Anh trình độ B  | 0002153/SL-CCHN |  |  |
| 32 | 2.2 | Nguyễn Thị Quỳnh                     |            | 10/11/1982 | Kinh  | Viên chức      | 12/12 | Cao đẳng  | NHS            | V.08.06.16 | NHS Hạng IV          | sơ cấp    | Trình độ B    | Tiếng Anh trình độ B  | 0002911/SL-CCHN |  |  |
| 33 | 2.3 | Trần Thị Huệ                         |            | 08/10/1985 | Kinh  | Viên chức      | 12/12 | Cao đẳng  | Dược sỹ        | V.08.08.23 | Dược hạng IV         | sơ cấp    | Trình độ B    | Tiếng Anh trình độ B  |                 |  |  |
| 34 | 2.4 | Đinh Trung Đức                       | 22/06/1994 |            | Mường | Viên chức      | 12/12 | Đại học   | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV   |           | Trình độ B    | Tiếng Anh trình độ B  |                 |  |  |
| 35 | 2.5 | Cầm Văn Quân                         | 28/10/1979 |            | Thái  | Viên chức      | 12/12 | Đại học   | Y tế công cộng | V.08.10.28 | DS Viên hạng III     | Trung Cấp | Trình độ B    | Tiếng Anh trình độ B  |                 |  |  |
| 36 | 2.6 | Đỗ Thị Hải Yến                       |            | 03/09/1990 | Kinh  | Viên chức      | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ           | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |           | Ứng dụng CNTT | Tiếng Anh trình độ B  | 0007186/SL-CCHN |  |  |
| 37 | 2.7 | Mùi Thị Uyên                         |            | 22/11/1977 | Mường | Viên chức      | 12/12 | Cao Đẳng  | NHS            | V.08.06.16 | NHS hạng IV          | Sơ cấp    | Ứng dụng CNTT | Tiếng Anh trình độ B  | 0002914/SL-CCHN |  |  |
|    | II  | TRẠM Y TẾ PHIẾNG BAN                 |            |            |       |                |       |           |                |            |                      |           |               |                       |                 |  |  |
|    | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |       |                |       |           |                |            |                      |           |               |                       |                 |  |  |
| 38 | 1,1 | Đinh Thị Tắc                         |            | 20/12/1983 | Mường | Trưởng trạm    | 12/12 | Đại học   | Bác sỹ ĐK      | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III      | Trung cấp | Trình độ B    | Tiếng Anh trình độ B  | 002150/SL-CCHN  |  |  |
| 39 | 1,2 | Hoàng Thị Lan                        |            | 20/12/1974 | Kinh  | P. Trưởng trạm | 12/12 | Trung cấp | NHS            | V.08.06.16 | NHS hạng IV          | Trung cấp | Trình độ B    | Tiếng Anh trình độ B  | 0002939/SL-CCHN |  |  |
|    | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |            |       |                |       |           |                |            |                      |           |               |                       |                 |  |  |
| 40 | 2.1 | Bạc Thị Lệ                           |            | 28/11/1980 | Thái  | Viên chức      | 12/12 | Đại học   | Điều dưỡng     | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         | Trung cấp | Trình độ B    | Tiếng Anh trình độ B  | 0002158/SL-CCHN |  |  |
| 41 | 2.2 | Sa Thị Thiện                         |            | 19/01/1981 | Thái  | Viên chức      | 12/12 | Đại học   | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV   | Sơ cấp    | Ứng dụng CNTT | Tiếng Anh trình độ B  | 0002937/SL-CCHN |  |  |
| 42 | 2.3 | Nguyễn Thị Nguyễn                    |            | 14/08/1983 | Kinh  | Viên chức      | 12/12 | Đại học   | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV   | Sơ cấp    | Ứng dụng CNTT | Tiếng Anh trình độ B  | 0007175/SL-CCHN |  |  |
| 43 | 2.4 | Lò Thị Thành                         |            | 24/11/1981 | Thái  | Viên chức      | 12/12 | Đại học   | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV   | Sơ cấp    | Ứng dụng CNTT | Tiếng Anh trình độ B  | 0002936/SL-CCHN |  |  |
| 44 | 2.5 | Đinh Thị Nhu                         |            | 08/10/1987 | Mường | Viên chức      | 12/12 | Cao Đẳng  | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV   | Sơ Cấp    | Ứng dụng CNTT | Tiếng Anh trình độ B1 | 007176/SL-CCHN  |  |  |
| 45 | 2.6 | Trần Thị Hiền                        |            | 03/09/1982 | Kinh  | Viên chức      | 12/12 | Cao Đẳng  | Dược sỹ        | V.08.08.23 | Dược sỹ hạng IV      | Sơ cấp    | Trình độ B    | Tiếng Anh trình độ B  |                 |  |  |
| 46 | 2.7 | Lường Thị Liêm                       |            | 06/08/1987 | Thái  | Viên chức      | 12/12 | Đại học   | Y tế công cộng | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III | Sơ cấp    | Ứng dụng CNTT | Tiếng Anh trình độ B  | 0002931/SL-CCHN |  |  |
|    | III | TRẠM Y TẾ HỒNG NGÀI                  |            |            |       |                |       |           |                |            |                      |           |               |                       |                 |  |  |

|    |     |                          |                                                    |            |       |                   |       |                |                   |            |                            |              |                    |                          |                 |  |  |  |
|----|-----|--------------------------|----------------------------------------------------|------------|-------|-------------------|-------|----------------|-------------------|------------|----------------------------|--------------|--------------------|--------------------------|-----------------|--|--|--|
|    |     | <b>1</b>                 | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |       |                   |       |                |                   |            |                            |              |                    |                          |                 |  |  |  |
| 47 | 1.1 | Nguyễn Thị Lan           |                                                    | 05/07/1978 | Kinh  | Trưởng<br>trạm    | 12/12 | Sau Đại<br>học | Bác sỹ<br>ck1     | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng<br>III         | Trung<br>cấp | Trình độ<br>B      | Tiếng Anh<br>trình độ B  | 0002933/SL-CCHN |  |  |  |
|    |     | <b>2</b>                 | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |       |                   |       |                |                   |            |                            |              |                    |                          |                 |  |  |  |
| 48 | 2.1 | Hoàng Thị Quỳnh<br>Trang |                                                    | 11/03/1989 | Tày   | Viên chức         | 12/12 | Trung cấp      | Y sỹ ĐK           | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV               | Sơ cấp       | Trình độ<br>B      | Tiếng Anh<br>trình độ B  | 0002149/SL-CCHN |  |  |  |
| 49 | 2.2 | Đinh Thị Viêng           |                                                    | 16/11/1990 | Mường | Viên chức         | 12/12 | Trung cấp      | Y sỹ ĐK           | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV               | Sơ cấp       | Trình độ<br>B      | Tiếng Anh<br>trình độ B  | 007174/SL-CCHN  |  |  |  |
| 50 | 2.3 | Đinh Thị Thảo            |                                                    | 18/03/1977 | Kinh  | Viên chức         | 12/12 | Trung cấp      | NHS               | V.08.06.16 | NHS hạng IV                | Trung<br>cấp |                    | Tiếng Anh<br>trình độ B  | 0002934/SL-CCHN |  |  |  |
| 51 | 2.4 | Hà Thị Khéo              |                                                    | 02/07/1987 | Thái  | Viên chức         | 12/12 | Đại học        | Y tế công<br>cộng | V.08.10.28 | Dân số viên<br>hạng III    | Sơ cấp       | Trình độ<br>B      | Tiếng Anh<br>trình độ B  | 0007181/SL-CCHN |  |  |  |
| 52 | 2.5 | Mùa A Trư                | 05/09/1975                                         |            | HMông | Viên chức         | 12/12 | Sơ cấp         | Điều<br>dưỡng     | 16b.122    | Điều dưỡng sơ<br>cấp       | Sơ cấp       | Trình độ<br>B      | Tiếng Anh<br>trình độ B  |                 |  |  |  |
| 53 | 2.6 | Lê Thị Thúy              |                                                    | 05/09/1985 | Kinh  | Viên chức         | 12/12 | Đại học        | Điều<br>dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng<br>viên hạng IV | sơ cấp       | Trình độ<br>B      | Tiếng Anh<br>trình độ B1 | 0002930/SL-CCHN |  |  |  |
|    |     | <b>IV</b>                | <b>TRẠM Y TẾ SONG PE</b>                           |            |       |                   |       |                |                   |            |                            |              |                    |                          |                 |  |  |  |
|    |     | <b>1</b>                 | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |       |                   |       |                |                   |            |                            |              |                    |                          |                 |  |  |  |
|    |     | <b>2</b>                 | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |       |                   |       |                |                   |            |                            |              |                    |                          |                 |  |  |  |
| 54 | 2.1 | Đinh Văn Việt            | 08/11/1977                                         |            | Mường | Phụ trách<br>Trạm | 12/12 | Trung cấp      | Y sỹ<br>YHDT      | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV               | Trung<br>cấp | Ứng dụng<br>CNTTCB | Tiếng Anh<br>trình độ B1 | 006068/SL-CCHN  |  |  |  |
| 55 | 2.2 | Đinh Văn Thuận           | 21/06/1989                                         |            | Mường | Viên chức         | 12/12 | Trung cấp      | Y sỹ ĐK           | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV               | Sơ cấp       | Ứng dụng<br>CNTTCB |                          | 0004848/SL-CCHN |  |  |  |
| 56 | 2.3 | Lò Thị Khuyên            |                                                    | 27/03/1970 | Thái  | Viên chức         | 12/12 | Trung cấp      | Điều<br>dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng<br>hạng IV      | Sơ cấp       | Ứng dụng<br>CNTTCB |                          | 0002924/SL-CCHN |  |  |  |
| 57 | 2.4 | Lò Thị Kim Loan          |                                                    | 28/02/1977 | Thái  | Viên chức         | 12/12 | Cao đẳng       | NHS               | 16.298     | Nữ hộ sinh sơ<br>cấp       |              | Ứng dụng<br>CNTTCB | Tiếng<br>DT(Mông)        |                 |  |  |  |
| 58 | 2.5 | Lường Nhật Nam           | 07/09/1994                                         |            | Thái  | Viên chức         | 12/12 | Đại học        | Điều<br>dưỡng     | V.08.10.29 | Dân số viên<br>hạng IV     |              | Ứng dụng<br>CNTTCB | Tiếng Anh<br>trình độ B1 |                 |  |  |  |
|    |     | <b>V</b>                 | <b>TRẠM Y TẾ TẠ KHOA</b>                           |            |       |                   |       |                |                   |            |                            |              |                    |                          |                 |  |  |  |
|    |     | <b>1</b>                 | <b><i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i></b> |            |       |                   |       |                |                   |            |                            |              |                    |                          |                 |  |  |  |
| 59 | 1.1 | Hà Văn Ấn                | 14/04/1972                                         |            | Thái  | Trưởng<br>trạm    | 12/12 | Sau Đại<br>học | Bác sỹ<br>ck1     | V08.01.03  | Bác sỹ hạng<br>III         | Trung<br>cấp | Trình độ<br>B      | Tiếng Anh<br>trình độ B  | 0002919/SL-CCHN |  |  |  |
|    |     | <b>2</b>                 | <b><i>Viên chức chuyên môn</i></b>                 |            |       |                   |       |                |                   |            |                            |              |                    |                          |                 |  |  |  |
| 60 | 2.1 | Đinh Văn Nguyệt          | 19/02/1987                                         |            | Mường | Viên chức         | 12/12 | Đại Học        | Y tế công<br>cộng | V.08.10.28 | Dân số viên<br>hạng III    | Sơ cấp       | Ứng dụng<br>CNTTCB | Tiếng Anh<br>trình độ B  | 0007178/SL-CCHN |  |  |  |
| 61 | 2.2 | Đinh Văn Tiêm            | 10/06/1990                                         |            | Mường | Viên chức         | 12/12 | Đại học        | Y tế công<br>cộng | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV               |              | Ứng dụng<br>CNTTCB | Tiếng Anh<br>trình độ B  | 0002154/SL-CCHN |  |  |  |
| 62 | 2.3 | Quảng Văn Hòa            | 22/12/1965                                         |            | Thái  | Viên chức         | 07/10 | Trung cấp      | Y sỹ ĐK           | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV               | Sơ cấp       | Ứng dụng<br>CNTTCB | Tiếng Anh<br>trình độ B  | 0001853/SL-CCHN |  |  |  |
| 63 | 2.4 | Giàng A Chổng            | 07/05/1996                                         |            | Mông  | Viên chức         | 12/12 | Cao Đẳng       | Điều<br>dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng<br>hạng IV      |              | Ứng dụng<br>CNTTCB | Tiếng Anh<br>trình độ B  |                 |  |  |  |

|    |      |                                      |            |            |        |                |       |           |                |            |                         |           |                 |                       |                    |  |  |  |
|----|------|--------------------------------------|------------|------------|--------|----------------|-------|-----------|----------------|------------|-------------------------|-----------|-----------------|-----------------------|--------------------|--|--|--|
| 64 | 2.5  | Đinh Thị Dung                        |            | 25/10/1997 | Mường  | Viên chức      | 12/12 | Cao Đẳng  | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV      |           | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B  |                    |  |  |  |
| 65 | 2.6  | Mùi Thị Mai                          |            | 30/10/1969 | Mường  | Viên chức      | 07/10 | Sơ cấp    | NHS            | 16.298     | Hộ sinh sơ cấp          |           |                 |                       |                    |  |  |  |
|    | VI   | TRẠM Y TẾ MƯỜNG KHOA                 |            |            |        |                |       |           |                |            |                         |           |                 |                       |                    |  |  |  |
|    | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |        |                |       |           |                |            |                         |           |                 |                       |                    |  |  |  |
| 66 | 1.1  | Hà Văn Hóa                           | 29/09/1972 |            | Thái   | Trưởng trạm    | 12/12 | Đại học   | Bác sỹ         | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III         | Trung cấp | Trình độ B      | Tiếng Anh trình độ B  | 0002922/SL-CCHN    |  |  |  |
|    | 2    | Viên chức chuyên môn                 |            |            |        |                |       |           |                |            |                         |           |                 |                       |                    |  |  |  |
| 67 | 2.1  | Lữ Văn Huân                          | 26/11/1984 |            | Thái   | Viên chức      | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ           | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV            | Sơ cấp    | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B2 | 0007173/SL-CCHN    |  |  |  |
| 68 | 2.2  | Lữ Thị Thoa                          |            | 17/07/1980 | Thái   | Viên chức      | 12/12 | Trung cấp | Dược sỹ        | V.08.10.29 | Dân số viên hạng IV     |           | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B1 | 1532/CCHN-D-SYT-SL |  |  |  |
| 69 | 2.3  | Quảng Thị Kiều                       |            | 11/07/1980 | Thái   | Viên chức      | 12/12 | Trung cấp | NHS            | V.08.06.16 | NHS hạng IV             | Sơ cấp    | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B  |                    |  |  |  |
| 70 | 2.4  | Lò Văn Xuân                          | 05/10/1969 |            | Thái   | Viên chức      | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ           | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV            | Sơ cấp    | Ứng dụng CNTTCB |                       | 0002156/SL - CCHN  |  |  |  |
|    | VII  | TRẠM Y TẾ HUA NHÀN                   |            |            |        |                |       |           |                |            |                         |           |                 |                       |                    |  |  |  |
|    | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |        |                |       |           |                |            |                         |           |                 |                       |                    |  |  |  |
| 71 | 1.1  | Hoàng Văn Linh                       | 27/07/1971 |            | Thái   | Trưởng trạm    | 12/12 | Đại học   | Bác sỹ ĐK      | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III         | Trung cấp | Trình độ B      | Tiếng Anh trình độ B  | 0002910/SL-CCHN    |  |  |  |
|    | 2    | Viên chức chuyên môn                 |            |            |        |                |       |           |                |            |                         |           |                 |                       |                    |  |  |  |
| 72 | 2.1  | Mê Thị Quyết                         |            | 02/07/1986 | Khơ mú | Viên chức      | 12/12 | Đại học   | Y tế công cộng | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III    | Sơ cấp    | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng DT(Mông)        |                    |  |  |  |
| 73 | 2.2  | Lữ Thị Hào                           |            | 28/07/1992 | Thái   | Viên chức      | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV            |           |                 |                       |                    |  |  |  |
| 74 | 2.3  | Quảng Thị Chinh                      |            | 11/11/1986 | Thái   | Viên chức      | 12/12 | Đại học   | Điều dưỡng     | V.08.06.16 | NHS hạng IV             | Sơ cấp    | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B1 | 002903/SL-CCHN     |  |  |  |
|    | VIII | TRẠM Y TẾ CHIỀNG SẠI                 |            |            |        |                |       |           |                |            |                         |           |                 |                       |                    |  |  |  |
|    | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |        |                |       |           |                |            |                         |           |                 |                       |                    |  |  |  |
|    | 2    | Viên chức chuyên môn                 |            |            |        |                |       |           |                |            |                         |           |                 |                       |                    |  |  |  |
| 75 | 2.1  | Đinh Văn Lịch                        | 10/09/1974 |            | Mường  | Phụ trách Trạm | 12/12 | Trung Cấp | Y sỹ SN        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV            | Trung cấp | Trình độ B      | Tiếng Anh trình độ B  | 0002151/SL-CCHN    |  |  |  |
| 76 | 2.2  | Đinh Văn Tân                         | 07/09/1973 |            | Mường  | Viên chức      | 12/12 | Trung Cấp | Y sỹ ĐK        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV            | Sơ cấp    | Trình độ B      | Tiếng Anh trình độ B  | 0002927/SL-CCHN    |  |  |  |
| 77 | 2.3  | Đinh Văn Dụng                        | 07/07/1985 |            | Mường  | Viên chức      | 12/12 | Đại học   | Y tế công cộng | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III    | Sơ cấp    | Trình độ B      | Tiếng Anh trình độ B  |                    |  |  |  |
| 78 | 2.4  | Đinh Thị Tâm                         |            | 13/04/1996 | Mường  | Viên chức      | 12/12 | Cao đẳng  | NHS            | V.08.06.16 | NHS hạng IV             |           | Trình độ B      | Tiếng Anh trình độ B  |                    |  |  |  |
| 79 | 2.5  | Đinh Văn Tốc                         | 10/11/1988 |            | Dao    | Viên chức      | 12/12 | Đại học   | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng viên hạng IV | Sơ cấp    | Trình độ A      | Tiếng Anh trình độ B1 | 0002926/SL-CCHN    |  |  |  |
|    | IX   | TRẠM Y TẾ PHIỀNG CÔN                 |            |            |        |                |       |           |                |            |                         |           |                 |                       |                    |  |  |  |
|    | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |        |                |       |           |                |            |                         |           |                 |                       |                    |  |  |  |
| 80 | 1.1  | Hoàng Bình Tuân                      | 21/01/1978 |            | Kinh   | Trưởng trạm    | 12/12 | Đại học   | Bác sỹ ĐK      | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III         | Trung cấp | Trình độ B      | Tiếng Anh trình độ B  | 0002252/SL-CCHN    |  |  |  |
| 81 | 1.2  | Lò Văn Kêu                           | 29/01/1969 |            | Dao    | Phó trạm       | 12/12 | Trung cấp | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng viên hạng IV | Trung cấp | Trình độ A      | Tiếng Anh trình độ B  | 0002925/SL-CCHN    |  |  |  |

|     |     |                                      |            |            |       |                |       |                |                |            |                         |           |                 |                       |                 |  |  |  |
|-----|-----|--------------------------------------|------------|------------|-------|----------------|-------|----------------|----------------|------------|-------------------------|-----------|-----------------|-----------------------|-----------------|--|--|--|
|     | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |            |       |                |       |                |                |            |                         |           |                 |                       |                 |  |  |  |
| 82  | 2.1 | Lò Văn Huỷ                           | 19/11/1980 |            | Dao   | Viên chức      | 12/12 | Đại học        | Điều dưỡng     | V08.03.07  | Y sỹ hạng IV            |           | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B1 | 0007150/SL-CCHN |  |  |  |
| 83  | 2.2 | Lò Thị Hơ                            |            | 03/06/1980 | Dao   | Viên chức      | 9/12  | Sơ cấp         | Điều dưỡng     | 16.136     | Dân số viên sơ cấp      |           | Trình độ A      | Tiếng Anh trình độ B  |                 |  |  |  |
| 84  | 2.3 | Lò Thị Tươi                          |            | 25/10/1984 | Dao   | Viên chức      | 12/12 | Trung cấp      | Y sỹ ĐK        | V08.03.07  | Y sỹ hạng IV            |           | Trình độ A      | Tiếng Anh trình độ B  | 0007182/SL-CCHN |  |  |  |
|     | X   | TRẠM Y TẾ CHIM VÂN                   |            |            |       |                |       |                |                |            |                         |           |                 |                       |                 |  |  |  |
|     | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |       |                |       |                |                |            |                         |           |                 |                       |                 |  |  |  |
| 85  | 1.1 | Lò Văn Puôn                          | 17/4/1970  |            | Thái  | P. Trưởng trạm | 12/12 | Trung cấp      | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng viên hạng IV | Trung cấp | Trình độ B      | Tiếng Anh trình độ B  | 0002916/SL-CCHN |  |  |  |
|     | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |            |       |                |       |                |                |            |                         |           |                 | Tiếng Anh trình độ B  |                 |  |  |  |
| 86  | 2.1 | Mùi Thị Khú                          |            | 24/8/1973  | Mường | Viên chức      | 12/12 | Trung cấp      | NHS            | V.08.06.16 | NHS hạng IV             | Sơ cấp    | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B  | 000934/SL-CCHN  |  |  |  |
| 87  | 2.2 | Cầm Văn Lim                          | 06/07/1988 |            | Thái  | Viên chức      | 12/12 | Trung cấp      | Y sỹ ĐK        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV            | Sơ cấp    | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B  | 0005014/SL-CCHN |  |  |  |
| 88  | 2.3 | Cầm Văn Dừa                          | 12/12/1985 |            | Thái  | Viên chức      | 12/12 | Y tế công cộng | Y tế công cộng | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III    | Sơ cấp    | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B  | 0007147/SL-CCHN |  |  |  |
| 89  | 2.4 | Mùi Văn Thành                        | 19/9/1982  |            | Mường | Viên chức      | 12/12 | Đại học        | Điều dưỡng     | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV            | Sơ cấp    | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B  | 0007177/SL-CCHN |  |  |  |
|     | XI  | TRẠM Y TẾ PẮC NGÀ                    |            |            |       |                |       |                |                |            |                         |           |                 |                       |                 |  |  |  |
|     | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |            |       |                |       |                |                |            |                         |           |                 |                       |                 |  |  |  |
| 90  | 1.1 | Vì Văn Xôm                           | 15/09/1974 |            | Thái  | Trưởng Trạm    | 12/12 | Đại học        | Bác sỹ ĐK      | V08.01.03  | Bác sỹ hạng III         | Trung cấp | Trình độ C      | Tiếng Anh trình độ B  | 0002128/SL-CCHN |  |  |  |
|     | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |            |       |                |       |                |                |            |                         |           |                 |                       |                 |  |  |  |
| 91  | 2.1 | Lò Văn Tem                           | 11/07/1985 |            | Thái  | Viên chức      | 12/12 | Đại học        | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV      |           | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B1 | 0001856/SL-CCHN |  |  |  |
| 92  | 2.2 | Lò Văn Thận                          | 06/05/1989 |            | Thái  | Viên chức      | 12/12 | Trung cấp      | Y sĩ ĐK        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV            |           | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B1 | 007148/SL-CCHN  |  |  |  |
| 93  | 2.3 | Hoàng Văn Phìn                       | 02/06/1976 |            | Thái  | Viên chức      | 10/12 | Trung cấp      | Y sỹ SN        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV            |           | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B1 | 0001855/SLCCHN  |  |  |  |
| 94  | 2.4 | Lò Văn Mai                           | 19/02/1992 |            | Thái  | Viên chức      | 12/12 | Cao đẳng       | Dược sỹ        | 16.136     | Dân số viên hạng IV     | Sơ cấp    | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ A  |                 |  |  |  |
| 95  | 2.5 | Lò Văn Quý                           | 13/08/1996 |            | Thái  | Viên chức      | 12/12 | Trung cấp      | Y sỹ           | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV            |           | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B1 |                 |  |  |  |
| 96  | 2.6 | Lữ Thị Xiềng                         |            | 27/12/1969 | Thái  | Viên chức      | 12/12 | Trung cấp      | NHS            | V.08.06.16 | NHS hạng IV             |           | Ứng dụng CNTTCB |                       | 0001854/SL-CCHN |  |  |  |
|     | XII | TRẠM Y TẾ TÀ XÙA                     |            |            |       |                |       |                |                |            |                         |           |                 |                       |                 |  |  |  |
| 97  | 1.1 | Hà Văn Biễn                          | 20/01/1979 |            | Thái  | Trưởng trạm    | 12/12 | Đại học        | Bác sỹ ĐK      | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III         | Trung cấp | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng DT(Mông)        | 002162/SL-CCHN  |  |  |  |
| 98  | 1.2 | Hà Thị Hoài Thương                   |            | 12/08/1975 | Thái  | P. trưởng trạm | 12/12 | Trung cấp      | NHS            | V.08.06.16 | NHS hạng IV             | Trung cấp | Trình độ B      | Tiếng Anh trình độ B  | 0002941/SL-CCHN |  |  |  |
|     | 2   | Viên chức chuyên môn                 |            |            |       |                |       |                |                |            |                         |           |                 |                       |                 |  |  |  |
| 99  | 2.1 | Sòng A Lữ                            | 08/08/1981 |            | Mông  | Viên chức      | 12/12 | Đại học        | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV      | Sơ cấp    | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B  | 0002929/SL-CCHN |  |  |  |
| 100 | 2.2 | Mùi Thị Mơ                           |            | 01/12/1990 | Mường | Viên chức      | 12/12 | Trung cấp      | Y sỹ           | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV            | Sơ cấp    |                 |                       | 0002159/SL-CCHN |  |  |  |

|     |      |                                      |             |            |       |                |       |           |                |            |                         |           |                 |                       |                    |  |  |  |
|-----|------|--------------------------------------|-------------|------------|-------|----------------|-------|-----------|----------------|------------|-------------------------|-----------|-----------------|-----------------------|--------------------|--|--|--|
| 101 | 2.3  | Lò Thị Ngoan                         |             | 02/08/1993 | Thái  | Viên chức      | 12/12 | Đại học   | Y tế công cộng | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III    |           | Trình độ B      |                       |                    |  |  |  |
| 102 | 2.4  | Sùng A Cái                           | 10/12/1999  |            | Mông  | Viên chức      | 12/12 | Cao đẳng  | Dược sỹ        | V.08.08.23 | Dược sỹ hạng IV         |           |                 |                       | 2064/CCHN-D-SYT-SL |  |  |  |
| 103 | 2.5  | Đinh Văn Năm                         | 06/10/1989  |            | Mường | Viên chức      | 12/12 | Đại học   | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV      | Sơ cấp    | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B  | 0005520/SL-CCHN    |  |  |  |
|     | XIII | TRẠM Y TẾ HÁNG ĐỒNG                  |             |            |       |                |       |           |                |            |                         |           |                 |                       |                    |  |  |  |
|     | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |             |            |       |                |       |           |                |            |                         |           |                 |                       |                    |  |  |  |
|     | 2    | Viên chức chuyên môn                 |             |            |       |                |       |           |                |            |                         |           |                 |                       |                    |  |  |  |
| 104 | 2.1  | Hà Tiến Vinh                         | 31/12/1982  |            | Thái  | Phụ trách Trạm | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK        | V.08.03.07 | y sỹ hạng IV            | Sơ Cấp    | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B1 | 0005018/SL-CCHN    |  |  |  |
| 105 | 2.2  | Mùa A Say                            | 09/04/1976  |            | Mông  | Viên chức      | 12/12 | Trung cấp | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV      | Sơ Cấp    | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B  | 0002906/SL-CCHN    |  |  |  |
| 106 | 2.3  | Lừ Văn Thức                          | 15/12/1980  |            | Thái  | Viên chức      | 12/12 | Trung cấp | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV      |           |                 |                       |                    |  |  |  |
| 107 | 2.4  | Lường Thị Phúc                       |             | 06/12/1983 | Thái  | Viên chức      | 12/12 | Đại học   | NHS            | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng IV         | Sơ Cấp    | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B  | 0002908/SL-CCHN    |  |  |  |
| 108 | 2.5  | Mùa A Bá                             | 08/06/1983  |            | Mông  | Viên chức      | 12/12 | Sơ Cấp    | Điều dưỡng     | 16b.122    | Dân số viên sơ cấp      | Sơ Cấp    | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B  |                    |  |  |  |
|     | XIV  | TRẠM Y TẾ LÀNG CHÈU                  |             |            |       |                |       |           |                |            |                         |           |                 |                       |                    |  |  |  |
|     | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |             |            |       |                |       |           |                |            |                         |           |                 |                       |                    |  |  |  |
|     | 2    | Viên chức chuyên môn                 |             |            |       |                |       |           |                |            |                         |           |                 |                       |                    |  |  |  |
| 109 | 2.1  | Hạng A Thái                          | 05/10/1978  |            | Mông  | Phụ trách Trạm | 12/12 | Đại học   | Điều dưỡng     | V.08.03.07 | Điều dưỡng viên hạng IV | Sơ cấp    | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B  | 0001802/SL-CCHN    |  |  |  |
| 110 | 2.2  | Nguyễn Thị Xuyên                     |             | 09/11/1981 | Kinh  | Viên chức      | 12/12 | Cao Đẳng  | NHS            | V.08.06.16 | Hộ sinh hạng IV         | Sơ cấp    | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng DT(Mông)        | 0007100/SL-CCHN    |  |  |  |
| 111 | 2.3  | Lù A Cửa                             | 20/11/1975  |            | Mông  | Viên chức      | 9/12  | Sơ cấp    | Điều dưỡng     | 16b.122    | Điều dưỡng sơ cấp       |           |                 |                       |                    |  |  |  |
| 112 | 2.4  | Hạng A Nênh                          | 12/07/10984 |            | Mông  | Viên chức      | 12/12 | Cao Đẳng  | Điều dưỡng     | V.08.10.29 | Dân số viên hạng IV     | Sơ cấp    | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ B  |                    |  |  |  |
| 113 | 2.5  | Thào A Nhìa                          | 06/04/1984  |            | Mông  | Viên chức      | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV            | Sơ cấp    | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng DT(Mông)        | 0005017/SL-CCHN    |  |  |  |
|     | XV   | TRẠM Y TẾ XÍM VÀNG                   |             |            |       |                |       |           |                |            |                         |           |                 |                       |                    |  |  |  |
|     | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |             |            |       |                |       |           |                |            |                         |           |                 |                       |                    |  |  |  |
|     | 2    | Viên chức chuyên môn                 |             |            |       |                |       |           |                |            |                         |           |                 |                       |                    |  |  |  |
| 114 | 2.1  | Hoàng Văn Hiền                       | 08/09/1991  |            | Thái  | Phụ trách Trạm | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK        | V08.03.07  | Y sỹ hạng IV            | Trung cấp | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng DT(Mông)        | 0005535/SL-CCHN    |  |  |  |
| 115 | 2.2  | Hạng Thị Xúa                         |             | 08/09/1985 | Mông  | Viên chức      | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK        | V08.03.07  | Y sỹ hạng IV            |           | Ứng dụng CNTTCB |                       | 007151/SL-CCHN     |  |  |  |
| 116 | 2.3  | Lường Văn Viễn                       | 20/06/1978  |            | Thái  | Viên chức      | 12/12 | CD        | Dược sỹ        | V08.08.23  | Dược sỹ hạng IV         | Sơ cấp    | Trình độ B      | Tiếng Anh trình độ B  |                    |  |  |  |
| 117 | 2.4  | Mùa A Trù                            | 14/04/1986  |            | Mông  | Viên chức      | 12/12 | Trung cấp | Lâm sinh       | V.08.10.29 | Dân số viên hạng IV     | Sơ cấp    | Ứng dụng CNTTCB |                       |                    |  |  |  |
| 118 | 2.5  | Hạng A Sà                            | 10/06/1971  |            | Mông  | Viên chức      | 9/12  | SC        | Điều dưỡng     | 16b.112    | Điều dưỡng sơ cấp       | Sơ cấp    |                 |                       |                    |  |  |  |
| 119 | 2.6  | Đinh Thị Thu                         |             | 08/07/1979 | Thái  | Viên chức      | 12/12 | Đại học   | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV      | Trung cấp | Trình độ B      | Tiếng Anh trình độ B  | 0002866/SL-CCHN    |  |  |  |
| 120 | 2.7  | Trịnh Thị Hoa                        |             | 10/06/1969 | Kinh  | Viên chức      | 12/12 | Trung cấp | NHS            | V.08.06.16 | NHS hạng IV             |           | Trình độ        |                       | 0002945/SL-CCHN    |  |  |  |

|     |     |                                             |            |            |       |             |       |           |                |            |                      |           |                 |                       |                 |  |  |
|-----|-----|---------------------------------------------|------------|------------|-------|-------------|-------|-----------|----------------|------------|----------------------|-----------|-----------------|-----------------------|-----------------|--|--|
|     | XVI | TRẠM Y TẾ HANG CHÚ                          |            |            |       |             |       |           |                |            |                      |           |                 |                       |                 |  |  |
|     | 1   | <i>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</i> |            |            |       |             |       |           |                |            |                      |           |                 |                       |                 |  |  |
| 121 | 1.1 | Nguyễn Văn Toàn                             | 09/06/1987 |            | Kinh  | Trưởng trạm | 12/12 | Đại học   | Bác sỹ ĐK      | V.08.01.03 | Bác sỹ hạng III      | Sơ cấp    | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ A2 | 005303/SL-CCHN  |  |  |
|     | 2   | <i>Viên chức chuyên môn</i>                 |            |            |       |             |       |           |                |            |                      |           |                 |                       |                 |  |  |
| 122 | 2.1 | Mùa Thị Chư                                 |            | 06/05/1984 | Mông  | Viên chức   | 12/12 | Đại học   | Y tế công cộng | V.08.10.28 | Dân số viên hạng III | Sơ cấp    | Ứng dụng CNTTCB | Tiếng Anh trình độ A2 | 007172/SL-CCHN  |  |  |
| 123 | 2.2 | Đình Thị Lan                                |            | 02/06/1985 | Mường | Viên chức   | 12/12 | Cao đẳng  | NHS            | V.08.06.16 | NHS hạng IV          |           | Trình độ B      | Tiếng Anh trình độ B  | 0002899/SL-CCHN |  |  |
| 124 | 2.3 | Lò Thị Khâu                                 |            | 19/04/1981 | Thái  | Viên chức   | 12/12 | Đại học   | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV   | Sơ cấp    | Trình độ B      | Tiếng Anh trình độ B  | 0002901/SL-CCHN |  |  |
| 125 | 2.4 | Giàng Thị Phénh                             |            | 16/02/1985 | Mông  | Viên chức   | 12/12 | Trung cấp | Y sỹ ĐK        | V.08.03.07 | Y sỹ hạng IV         |           | Trình độ B      | Tiếng Anh trình độ B  | 0007171/SL-CCHN |  |  |
| 126 | 2.5 | Mùa A Sang                                  | 12/12/1986 |            | Mông  | Viên chức   | 12/12 | Đại học   | Điều dưỡng     | V.08.05.13 | Điều dưỡng hạng IV   | Trung cấp | Trình độ B      | Tiếng Anh trình độ B  | 0002900/SL-CCHN |  |  |



**PHỤ LỤC I.12**

**Biểu thống kê hiện trạng nhân lực tại Trung tâm Y tế và Trạm Y tế xã thuộc Trung tâm Y tế huyện Phù Yên**  
(Kèm theo Đề án kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

| TT       | Họ và tên | Ngày, tháng, năm sinh                       |            | Dân tộc    | Chức vụ hoặc chức danh | Trình độ đào tạo và CDNN    |                             |              |                          |                                 | Trình độ LLCT và Tin học, ngoại ngữ |                  |                                           | Đã bồi dưỡng chức danh lãnh đạo quản lý |                            |            |              |                               | Ghi chú |
|----------|-----------|---------------------------------------------|------------|------------|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------|--------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------|------------|--------------|-------------------------------|---------|
|          |           | Nam                                         | Nữ         |            |                        | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ đào tạo (cao nhất) | Chuyên ngành | Mã chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp viên | Trình độ lý luận chính trị          | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ/tiếng dân tộc thiểu số | CC Hành nghề                            | Cấp huyện và tươn g đươn g | Cấp phòn g | Đơn vị SNC L | Cấp phòn g thuộc đơn vị SNC L |         |
|          | 1         | 2                                           | 3          | 4          | 5                      | 6                           | 7                           | 8            | 9                        | 10                              | 11                                  | 12               | 13                                        | 14                                      | 15                         | 16         | 17           | 18                            | 19      |
| <b>A</b> |           | <b>TRUNG TÂM Y TẾ PHÙ YÊN: 39 VIÊN CHỨC</b> |            |            |                        |                             |                             |              |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                            |            |              |                               |         |
|          | <b>I</b>  | <b>Lãnh đạo Trung tâm (GD, PGD)</b>         |            |            |                        |                             |                             |              |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                            |            |              |                               |         |
| 1        | 1         | Đinh Văn Tam                                | 27/07/1966 |            | Mường                  | Giám đốc                    | 12/12                       | SDH          | BS CKII Ngoại            | V.08.01.02                      | II                                  | CC               | UDCNTHC<br>B                              | Anh B1                                  | X                          |            |              |                               |         |
| 2        | 2         | Lê Văn Biên                                 | 28/11/1967 |            | Thái                   | P. Giám đốc                 | 12/12                       | SDH          | Bs CKI YTCC              | V.08.02.06                      | III                                 | TC               | UDCNTHC<br>B                              | Anh C                                   |                            |            |              |                               |         |
| 3        | 3         | Vì Trung Tuyển                              | 23/4/1974  |            | Thái                   | P. Giám đốc                 | 12/12                       | SDH          | Bs CKI YTCC              | V.08.02.06                      | III                                 | TC               | UDCNTHC<br>B                              | Anh B                                   |                            |            |              |                               |         |
|          | <b>II</b> | <b>Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ</b>      |            |            |                        |                             |                             |              |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                            |            |              |                               |         |
|          | <b>1</b>  | <b>Phòng Hành chính - Tổng hợp</b>          |            |            |                        |                             |                             |              |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                            |            |              |                               |         |
| 4        | 1.1       | Cầm Thuận An                                | 25/12/1979 |            | Thái                   | Trưởng phòng                | 12/12                       | SDH          | Bs CKI YTCC              | V.08.02.06                      | III                                 | TC               | UDCNTHC<br>B                              | Anh B/Tiếng Thái                        |                            |            |              | x                             |         |
| 5        | 1.2       | Lường Văn Hoá                               | 23/10/1979 |            | Thái                   | P' Trưởng phòng             | 12/12                       | SDH          | Bs CKI YTCC              | V.08.02.06                      | III                                 | Sơ cấp           | UDCNTHC<br>B                              | Anh B                                   |                            |            |              |                               |         |
| 6        | 1.3       | Đình Phương Thảo                            |            | 03/7/1990  | Mường                  | Kế toán trưởng              | 12/12                       | ĐH           | Thạc sĩ Kinh tế          | 06.031                          | III                                 |                  | UDCNTHC<br>B                              | Anh B                                   |                            |            |              |                               |         |
| 7        | 1.5       | Nguyễn Thái Bình                            | 01/7/1982  |            | Kinh                   |                             | 12/12                       | ĐH           | Cử nhân CNTT             | V.05.02.08                      | IV                                  | Sơ cấp           | UDCNTHC<br>B                              | Anh B1                                  |                            |            |              |                               |         |
| 8        | 1.6       | Phạm Thị Nụ                                 |            | 06/4/1988  | Kinh                   |                             | 12/12                       | TC           | Lưu trữ viên TC          | V.01.02.03                      | IV                                  |                  | UDCNTHC<br>B                              | Tiếng H'Mông                            |                            |            |              |                               |         |
| 9        | 1.7       | Cầm Thị Hậu                                 |            | 11/10/1989 | Thái                   |                             | 12/12                       | ĐH           | CN YTCC                  | V.08.04.10                      | III                                 |                  | UDCNTHC<br>B                              | Anh A2                                  |                            |            |              |                               |         |
| 10       | 1.8       | Cầm Thị Duy                                 |            | 03/02/1991 | Thái                   |                             | 12/12                       | ĐH           | CN YTCC                  | V.08.04.10                      | III                                 | Sơ cấp           | UDCNTHC<br>B                              | Anh A2                                  |                            |            |              |                               |         |
| 11       | 1.9       | Vì Thị Nga                                  |            | 28/04/1977 | Thái                   |                             | 12/12                       | ĐH           | Kế toán DH               | 06.035                          | V                                   |                  | UDCNTHC<br>B                              |                                         |                            |            |              |                               |         |
| 12       | 1.10      | Đình Thị Bình                               |            | 15/10/1975 | Kinh                   |                             | 12/12                       | SC           | Hộ lý                    | 16,130                          | V                                   |                  | UDCNTHC<br>B                              |                                         |                            |            |              |                               |         |
| 13       | 1.11      | Cầm Thị Hương                               |            |            | Thái                   |                             | 12/12                       | ĐH           | Kế toán DH               | 06.031                          | III                                 |                  | UDCNTHC<br>B                              | Anh A2                                  |                            |            |              |                               |         |
| 14       | 1.12      | Đình Thị Thương                             |            |            | Mường                  |                             | 12/12                       | ĐH           | Kế toán DH               | 06.031                          | III                                 |                  | UDCNTHC<br>B                              | Anh A2                                  |                            |            |              |                               |         |
|          | <b>2</b>  | <b>Khoa Khám bệnh - Xét nghiệm - Dược</b>   |            |            |                        |                             |                             |              |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                            |            |              |                               |         |
| 15       | 2.1       | Lường Thị Thanh                             |            | 17/9/1986  | Thái                   | Trưởng khoa                 | 12/12                       | ĐH           | Bác sĩ YHDP              | V.08.02.06                      | III                                 |                  | UDCNTHC<br>B                              | Anh C                                   |                            |            |              |                               |         |
| 16       | 2.2       | Phạm Thu Hà                                 |            | 14/11/1984 | Kinh                   |                             | 12/12                       | CĐ           | Dược sĩ CĐ               | V.08.08.23                      | IV                                  |                  | UDCNTHC<br>B                              | Tiếng H'Mông                            |                            |            |              |                               |         |
| 17       | 2.3       | Cầm Thị Thắng                               |            | 15/5/1976  | Thái                   |                             | 12/12                       | TC           | Y sĩ SN                  | V.08.03.07                      | IV                                  |                  | UDCNTHC<br>B                              |                                         |                            |            |              |                               |         |
| 18       | 2.4       | Đình Thị Tĩnh                               |            | 14/02/1984 | Mường                  |                             | 12/12                       | ĐH           | Dược sĩ DH               | V.08.08.22                      | III                                 | Sơ cấp           | B                                         | Anh B                                   |                            |            |              |                               |         |

| TT |     | Họ và tên                                         | Ngày, tháng, năm sinh |            | Dân tộc | Chức vụ hoặc chức danh | Trình độ đào tạo và CDNN    |                             |                 |                          |                                 | Trình độ LLCT và Tin học, ngoại ngữ |                  |                                           | Đã bồi dưỡng chức danh lãnh đạo quản lý |                             |            |              |                               | Ghi chú |
|----|-----|---------------------------------------------------|-----------------------|------------|---------|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------|--------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------|------------|--------------|-------------------------------|---------|
|    |     |                                                   | Nam                   | Nữ         |         |                        | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ đào tạo (cao nhất) | Chuyên ngành    | Mã chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp viên | Trình độ lý luận chính trị          | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ/tiếng dân tộc thiểu số | CC Hành nghề                            | Cấp huyệ n và tươn g đươn g | Cấp phòn g | Đơn vị SNC L | Cấp phòn g thuộc đơn vị SNC L |         |
|    | 1   | 2                                                 | 3                     | 4          | 5       | 6                      | 7                           |                             | 8               | 9                        | 10                              | 11                                  | 12               | 13                                        | 14                                      | 15                          | 16         | 17           | 18                            | 19      |
| 19 | 2.5 | Nguyễn Thị Luyến                                  |                       | 10/04/1980 | Thái    |                        | 12/12                       | ĐH                          | Kỹ thuật viên Y | V.08.07.18               | III                             |                                     | UDCNTHC B        | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 20 | 2.6 | Đồng Thị Thảo                                     |                       | 30/12/1974 | Kinh    |                        | 12/12                       | CĐ                          | Dược sĩ CĐ      | V.08.08.23               | IV                              |                                     | UDCNTHC B        | Tiếng H'Mông                              |                                         |                             |            |              |                               |         |
|    | 3   | Khoa Truyền nhiễm - Kiểm soát bệnh tật & HIV/AIDS |                       |            |         |                        |                             |                             |                 |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 21 | 3.1 | Hà Văn Luận                                       | 03/4/1980             |            | Thái    | Trưởng khoa            | 12/12                       | SDH                         | Bs CKI YTCC     | V.08.02.06               | III                             | TC                                  | UDCNTHC B        | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 22 | 3.2 | Nguyễn Thị Đào                                    |                       | 11/9/1989  | Mường   |                        | 12/12                       | ĐH                          | CN YTCC         | V.08.04.10               | III                             |                                     | UDCNTHC B        | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 23 | 3.3 | Bàn Thị Thu Phượng                                |                       | 20/8/1987  | Dao     |                        | 12/12                       | ĐH                          | CN Điều dưỡng   | V.08.05.12               | III                             | Sơ cấp                              | UDCNTHC B        | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 24 | 3.4 | Nguyễn Thị Mai Anh                                |                       | 19/8/1992  | Kinh    |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ            | V.08.03.07               | IV                              |                                     | B                | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 25 | 3.5 | Hoàng Thị Ân                                      |                       | 27/10/1976 | Thái    |                        | 12/12                       | TC                          | ĐDTC            | V.08.05.13               | IV                              |                                     | UDCNTHC B        | Tiếng H'Mông                              |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 26 | 3.6 | Lò Thị Hồng Duyên                                 |                       | 08/10/1995 | Thái    |                        | 12/12                       | ĐH                          | Bác sĩ đa khoa  | V.08.01.03               | III                             |                                     | UDCNTHC B        | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
|    | 4   | Khoa Y tế công cộng - Dinh dưỡng & ATTP           |                       |            |         |                        |                             |                             |                 |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 27 | 4.1 | Đình Công Quang                                   | 18/9/1969             |            | Mường   | Trưởng khoa            | 12/12                       | ĐH                          | DSV ĐH (Bs)     | V.08.10.28               | III                             | CC                                  | UDCNTHC B        | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 28 | 4.2 | Lường Văn Thuỷ                                    | 29/9/1970             |            | Thái    | P. khoa                | 12/12                       | ĐH                          | CN Điều dưỡng   | V.08.05.12               | III                             | TC                                  | UDCNTHC B        | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 29 | 4.3 | Lò Thu Hà                                         |                       | 12/02/1986 | Thái    |                        | 12/12                       | ĐH                          | CN Điều dưỡng   | V.08.05.12               | III                             | Sơ cấp                              | UDCNTHC B        | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 30 | 4.4 | Đình Văn Chấn                                     | 29/11/1968            |            | Thái    |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ            | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDCNTHC B        | Tiếng Thái                                |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 31 | 4.5 | Nguyễn Văn Hùng                                   | 20/8/1969             |            | Kinh    |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ            | V.08.03.07               | IV                              | Sơ cấp                              | UDCNTHC B        | Tiếng H'Mông                              |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 32 | 4.6 | Lương Hữu Hải                                     | 05/4/1991             |            | Kinh    |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ            | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDCNTHC B        |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
|    | 5   | Khoa Dân số - Truyền thông - Chăm sóc SKSS        |                       |            |         |                        |                             |                             |                 |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 33 | 5.1 | Đình Thị Thái                                     |                       | 18/11/1975 | Mường   | Trưởng khoa            | 12/12                       | ĐH                          | Bác sĩ YHDP     | V.08.02.06               | III                             | TC                                  | UDCNTHC B        | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 34 | 5.2 | Cầm Văn Lượng                                     | 02/10/1975            |            | Thái    | P. khoa                | 12/12                       | SDH                         | Bs CKI YTCC     | V.08.02.06               | III                             | TC                                  | UDCNTHC B        | Anh C                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 35 | 5.3 | Nguyễn Thị Phương                                 |                       | 07/7/1972  | Kinh    |                        | 12/12                       | CĐ                          | Hộ sinh CĐ      | V.08.06.16               | IV                              |                                     | UDCNTHC B        | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 36 | 5.4 | Phùng Thị Ngọc Liên                               |                       | 21/10/1982 | Kinh    |                        | 12/12                       | ĐH                          | DSV ĐH (Ds TC)  | V.08.10.28               | III                             |                                     | UDCNTHC B        | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 37 | 5.5 | Lò Thị Yên                                        |                       | 21/7/1976  | Thái    |                        | 12/12                       | CĐ                          | Hộ sinh CĐ      | V.08.06.16               | IV                              |                                     | UDCNTHC B        | Tiếng H'Mông                              |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 38 | 5.6 | Đình Thị Thùy                                     |                       | 09/5/1983  | Mường   |                        | 12/12                       | ĐH                          | DSV ĐH (Nhs)    | V.08.10.28               | III                             |                                     | UDCNTHC B        | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 39 | 5.7 | Hà Thị Biếc                                       |                       | 19/01/1980 | Mường   |                        | 12/12                       | ĐH                          | CN hộ sinh      | V.08.06.15               | III                             |                                     | UDCNTHC B        | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
| B  |     | TRẠM Y TẾ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN:160 VIÊN CHỨC      |                       |            |         |                        |                             |                             |                 |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| I  |     | TRẠM Y TẾ XÃ MƯỜNG BANG                           |                       |            |         |                        |                             |                             |                 |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 1  |     | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)              |                       |            |         |                        |                             |                             |                 |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 40 | 1.1 | Cầm Vĩnh Thành                                    | 22/02/1985            |            | Thái    | Trưởng trạm            | 12/12                       | ĐH                          | Bác sĩ đa khoa  | V.08.01.03               | III                             |                                     | UDCNTHC B        | Tiếng H'Mông                              |                                         |                             | X          |              |                               |         |
| 41 | 1.2 | Phùng Thị Huyền                                   |                       | 15/6/1984  | Mường   | Phó trạm               | 12/12                       | TC                          | Y sĩ            | V.08.03.07               | IV                              | Sơ cấp                              | UDCNTHC B        | Tiếng H'Mông                              |                                         |                             |            |              |                               |         |

| TT |     | Họ và tên                            | Ngày, tháng, năm sinh |            | Dân tộc | Chức vụ hoặc chức danh | Trình độ đào tạo và CDNN    |                             |                   |                          |                                 | Trình độ LLCT và Tin học, ngoại ngữ |                  |                                           | Đã bồi dưỡng chức danh lãnh đạo quản lý |                             |            |              |                               | Ghi chú |
|----|-----|--------------------------------------|-----------------------|------------|---------|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-------------------|--------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------|------------|--------------|-------------------------------|---------|
|    |     |                                      | Nam                   | Nữ         |         |                        | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ đào tạo (cao nhất) | Chuyên ngành      | Mã chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp viên | Trình độ lý luận chính trị          | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ/tiếng dân tộc thiểu số | CC Hành nghề                            | Cấp huyệ n và tươn g đươn g | Cấp phòn g | Đơn vị SNC L | Cấp phòn g thuộc đơn vị SNC L |         |
|    | 1   | 2                                    | 3                     | 4          | 5       | 6                      | 7                           |                             | 8                 | 9                        | 10                              | 11                                  | 12               | 13                                        | 14                                      | 15                          | 16         | 17           | 18                            | 19      |
|    | 2   | Viên chức chuyên môn                 |                       |            |         |                        |                             |                             |                   |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 42 | 2.1 | Cầm Văn Thạch                        | 06/01/1984            |            | Thái    |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ              | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDC NTHC R       | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 43 | 2.2 | Phùng Thanh Phen                     | 22/12/1969            |            | Mường   |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ SN           | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDC NTHC R       |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 44 | 2.3 | Phùng Thị Hà                         |                       | 20/12/1972 | Mường   |                        | 7/10                        | SC                          | Hộ sinh SC        | 16.298                   | V                               | Sơ cấp                              | UDC NTHC R       |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 45 | 2.4 | Phùng Văn Tiếp                       | 12/4/1970             |            | Mường   |                        | 12/12                       | SC                          | Điều dưỡng sơ cấp | 16b.122                  | V                               | Sơ cấp                              | UDC NTHC R       |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
|    | II  | TRẠM Y TẾ XÃ MUỜNG DO                |                       |            |         |                        |                             |                             |                   |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
|    | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |                       |            |         |                        |                             |                             |                   |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 46 | 1.1 | Ngân Thị Tuyên                       |                       | 25/9/1987  | Thái    | Trưởng trạm            | 12/12                       | ĐH                          | Bác sĩ đa khoa    | V.08.01.03               | III                             |                                     | UDC NTHC R       | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 47 | 1.2 | Hà Thị Tuyên                         |                       | 02/7/1983  | Thái    | Phó trạm               | 12/12                       | ĐH                          | CN YTCC           | V.08.10.28               | III                             |                                     | UDC NTHC R       | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
|    | 2   | Viên chức chuyên môn                 |                       |            |         |                        |                             |                             |                   |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 48 | 2.1 | Lường Văn Chung                      | 16/10/1968            |            | Mường   |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ YHCT         | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDC NTHC R       | Tiếng H'Mông                              |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 49 | 2.2 | Mùi Thị Xứng                         |                       | 18/11/1976 | Mường   |                        | 12/12                       | TC                          | Hộ sinh TC        | V.08.06.16               | IV                              |                                     | UDC NTHC R       | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 50 | 2.3 | Đỗ Trọng Nghĩa                       | 12/10/1995            |            | Kinh    |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ              | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDC NTHC R       | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 51 | 2.4 | Lường Thị Thu Hà                     |                       | 22/5/1979  | Thái    |                        | 12/12                       | TC                          | ĐBTC              | V.08.05.13               | IV                              |                                     | UDC NTHC R       | Tiếng H'Mông                              |                                         |                             |            |              |                               |         |
|    | III | TRẠM Y TẾ XÃ MUỜNG LANG              |                       |            |         |                        |                             |                             |                   |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
|    | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |                       |            |         |                        |                             |                             |                   |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 52 | 1.1 | Đào Văn Vũ                           | 28/12/1980            |            | Kinh    | Trưởng trạm            | 12/12                       | ĐH                          | Bác sĩ CKI Nhi    | V.08.01.03               | III                             | Sơ cấp                              | UDC NTHC R       | Anh B2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 53 | 1.2 | Sa Văn Thành                         | 02/11/1991            |            | Mường   | Phó trạm               | 12/12                       | ĐH                          | CN YTCC           | V.08.04.10               | III                             | Sơ cấp                              | UDC NTHC R       | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
|    | 2   | Viên chức chuyên môn                 |                       |            |         |                        |                             |                             |                   |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 54 | 2.1 | Hà Văn Dũng                          | 16/11/1982            |            | Mường   |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ              | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDC NTHC R       | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 55 | 2.2 | Hà Mạnh Thiện                        | 06/3/1973             |            | Mường   |                        | 12/12                       | TC                          | ĐBTC              | V.08.05.13               | IV                              |                                     | UDC NTHC R       | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 56 | 2.3 | Hà Văn Phiếu                         | 05/9/1969             |            | Mường   |                        | 12/12                       | SC                          | KTV Sơ cấp        | 01.007                   | V                               |                                     | UDC NTHC R       | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 57 | 2.4 | Đinh Thị Anh                         |                       | 08/5/1980  | Thái    |                        | 12/12                       | CĐ                          | Hộ sinh CĐ        | V.08.06.16               | IV                              | Sơ cấp                              | UDC NTHC R       | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
|    | IV  | TRẠM Y TẾ XÃ TÂN LANG                |                       |            |         |                        |                             |                             |                   |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
|    | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |                       |            |         |                        |                             |                             |                   |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 58 | 1.1 | Lê Thị Lý                            |                       | 25/7/1968  | Kinh    | Trưởng trạm            | 12/12                       | ĐH                          | Bác sĩ đa khoa    | V.08.01.03               | III                             |                                     | UDC NTHC R       | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 59 | 1.2 | Nguyễn Văn Kỳ                        | 20/5/1990             |            | Mường   | Phó trạm               | 12/12                       | TC                          | Y sĩ              | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDC NTHC R       | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
|    | 2   | Viên chức chuyên môn                 |                       |            |         |                        |                             |                             |                   |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 60 | 2.1 | Đinh Thị Tâm                         |                       | 08/5/1990  | Mường   |                        | 12/12                       | CĐ                          | CN Điều dưỡng     | V.08.05.13               | IV                              |                                     | UDC NTHC R       | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 61 | 2.2 | Sa Thị Nu                            |                       | 06/4/1994  | Mường   |                        | 12/12                       | CĐ                          | ĐDCĐ              | V.08.05.13               | IV                              |                                     | UDC NTHC R       | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 62 | 2.3 | Lường Thị Ngừ                        |                       | 27/08/1998 | Thái    |                        | 12/12                       |                             | CĐ được           | V.08.10.29               | IV                              |                                     | UDC NTHC R       | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
|    | V   | TRẠM Y TẾ XÃ MUỜNG COI               |                       |            |         |                        |                             |                             |                   |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
|    | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |                       |            |         |                        |                             |                             |                   |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 63 | 1.1 | Chu Văn Ché                          | 20/6/1978             |            | Thái    | Trưởng trạm            | 12/12                       | ĐH                          | Bác sĩ đa khoa    | V.08.01.03               | III                             | TC                                  | UDC NTHC R       | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 64 | 1.2 | Phạm .T. Thanh Thuý                  |                       | 24/9/1975  | Kinh    | Phó trạm               | 12/12                       | TC                          | Y sĩ              | V.08.03.07               | IV                              | Sơ cấp                              | UDC NTHC R       | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |

| TT |      | Họ và tên                            | Ngày, tháng, năm sinh |            | Dân tộc | Chức vụ hoặc chức danh | Trình độ đào tạo và CDNN    |                             |                |                          |                                 | Trình độ LLCT và Tin học, ngoại ngữ |                      |                                           | Đã bồi dưỡng chức danh lãnh đạo quản lý |                             |            |              |                               | Ghi chú |
|----|------|--------------------------------------|-----------------------|------------|---------|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|----------------|--------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------|------------|--------------|-------------------------------|---------|
|    |      |                                      | Nam                   | Nữ         |         |                        | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ đào tạo (cao nhất) | Chuyên ngành   | Mã chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp viên | Trình độ lý luận chính trị          | Trình độ Tin học     | Trình độ ngoại ngữ/tiếng dân tộc thiểu số | CC Hành nghề                            | Cấp huyệ n và tươn g đươn g | Cấp phòn g | Đơn vị SNC L | Cấp phòn g thuộc đơn vị SNC L |         |
|    | 1    | 2                                    | 3                     | 4          | 5       | 6                      | 7                           |                             | 8              | 9                        | 10                              | 11                                  | 12                   | 13                                        | 14                                      | 15                          | 16         | 17           | 18                            | 19      |
|    | 2    | Viên chức chuyên môn                 |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                 |                                     |                      |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 65 | 2.1  | Đinh Thị Bích                        |                       | 27/10/1981 | Thái    |                        | 12/12                       | CD                          | Hộ sinh CD     | V.08.06.16               | IV                              |                                     | UDCNTHC <sub>R</sub> | Tiếng H'Mông                              |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 66 | 2.2  | Hà Thị Hồng                          |                       | 06/12/1987 | Mường   |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ           | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDCNTHC <sub>R</sub> | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 67 | 2.3  | Mùi Thị Thức                         |                       | 20/12/1971 | Mường   |                        | 12/12                       | TC                          | ĐDTC           | V.08.10.29               | IV                              |                                     | UDCNTHC <sub>R</sub> | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 68 | 2.4  | Hà Thị Loan                          |                       | 30/04/1989 | Mường   |                        | 12/12                       | CD                          | CN Điều dưỡng  | V.08.05.13               | IV                              |                                     | UDCNTHC <sub>R</sub> | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 69 | 2.5  | Thào Thị Mái                         |                       | 02/09/2000 | H'mông  |                        | 12/12                       |                             | CNYTCC         | V.08.04.10               | IV                              |                                     | UDCNTHC <sub>R</sub> | Anh A3                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
|    | VI   | TRẠM Y TẾ XÃ MUỜNG THÁI              |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                 |                                     |                      |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
|    | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                 |                                     |                      |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 70 | 1.1  | Đinh Văn Hùng                        | 07/4/1979             |            | Mường   | Trưởng trạm            | 12/12                       | SDH                         | Bs CKI YTCC    | V.08.01.03               | III                             |                                     | UDCNTHC <sub>R</sub> | Anh B1                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 71 | 1.2  | Lò Thị Thu Huệ                       |                       | 30/7/1980  | Thái    | Phó trạm               | 12/12                       | ĐH                          | CN YTCC        | V.08.04.10               | III                             |                                     | UDCNTHC <sub>R</sub> | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
|    | 2    | Viên chức chuyên môn                 |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                 |                                     |                      |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 72 | 2.1  | Đoàn Thị Thu Hà                      |                       | 16/3/1995  | Kinh    |                        | 12/12                       | CD                          | ĐDCĐ           | V.08.05.13               | IV                              |                                     | Tin học B            | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 73 | 2.2  | Hoàng Thị Khiên                      |                       | 26/7/1988  | Tày     |                        | 12/12                       | ĐH                          | CN YTCC        | V.08.10.28               | III                             |                                     | UDCNTHC <sub>R</sub> | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 74 | 2.3  | Đỗ Văn Nhân                          | 23/09/1971            |            | Kinh    |                        | 12/12                       | SDH                         | Bác sĩ CKI Lao | V.08.01.03               | III                             |                                     | UDCNTHC <sub>R</sub> | Tiếng Thái                                |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 75 | 2.4  | Hà Văn Tuấn                          | 06/09/1988            |            | Mường   |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ           | V.08.03.07               | IV                              | SC                                  | Tin học B            | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
|    | VII  | TRẠM Y TẾ XÃ HUY THUỜNG              |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                 |                                     |                      |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
|    | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                 |                                     |                      |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 76 | 1.1  | Hà Thị Chiến                         |                       | 25/8/1973  | Thái    | Trưởng trạm            | 12/12                       | ĐH                          | Bác sĩ đa khoa | V.08.01.03               | III                             | Sơ cấp                              | UDCNTHC <sub>R</sub> | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 77 | 1.2  | Lò Thị Diễm                          |                       | 13/6/1990  | Thái    | Phó trạm               | 12/12                       | TC                          | Y sĩ           | V.08.03.07               | IV                              | Sơ cấp                              | UDCNTHC <sub>R</sub> | Tiếng H'Mông                              |                                         |                             |            |              |                               |         |
|    | 2    | Viên chức chuyên môn                 |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                 |                                     |                      |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 78 | 2.1  | Lò Thị Xoan                          |                       | 16/8/1969  | Thái    |                        | 12/12                       | TC                          | ĐDTC           | V.08.05.13               | IV                              | Sơ cấp                              | UDCNTHC <sub>R</sub> |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 79 | 2.2  | Đinh Thị Thu                         |                       | 15/8/1982  | Mường   |                        | 12/12                       | CD                          | Hộ sinh CD     | V.08.06.16               | IV                              |                                     | UDCNTHC <sub>R</sub> | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 80 | 2.3  | Sa Thị Nghĩa                         |                       | 06/5/1984  | Thái    |                        | 12/12                       | ĐH                          | CN YTCC        | V.08.10.28               | III                             |                                     | UDCNTHC <sub>R</sub> | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 81 | 2.4  | Nguyễn Kiêm Đường                    | 02/5/1967             |            | Kinh    |                        | 12/12                       | ĐH                          | CN YTCC        | V.08.04.10               | III                             |                                     | UDCNTHC <sub>R</sub> | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
|    | VIII | TRẠM Y TẾ XÃ HUY TÀN                 |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                 |                                     |                      |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
|    | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                 |                                     |                      |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 82 | 1.1  | Trần Văn Diệp                        | 04/11/1983            |            | Kinh    | Trưởng trạm            | 12/12                       | ĐH                          | Bác sĩ đa khoa | V.08.01.03               | III                             | Trung cấp                           | UDCNTHC <sub>R</sub> | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 83 | 1.2  | Lò Thị Kim Cúc                       |                       | 12/8/1985  | Thái    | Phó trạm               | 12/12                       | TC                          | Y sĩ           | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDCNTHC <sub>R</sub> |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
|    | 2    | Viên chức chuyên môn                 |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                 |                                     |                      |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 84 | 2.1  | Triệu Bích Hậu                       |                       | 16/10/1986 | Tày     |                        | 12/12                       | TC                          | Bác sĩ đa khoa | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDCNTHC <sub>R</sub> | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 85 | 2.2  | Đinh Thị Nga                         |                       | 16/8/1975  | Mường   |                        | 12/12                       | ĐH                          | ĐDTC           | V.08.05.13               | IV                              |                                     |                      |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 86 | 2.3  | Đinh Thị Hằng                        |                       | 30/12/1983 | Mường   |                        | 12/12                       | TC                          | CN YTCC        | V.08.10.28               | III                             |                                     | UDCNTHC <sub>R</sub> | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 87 | 2.4  | Lương Thị Xuân                       |                       | 03/9/1969  | Thái    |                        | 12/12                       | ĐH                          | Hộ sinh TC     | V.08.06.16               | IV                              | Sơ cấp                              | UDCNTHC <sub>R</sub> |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
|    | IX   | TRẠM Y TẾ XÃ QUANG HUY               |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                 |                                     |                      |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
|    | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                 |                                     |                      |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |

| TT  |     | Họ và tên                            | Ngày, tháng, năm sinh |            | Dân tộc | Chức vụ hoặc chức danh | Trình độ đào tạo và CDNN    |                             |                 |                          |                                 | Trình độ LLCT và Tin học, ngoại ngữ |                  |                                           | Đã bồi dưỡng chức danh lãnh đạo quản lý |                             |            |              |                               | Ghi chú |
|-----|-----|--------------------------------------|-----------------------|------------|---------|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------|--------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------|------------|--------------|-------------------------------|---------|
|     |     |                                      | Nam                   | Nữ         |         |                        | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ đào tạo (cao nhất) | Chuyên ngành    | Mã chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp viên | Trình độ lý luận chính trị          | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ/tiếng dân tộc thiểu số | CC Hành nghề                            | Cấp huyệ n và tươn g đươn g | Cấp phòn g | Đơn vị SNC L | Cấp phòn g thuộc đơn vị SNC L |         |
|     | 1   | 2                                    | 3                     | 4          | 5       | 6                      | 7                           |                             | 8               | 9                        | 10                              | 11                                  | 12               | 13                                        | 14                                      | 15                          | 16         | 17           | 18                            | 19      |
| 88  | 1.1 | Lê Văn Duyên                         | 11/12/1969            |            | Thái    | Trưởng trạm            | 12/12                       | SDH                         | Bác sĩ CKI VHGĐ | V.08.01.03               | III                             |                                     | UDCNIHCB         | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 89  | 1.2 | Hoàng Thị Tổ Quyền                   |                       | 10/01/1987 | Thái    | Phó trạm               | 12/12                       | ĐH                          | Bác sĩ đa khoa  | V.08.01.03               | III                             | Sơ cấp                              | UDCNIHCB         | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | 2   | Viên chức chuyên môn                 |                       |            |         |                        |                             |                             |                 |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 90  | 2.1 | Hà Văn Ngà                           | 15/6/1968             |            | Thái    |                        | 12/12                       | TC                          | ĐDTC            | V.08.05.13               | IV                              |                                     | UDCNIHCB         |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 91  | 2.2 | Lương Thị Huệ                        |                       | 10/7/1972  | Thái    |                        | 12/12                       | TC                          | ĐDTC            | V.08.05.13               | IV                              |                                     | UDCNIHCB         |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 92  | 2.3 | Cầm Thị Vân                          |                       | 26/9/1980  | Thái    |                        | 12/12                       | CĐ                          | Hộ sinh CĐ      | V.08.06.16               | IV                              |                                     | UDCNIHCB         |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 93  | 2.4 | Cầm Thị Thuý                         |                       | 19/01/1981 | Thái    |                        | 12/12                       | ĐH                          | CN YTCC         | V.08.10.28               | III                             |                                     | UDCNIHCB         | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 94  | 2.5 | Doanh Quỳnh Anh                      |                       | 16/6/1987  | Thái    |                        | 12/12                       | TC                          | Y Sĩ            | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDCNIHCB         | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | X   | TRẠM Y TẾ THỊ TRẦN                   |                       |            |         |                        |                             |                             |                 |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |                       |            |         |                        |                             |                             |                 |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 95  | 1.1 | Nguyễn Văn Học                       | 12/02/1982            |            | Kinh    | Trưởng trạm            | 12/12                       | ĐH                          | Bác sĩ đa khoa  | V.08.01.03               | III                             | TC                                  | UDCNTTCB         | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 96  | 1.2 | Hà Thanh Vượng                       |                       | 01/4/1982  | Thái    | Phó trạm               | 12/12                       | ĐH                          | CN Điều dưỡng   | V.08.05.12               | III                             |                                     | UDCNTTCB         | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | 2   | Viên chức chuyên môn                 |                       |            |         |                        |                             |                             |                 |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 97  | 2.1 | Nguyễn Thị Thuý                      |                       | 27/8/1989  | Kinh    |                        | 12/12                       | ĐH                          | CN Điều dưỡng   | V.08.05.13               | IV                              |                                     | UDCNTTCB         | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 98  | 2.2 | Cầm Thị Thanh Tâm                    |                       | 06/8/1992  | Thái    |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ            | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDCNTTCB         | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 99  | 2.3 | Phan Thị Ánh                         |                       | 27/9/1972  | Kinh    |                        | 12/12                       | TC                          | ĐDTC            | V.08.05.13               | IV                              |                                     | UDCNTTCB         |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 100 | 2.4 | Cầm Thị Điệp                         |                       | 14/9/1976  | Thái    |                        | 12/12                       | TC                          | Hộ sinh TC      | V.08.06.16               | IV                              |                                     | UDCNTTCB         | Tiếng H'Mông                              |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 101 | 2.5 | Lương Thị Thỉnh                      |                       | 12/02/1979 | Thái    |                        | 12/12                       | ĐH                          | CN YTCC         | V.08.10.28               | III                             |                                     | UDCNTTCB         | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | XI  | TRẠM Y TẾ XÃ HUY BÁC                 |                       |            |         |                        |                             |                             |                 |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |                       |            |         |                        |                             |                             |                 |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 102 | 1.1 | Lương Văn Thư                        | 09/5/1966             |            | Thái    | Trưởng trạm            | 12/12                       | ĐH                          | Bác sĩ đa khoa  | V.08.01.03               | III                             |                                     | UDCNTTCB         | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 103 | 1.2 | Phùng Minh Đức                       | 27/9/1990             |            | Kinh    | Phó trạm               | 12/12                       | TC                          | Y sĩ            | V.08.03.07               | IV                              | Sơ cấp                              | UDCNTTCB         | Tiếng H'Mông                              |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | 2   | Viên chức chuyên môn                 |                       |            |         |                        |                             |                             |                 |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 104 | 2.1 | Ngân Thị Liên                        |                       | 16/5/1987  | Thái    |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ            | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDCNTTCB         | Tiếng H'Mông                              |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 105 | 2.2 | Đình Thị Thư                         |                       | 28/4/1984  | Mường   |                        | 12/12                       | TC                          | Dược sĩ CĐ      | V.08.08.23               | IV                              |                                     | UDCNTTCB         | Tiếng H'Mông                              |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 106 | 2.3 | Lê Thu Hiền                          |                       | 10/7/1983  | Thái    |                        | 12/12                       | CĐ                          | Hộ sinh CĐ      | V.08.06.16               | IV                              | Sơ cấp                              | UDCNTTCB         | Tiếng H'Mông                              |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 107 | 2.4 | Hà Thị Vinh                          |                       | 14/5/1983  | Thái    |                        | 12/12                       | ĐH                          | CN YTCC         | V.08.10.28               | III                             | Sơ cấp                              | UDCNTTCB         | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | XII | TRẠM Y TẾ XÃ HUY HẠ                  |                       |            |         |                        |                             |                             |                 |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | 1   | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |                       |            |         |                        |                             |                             |                 |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 108 | 1.1 | Nông Thị Bình                        |                       | 05/01/1973 | Tày     | Trưởng trạm            | 12/12                       | ĐH                          | Bác sĩ đa khoa  | V.08.01.03               | III                             | Trung cấp                           | UDCNIHCB         | Anh C                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 109 | 1.2 | Đình Thùy Vân                        |                       | 13/6/1986  | Mường   | Phó trạm               | 12/12                       | ĐH                          | CN Điều dưỡng   | V.08.05.12               | III                             | sơ cấp                              | UDCNIHCB         | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | 2   | Viên chức chuyên môn                 |                       |            |         |                        |                             |                             |                 |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 110 | 2.1 | Hoàng Thị Hương                      |                       | 22/11/1994 | Thái    |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ            | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDCNIHCB         | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 111 | 2.2 | Nguyễn Thị Thanh Nga                 |                       | 22/9/1984  | Kinh    |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ            | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDCNIHCB         | Tiếng H'Mông                              |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 112 | 2.3 | Lò Thị Phương                        |                       | 20/3/1982  | Thái    |                        | 12/12                       | ĐH                          | CN YTCC         | V.08.10.28               | III                             | sơ cấp                              | UDCNIHCB         | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |

| TT  |      | Họ và tên                            |            | Ngày, tháng, năm sinh |       | Dân tộc     | Chức vụ hoặc chức danh | Trình độ đào tạo và CDNN    |                             |              |                          |                                 | Trình độ LLCT và Tin học, ngoại ngữ |                  |                                           |              | Đã bồi dưỡng chức danh lãnh đạo quản lý |           |              |                              | Ghi chú |
|-----|------|--------------------------------------|------------|-----------------------|-------|-------------|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|--------------|--------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|------------------|-------------------------------------------|--------------|-----------------------------------------|-----------|--------------|------------------------------|---------|
|     |      |                                      |            | Nam                   | Nữ    |             |                        | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ đào tạo (cao nhất) | Chuyên ngành | Mã chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp viên | Trình độ lý luận chính trị          | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ/tiếng dân tộc thiểu số | CC Hành nghề | Cấp huyện và tương đương                | Cấp phòng | Đơn vị SNC L | Cấp phòng thuộc đơn vị SNC L |         |
|     | 1    | 2                                    |            | 3                     | 4     | 5           | 6                      | 7                           |                             | 8            | 9                        | 10                              | 11                                  | 12               | 13                                        | 14           | 15                                      | 16        | 17           | 18                           | 19      |
|     | XIII | TRẠM Y TẾ XÃ HUY TƯỜNG               |            |                       |       |             |                        |                             |                             |              |                          |                                 |                                     |                  |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
|     | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |                       |       |             |                        |                             |                             |              |                          |                                 |                                     |                  |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
| 113 | 1.1  | Nguyễn Thị Hiu                       |            | 14/4/1972             | Thái  | Trưởng trạm | 12/12                  | ĐH                          | Bác sĩ đa khoa              | V.08.01.03   | III                      | Sơ cấp                          | UDCNTHC                             | Anh B            |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
| 114 | 1.2  | Cầm Thị Nhung                        |            | 19/5/1989             | Thái  | Phó trạm    | 12/12                  | TC                          | Y sĩ                        | V.08.03.07   | IV                       | Sơ cấp                          | UDCNTHC                             | Anh B            |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
|     | 2    | Viên chức chuyên môn                 |            |                       |       |             |                        |                             |                             |              |                          |                                 |                                     |                  |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
| 115 | 2.1  | Lò Thị Yên                           |            | 05/7/1976             | Thái  |             | 12/12                  | TC                          | ĐDTC                        | V.08.05.13   | IV                       | Sơ cấp                          | UDTHCB                              | Anh B            |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
| 116 | 2.2  | Nguyễn Văn Minh                      | 01/5/1963  |                       | Mường |             | 12/12                  | TC                          | Y sĩ                        | V.08.03.07   | IV                       | Sơ cấp                          | UDTHCB                              | Tiếng H'Mông     |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
| 117 | 2.3  | Cầm Thị Doãn                         |            | 10/12/1982            | Thái  |             | 12/12                  | ĐH                          | CN YTCC                     | V.08.10.28   | III                      | Sơ cấp                          | UDTHCB                              | Anh B            |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
| 118 | 2.4  | Sầm Thị Sao                          |            | 08/10/1972            | Thái  |             | 12/12                  | TC                          | Hộ sinh TC                  | V.08.06.16   | IV                       | Sơ cấp                          | UDTHCB                              | Tiếng H'Mông     |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
|     | XIV  | TRẠM Y TẾ XÃ TƯỜNG PHỦ               |            |                       |       |             |                        |                             |                             |              |                          |                                 |                                     |                  |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
|     | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |                       |       |             |                        |                             |                             |              |                          |                                 |                                     |                  |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
| 119 | 1.1  | Bạc Văn Quân                         | 17/9/1978  |                       | Thái  | Trưởng trạm | 12/12                  | ĐH                          | Bác sĩ đa khoa              | V.08.01.03   | III                      | Trung cấp                       | UDCNTHC                             | Anh B            |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
| 120 | 1.2  | Đình Thị Huế                         |            | 02/8/1985             | Mường | Phó trạm    | 12/12                  | TC                          | Y sĩ                        | V.08.03.07   | IV                       |                                 | UDCNTHC                             | Tiếng H'Mông     |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
|     | 2    | Viên chức chuyên môn                 |            |                       |       |             |                        |                             |                             |              |                          |                                 |                                     |                  |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
| 121 | 2.1  | Hoàng Thị Hương                      |            | 18/11/1983            | Thái  |             | 12/12                  | ĐH                          | CN Điều dưỡng               | V.08.05.12   | III                      |                                 | UDCNTHC                             | Anh B            |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
| 122 | 2.2  | Đình Thị Thu                         |            | 02/4/1972             | Mường |             | 12/12                  | TC                          | Hộ sinh TC                  | V.08.06.16   | IV                       |                                 | UDCNTHC                             | Tiếng H'Mông     |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
| 123 | 2.3  | Lò Thị Thịnh                         |            | 03/11/1987            | Thái  |             | 12/12                  | ĐH                          | CN YTCC                     | V.08.10.28   | III                      |                                 | UDCNTHC                             | Anh B            |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
| 124 | 2.4  | Đình Văn Muôn                        | 17/11/1977 |                       | Mường |             | 12/12                  | TC                          | Y sĩ                        | V.08.03.07   | IV                       |                                 | UDCNTHC                             | Tiếng H'Mông     |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
|     | XV   | TRẠM Y TẾ XÃ GIA PHỦ                 |            |                       |       |             |                        |                             |                             |              |                          |                                 |                                     |                  |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
|     | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |                       |       |             |                        |                             |                             |              |                          |                                 |                                     |                  |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
| 125 | 1.1  | Đình Văn Dân                         | 03/11/1977 |                       | Mường | Trưởng trạm | 12/12                  | SDH                         | Bác sĩ CKI-VHGD             | V.08.01.03   | III                      | Sơ cấp                          | UDCNTHC                             | Anh C            |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
| 126 | 1.2  | Đình Thị Hoa                         |            | 08/12/1979            | Mường | Phó trạm    | 12/12                  | ĐH                          | CN YTCC                     | V.08.10.28   | III                      | Sơ cấp                          | UDCNTHC                             | Anh A2           |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
|     | 2    | Viên chức chuyên môn                 |            |                       |       |             |                        |                             |                             |              |                          |                                 |                                     |                  |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
| 127 | 2.1  | Đình Thị Mây                         |            | 14/02/1978            | Mường |             | 12/12                  | TC                          | Y sĩ SN                     | V.08.03.07   | IV                       |                                 | UDCNTHC                             |                  |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
| 128 | 2.2  | Đình Thị Thanh                       |            | 14/8/1993             | Thái  |             | 12/12                  | TC                          | Y sĩ                        | V.08.03.07   | IV                       |                                 | UDCNTHC                             | Anh A2           |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
| 129 | 2.3  | Lường Thị Văn                        |            | 28/12/1974            | Thái  |             | 12/12                  | TC                          | Hộ sinh TC                  | V.08.06.16   | IV                       |                                 | UDCNTHC                             | Tiếng H'Mông     |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
| 130 | 2.4  | Lò Thị Thanh Tuyền                   |            | 01/9/1987             | Thái  |             | 12/12                  | TC                          | CN Điều dưỡng               | V.08.05.13   | IV                       |                                 | UDCNTHC                             | Anh A2           |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
| 131 | 2.5  | Đình Thị Hôn                         |            | 18/12/1994            | Mường |             | 12/12                  | TC                          | Y sĩ                        | V.08.03.07   | IV                       |                                 | UDCNTHC                             | Anh B            |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
|     | XVI  | TRẠM Y TẾ XÃ TƯỜNG THUỜNG            |            |                       |       |             |                        |                             |                             |              |                          |                                 |                                     |                  |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
|     | 1    | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |            |                       |       |             |                        |                             |                             |              |                          |                                 |                                     |                  |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
| 132 | 1.1  | Đình Xuân Thủy                       | 06/9/1971  |                       | Mường | Trưởng trạm | 12/12                  | ĐH                          | Bác sĩ đa khoa              | V.08.01.03   | III                      | Trung cấp                       | UDCNTHC                             | Anh A2           |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
| 133 | 1.2  | Lò Thị Phương                        |            | 01/12/1982            | Thái  | Phó trạm    | 12/12                  | ĐH                          | CN Điều dưỡng               | V.08.05.12   | III                      | Sơ cấp                          | UDCNTHC                             | Anh B            |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
|     | 2    | Viên chức chuyên môn                 |            |                       |       |             |                        |                             |                             |              |                          |                                 |                                     |                  |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
| 134 | 2.1  | Ngô Quang Tuyền                      | 12/12/1983 |                       | Kinh  |             | 12/12                  | TC                          | Y sĩ                        | V.08.03.07   | IV                       |                                 | UDCNTHC                             | Tiếng Thái       |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |
| 135 | 2.2  | Đình Văn Huy                         | 11/9/1989  |                       | Mường |             | 12/12                  | TC                          | Y sĩ                        | V.08.03.07   | IV                       |                                 | UDCNTHC                             | Tiếng H'Mông     |                                           |              |                                         |           |              |                              |         |

| TT  |              | Họ và tên                                   | Ngày, tháng, năm sinh |            | Dân tộc | Chức vụ hoặc chức danh | Trình độ đào tạo và CDNN    |                             |                  |                          |                                 | Trình độ LLCT và Tin học, ngoại ngữ |                  |                                           | Đã bồi dưỡng chức danh lãnh đạo quản lý |                             |            |              |                               | Ghi chú |
|-----|--------------|---------------------------------------------|-----------------------|------------|---------|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|------------------|--------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------|------------|--------------|-------------------------------|---------|
|     |              |                                             | Nam                   | Nữ         |         |                        | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ đào tạo (cao nhất) | Chuyên ngành     | Mã chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp viên | Trình độ lý luận chính trị          | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ/tiếng dân tộc thiểu số | CC Hành nghề                            | Cấp huyệ n và tươn g đươn g | Cấp phòn g | Đơn vị SNC L | Cấp phòn g thuộc đơn vị SNC L |         |
|     | 1            | 2                                           | 3                     | 4          | 5       | 6                      | 7                           | 8                           | 9                | 10                       | 11                              | 12                                  | 13               | 14                                        | 15                                      | 16                          | 17         | 18           | 19                            |         |
| 136 | 2.3          | Lò Thị Ngu                                  |                       | 15/9/1982  | Thái    |                        | 12/12                       | ĐH                          | CN YTCC          | V.08.10.28               | III                             | Sơ cấp                              | UDCINTHC<br>R    | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 137 | 2.4          | Đinh Thị Quỳnh                              |                       | 18/11/1978 | Thái    |                        | 12/12                       | CĐ                          | ĐDCĐ             | V.08.05.13               | IV                              |                                     | UDCINTHC<br>P    | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | <b>XVII</b>  | <b>TRẠM Y TẾ XÃ TƯỜNG HẠ</b>                |                       |            |         |                        |                             |                             |                  |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | <b>1</b>     | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |                       |            |         |                        |                             |                             |                  |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 138 | 1.1          | Đinh Văn Hải                                | 10/02/1979            |            | Mường   | Trưởng trạm            | 12/12                       | ĐH                          | Bác sĩ đa khoa   | V.08.01.03               | III                             | Sơ cấp                              | UDCINTHC<br>R    | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 139 | 1.2          | Lò Thị Chuyên                               |                       | 09/4/1983  | Thái    | Phó trạm               | 12/12                       | ĐH                          | CN YTCC          | V.08.10.28               | III                             | Sơ cấp                              | UDCINTHC<br>P    | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | <b>2</b>     | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |                       |            |         |                        |                             |                             |                  |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 140 | 2.1          | Lò Thị Bình                                 |                       | 02/5/1973  | Thái    |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ SN          | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDCINTHC<br>R    | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 141 | 2.2          | Hà Thị Nguyệt                               |                       | 04/01/1987 | Thái    |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ             | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDCINTHC<br>R    | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 142 | 2.3          | Cầm Thuý Hoà                                |                       | 16/4/1974  | Thái    |                        | 12/12                       | TC                          | Hộ sinh TC       | V.08.06.16               | IV                              |                                     | UDCINTHC<br>P    | Tiếng H'Mông                              |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | <b>XVIII</b> | <b>TRẠM Y TẾ XÃ TƯỜNG TIẾN</b>              |                       |            |         |                        |                             |                             |                  |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | <b>1</b>     | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |                       |            |         |                        |                             |                             |                  |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 143 | 1.1          | Lường Văn Thương                            | 02/10/1966            |            | Thái    | Trưởng trạm            | 12/12                       | ĐH                          | Bác sĩ đa khoa   | V.08.01.03               | III                             | Sơ cấp                              | UDCINTHC<br>R    | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 144 | 1.2          | Hà Thị Hiệp                                 |                       | 14/7/1976  | Thái    | Phó trạm               | 12/12                       | ĐH                          | CN Điều dưỡng    | V.08.05.12               | III                             | sơ cấp                              | UDCINTHC<br>P    | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | <b>2</b>     | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |                       |            |         |                        |                             |                             |                  |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 145 | 2.1          | Đinh Thị Lê                                 |                       | 01/7/1988  | Tày     |                        | 12/12                       | ĐH                          | Bác sĩ đa khoa   | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDCINTHC<br>R    | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 146 | 2.2          | Trương Minh Thoan                           | 28/9/1986             |            | Kinh    |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ             | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDCINTHC<br>R    |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 147 | 2.3          | Đinh Thị Thiết                              |                       | 12/12/1978 | Mường   |                        | 12/12                       | CĐ                          | Hộ sinh CĐ       | V.08.06.16               | IV                              |                                     | UDCINTHC<br>R    | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 148 | 2.4          | Hà Hải Lâm                                  | 13/06/2000            |            | Thái    |                        | 12/12                       |                             | Cao đẳng dược    | V.08.10.29               | IV                              |                                     | UDCINTHC<br>P    | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | <b>XIX</b>   | <b>TRẠM Y TẾ XÃ TƯỜNG PHONG</b>             |                       |            |         |                        |                             |                             |                  |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | <b>1</b>     | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |                       |            |         |                        |                             |                             |                  |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 149 | 1.1          | Vi Văn Hoàng                                | 25/11/1963            |            | Thái    | Trưởng trạm            | 12/12                       | ĐH                          | Bác sĩ đa khoa   | V.08.01.03               | III                             | sơ cấp                              | UDCINTHC<br>R    | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 150 | 1.2          | Lường Thị Thắng                             |                       | 16/9/1978  | Thái    | Phó trạm               | 12/12                       | ĐH                          | CN Điều dưỡng    | V.08.05.12               | III                             |                                     | UDCINTHC<br>P    | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | <b>2</b>     | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |                       |            |         |                        |                             |                             |                  |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 151 | 2.1          | Nguyễn Thị Tịnh                             |                       | 21/12/1987 | Mường   |                        | 12/12                       | ĐH                          | Bác sĩ đa khoa   | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDCINTHC<br>R    | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 152 | 2.2          | Vi Thị Hương                                |                       | 05/6/1991  | Thái    |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ             | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDCINTHC<br>P    | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 153 | 2.3          | Cầm Thị Nua                                 |                       | 10/11/1973 | Thái    |                        | 12/12                       | SC                          | Hộ sinh SC       | 16.298                   | V                               |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 154 | 2.4          | Tòng Thị Pành                               |                       | 19/5/1986  | Thái    |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ             | V.08.10.29               | IV                              |                                     | UDCINTHC<br>P    | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | <b>XX</b>    | <b>TRẠM Y TẾ XÃ TÂN PHONG</b>               |                       |            |         |                        |                             |                             |                  |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | <b>1</b>     | <b>Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm)</b> |                       |            |         |                        |                             |                             |                  |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 155 | 1.1          | Mùi Đức Thuận                               | 03/7/1969             |            | Mường   | Trưởng trạm            | 12/12                       | ĐH                          | Bác sĩ đa khoa   | V.08.01.03               | III                             | Sơ cấp                              | UDCINTHC<br>R    | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 156 | 1.2          | Đinh Công Huy                               | 05/5/1986             |            | Mường   | Phó trạm               | 12/12                       | TC                          | DSV - YS Đa Khoa | V.08.10.29               | IV                              |                                     | UDCINTHC<br>P    | Tiếng H'Mông                              |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | <b>2</b>     | <b>Viên chức chuyên môn</b>                 |                       |            |         |                        |                             |                             |                  |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 157 | 2.1          | Đinh Văn Dương                              | 09/9/1984             |            | Mường   |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ YHCT        | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDCINTHC<br>R    | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 158 | 2.2          | Mùi Thị Diệu                                |                       | 10/7/1978  | Mường   |                        | 12/12                       | TC                          | ĐDTC             | V.08.05.13               | IV                              |                                     | UDCINTHC<br>P    | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |

| TT  |       | Họ và tên                            | Ngày, tháng, năm sinh |            | Dân tộc | Chức vụ hoặc chức danh | Trình độ đào tạo và CDNN    |                             |                |                          |                                 | Trình độ LLCT và Tin học, ngoại ngữ |                  |                                           | Đã bồi dưỡng chức danh lãnh đạo quản lý |                             |            |              |                               | Ghi chú |
|-----|-------|--------------------------------------|-----------------------|------------|---------|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|----------------|--------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------|------------|--------------|-------------------------------|---------|
|     |       |                                      | Nam                   | Nữ         |         |                        | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ đào tạo (cao nhất) | Chuyên ngành   | Mã chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp viên | Trình độ lý luận chính trị          | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ/tiếng dân tộc thiểu số | CC Hành nghề                            | Cấp huyệ n và tươn g đươn g | Cấp phòn g | Đơn vị SNC L | Cấp phòn g thuộc đơn vị SNC L |         |
|     | 1     | 2                                    | 3                     | 4          | 5       | 6                      | 7                           |                             | 8              | 9                        | 10                              | 11                                  | 12               | 13                                        | 14                                      | 15                          | 16         | 17           | 18                            | 19      |
|     | XXI   | TRẠM Y TẾ XÃ NAM PHONG               |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | 1     | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 159 | 1.1   | Mùi Văn Đông                         | 05/11/1986            |            | Mường   | Phó trạm               | 12/12                       | TC                          | Y sĩ           | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDC NTHC B       | Tiếng H'Mông                              |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | 2     | Viên chức chuyên môn                 |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 160 | 2.1   | Thào A Trang                         | 05/01/1991            |            | H'mông  |                        | 12/12                       | ĐH                          | Bác sĩ đa khoa | V.08.01.03               | III                             |                                     | UDC NTHC B       | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 161 | 2.2   | Đình Thị Thoa                        |                       | 18/10/1983 | Mường   |                        | 12/12                       | TC                          | CN YTCC        | V.08.10.28               | III                             |                                     | UDC NTHC B       | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 162 | 2.3   | Giàng A Câu                          | 15/06/1986            |            | H'mông  |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ           | V.08.10.29               | IV                              |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 163 | 2.4   | Mùi Văn Việt                         | 06/02/1988            |            | Mường   |                        | 12/12                       | CĐ                          | ĐDCĐ           | V.08.05.13               | IV                              |                                     | Tin học B        | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | XXII  | TRẠM Y TẾ XÃ BẮC PHONG               |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | 1     | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 164 | 1.1   | Mùi Văn Thuận                        | 12/7/1970             |            | Mường   | Phó trạm               | 12/12                       | TC                          | Y sĩ SN        | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDC NTHC B       | Tiếng H'Mông                              |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | 2     | Viên chức chuyên môn                 |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 165 | 2.1   | Sa Văn Phương                        | 26/9/1980             |            | Dao     |                        | 12/12                       | ĐH                          | Bác sĩ đa khoa | V.08.01.03               | III                             |                                     | UDC NTHC B       | Tiếng H'Mông                              |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 166 | 2.2   | Lường Thị Hiền                       |                       | 07/5/1986  | Thái    |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ           | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDC NTHC B       | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 167 | 2.3   | Cầm Thị Hiền                         |                       | 07/6/1980  | Thái    |                        |                             | ĐH                          | CN Điều dưỡng  | V.08.03.12               | III                             | sơ cấp                              | UDC NTHC B       | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 168 | 2.4   | Mùi Thị Hà                           |                       | 01/4/1989  | Mường   |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ           | V.08.10.29               | IV                              |                                     | UDC NTHC B       | Tiếng H'Mông                              |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 169 | 2.5   | Mùi Ngọc Bình                        | 05/09/2000            |            | Mường   |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ           | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDC NTHC B       |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | XXIII | TRẠM Y TẾ XÃ ĐÁ ĐỎ                   |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | 1     | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 170 | 1.1   | Đình Văn Cường                       | 20/9/1984             |            | Mường   | Phó trạm               | 12/12                       | ĐH                          | CNĐD           | V.08.05.13               | IV                              |                                     | UDC NTHC B       | Tiếng H'Mông                              |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | 2     | Viên chức chuyên môn                 |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 171 | 2.1   | Mùa A Chìa                           | 06/11/1993            |            | H'mông  |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ           | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDC NTHC B       | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 172 | 2.2   | Đình Xuân Thành                      | 21/9/1986             |            | Mường   |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ           | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDC NTHC B       | Tiếng H'Mông                              |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 173 | 2.3   | Đình Thị Mạnh                        |                       | 29/6/1980  | Mường   |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ           | V.08.10.29               | IV                              | Sơ cấp                              | UDC NTHC B       | Tiếng H'Mông                              |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | XIV   | TRẠM Y TẾ XÃ SẬP XA                  |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | 1     | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 174 | 1.1   | Lường Thị Quyết                      |                       | 29/10/1979 | Thái    | Trưởng trạm            | 12/12                       | ĐH                          | Bác sĩ đa khoa | V.08.01.03               | III                             | Sơ cấp                              | UDC NTHC B       | Anh C                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 175 | 1.2   | Lê Thị Hải                           |                       | 14/9/1985  | Thái    | Phó trạm               | 12/12                       | TC                          | Y sĩ           | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDC NTHC B       | Tiếng H'Mông                              |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | 2     | Viên chức chuyên môn                 |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 176 | 2.1   | Thào A Xà                            | 07/3/1971             |            | H'mông  |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ           | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDC NTHC B       | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 177 | 2.2   | Vì Thị Nghĩa                         |                       | 14/02/1989 | Mường   |                        | 12/12                       | CĐ                          | Hộ sinh CĐ     | V.08.06.16               | IV                              |                                     | UDC NTHC B       | Anh A2, Tiếng H'mông                      |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 178 | 2.3   | Lường Thị Dũng                       |                       | 08/8/1986  | Thái    |                        | 12/12                       | ĐH                          | CN YTCC        | V.08.10.28               | III                             |                                     | UDC NTHC B       | Anh A2                                    |                                         |                             |            |              |                               |         |
| 179 | 2.4   | Cầm Mạnh Tú                          | 27/7/1998             |            | Thái    |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ           | V.08.03.07               | IV                              |                                     | UDC NTHC B       | Anh B                                     |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | XV    | TRẠM Y TẾ XÃ KIM BON                 |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |
|     | 1     | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                                 |                                     |                  |                                           |                                         |                             |            |              |                               |         |



| TT  |                           | Họ và tên                            | Ngày, tháng, năm sinh |            | Dân tộc | Chức vụ hoặc chức danh | Trình độ đào tạo và CDNN    |                             |                |                          |                            | Trình độ LLCT và Tin học, ngoại ngữ |                  |                                           | Đã bồi dưỡng chức danh lãnh đạo quản lý |                            |            |              |                               | Ghi chú |
|-----|---------------------------|--------------------------------------|-----------------------|------------|---------|------------------------|-----------------------------|-----------------------------|----------------|--------------------------|----------------------------|-------------------------------------|------------------|-------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------|------------|--------------|-------------------------------|---------|
|     |                           |                                      | Nam                   | Nữ         |         |                        | Trình độ giáo dục phổ thông | Trình độ đào tạo (cao nhất) | Chuyên ngành   | Mã chức danh nghề nghiệp | Hạng chức danh nghề nghiệp | Trình độ lý luận chính trị          | Trình độ Tin học | Trình độ ngoại ngữ/tiếng dân tộc thiểu số | CC Hành nghề                            | Cấp huyện và tươn g đươn g | Cấp phòn g | Đơn vị SNC L | Cấp phòn g thuộc đơn vị SNC L |         |
|     | 1                         | 2                                    | 3                     | 4          | 5       | 6                      | 7                           |                             | 8              | 9                        | 10                         | 11                                  | 12               | 13                                        | 14                                      | 15                         | 16         | 17           | 18                            | 19      |
| 180 | 1.1                       | Triệu Văn Vạng                       | 28/6/1968             |            | Dao     | Trưởng trạm            | 12/12                       | ĐH                          | Bác sĩ đa khoa | V.08.01.03               | III                        | Sơ cấp                              | UDC NTHC B       | Anh B                                     |                                         |                            |            |              |                               |         |
| 181 | 1.2                       | Phùng Thị Nghĩa                      |                       | 16/3/1984  | Mường   | Phó trạm               | 12/12                       | CĐ                          | Hộ sinh CĐ     | V.08.06.16               | IV                         |                                     | UDC NTHC B       | Tiếng H'Mông                              |                                         |                            |            |              |                               |         |
|     | 2                         | Viên chức chuyên môn                 |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                            |                                     |                  |                                           |                                         |                            |            |              |                               |         |
| 182 | 2.1                       | Lò Thùy Dung                         |                       | 01/4/1990  | Thái    |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ           | V.08.03.07               | IV                         |                                     | UDC NTHC B       | Anh A2                                    |                                         |                            |            |              |                               |         |
| 183 | 2.2                       | Đình Ngọc Hiếu                       | 02/4/1992             |            | Mường   |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ           | V.08.03.07               | IV                         |                                     | UDC NTHC B       | Anh B                                     |                                         |                            |            |              |                               |         |
| 184 | 2.3                       | Lò Thị Hậu                           |                       | 06/02/1972 | Thái    |                        | 12/12                       | TC                          | Dược sĩ TH     | V.08.08.23               | IV                         |                                     | UDC NTHC B       | Anh B                                     |                                         |                            |            |              |                               |         |
| 185 | 2.4                       | Giàng A Câu                          | 26/5/1985             |            | Mông    |                        | 12/12                       | TC                          | DSV TC (Y sĩ)  | 16b.122                  | V                          |                                     | UDC NTHC B       | Anh B                                     |                                         |                            |            |              |                               |         |
| 186 | 2.5                       | Sông A Lâu                           | 16/12/1999            |            | H'mông  |                        | 12/12                       | ĐH                          | CN Điều dưỡng  | V.08.05.13               | IV                         |                                     | UDC NTHC B       | Anh A2                                    |                                         |                            |            |              |                               |         |
|     | XVI TRẠM Y TẾ XÃ SUỐI BÀU |                                      |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                            |                                     |                  |                                           |                                         |                            |            |              |                               |         |
|     | 1                         | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                            |                                     |                  |                                           |                                         |                            |            |              |                               |         |
| 187 | 1.1                       | Nguyễn Thị Sơn                       |                       | 30/01/1972 | Thái    | Trưởng trạm            | 12/12                       | ĐH                          | Bác sĩ đa khoa | V.08.01.03               | III                        | Sơ cấp                              | UDC NTHC B       | Anh C                                     |                                         |                            |            |              |                               |         |
| 188 | 1.2                       | Sông A Giồng                         | '08/8/1968            |            | H'mông  | Phó trạm               | 12/12                       | TC                          | Y sĩ           | V.08.03.07               | IV                         |                                     | UDC NTHC B       | Anh B2                                    |                                         |                            |            |              |                               |         |
|     | 2                         | Viên chức chuyên môn                 |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                            |                                     |                  |                                           |                                         |                            |            |              |                               |         |
| 189 | 2.1                       | Lường Thị Tâm                        |                       | 04/11/1990 | Thái    |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ           | V.08.03.07               | IV                         |                                     | UDC NTHC B       | Anh B2                                    |                                         |                            |            |              |                               |         |
| 190 | 2.2                       | Đình Thị Tách                        |                       | 13/3/1969  | Mường   |                        | 12/12                       | TC                          | Hộ sinh TC     | V.08.06.16               | IV                         | Sơ cấp                              | UDC NTHC B       | Anh B3                                    |                                         |                            |            |              |                               |         |
| 191 | 2.3                       | Sông A Ly                            | 16/4/1986             |            | H'mông  |                        | 12/12                       | TC                          | ĐDTTC          | V.08.05.13               | IV                         |                                     | UDC NTHC B       | Anh B                                     |                                         |                            |            |              |                               |         |
| 192 | 2.4                       | Thào A Chìa                          | 14/10/1990            |            | H'mông  |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ           | V.08.10.29               | IV                         |                                     | UDC NTHC B       | Tiếng H'Mông                              |                                         |                            |            |              |                               |         |
|     | XVII TRẠM Y TẾ XÃ SUỐI TỌ |                                      |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                            |                                     |                  |                                           |                                         |                            |            |              |                               |         |
|     | 1                         | Viên chức quản lý (Trưởng, phó trạm) |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                            |                                     |                  |                                           |                                         |                            |            |              |                               |         |
| 193 | 1.1                       | Hà Việt Hùng                         | 29/8/1990             |            | Thái    | Trưởng trạm            | 12/12                       | ĐH                          | Bác sĩ đa khoa | V.08.01.03               | III                        | Sơ cấp                              | UDC NTHC B       | Anh A2, Tiếng H'mông                      |                                         |                            |            |              |                               |         |
| 194 | 1.2                       | Sông A Dơ                            | 05/7/1978             |            | H'mông  | Phó trạm               | 12/12                       | TC                          | Y sĩ           | V.08.03.07               | IV                         |                                     | UDC NTHC B       | Anh A2                                    |                                         |                            |            |              |                               |         |
|     | 2                         | Viên chức chuyên môn                 |                       |            |         |                        |                             |                             |                |                          |                            |                                     |                  |                                           |                                         |                            |            |              |                               |         |
| 195 | 2.1                       | Sông Thị Chi                         |                       | 05/12/1986 | H'mông  |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ           | V.08.03.07               | IV                         |                                     | UDC NTHC B       | Anh A2                                    |                                         |                            |            |              |                               |         |
| 196 | 2.2                       | Đình Thị Mai                         |                       | 13/02/1986 | Thái    |                        | 12/12                       | TC                          | ĐDTTC          | V.08.05.13               | IV                         |                                     | UDC NTHC B       | Tiếng H'Mông                              |                                         |                            |            |              |                               |         |
| 197 | 2.3                       | Sông A Xúa                           | 06/4/1990             |            | H'mông  |                        | 12/12                       | TC                          | Y sĩ           | V.08.03.07               | IV                         |                                     | UDC NTHC B       | Tiếng H'Mông                              |                                         |                            |            |              |                               |         |
| 198 | 2.4                       | Cầm Thị Hào                          |                       | 12/10/1974 | Thái    |                        | 12/12                       | TC                          | Hộ sinh TC     | V.08.06.16               | IV                         |                                     | UDC NTHC B       | Tiếng H'Mông                              |                                         |                            |            |              |                               |         |
| 199 | 2.5                       | Vàng A Sáy                           | 13/4/1988             |            | Mông    |                        | 12/12                       | SC                          | Y tá sơ cấp    | 16b.122                  | V                          |                                     | UDC NTHC B       | Anh A2                                    |                                         |                            |            |              |                               |         |